

DỰ THẢO

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Bình Thuận, tháng 06 năm 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN
(Giai đoạn: 2020-2024)

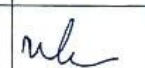
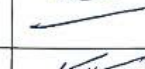
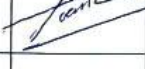
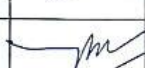
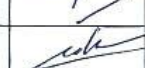
**(Theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo ban hành về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
các trình độ của giáo dục đại học)**

Tài liệu lưu hành nội bộ của Trường Đại học Phan Thiết và sử dụng phục vụ
hoạt động đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Trường.

Bình Thuận, tháng 6 năm 2025

Danh sách thành viên Hội đồng Tự đánh giá:

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KẾ TOÁN
(Kèm theo Quyết định số 70/QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS. Võ Khắc Thường	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Đinh Phi Hồ	Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy Trường	Phó Chủ tịch	
3	TS. Nguyễn Hữu Quyền	Trưởng Khoa Tài chính - Kế toán - Ngân hàng (TC-KT-NH)	Phó Chủ tịch	
4	ThS. Nguyễn Thị Toàn	Phó Trưởng Khoa TC- KT-NH	Thành viên	
5	ThS. Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế (KT-ĐBCL-TT&PC)	Thành viên- Thư ký	
6	ThS. Bùi Thị Nhân	Phó trưởng bộ môn, Khoa TC-KT-NH	Thành viên	
7	ThS. Trần Thị Hồng Diễm	Giảng viên Khoa TC- KT-NH	Thành viên	
8	ThS. Lê Thị Tú Trinh	Giảng viên Khoa TC- KT-NH	Thành viên	
9	TS. Võ Khắc Trường Thi	Trưởng phòng Quản lý đào tạo (QLĐT)	Thành viên	
10	ThS. Lê Anh Linh	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC)	Thành viên	
11	TS. Trần Tinh	Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT)	Thành viên	
12	ThS. Nguyễn Như Trường	Trưởng phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp (CTCTSV&HTDN)	Thành viên	
13	Nguyễn Ngọc Trúc Vy	Đại diện Sinh viên ngành Kế toán	Thành viên	

(Danh sách gồm có 13 người).

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Phần I. KHÁI QUÁT	5
1. Đặt vấn đề	5
2. Tổng quan chung	9
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	14
Tiêu chuẩn 1	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1	14
Tiêu chí 1.2	18
Tiêu chí 1.3	22
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	24
Tiêu chuẩn 2	25
Mở đầu	25
Tiêu chí 2.1	25
Tiêu chí 2.2	28
Tiêu chí 2.3	30
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	32
Tiêu chuẩn 3	33
Mở đầu	33
Tiêu chí 3.1	33
Tiêu chí 3.2	39
Tiêu chí 3.3	42
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	46
Tiêu chuẩn 4	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 4.1	47
Tiêu chí 4.2	49
Tiêu chí 4.3	52
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	54
Tiêu chuẩn 5	55
Mở đầu	55
Tiêu chí 5.1	56
Tiêu chí 5.2	59
Tiêu chí 5.3	62
Tiêu chí 5.4	65
Tiêu chí 5.5	67
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	69
Tiêu chuẩn 6	70
Mở đầu	70
Tiêu chí 6.1	70
Tiêu chí 6.2	74
Tiêu chí 6.3	78

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 6.4	81
Tiêu chí 6.5	85
Tiêu chí 6.6	89
Tiêu chí 6.7	93
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	97
Tiêu chuẩn 7	98
Mở đầu	98
Tiêu chí 7.1	99
Tiêu chí 7.2	101
Tiêu chí 7.3	104
Tiêu chí 7.4	107
Tiêu chí 7.5	112
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	115
Tiêu chuẩn 8	116
Mở đầu	116
Tiêu chí 8.1	117
Tiêu chí 8.2	121
Tiêu chí 8.3	125
Tiêu chí 8.4	129
Tiêu chí 8.5	134
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	136
Tiêu chuẩn 9	137
Mở đầu	137
Tiêu chí 9.1	138
Tiêu chí 9.2	140
Tiêu chí 9.3	142
Tiêu chí 9.4	144
Tiêu chí 9.5	146
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	148
Tiêu chuẩn 10	150
Mở đầu	150
Tiêu chí 10.1	150
Tiêu chí 10.2	153
Tiêu chí 10.3	155
Tiêu chí 10.4	157
Tiêu chí 10.5	160
Tiêu chí 10.6	164
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	167
Tiêu chuẩn 11	168
Mở đầu	168
Tiêu chí 11.1	168
Tiêu chí 11.2	172
Tiêu chí 11.3	175
Tiêu chí 11.4	179

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 11.5	183
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	187
Phần III. KẾT LUẬN	188
1. Tóm tắt những điểm mạnh	188
2. Tóm tắt những điểm tồn tại	192
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến	194
4. Tổng hợp kết quả TĐG	197
Phần IV. PHỤ LỤC	200

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Ý nghĩa thay thế
1	BGH	Ban Giám hiệu
2	BLQ	Bên liên quan
3	CBGVNV	Cán bộ, giảng viên, nhân viên
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	CĐR	Chuẩn đầu ra
6	CNTT	Công nghệ thông tin
7	CSVC	Cơ sở vật chất
8	CTDH	Chương trình dạy học
9	CTĐT	Chương trình đào tạo
10	ĐCHP	Đề cương chi tiết học phần
11	ĐH	Đại học
12	GDDH	Giáo dục đại học
13	GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
14	GV	Giảng viên
15	HĐKH-ĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo
16	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
17	KTX	Ký túc xá
18	NCKH	Nghiên cứu khoa học
19	P. CTCTSV&HTDN	Phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp
20	GS, PGS	Giáo sư, Phó giáo sư
21	P.KH-TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính
22	P. KT-ĐBCL-TT&PC	Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế
23	PPDH	Phương pháp dạy học
24	P. QLKH&HTQT	Phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế
25	P. TC-HC	Phòng Tổ chức - Hành chính
26	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
27	P. QLĐT	Quản lý đào tạo
28	TC-KT-NH	Tài chính - Kế toán - Ngân hàng
29	ThS	Thạc sĩ
30	TKB	Thời khoá biểu
31	TĐG	Tự đánh giá
32	THPT	Trung học phổ thông
33	TTTT&QTM	Thông tin truyền thông và quản trị mạng
34	SV	Sinh viên
35	UPT	University of Phan Thiết – Tên giao dịch viết tắt của Trường Đại học Phan Thiết

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT

Khoa TC-KT-NH tiến hành tự đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân ngành Kế toán theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT. Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Cục quản lý chất lượng về tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT là công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán bao gồm 04 phần.

Phần I. Khái quát: Là phần tóm tắt cấu trúc, nội dung chính của báo cáo tự đánh giá, mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ đánh giá và mô tả ngắn gọn về UPT và Khoa TC-KT-NH.

Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí: Gồm 50 tiêu chí/11 tiêu chuẩn theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT. Mỗi tiêu chuẩn được trình bày đầy đủ theo cấu trúc nội dung như sau:

Tiêu chuẩn...

Mở đầu:...

Tiêu chí.....: Mỗi tiêu chí được trình bày theo 5 nội dung:

1. Mô tả hiện trạng:...

2. Điểm mạnh:...

3. Điểm tồn tại:...

4. Kế hoạch hành động:...

5. Tự đánh giá:...

Kết luận về tiêu chuẩn

Phần III. Kết luận: Là phần tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại, kế hoạch hành động cải tiến chất lượng CTĐT, tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT.

Phần IV. Phụ lục: Gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng của CTĐT, Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Kế hoạch TĐG, Danh mục minh chứng.

Báo cáo TĐG CTĐT ngành Kế toán có Danh mục minh chứng đi kèm, được đề riêng ở một phụ lục. Trong Danh mục minh chứng, các tiêu chí/ tiêu chuẩn đều có một hệ thống minh chứng đi kèm. Cách mã hóa thông tin, minh chứng trong Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán như sau:

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi gồm 11 ký tự: theo công thức sau: ***Hn.ab.cd.ef***. Trong đó:

H: viết tắt của “Hộp minh chứng”

n: số thứ tự của Hộp minh chứng (có giá trị từ 1 đến 11)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 của các tiêu chuẩn viết 01).

ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí gồm 2 chữ số.

Ví dụ: **[H1.01.01.02]** - Minh chứng thứ 02 của tiêu chí 1, thuộc tiêu chuẩn 1, ở hộp 1.

Trong file Danh mục minh chứng của Báo cáo TĐG CTĐT ngành Kế toán có đính kèm đường link Hồ sơ minh chứng online ngành Kế toán. Trong đó, mỗi tiêu chuẩn được tổ chức thành một tệp, bên trong tệp Tiêu chuẩn có các tệp Tiêu chí, trong mỗi tệp Tiêu chí có các tệp hoặc file minh chứng riêng, được đặt tên theo đúng Mã minh chứng trong Danh mục minh chứng.

b) Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

- Mục đích tự đánh giá

Giúp Khoa TC-KT-NH tự xem xét, nghiên cứu các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GDĐT ban hành, tự rà soát mọi hoạt động, đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện CTĐT, các yếu tố tác động đến chất lượng đào tạo cử nhân Kế toán của Khoa. Trong quá trình tự xem xét, đánh giá, Khoa nhận định được những điểm mạnh và phát hiện được điểm tồn tại, từ đó đưa ra kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT cử nhân Kế toán, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan. Đây cũng là cơ sở để Khoa đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu

chuẩn chất lượng CTĐT cử nhân Kế toán. Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD đối với Nhà trường, với xã hội và các bên liên quan.

- Quy trình tự đánh giá CTĐT

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau:

- + Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
- + Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;
- + Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- + Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;
- + Bước 5: Công bố nội bộ dự thảo BCTĐG và tiếp tục hoàn thiện BCTĐG;
- + Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá như: Lưu trữ và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động cải tiến chất lượng trong Báo cáo tự đánh giá; Báo cáo Cục QLCL - Bộ GDĐT;

Và tiếp tục đăng ký đánh giá ngoài để kiểm định chất lượng CTĐT theo chỉ đạo của lãnh đạo Trường.

- Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 và theo hướng dẫn của công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019; các tài liệu quy định và hướng dẫn khác như Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng và công văn 774 /QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

- Phương pháp và quá trình tổ chức triển khai tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Kế toán được thành lập gồm có 13 thành viên (*gồm đại diện BGH, lãnh đạo và giảng viên Khoa TC-KT-NH, đại diện các phòng ban, đoàn thể và đại diện sinh viên ngành Kế toán*). Giúp việc cho Hội

đồng TĐG là Ban thư ký gồm 19 thành viên (*gồm GVCBNV của Khoa TC-KT-NH, một số CBNV Phòng QLĐT, Phòng TC-HC, Phòng KH-TC, Phòng CTCTSV&HTDN, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng QLKH&HTQT,...*) được tổ chức thành 4 nhóm chuyên trách tham gia chính vào quá trình viết báo cáo TĐG. Báo cáo TĐG các phiên bản luôn được thông qua ý kiến của Hội đồng TĐG, các bên liên quan trong Trường, phiên bản cuối được công khai đến các BLQ, người học của Trường góp ý.

+ Nhóm 1: phụ trách các tiêu chuẩn 1, 2, 3 (về mục tiêu, CĐR, bản mô tả, cấu trúc và nội dung CTĐT) do ThS. Bùi Thị Nhân – Phó trưởng bộ môn làm Trưởng nhóm; có sự tham gia của Phó trưởng phòng QLĐT;

+ Nhóm 2: phụ trách các tiêu chuẩn 4, 5, 10 (về phương pháp tiếp cận trong dạy và học, đánh giá KQHT của người học, nâng cao chất lượng) do ThS. Nguyễn Thị Toàn – Phó Trưởng khoa làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên Phòng QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC;

+ Nhóm 3: phụ trách các tiêu chuẩn 6, 7, 9 (Đội ngũ GV, nghiên cứu viên, đội ngũ nhân viên, CSVC và trang thiết bị) do ThS. Trần Thị Hồng Diễm – GV Khoa TC-KT-NH làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên Phòng TC-HC, thư viện, Phòng KH-TC, Phòng QLKH&HTQT;

+ Nhóm 4: phụ trách các tiêu chuẩn 8, 11 (Người học và hoạt động hỗ trợ người học, kết quả đầu ra) do ThS. Trần Thị Hồng Diễm – GV Khoa TC-KT-NH làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC; Phòng CTCTSV&HTDN;

Khoa TC-KT-NH đã lập kế hoạch chi tiết để tổ chức đánh giá CTĐT ngành Kế toán, tiến hành họp toàn Khoa và các thành viên các nhóm chuyên trách để phổ biến kế hoạch và phân công công việc cụ thể như: Phân công thư ký phụ trách đầu mỗi tập hợp tình hình thực hiện của các nhóm, mỗi nhóm phân công cá nhân phụ trách chính mỗi tiêu chuẩn; Phân tích tìm hiểu tiêu chí; các thành viên hỗ trợ thu thập minh chứng; Viết báo cáo tự đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn; sau đó Lãnh đạo Khoa rà soát lại và viết dự thảo báo cáo tổng hợp để Hội đồng tự đánh giá có ý kiến và phê duyệt dự thảo báo cáo và triển khai các bước tiếp theo. Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán được thực hiện từ tháng 02/2025 đến tháng 6/2025. Báo cáo sẽ tiếp tục được cập nhật,

bổ sung sau khi thẩm định để đăng ký đánh giá ngoài CTĐT cử nhân ngành Kế toán.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Phan Thiết (UPT)

Trường Đại học Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 25/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ và được giao nhiệm vụ đào tạo đa ngành và đa trình độ nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trí tuệ, bản lĩnh, sáng tạo cho vùng Nam trung bộ nói riêng và cả nước nói chung. Trường Đại học Phan Thiết (tên tiếng Anh là University of Phan Thiet, tên giao dịch viết tắt là UPT) là trường đại học duy nhất hiện nay của tỉnh Bình Thuận, có diện tích đất hiện nay là 119.875,9 m², tại khu phố 5, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Website: <http://www.upt.edu.vn>.

Sứ mạng:

Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp, tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và khu vực. Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và quản lý khoa học công nghệ ứng dụng, phục vụ nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận và cả nước. Xúc tiến các hoạt động xã hội PVCD trong tỉnh Bình Thuận và cả nước.

Tầm nhìn:

UPT phấn đấu đến năm 2030 trở thành đại học có uy tín, chất lượng và sáng tạo; được kiểm định chất lượng quốc gia và khu vực; có mạng lưới quan hệ hợp tác rộng rãi, đa ngành trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi:

Giá trị cốt lõi của Trường là: "Nhân văn – Hội nhập – Phát triển bền vững".

Mục tiêu:

Trường xác định mục tiêu đào tạo định hướng ứng dụng nghề nghiệp với triết lý giáo dục “Thực học - Thực nghiệp - Học suốt đời để làm việc suốt đời”, đa dạng các lĩnh vực đào tạo. Mục tiêu giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến 2040 của Trường với các nội dung chính là: Đẩy mạnh công tác tuyển sinh và đào tạo, mở thêm đa dạng các

ngành học mới hệ đại học và thạc sĩ, phấn đấu mở được ngành đào tạo tiến sĩ; tăng quy mô đào tạo; kết hợp phương thức đào tạo Elearning; Đẩy mạnh NCKH trong GV và SV: 100% GV cơ hữu tham gia NCKH, đảm bảo mỗi GV có ít nhất 2 bài báo trong 1 năm học, các sản phẩm về KHCN có khả năng ứng dụng và triển khai, có hiệu quả về mặt kinh tế-xã hội, xây dựng và phát triển tạp chí khoa học của Trường; Có các đối tác hợp tác lâu dài ở địa phương, trong và ngoài nước; Xây dựng và phát triển được đội ngũ CBGVNV có năng lực và trình độ cao; Có hệ thống CSVC, kỹ thuật đồng bộ và hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH; Các nguồn lực tài chính được phát triển trên cơ sở tự chủ tài chính, đảm bảo để thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra.

Sau hơn 15 năm hình thành và phát triển, UPT hiện nay đang có 9 Khoa chuyên môn, tổ chức đào tạo tổng cộng 15 ngành ở trình độ đại học gồm đa dạng các lĩnh vực như: Nhân văn, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Máy tính và công nghệ thông tin, Kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng, Sức khỏe, Du lịch, khách sạn; và 03 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ là Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, Luật kinh tế; Quy mô đào tạo là tính đến tháng 6/2025 là 2217 SV và 91 HV; Đội ngũ GV cơ hữu có 195 người, trong đó có 6,1% GS, PGS, 23,03% TS, 63,03% ThS, 7,84% DH; Đã xuất bản được Tạp chí khoa học UPT; đã phát triển được các đối tác hợp tác quốc tế; có mạng lưới hợp tác hơn 100 doanh nghiệp, nhà tuyển dụng lao động; Tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp đạt trên 90%, tỷ lệ hài lòng của doanh nghiệp đối với SV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị đạt trên 85%.

Các chính sách và hoạt động bảo đảm chất lượng

UPT cam kết kiểm soát chặt chẽ hệ thống ĐBCL bên trong, thường xuyên rà soát và cải tiến mọi mặt hoạt động nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt và ngày càng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan, cụ thể:

- Chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ GV, cán bộ quản lý và cán bộ hành chính có đủ số lượng, trình độ, phẩm chất và năng lực theo quy định của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội: Hằng năm, Phòng TC-HC hướng dẫn các đơn vị làm báo cáo rà soát, đánh giá tình hình và nhu cầu về tuyển dụng và bồi dưỡng đào tạo nhân sự. Nhà Trường vẫn đang tăng cường tuyển dụng và tạo điều kiện để CBGVNV tham gia các khóa học nâng cao trình độ và các

chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước;

- Đào tạo đáp ứng CDR theo Quy định của Bộ GDĐT, của Nhà trường và yêu cầu của các bên liên quan, nhất là Nhà tuyển dụng: Nhà trường định kỳ rà soát, cập nhật yêu cầu của nhà tuyển dụng và cập nhật các quy định của Bộ GDĐT để xây dựng các CDR và nội dung các CTĐT theo hướng tăng thực hành, thực tế và ngày càng đáp ứng hơn yêu cầu của các BLQ; Nhà trường tổ chức cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/1 lần một cách hệ thống. CTĐT từ khóa 2019 rút ngắn thời gian đào tạo còn 3,5 năm. Bộ CTĐT từ năm 2022 áp dụng cho khóa tuyển sinh 2022 được Nhà trường xây dựng phù hợp với Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài.

- Lấy người học làm trung tâm, luôn luôn quan tâm và tạo môi trường thuận lợi để người học tự do phát triển năng lực sáng tạo của mình: Trường tổ chức Hội nghị dạy tốt – Học tốt định kỳ hằng năm cho GV và SV; GV thường xuyên cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực chuyên môn và các kỹ năng của người học;

- Đầu tư đảm bảo CSVC, tăng cường ứng dụng CNTT vào dạy – học và quản lý đào tạo hướng đến tiếp cận và thích ứng với cuộc cách mạng công nghệ 4.0, tiếp cận với giáo dục khu vực và thế giới;

- Đẩy mạnh các hoạt động NCKH, PVCD trong SV và GV, trong đó GV là lực lượng nòng cốt: Nhà trường đang tích cực đẩy mạnh hoạt động NCKH như tăng cường kinh phí, cải tiến quy định về hoạt động NCKH cho GV và SV, với những chỉ tiêu cụ thể được giao, đồng thời có cơ chế giám sát và thúc đẩy, khuyến khích GV, SV tham gia NCKH;

- Tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác là các cơ sở giáo dục, tổ chức đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức NCKH trong và ngoài nước;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ đối với hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường để không ngừng cải tiến chất lượng;

- Phát triển văn hóa chất lượng, xây dựng ý thức kỷ luật, tinh thần tập thể, phát huy tiềm năng và sự cống hiến của mọi cá nhân, đơn vị thuộc Trường;

- Thực hiện tự đánh giá và KĐCLGD cấp Trường và cấp CTĐT định kỳ: UPT đã đạt kiểm định chất lượng CSGD theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành 2 chu kỳ, lần 1 năm 2019 và lần 2 vào ngày 10/01/2025 do Trung tâm KĐCLGD – ĐHQG Hà Nội công nhận; Đã đạt kiểm định chất lượng 8 CTĐT theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành vào năm 2021-2022 (*các CTĐT trình độ đại học Quản trị kinh doanh, Quản trị khách sạn, Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Anh, Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành, Tài chính – Ngân hàng, Luật kinh tế, và CTĐT trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh*) do Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh công nhận.

2.2. Giới thiệu về Khoa Tài chính – Kế toán – Ngân hàng

Được thành lập trên cơ sở sáp nhập giữa Khoa Kế toán và Khoa Tài chính - Ngân hàng theo quyết định số 162/QĐ-ĐHPT ngày 15/08/2018 của Chủ tịch HĐQT trường Đại học Phan Thiết. Khoa TC-KT-NH hiện đang đào tạo 02 ngành là Kế toán và Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học và tiếp tục phát triển các CTĐT. Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu của Khoa tính đến tháng 6/2025 có 23 CBGV cơ hữu, trong đó có 2 Tiến sĩ, 21 ThS. Ngoài ra, Khoa còn có một số GV thỉnh giảng là các GS, PGS, Tiến sĩ, Thạc sĩ có kinh nghiệm và uy tín cao từ các Viện nghiên cứu, các trường ĐH trong nước và các doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán kiểm toán, tài chính, ngân hàng tại TP. HCM trực tiếp tham gia giảng dạy và NCKH góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa.

Khoa TC-KT-NH thường xuyên củng cố, phát triển Tổ ĐBCL của Khoa và thực hiện đầy đủ các hoạt động ĐBCL chung của Trường và các hoạt động ĐBCL của Khoa, bộ môn đối với các CTĐT của Khoa phụ trách như:

- Rà soát, đánh giá và phát triển đội ngũ nhân lực của Khoa hằng năm, đảm bảo đáp ứng số lượng và chất lượng GV giảng dạy các CTĐT và đội ngũ cán bộ quản lý, cố vấn học tập hỗ trợ người học; Tạo điều kiện để CBGVNV của Khoa tham gia các khóa học nâng cao trình độ và các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ;

- Định kỳ rà soát, cập nhật, phát triển các CTĐT của Khoa quản lý theo kế hoạch chung của Trường; chú trọng tham khảo các yêu cầu của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để xây dựng các CTĐT theo hướng tăng cường thực hành, thực tế, cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực kế toán, tài chính, ngân hàng; 02 CTĐT ĐH Kế toán và

Tài chính - Ngân hàng của Khoa đã được xây dựng, vận hành từ năm 2009, đã qua các lần cập nhật CTĐT của Trường vào năm 2013, 2015, 2017, 2019, 2021, 2022, 2024. CTĐT từ khóa 2019 rút ngắn thời gian đào tạo còn 3,5 năm. CTĐT từ năm 2022 áp dụng cho khóa tuyển sinh 2022 được Nhà trường xây dựng theo Thông tư số 17/2021/TT- BGDDT;

- Tổ chức các chương trình sinh hoạt học thuật của Khoa, tham gia chương trình Dạy tốt – Học tốt của Trường, giúp cho GV đổi mới PPDH, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và phát triển năng lực tự học, sáng tạo của người học; cập nhật các phần mềm thực hành mới nhất từ các ngân hàng, doanh nghiệp để giảng dạy cho người học; Thực hiện đánh giá và cải tiến hình thức, phương pháp, đề thi kiểm tra đánh giá hằng năm theo kết quả học tập của người học;

- Cải tiến, biên soạn giáo trình tài liệu giảng dạy phục vụ cho các ngành đào tạo của Khoa, đáp ứng tốt hơn về tài liệu học tập cho người học;

- Khuyến khích các hoạt động NCKH đối với GV và SV trong Khoa. GV phải thực hiện tốt quy định của Trường về tiết nghĩa vụ NCKH và tích tham gia hướng dẫn SV thực hiện NCKH;

- Thực hiện các hoạt động cố vấn học tập, hỗ trợ người học trong suốt khóa học;

- Tăng cường hợp tác với các đơn vị, các doanh nghiệp, ngân hàng trong và ngoài Tỉnh và tổ chức các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập cho người học trong mỗi khóa học và giới thiệu việc làm cho SV;

- Định kỳ thực hiện sinh hoạt Khoa, sinh hoạt cố vấn học tập lấy ý kiến người học, trao đổi với các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức... phối hợp với các hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ do Trường tổ chức để không ngừng cải tiến chất lượng CTĐT và nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa đáp ứng sự hài lòng các BLQ;

- Thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng các CTĐT của Khoa theo quy định của Bộ GDĐT và của Trường. Khoa đã đạt kiểm định chất lượng 01 CTĐT trình độ ĐH ngành Tài chính - Ngân hàng theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành vào năm 2022 do Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh công nhận.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

Quá trình xây dựng mục tiêu và CĐR của CTĐT, Khoa đã bám sát tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và bảo đảm sự phù hợp với các mục tiêu chung của GDĐH theo quy định tại Luật GDĐH, đảm bảo phù hợp với khung trình độ quốc gia và các quy định hiện hành. Quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR có sự tham gia đóng góp ý kiến từ các BLQ. Mục tiêu và CĐR được rà soát định kỳ 2 năm/lần để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Nhà trường công khai toàn bộ thông tin về mục tiêu đào tạo và CĐR trên các kênh thông tin chính thức, giúp người học và các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT cử nhân ngành Kế toán đã được xây dựng và tổ chức đào tạo từ năm 2009. Đến nay, Trường/Khoa đã trải qua 7 lần xây dựng, cập nhật CTĐT một cách hệ thống. Bộ CTĐT 2019 áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2019 được Khoa, Trường xây dựng phù hợp với Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, có sự tham khảo CTĐT của các trường nước ngoài và trong nước và ý kiến góp ý của các BLQ [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]; CTĐT năm 2021 được điều chỉnh không thay đổi nhiều so với CTĐT 2019; CTĐT năm 2022 và đã được cập nhật thay đổi một số học phần phù hợp với thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đồng thời đáp ứng nhu cầu chung của các BLQ [H1.01.01.04].

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xác định rõ ràng qua mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT. Mục tiêu chung ngành Kế toán được xác định phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Điều 5 của Luật GDĐH “*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức,*

kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân” [H1.01.01.05].

Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; năng động và thích ứng với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực Kế toán; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự nghiên cứu để bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc. Mục tiêu này được thể hiện qua cấu trúc của CTĐT [H1.01.01.06].

Trên cơ sở mục tiêu chung của CTĐT, các mục tiêu cụ thể và CDR của CTĐT ngành Kế toán được thiết kế để từ đó xây dựng các mục tiêu cụ thể và CDR của các môn học thuộc CTĐT. Mục tiêu cụ thể thể hiện mong muốn của Trường về những nội dung mà CTĐT có thể mang lại cho người học gồm cả kiến thức, kỹ năng, thái độ [H1.01.01.07], được cập nhật theo nhu cầu của xã hội, thể hiện qua nội dung CTĐT qua các thời kỳ.

Mục tiêu cụ thể:

+ Về kiến thức:

Có sự hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực Khoa học cơ bản và kiến thức chung về khối ngành kinh tế.

Cử nhân Kế toán được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp; lập các báo cáo thuế, báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp; có nghiệp vụ kiểm toán, nghiệp vụ kiểm soát, hình thành ý kiến đánh giá và tư vấn cho nhà quản lý.

+ Về kỹ năng:

SV có kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết,

sổ kế toán tổng hợp; có kỹ năng lập các báo cáo thuế, báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp.

Kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp; kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành.

+ Về thái độ:

Có trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp; có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ năng lực và trách nhiệm tốt với công việc và nhận diện được vấn đề đạo đức, văn hóa nảy sinh trong mối quan hệ kinh doanh hỗ trợ việc kinh doanh lành mạnh. Có tinh thần tự học, và tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo. Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng quy định của tổ chức nơi làm việc, chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Kế toán đã cụ thể hóa tầm nhìn của Nhà trường là *"phấn đấu đến năm 2030 trở thành đại học có uy tín, chất lượng và sáng tạo; được kiểm định chất lượng quốc gia và khu vực; có mạng lưới quan hệ hợp tác rộng rãi, đa ngành trong nước và quốc tế"* và Sứ mạng của Trường là *"đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp, tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và khu vực. Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và quản lý khoa học công nghệ ứng dụng, phục vụ nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận và cả nước. Xúc tiến các hoạt động PVCD trong tỉnh Bình Thuận và cả nước"* [H1.01.01.08].

Mục tiêu CTĐT được xây dựng trên cơ sở khảo sát nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành nghề mà SV có thể làm sau khi ra trường (Căn cứ Chiến lược phát triển GD quốc gia, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường,...) [H1.01.01.06]. Với mục tiêu rõ ràng, CTĐT cử nhân ngành Kế toán được các nhà khoa học, GV có kinh nghiệm, các cán bộ quản lý trong và ngoài trường, đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia xây dựng một cách bài bản, thể hiện rõ ràng, cụ thể cấu trúc hợp lý và có hệ thống, đáp ứng yêu cầu về ma trận CĐR kỹ năng: như ma trận CĐR (Kỹ năng, kiến

thức, năng lực tự chủ và trách nhiệm), ma trận CDR các học phần, yêu cầu về năng lực mà người học có thể đạt được sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.08].

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như thông qua các phương tiện thông tin của Trường, của Khoa để cho SV, cựu SV, GV và các nhà tuyển dụng có thể tiếp cận như trên website Trường/Khoa, trong buổi sinh hoạt công dân đầu khóa học/năm học của Khoa [H1.01.01.09].

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu đào tạo đã được xây dựng rõ ràng gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, phù hợp với các quy định của Luật GDĐH, triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng của Trường. CDR ngành Kế toán được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại:

Chưa thực hiện đối sánh với các CTĐT tiên tiến tại các CSGD trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Đối sánh với các CTĐT trong nước và nước ngoài nhằm hoàn thiện CTĐT của ngành đảm bảo tính phát triển bền vững phù hợp với điều kiện hiện có.	- K.TC-KT-NH; - P.QLĐT	Theo định kỳ cập nhật CTĐT (2026)	
2.	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ, tiến hành rà soát, cập nhật mục tiêu đào tạo phù hợp với các quy định hiện hành, triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng của Trường.	- K.TC-KT-NH;	Theo chu kỳ cập nhật CTĐT (2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng:

CĐR của CTĐT ngành Kế toán được xây dựng phù hợp với sứ mạng tầm nhìn Nhà trường, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và xác định rõ ràng những kiến thức, kỹ năng và những phẩm chất, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà người học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT hướng đến mục tiêu trang bị cho SV kiến thức cơ bản vững chắc về tính toán và thống kê, ngoại ngữ, kiến thức xã hội; kiến thức vững chắc về cơ sở ngành và chuyên ngành, rèn luyện các kỹ năng mềm cùng các kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, đủ và phù hợp với nhu cầu xã hội, thái độ học tập và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, để khi ra trường SV có thể làm việc được ngay, lại vừa có thể học tiếp lên bậc cao hơn hoặc làm công tác nghiên cứu. Trong quá trình xây dựng CĐR của CTĐT, khoa TC-KT-NH đã tiến hành lấy ý kiến của các BLQ như nhà tuyển dụng, SV cuối khóa, cựu SV, GV,... để CĐR của CTĐT đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.02.03].

CĐR của CTĐT ngành Kế toán sau khi được phê duyệt, ban hành được công bố rộng rãi trên Website của Phòng QLĐT, của Khoa để SV, GV và những người quan tâm có thể tiếp cận và phổ biến cho SV vào đầu khóa học/năm học [H1.01.02.04].

CĐR của CTĐT cử nhân ngành Kế toán được mô tả rõ ràng trong CTĐT: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, triển vọng việc làm trong tương lai, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định được mục tiêu trong suốt quá trình giảng dạy và học tập [H1.01.02.03].

Bảng 1.2.1 Mô tả mối quan hệ giữa các mục tiêu và CĐR của CTĐT

Mục tiêu cụ thể (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (LOs)
<i>Kiến thức</i> PO1. Có sự hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam,	PLO1: Hiểu và vận dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, lý luận chính trị, kinh tế, quản lý và pháp luật.

Mục tiêu cụ thể (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (LOs)
tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực Khoa học cơ bản và kiến thức chung về khối ngành kinh tế. PO2. Cử nhân Kế toán được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp; lập các báo cáo thuế, báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp; có nghiệp vụ kiểm toán, nghiệp vụ kiểm soát, hình thành ý kiến đánh giá và tư vấn cho nhà quản lý.	PLO2: Hiểu và vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về kế toán, tài chính, kết hợp với kiến thức công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn và công tác điều hành, quản lý.
Kỹ năng PO3. SV có kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp; có kỹ năng lập các báo cáo thuế, báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp. PO4. Kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp; kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành.	PLO3: Ứng dụng kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề trong lĩnh vực kế toán, tài chính. PLO4: Ứng dụng kỹ năng tư duy phản biện, suy luận logic, xử lý các tình huống phát sinh và đánh giá chất lượng trong công việc. PLO5: Ứng dụng kỹ năng truyền đạt, khởi nghiệp, tự tạo việc làm phục vụ nghề nghiệp cho cá nhân và xã hội. PLO6: Sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong giao tiếp và chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, tài chính.
Thái độ PO5. Có trách nhiệm nghề nghiệp, tinh	Năng lực tự chủ và trách nhiệm PLO7: Làm việc độc lập và thích ứng

Mục tiêu cụ thể (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (LOs)
thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp; có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.	nhanh với môi trường làm việc. PLO8: Tổ chức, điều hành công việc một cách khoa học. PLO9: Ứng xử, giao tiếp và làm việc nhóm một cách hiệu quả. PLO10: Tư duy sáng tạo, giải quyết được các vấn đề nghiệp vụ liên quan đến kế toán, tài chính. PLO11: Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời; thực thi trách nhiệm với công việc và với xã hội, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.
<i>Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp</i> Sau khi tốt nghiệp, SV có thể đảm nhận những công việc sau: - Cử nhân Kế toán có thể làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về thuế, tài chính, kế toán kiểm toán. - Cử nhân Kế toán có thể làm việc trong các tập đoàn, tổng công ty, công ty đầu tư phát triển kế toán, các công ty kinh doanh dịch vụ kế toán; các ngân hàng và các tổ chức tài chính; ... cán bộ nghiên cứu và giảng dạy trong các viện nghiên cứu, các trường đại học. - Cử nhân Kế toán có nền tảng tốt để tiếp tục học lên bậc học cao hơn như Thạc sĩ, Tiến sĩ của Trường Đại học Phan Thiết, các trường đại học trong nước, các trường	<i>Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp</i> - Cử nhân Kế toán có thể làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về thuế, tài chính, kế toán kiểm toán. - Cử nhân Kế toán có thể làm việc trong các tập đoàn, tổng công ty, công ty đầu tư phát triển kế toán, các công ty kinh doanh dịch vụ kế toán; các ngân hàng và các tổ chức tài chính;... cán bộ nghiên cứu và giảng dạy trong các viện nghiên cứu, các trường đại học. - Cử nhân Kế toán có nền tảng tốt để tiếp tục học lên bậc học cao hơn như Thạc sĩ, Tiến sĩ của Trường Đại học Phan Thiết, các trường đại học trong nước, các trường ngoài nước hoặc các chương trình liên kết

Mục tiêu cụ thể (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (LOs)
ngoài nước hoặc các chương trình liên kết được cấp phép của Bộ GDĐT của các Trường Đại học trong nước với các trường Đại học nước ngoài. Cử nhân Kế toán có năng lực thăng tiến lên cấp quản trị cấp trung (sau 3 - 5 năm tích lũy kinh nghiệm làm việc).	được cấp phép của Bộ GDĐT của các Trường Đại học trong nước với các trường Đại học nước ngoài.

CĐR của CTĐT được cụ thể hóa thành CĐR của từng học phần trong CTĐT, tăng tính khả thi của các CĐR của CTĐT cũng như lý giải được giá trị của mỗi CĐR. Các CĐR này cũng được tổ chức dưới dạng các nhóm kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp vào việc thực hiện CĐR của CTĐT thể hiện qua ma trận kỹ năng trong CTĐT [H1.01.02.03], [H1.01.02.05].

2. Điểm mạnh:

CĐR ngành Kế toán được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại:

CĐR chưa phản ánh kịp thời, đầy đủ các yêu cầu từ các nhà tuyển dụng do chưa khảo sát được tất cả các nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện công cụ khảo sát về CĐR của CTĐT để tiến hành khảo sát định kỳ với quy mô toàn diện hơn khi thực hiện rà soát điều chỉnh CĐR.	K.TC-KT-NH; P.KT-ĐBCL-TT&PC	Thường xuyên (từ 2025-2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ thực hiện rà soát CDR của CTĐT bám sát các yêu cầu của khung trình độ quốc gia, các ý kiến đóng góp của các BLQ.	K.TC-KT-NH; P. QLĐT	Định kỳ 2 năm 1 lần (2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng:

Khi xây dựng CDR và CTĐT, Khoa TC-KT-NH thực hiện theo đúng các bước của Quy trình xây dựng CDR và CTĐT. Nhằm đảm bảo CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của Nhà trường và các BLQ, Khoa TC-KT-NH tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ, đặc biệt là nhà tuyển dụng về CDR của CTĐT cử nhân ngành Kế toán qua 2 giai đoạn: (1) khảo sát khi xây dựng CDR, CTĐT và (2) khảo sát khi CTĐT đang triển khai áp dụng để cập nhật, cải tiến [H1.01.03.01], [H1.01.03.02].

Khi xây dựng CDR và CTĐT, Khoa tiến hành khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực trình độ ĐH theo ngành đào tạo (*Quy hoạch phát triển nhân lực tại Phan Thiết, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường các giai đoạn*). Trong quá trình xây dựng CTĐT, Khoa đã tiến hành khảo sát và thu thập ý kiến của SV, cựu SV, Nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục hệ thống CDR, cấu trúc CTĐT được dự kiến bởi các nhà khoa học, các chuyên gia nổi tiếng trong lĩnh vực Kế toán. CDR được kết cấu dựa trên quá trình hệ thống hoá quan điểm của các bên liên quan sau khi khảo sát nhằm đưa ra một bảng danh mục CDR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như tính chất chuyên môn của lĩnh vực Kế toán. Việc lấy ý kiến nhà tuyển dụng được Khoa triển khai bằng nhiều hình thức như: phỏng vấn nhà tuyển dụng, phát phiếu khảo sát thông qua các ngày hội việc làm, qua các đợt liên hệ cho SV đi kiến tập, thực tập, ... Ngoài ra còn một số ý kiến đóng góp như: có kỹ năng thuyết trình các mảng công việc tài chính; có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh để áp dụng vào các hoạt

động trong lĩnh vực Kế toán, có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau,... Đây là những ý kiến được Khoa tham khảo để điều chỉnh CĐR trong các CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng, tăng cơ hội việc làm cho SV tốt nghiệp [H1.01.03.02], [H1.01.03.03], [H1.01.03.04].

Việc rà soát, điều chỉnh CĐR và nâng cao chất lượng CTĐT cử nhân ngành Kế toán được thực hiện định kỳ thông qua việc lấy ý kiến của các BLQ, sau đó họp HĐKH của Khoa đề xuất điều chỉnh cho HĐKH-ĐT Trường để có những hiệu chỉnh phù hợp [H1.01.03.05]. Nhà trường, Khoa đã thực hiện các lần rà soát thay đổi lớn vào năm 2019, 2021, 2022, 2024. Sau khi CĐR và CTĐT được ban hành và triển khai áp dụng, theo quy định, định kỳ 2 năm 1 lần, Khoa TC-KT-NH tiếp tục triển khai các bước của Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR và CTĐT. Qua các đợt điều chỉnh, Khoa TC-KT-NH đã thay thế một số học phần cho phù hợp với từng chuyên ngành của Khoa, tiến hành xây dựng lại khung CTĐT và bộ CĐR phù hợp với nhu cầu thực tiễn của thời đại CMCN 4.0, cập nhật các tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, chuẩn quốc tế mà CBGV Khoa đã tham khảo thể hiện qua bản mô tả CTĐT và ĐCHP [H1.01.03.01]. Việc rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT cũng đã góp phần làm tăng tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp khá giỏi, tăng tỷ lệ có việc làm của SV ngành Kế toán trong những năm gần đây.

CĐR và CTĐT ngành Kế toán sau khi điều chỉnh đã được hội đồng chuyên môn cấp Khoa, cấp Trường thông qua, nghiệm thu và được Trường phê chuẩn, ra quyết định thực hiện và được công bố công khai trên Website của Trường, của Khoa TC-KT-NH để các BLQ được biết [H1.01.03.06], [H1.01.03.07], [H1.01.03.08].

2. Điểm mạnh:

CĐR của CTĐT cử nhân ngành Kế toán được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện định kỳ theo quy định của Trường, trong đó có tiếp thu các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, cựu SV, các chuyên gia, và có tham khảo, đối sánh với các CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn lực của ngành Kế toán.

3. Điểm tồn tại:

Khoa TC-KT-NH đã tiến hành hoạt động tìm hiểu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhưng quy mô chưa lớn, hiệu quả còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa TC-KT-NH tiếp tục hoàn thiện công tác nghiên cứu nhu cầu của thị trường lao động, lấy ý kiến của các BLQ khi thiết kế CTĐT để đảm bảo cho CTĐT của Khoa đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.	K.TC-KT-NH; P.CTCTSV &QHĐN	Từ năm học 2025-2026)	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ thực hiện rà soát CĐR của CTĐT bám sát các yêu cầu của khung trình độ quốc gia, các ý kiến đóng góp của các BLQ. Ứng dụng CNTT truyền thông CĐR của CTĐT đến các BLQ về nội dung của CĐR.	K.TC-KT-NH; P. QLĐT; Ban TTTT &QTM	Định kỳ (từ 2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Mục tiêu CTĐT ngành Kế toán xác định rõ ràng theo hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực Kế toán; được xây dựng phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của GDDH.

CĐR ngành Kế toán được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của

CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT; được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện định kỳ theo quy định của Trường, trong đó có tiếp thu các ý kiến phản hồi các BLQ và có tham khảo, đối sánh với các CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn lực của ngành Kế toán.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

CĐR chưa phản ánh kịp thời, đầy đủ các yêu cầu từ các nhà tuyển dụng do sự tham gia của cựu người học và các nhà tuyển dụng trong việc xây dựng CĐR còn hạn chế. Khoa TC-KT-NH đã tiến hành hoạt động tìm hiểu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhưng hiệu quả còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, tiêu chuẩn 1 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu:

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán đầy đủ các nội dung theo quy định, được rà soát, cập nhật và điều chỉnh định kỳ 2 năm 1 lần (trừ trường hợp có những biến động lớn, cần điều chỉnh kịp thời) theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT và của Trường, phù hợp với mục tiêu chiến lược của Trường/ Khoa. Bản mô tả CTĐT xây dựng dựa trên nhu cầu của người học, nhu cầu nhân lực của xã hội và công bố công khai, giúp các BLQ dễ tiếp cận. Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán là tài liệu cung cấp các thông tin về cơ sở đào tạo; CTĐT; mã ngành đào tạo; thời gian đào tạo; cơ sở pháp lý và thực tiễn về chương trình; mục tiêu; CĐR; điều kiện tốt nghiệp; vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp; cấu trúc chương trình; nội dung; kế hoạch giảng dạy; ma trận thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần; các ĐCHP cũng như các thông tin chi tiết về PPDH, phương pháp KTĐG của từng học phần cụ thể. Bản mô tả CTĐT và ĐCHP được cập nhật thường xuyên và công bố công khai cho các BLQ qua Website Trường, Khoa.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ theo Quy định của Trường về việc xây dựng và điều chỉnh CĐR và CTĐT trình độ ĐH được ban hành năm 2014, năm 2018 và mới cập nhật bổ sung năm 2021 [H2.02.01.01]; theo nội dung tập huấn về việc rà soát, xây dựng và điều chỉnh CĐR và CTĐT của Trường [H2.02.01.02], Khoa TC-KT-NH đã thiết kế bản mô tả CTĐT đầy đủ nội dung, bao hàm đầy đủ thông tin và luôn được cập nhật và điều chỉnh theo quy chế đào tạo ĐH của Bộ GDĐT các giai đoạn [H2.02.01.03].

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán có đầy đủ nội dung và thông tin gồm: tên cơ sở đào tạo; tên CTĐT; mã ngành đào tạo; thời gian đào tạo; cơ sở pháp lý và thực tiễn của CTĐT; mục tiêu và CĐR; đối tượng tuyển sinh; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; cấu trúc của CTĐT; phương pháp giảng dạy và học tập; tiến trình đào tạo; quy trình đào tạo; điều kiện tốt nghiệp; nội dung chương trình; số lượng tín chỉ từng học phần và toàn bộ CTĐT; thời điểm ban hành [H2.02.01.04], [H2.02.01.05]; mô tả chi tiết các học phần có trong CTĐT qua các năm 2019, 2021, 2022 và 2024; ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR CTĐT [H2.02.01.03].

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được điều chỉnh 2 năm 1 lần, cập nhật theo các xu hướng đào tạo, văn bản pháp luật và nghiên cứu mới về lĩnh vực Kế toán. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính chất thực hành của các kiến thức được đào tạo [H2.02.01.01], [H2.02.01.04].

CTĐT và các ĐCHP được công bố rộng rãi cho các SV, GV, nhà tuyển dụng và các đối tượng có quan tâm thông qua Website của P.QLĐT và của Khoa, các buổi sinh hoạt đầu khoá học/năm học của Khoa [H2.02.01.06], [H2.02.01.07]. Các nội dung của bản mô tả CTĐT ngành Kế toán gồm: Tên chương trình tiếng Việt; Tên chương trình tiếng Anh; Trình độ đào tạo; Ngành đào tạo tiếng Việt; Ngành đào tạo tiếng Anh; Mã ngành; Thời gian đào tạo; Loại hình đào tạo; Số tín chỉ; Văn bằng tốt nghiệp; Ngôn ngữ giảng dạy; Mục tiêu đào tạo; CĐR... [H2.02.01.03].

Ban xây dựng chương trình của Khoa phối hợp cùng Phòng QLĐT tổ chức xin ý kiến góp ý của các chuyên gia (gồm GV đang trực tiếp giảng dạy, cán bộ quản lý, các chuyên gia thuộc lĩnh vực ngành đang xây dựng đến từ các Doanh nghiệp, ...) về dự

thảo CTĐT, CDR và ĐCHP. Sau đó, chỉnh sửa và tổng hợp lại nội dung dự thảo để đáp ứng được những góp ý từ các BLQ [H2.02.01.08], [H2.02.01.09].

Để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của các BLQ về thông tin trong bản mô tả CTĐT, Khoa TC-KT-NH cũng đã rà soát, cập nhật và chỉnh sửa bản mô tả CTĐT vào các năm 2019, 2021, 2022 và 2024. Trường Khoa tổ chức họp Khoa về việc rà soát CTĐT, CDR nhằm phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và xu hướng phát triển của thế giới, lấy ý kiến các BLQ để có kế hoạch xây dựng, điều chỉnh bản mô tả CTĐT mới cập nhật [H2.02.01.10], [H2.02.01.08], [H2.02.01.09]. Sau đó, báo cáo kết quả về việc rà soát CTĐT và đối sánh với CTĐT cũ [H2.02.01.04], [H2.02.01.05] và trình lên HĐKH-ĐT Trường xem xét, đánh giá góp ý cho Khoa chỉnh sửa nếu có và quyết định ban hành điều chỉnh CTĐT [H2.02.01.11], [H2.02.01.03]. Mục đích của việc này nhằm đem đến cho SV một CTĐT chất lượng cao, có tính ứng dụng thực tế, và đáp ứng đúng nhu cầu nhân lực của xã hội trong thời điểm hiện tại.

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT được trình bày đầy đủ thông tin, và thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CDR rất rõ ràng. Bản mô tả CTĐT luôn được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo định kỳ đáp ứng tốt nhất nhu cầu người học và xu hướng phát triển của xã hội.

3. Điểm tồn tại:

Quá trình cập nhật, điều chỉnh thông tin trong bản mô tả CTĐT được triển khai một cách khoa học, tuy nhiên tiến trình đào tạo được mô tả trong bảng mô tả CTĐT chưa được linh động, vì vậy chưa đáp ứng tốt nhu cầu học vượt của người học.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo các học phần thuộc các khối kiến thức theo	K.TC-KT-NH; P.QLĐT	Định kỳ (từ 2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành, đặc biệt là chuyên ngành cho phù hợp hơn, theo hướng hỗ trợ nhiều hơn cho người học có thể học vượt theo nhu cầu.			
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ, tiếp tục cập nhật thông tin của ngành vào bản mô tả CTĐT nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của các BLQ.	K.TC-KT-NH	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng:

ĐCHP là tài liệu do GV biên soạn để cung cấp cho người học các thông tin về học phần ban hành trong CTĐT và được triển khai đến từng SV vào buổi học đầu tiên của học phần, trang thông tin điện tử của Khoa gồm các nội dung chính: Thông tin chung về môn học, thông tin GV, mục tiêu học phần, tóm tắt nội dung học phần, nội dung chi tiết học phần (các chương giảng dạy, nội dung chính của từng chương), danh sách giáo trình chính và giáo trình tham khảo, hình thức tổ chức kiểm tra đánh giá học phần; phản ánh được các yêu cầu của các BLQ trong quá trình xây dựng, cập nhật ĐCHP theo kế hoạch. Cụ thể:

Toàn bộ ĐCHP trong CTĐT ngành Kế toán thể hiện đầy đủ các thông tin sau: (1) tên học phần; (2) mã học phần; (3) trình độ đào tạo; (4) số tín chỉ; (5) đơn vị quản lý học phần; (6) danh sách dự kiến GV giảng dạy; (7) mục tiêu học phần, CDR của học phần; (8) mô tả tóm tắt nội dung học phần; (9) nội dung chi tiết học phần – kế hoạch giảng dạy dự kiến; (10) phương pháp đánh giá; (11) danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Trong nội dung chi tiết học phần, ứng với từng chương, mục; có ghi rõ số tiết lý thuyết, số tiết thực hành, tài liệu học tập chính, tài liệu tham khảo của học phần,

phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp đánh giá bao gồm điểm đánh giá quá trình (chuyên cần trọng số 10%, giữa kỳ trọng số 30%) và điểm thi kết thúc học phần (trọng số 60%) **[H2.02.02.01]**.

Toàn bộ ĐCHP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung theo kế hoạch chung của Nhà trường. Việc cập nhật ĐCHP được tiến hành thường xuyên, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, danh mục tài liệu học tập. Để kịp thời chuẩn bị cho năm học mới, tất cả GV trong Khoa đều phải thực hiện rà soát, cập nhật bổ sung nội dung học tập, đề cương và giáo trình căn cứ trên ý kiến của người sử dụng lao động trong các đợt khảo sát, hội thảo, gặp gỡ trao đổi; các ý kiến đóng góp của cựu SV; SV năm cuối; nhân viên, GV trong Khoa; các thông tin cập nhật từ các cơ quan liên quan. Từ đó, HĐKH Khoa tổ chức rà soát, đánh giá, lựa chọn những nội dung cập nhật phù hợp nhất trình BGH phê duyệt và công bố đến toàn thể SV và các cá nhân/tổ chức có nhu cầu tìm hiểu qua kênh thông tin điện tử của Khoa **[H2.02.02.02]**, **[H2.02.02.03]**, **[H2.02.02.04]**, **[H2.02.02.05]**.

Việc cập nhật ĐCHP giúp việc giảng dạy và học tập được hiệu quả hơn; đặc biệt giúp người học cập nhật các kiến thức mới, phù hợp với thời đại với yêu cầu của thị trường lao động và giúp SV thích ứng nhanh với công việc và làm việc hiệu quả hơn khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh:

ĐCHP được chuẩn hóa, liên tục được cập nhật và điều chỉnh theo quy định của Trường và cung cấp đầy đủ thông tin cho người học và các BLQ, đáp ứng tốt yêu cầu của người học và các BLQ.

3. Điểm tồn tại:

Các ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng và cựu SV cho việc cải tiến cập nhật chỉ mới tập trung cho CTĐT và CĐR; việc góp ý cải tiến, cập nhật ĐCHP còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng thêm các kênh tiếp nhận ý kiến đóng góp từ các nhà tuyển dụng về ĐCHP để cập nhật, hiệu chỉnh ĐCHP ngày càng hiệu quả hơn.	K.TC-KT-NH;	Hần năm (từ 2025-2026)	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát đề ĐCHP đảm bảo cập nhật nội dung mới của ngành học kịp thời, hình thức ĐCHP thống nhất, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các BLQ.	K.TC-KT-NH	Định kỳ (2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng:

Tất cả CTĐT, các ĐCHP, các kế hoạch giảng dạy được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành bằng bản mềm và bản cứng, được công bố công khai trên Website của Trường/Khoa; qua tài liệu hướng dẫn sinh hoạt công dân đầu khóa, buổi học đầu tiên,... Các BLQ: cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV, cựu SV đều có thể dễ dàng tiếp cận tất cả các bản mô tả CTĐT một cách thuận tiện thông qua kênh thông tin của Trường/ Khoa. Ngoài ra, trong các buổi sinh hoạt đầu khóa, buổi học đầu tiên, GV luôn chú trọng triển khai ĐCHP và sự quan trọng của học phần trong CTĐT của ngành cho SV [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03].

Đối với SV, Trường/Khoa đã tận dụng các kênh thông tin khác nhau để đảm bảo SV luôn tiếp cận được với bản mô tả CTĐT và ĐCHP; giúp SV có được cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT, tiếp cận và nắm được CDR của ngành Kế toán. Tương tự, SV mới nhập học được lãnh đạo Khoa và các GV giới thiệu tổng quát về CTĐT và các học phần thông qua các buổi gặp gỡ tân SV và các buổi sinh hoạt đầu năm học [H2.02.03.04]. Ngay từ buổi học đầu tiên, tất cả GV phải phổ biến ĐCHP đến SV

trong lớp học. Mặt khác, trong suốt quá trình học, CTĐT và ĐCHP được công bố công khai, rõ ràng và đầy đủ thông qua cố vấn học tập, do GV đảm nhận giảng dạy học phần cung cấp, qua đó SV luôn được hướng dẫn và tiếp cận đầy đủ thông tin, giúp cho SV biết được các học phần trong học kỳ tiếp theo.

Đối với GV, Khoa đã sử dụng bản mô tả CTĐT và ĐCHP đã điều chỉnh gửi đến từng GV, giúp GV chuẩn bị kế hoạch giảng dạy cũng như nắm được nội dung giảng dạy của các bộ môn khác để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các học phần, giữa các năm học **[H2.02.03.05]**.

Đối với các BLQ khác, bản mô tả CTĐT và ĐCHP được phản biện bởi các chuyên gia trong và ngoài trường, được thông qua hội HĐKH của Khoa. Vì vậy, CTĐT đi kèm bản mô tả chương trình và các ĐCHP định kỳ được điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV, SV năm cuối **[H2.02.03.06]**. Thông qua việc thu thập ý kiến này, nội dung của bản mô tả CTĐT và ĐCHP trong CTĐT cử nhân ngành Kế toán được phổ biến tới các BLQ. Ngoài ra, các BLQ khác như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và ĐCHP một cách dễ dàng và thuận tiện nhất bằng cách truy cập vào Website của Khoa để xem đặc điểm của CTĐT và các học phần; dự đoán năng lực SV tốt nghiệp của ngành **[H2.02.03.02]**. Từ đó, các nhà quản lý có thể kiểm soát, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và các doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng các yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành Kế toán được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các BLQ dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại:

Các thông tin chi tiết về CTĐT và ĐCHP chưa được cập nhật đầy đủ thông tin trên các tờ rơi về tuyển sinh và trong Sổ tay SV.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trong các tờ rơi tuyển sinh và trong Sổ tay SV, cập nhật thêm thông tin để mọi đối tượng có nhu cầu có thể tra cứu và tìm hiểu thêm về CTĐT và ĐCHP.	Ban tư vấn tuyển sinh	Hàng năm (từ 2025-2026)	
2.	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao chất lượng công khai thông tin bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đến các BLQ theo hướng ngày càng tốt hơn.	K.TC-KT-NH	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Bản mô tả CTĐT được bố cục rõ ràng, đầy đủ thông tin, và thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CDR rất rõ ràng. Bản mô tả CTĐT luôn được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo định kỳ đáp ứng tốt nhất nhu cầu người học và xu hướng phát triển của xã hội.

ĐCHP được chuẩn hóa, liên tục được cập nhật và điều chỉnh theo quy định của Trường và cung cấp đầy đủ thông tin cho người học và các BLQ.

Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành Kế toán được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các BLQ dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Những điểm tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Tiến trình đào tạo được mô tả trong bản mô tả CTĐT chưa được linh động, vì vậy chưa đáp ứng nhu cầu học vượt của người học. Các thông tin chi tiết về CTĐT và ĐCHP chưa được công bố hết trên các tài liệu quảng bá về tuyển sinh và trong Sổ tay

SV. Các ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng và cựu SV cho việc cải tiến cập nhật chi mới tập trung cho CTĐT và CDR, việc góp ý cải tiến, cập nhật ĐCHP còn hạn chế.

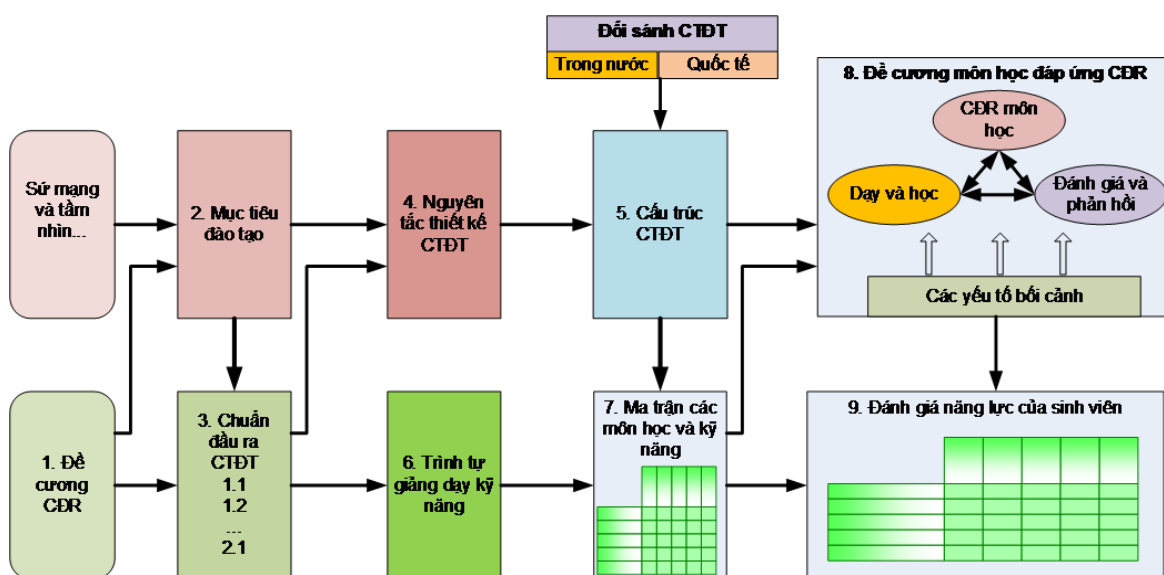
Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 2 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu:

Cấu trúc CTDH ngành Kế toán được Khoa thiết kế dựa trên CDR có đối sánh với một số CTDH đã được kiểm định của một số trường ĐH trong và ngoài nước, đồng thời có sự hiệu chỉnh cho phù hợp sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường, ý kiến của các BLQ, gắn liền với nhu cầu học tập của người học, với nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập. CTDH ngành Kế toán thể hiện được sự cân bằng giữa khối lượng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành, đảm bảo CDR của CTĐT và tính logic giữa các môn học. CTĐT cử nhân ngành Kế toán được thiết kế liên thông hợp lý giữa các trình độ, các phương thức đào tạo và giữa các trường. Có thể tóm gọn các bước xây dựng CTĐT và CDR theo sơ đồ sau.



Hình 3.1 Quy trình xây dựng CTĐT và CDR

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng:

Sau khi xây dựng xong CĐR, việc thiết kế CTDH ngành Kế toán được Khoa TC-KT-NH triển khai theo các bước của Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CĐR (QT01) và dựa trên các yêu cầu CĐR của chương trình. Qua đó, Khoa TC-KT-NH xây dựng bản dự thảo của CTDH: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT; xây dựng CTDH đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học sau khi tốt nghiệp.

Để có cơ sở thực tiễn xây dựng CTDH, Khoa cũng tiến hành tham vấn, lấy ý kiến các BLQ về CTĐT nhằm phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương cũng như nhu cầu chung của xã hội.

Để đạt được mục tiêu đề ra là cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Kế toán, có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, tất cả các học phần trong CTDH ngành Kế toán đã xác định rõ kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học như sau.

Kiến thức: Có sự hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; Có kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực Khoa học cơ bản và kiến thức chung về khối ngành kinh tế. Cử nhân Kế toán được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; Ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp; Lập các báo cáo thuế, báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp; Có nghiệp vụ kiểm toán, nghiệp vụ kiểm soát, hình thành ý kiến đánh giá và tư vấn cho nhà quản lý.

Kỹ năng: SV có kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp; Có kỹ năng lập các báo cáo thuế, báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp. Kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp; Kỹ năng làm việc theo nhóm; Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; Kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Đạt được các phẩm chất đạo đức cá nhân như có trách nhiệm công dân; ý thức tổ chức kỷ luật lao động; tự tin, linh hoạt, kiên trì theo đuổi mục tiêu, nhiệt tình, say mê sáng tạo. Có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp.

Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và các quy định của các tổ chức làm việc, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống lành mạnh, luôn trách nhiệm với công việc, có tinh thần đoàn kết, thân thiện với đồng nghiệp và cá nhân bên ngoài tổ chức. Bản thân hình thành được cách sống của người công dân, có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, môi trường, văn hóa, lịch sử của dân tộc và cộng đồng.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Hình thành ý thức tự phát triển bản thân, ứng xử, giao tiếp và làm việc trong môi trường nhóm một cách hiệu quả; Tổ chức, điều hành công việc có tính khoa học; Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Kế toán.

Cấu trúc của CTDH ngành Kế toán nêu cụ thể khối kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần đạt được đối với SV tốt nghiệp, khối kiến thức tích lũy (*bao gồm khối kiến thức cơ bản và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp*) năm 2022 là 132 tín chỉ và năm 2024 giảm còn 125 tín chỉ. Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và Khoa học cơ bản năm 2022 là 40 tín chỉ chiếm 30,25% tổng số tín chỉ tích lũy và năm 2024 giảm còn là 33 tín chỉ, giảm tỷ lệ xuống còn 27,2% trên tổng số tín chỉ tích lũy. Các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở và cốt lõi chuyên ngành năm 2022 là 81 tín chỉ chiếm 61,36% tổng số tín chỉ tích lũy và đến năm 2024 là 78 tín chỉ nhưng lại tăng tỷ lệ lên thành 62,4% trên tổng số tín chỉ tích lũy. Các môn Thực tập trải nghiệm theo quy định chung của Trường là 9 tín chỉ chiếm tỷ lệ 6,82% (2022) và chiếm 7,2% (2024). NCKH và các thành phần khác trong CTĐT 2022 là 2 tín chỉ, chiếm 1,52% đã được tăng lên thành 4 tín chỉ trong năm 2024 với tỷ lệ theo *Bảng 3.1*, hướng đến mục tiêu đào tạo cử nhân kế toán có thể nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực kế toán và tài chính [H3.03.01.01].

Bảng 3.1. Tỷ lệ phân bổ giữa các khối kiến thức ngành Kế toán từ 2022&2024

STT	Khối kiến thức	2022		2024	
		Số tín chỉ	Tỷ lệ	Số tín chỉ	Tỷ lệ
I	Kiến thức giáo dục đại cương	13	9,85%	13	10,4%
II	Khoa học cơ bản	27	20,45%	21	16,8%
III	Cơ sở và cốt lõi ngành	81	61,36%	78	62,4%
IV	Thực tập và trải nghiệm	9	6,82%	9	7,2%
V	NCKH và các thành phần khác	2	1,52%	4	3,2%
	Tổng	132	100%	125	100%

(*) Chưa bao gồm 11 tín chỉ các học phần GDTC và GDQP.

Việc bố trí các nhóm học phần trong các khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp như sau:

Khối kiến thức giáo dục đại cương: gồm 50 tín chỉ trong CTĐT 2022 và giảm còn 44 tín chỉ trong CTĐT 2024, trong đó có các nhóm học phần về kỹ năng mềm, GDTC, GDQP là không tích lũy điểm xét tốt nghiệp và nhóm học phần điều kiện tốt nghiệp. Chi tiết các nhóm học phần trong khối kiến thức giáo dục đại cương CTĐT 2022 và 2024 cơ bản là giống nhau và được trình bày ở Bảng 3.2.1.

Bảng 3.2.1 Các nhóm học phần trong khối kiến thức giáo dục đại cương và Kiến thức khoa học cơ bản

Nhóm học phần	CTĐT năm 2022				CTĐT năm 2024			
	Số tín chỉ				Số tín chỉ			
	Tích lũy	Không tích lũy	Bắt buộc	Tự chọn	Tích lũy	Không tích lũy	Bắt buộc	Tự chọn
1. Ngoại ngữ	18	-	18	-	12	-	12	-
2. Khoa học xã hội	2	-	2	-	2	-	2	-
3. Lý luận chính trị	11	-	11	-	11	-	11	-
4. Toán – Khoa học tự nhiên	8	-	8	-	8	3	3	-
5. Giáo dục thể chất	-	3	3	-	-	3	8	-
6. Giáo dục quốc phòng – an ninh	-	8	8	-	-	8	8	-
Tổng cộng	39	11	50	-	33	14	44	-

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: Với số lượng 74 tín chỉ (2022) và giảm còn 69 tín chỉ (2024). Trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, bao gồm nhóm học phần về kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức tốt nghiệp, cụ thể được trình bày ở Bảng 3.2.2.

Bảng 3.2.2 Các nhóm học phần trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: Kiến thức cơ sở - cốt lõi ngành; Kiến thức thực tập và trải nghiệm và Kiến thức nghiên cứu - các thành phần khác

Nhóm học phần	CTĐT năm 2022				CTĐT năm 2024			
	Số tín chỉ				Số tín chỉ			
	Tích lũy	Không tích lũy	Bắt buộc	Tự chọn	Tích lũy	Không tích lũy	Bắt buộc	Tự chọn
1. Kiến thức cơ sở - cốt lõi ngành	81	-	69	12	78	-	67	11
2. Kiến thức thực tập	9	-	9	-	9	-	9	-

Nhóm học phần	CTĐT năm 2022				CTĐT năm 2024			
	Số tín chỉ				Số tín chỉ			
	Tích lũy	Không tích lũy	Bắt buộc	Tự chọn	Tích lũy	Không tích lũy	Bắt buộc	Tự chọn
và trải nghiệm								
3. Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác	2	-	2	-	4	-	4	-
Tổng cộng	92	-	80	12	91	-	80	11

Tất cả các học phần trong khối kiến thức này đều là kiến thức bắt buộc, được tích lũy để xét tốt nghiệp, đa dạng hình thức học về thực hành nghề nghiệp như lý thuyết, thực hành, đồ án, kiến tập, thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp.

CTDH cử nhân ngành Kế toán đã thể hiện cấu trúc hợp lý, cân đối giữa các khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chung, khối kiến thức chuyên ngành; đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập của người học, đồng thời đảm bảo kết quả học tập dự kiến về kiến thức, ngoại ngữ và các kỹ năng mềm. Mặt khác, ưu tiên khối lượng kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cho SV.

Để đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất, các học phần được bố trí qua các học kỳ, sắp xếp các môn học có kiến thức phát triển theo thang đo Bloom trong đó có lưu ý đến các học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần song hành; đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống của các học phần, tính linh hoạt còn được thể hiện qua sự lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp.

Khi xây dựng, rà soát CTDH, CDR và ĐCHP, ngoài các thành phần nhà tuyển dụng, cựu người học,... ý kiến đóng góp của thành phần GV đóng vai trò rất quan trọng [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. GV giảng dạy chương trình ngành Kế toán là những người tham gia viết và thẩm định ĐCHP trong chương trình [H3.03.01.04].

Trong ĐCHP cũng có mô tả rõ PPDH và phương pháp KTĐG để đạt được CDR của môn học và được xác định rõ qua từng bài học, từng tuần giảng dạy [H3.03.01.05]. Trọng số điểm từng phần thể hiện rõ trong ĐCHP như điểm chuyên cần 10%, điểm kiểm tra quá trình 30% thể hiện qua các hình thức KTĐG thảo luận, thuyết trình, bài thu hoạch... và điểm thi kết thúc học phần 60% thể hiện qua các tiêu chí kiến thức trọng tâm, kiến thức chuyên sâu và mở rộng của học phần nhằm đánh giá

kết quả đạt CĐR của học phần một cách tối ưu. Trình tự các học phần mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều môn học trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo [H3.03.01.05], [H3.03.01.06]. Việc xác định tổ hợp các PPDH, học tập, phương pháp KTĐG kết quả học tập của SV ngành Kế toán trong tất cả các học phần trong CTDH đều phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng ở bản mô tả CTDH và bản mô tả học phần [H3.03.01.07].

Song song với việc xây dựng CĐR, mục tiêu đào tạo, CTĐT, Khoa TC-KT-NH luôn chú trọng tìm tòi các PPDH tiên tiến, khuyến khích sự sáng tạo của SV trong học tập và nghiên cứu. ĐCHP thể hiện rõ PPDH, phương pháp KTĐG đa dạng và phù hợp với từng học phần. Trước năm 2019, Khoa chủ động trong việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật ĐCHP hàng năm (tùy theo biến động về nhu cầu của thị trường lao động), và để hiệu quả hơn nên Khoa đưa việc xây dựng CTĐT vào đề tài NCKH học cấp Trường để các chuyên gia góp ý điều chỉnh cho CTDH phù hợp hơn trong thực tiễn hiện nay. Phòng QLĐT cũng đã ban hành đầy đủ các biểu mẫu thống nhất cho các khoa.

Bảng 3.3. Hình thức thi của ngành Kế toán trong CTĐT 2022 - 2024

	Hình thức thi					
	<i>Tự luận & Trắc nghiệm</i>		<i>Viết (tự luận/tiểu luận)</i>		<i>Làm bài trên máy tính</i>	
	2022	2024	2022	2024	2022	2024
Số môn	47	46	2	3	4	6
Tỷ lệ	88,68%	83,64%	3,77	5,45%	7,55%	10,91%

Sau cùng, GV được quản lý và đánh giá sau mỗi học kỳ [H3.03.01.8].

2. Điểm mạnh:

CTDH cử nhân ngành Kế toán được thiết kế được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học. Đồng thời, để góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, GV của Khoa đã lựa chọn tổ hợp các PPDH, học tập, phương pháp KTĐG kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT hợp lý, phù hợp.

3. Điểm tồn tại:

CTDH thiết kế nhiều hoạt động gắn kết giữa doanh nghiệp với các đơn vị ngoài Trường giúp đạt được CĐR, nhưng hoạt động ghi nhận sự phản hồi của doanh nghiệp

khi tham gia trong CTDH chưa được thể hiện đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các mối liên hệ với doanh nghiệp nhằm tăng vai trò, hiệu quả phản hồi của doanh nghiệp khi tham gia vào xây dựng CTDH nhằm tăng hiệu quả đạt được CĐR của CTĐT.	K.TC-KT-NH; P.CTCTSV &HTDN	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện CTDH theo định kỳ, cập nhật bám sát CĐR của CTĐT, và ý kiến phản hồi của các BLQ để ngày càng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.	K.TC-KT-NH; P.QLĐT	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

Toàn bộ các học phần trong CTDH cử nhân ngành Kế toán đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của chương trình. CTDH cử nhân ngành Kế toán được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ đại cương, cơ sở ngành đến ngành và chuyên ngành, trong đó bao gồm hai khối kiến thức là giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Các học phần được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao.

Mỗi học phần đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức mà người học tiếp nhận, nó cũng phản ánh vai trò của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của ngành Kế toán. Khi xây dựng danh mục CĐR của CTĐT, mỗi CĐR đều được thiết kế gắn với các học phần tương ứng nhằm đạt được CĐR đó. Sự gắn kết giữa CĐR của mỗi học

phần với CĐR của ngành được thể hiện rõ thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần của CTĐT. Việc bố trí các học phần trong Bảng ma trận thể hiện các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Đồng thời các CĐR có sự phát triển xuyên suốt quá trình học tập của SV với mức độ đáp ứng tăng dần theo thời gian học cũng như tăng theo mức độ chuyên sâu của học phần **[H3.03.02.01]**.

Các học phần xã hội và kỹ năng cơ bản nhằm mục đích trang bị và hoàn thiện kỹ năng mềm, đạo đức và ý thức cho SV. Các học phần toán, và ngoại ngữ cung cấp kiến thức cơ bản cho quá trình học tập và tiếp thu các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Các học phần cơ sở ngành là nền tảng cho các học phần chuyên ngành (*gồm kiến thức cơ sở ngành phục vụ cho ngành; kiến thức ngành, trong kiến thức ngành gồm kiến thức chung của ngành là kiến thức cốt lõi và kiến thức chuyên ngành; cuối cùng là kiến thức tốt nghiệp*). Các học phần ở những học kỳ trước đóng vai trò làm nền tảng cho các học phần ở học kỳ sau. Chiều sâu kiến thức bảo đảm bởi mối liên hệ dọc (*liên hệ ràng buộc*) xuyên suốt cả 3 khối kiến thức và trong từng khối kiến thức riêng biệt của CTDH.

Toàn bộ các học phần trong CTDH khi xây dựng, được Khoa xác định rõ tổ hợp các PPDH, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Từng học phần của CTĐT có ĐCHP, các hình thức kiểm tra, thi được thể hiện cụ thể trong ĐCHP và được GV công bố trực tiếp trong lớp học. Khi xây dựng ĐCHP, Khoa TC-KT-NH phải đảm bảo đề cương có mục tiêu và CĐR rõ ràng, tương ứng với CĐR nào của CTĐT; mỗi bài học phải đáp ứng CĐR nào của học phần. Việc đánh giá SV ngành Kế toán được thực hiện bằng nhiều phương pháp nhằm mục đích đạt được CĐR của CTĐT. Cụ thể, ở mỗi học phần điểm đánh giá SV được thực hiện thông qua 2 hình thức: đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần, có các quy định với các trọng số rõ ràng (*10-30-60*). Đánh giá quá trình, GV quy định các thành phần khác nhau tùy học phần như: Tham gia lớp học của SV, làm bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra cá nhân. Ngoài ra, trong từng phương pháp đánh giá SV, GV phải ghi rõ đáp ứng với CĐR nào của học phần và có đáp án rõ ràng **[H3.03.02.02]**. Dựa vào các tiêu chí đánh giá SV được quy định trong quy chế học vụ của Nhà trường, Khoa đã cụ thể thành các hướng dẫn Báo cáo thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp để thực hiện

mục đích đào tạo là lý luận kết hợp với thực tiễn **[H3.03.02.03]**.

Trong giai đoạn từ 2020 đến nay, Khoa TC-KT-NH đã cập nhật, chỉnh sửa ĐCHP, hoàn thiện bộ giáo trình, tài liệu học tập cho SV, tạo điều kiện cho người học cập nhật kiến thức mới một cách liên tục, đáp ứng nhu cầu trong công tác chuyên môn cho người học ở hiện tại và tương lai **[H3.03.02.4]**.

Việc thường xuyên lấy ý kiến các BLQ hàng năm để cải tiến nội dung học phần là không thể thiếu được, nhất là ý kiến của GV trực tiếp giảng dạy. Trong giai đoạn từ 2020 đến nay, Khoa TC-KT-NH đã cập nhật, chỉnh sửa ĐCHP, tài liệu tham khảo cho SV, tạo điều kiện cho người học cập nhật kiến thức mới một cách liên tục, đáp ứng nhu cầu trong công tác chuyên môn cho người học ở hiện tại và tương lai **[H3.03.02.05]**, **[H3.03.02.06]**, **[H3.03.02.07]**.

ĐCHP cùng các quy định, quy chế của Trường về đánh giá SV được Khoa phổ biến rộng rãi, công khai tới các GV và SV. Đối với GV, Thư ký khoa thông báo cho từng GV qua địa chỉ email của họ cung cấp cho Khoa. Ngoài ra, GV có thể tìm hiểu những thông tin này qua website của Khoa. Đối với SV, thông qua website của Khoa hoặc thông qua sổ tay SV, thông qua hoạt động đánh giá cuối mỗi học phần của Phòng KT-ĐBCL-TT&PC để phản hồi ý kiến về các môn học **[H3.03.02.08]**.

2. Điểm mạnh:

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH và toàn bộ ĐCHP của ngành Kế toán được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các môn học, ma trận CĐR cũng như qua việc lựa chọn các PPDH, phương pháp KTĐG của GV Khoa đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR của CTĐT cử nhân ngành Kế toán.

3. Điểm tồn tại:

Quá trình khảo sát các BLQ ngoài trường (*Nhà tuyển dụng, cựu SV*) về sự đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR chưa đầy đủ và chưa rõ nét. Có môn học phục vụ quá nhiều CĐR, trong khi một số CĐR có ít môn học đảm nhiệm.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật đầy đủ hơn nữa sự phản hồi của các BLQ về việc đóng góp của các học phần trong việc đạt được CDR, trong đó chú trọng phản hồi của nhà sử dụng lao động. Rà soát, điều chỉnh nội dung các học phần nhằm đạt được CDR của CTĐT	K.TC-KT-NH	Thường xuyên (Từ năm 2025-2026)	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát ma trận CDR của CTĐT và các học phần để thể hiện xem xét sự phù hợp và phân bổ các học phần thể hiện rõ hơn nữa những đóng góp của từng học phần giúp đáp ứng CDR của CTĐT.	K.TC-KT-NH; P.QLĐT	Chu kỳ rà soát CTĐT (năm 2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính thích hợp.

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH ngành Kế toán được thiết kế với tổng số 132 tín chỉ năm 2022 và 125 tín chỉ trong CTĐT 2024 (không bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng-an ninh). Các học phần trong CTDH của ngành được cấu trúc có sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp. Các học phần thuộc các khối kiến thức được sắp xếp đảm bảo tính logic về kiến thức, kỹ năng và đạo đức cần trang bị cho người học trong suốt quá trình đào tạo. Các khối kiến thức được sắp xếp theo hệ thống, cấu trúc hợp lý, cân đối đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập của người học, cụ thể như sau:

Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm các học phần: Lý luận chính trị, Khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ, các học phần Toán, Khoa học tự nhiên và môi trường. Các học phần này đảm bảo cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản cần thiết để có thể tiếp thu tốt các học phần trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm hai khối: (1) Khối kiến thức cơ sở ngành và; (2) Khối kiến thức của ngành và chuyên ngành. Trong đó các môn khối cơ sở ngành là các học phần trang bị kiến thức nền tảng Kế toán, kinh tế học và thống kê ứng dụng trong Kế toán nhằm giúp cho người học có thể tiếp thu được những kiến thức chuyên ngành, cũng như khả năng nghiên cứu, học nâng cao trình độ **[H3.03.03.01]**.

Tất cả các học phần trong CTDH ngành Kế toán được bố trí hợp lý, logic, theo trình tự học phần (*học phần điều kiện, tiên quyết*); thời lượng cho mỗi học phần; trình tự thực hiện ở từng học kỳ qua 3,5 năm **[H3.03.03.02]**.

Kế hoạch giảng dạy của ngành Kế toán cho thấy các học phần được sắp xếp theo thứ tự từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Các kiến thức giáo dục đại cương và tiếng Anh được cung cấp cho SV rải đều từ học kỳ 1 đến học kỳ 5. Ngay học kỳ 1, 2 của năm thứ nhất, SV bắt đầu làm quen một số môn học cơ sở ngành. Tuy nhiên, các học phần kiến thức cơ sở ngành được giảng dạy chủ yếu ở các học kỳ 2, 3, 4. Các học phần kiến thức chuyên ngành được thiết kế giảng dạy ở các học kỳ 5, 6, 7, 8, 9. Các học phần về thực hành, thực tập được bố trí từ học kỳ 6 đến học kỳ 10. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp được bố trí ở học kỳ 10. Nhìn chung, các học phần kết thúc ở kỳ trước sẽ làm nền tảng cho các học phần ở các kỳ tiếp theo. Các học phần tự chọn và chuyên ngành hầu hết đều có các học phần cơ sở ngành tiên quyết.

Các học phần tự chọn là các học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng SV được tự chọn trong khối kiến thức mà Khoa TC-KT-NH xác định trước trong chương trình, nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn của ngành đào tạo Kế toán.

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình NCKH của SV, có khối lượng 9 tín chỉ

trong CTĐT cử nhân ngành Kế toán. Thực hiện khóa luận tốt nghiệp nhằm giúp cho SV thể hiện được khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tế cũng như vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã được học để phân tích, giải quyết những vấn đề cụ thể gắn với chuyên ngành Kế toán mà SV đã được đào tạo. Qua đó, giúp SV nâng cao các kỹ năng nghiên cứu, làm việc độc lập sau khi tốt nghiệp [H3.03.03.03], [H3.03.03.04].

Mỗi học phần thể hiện rõ thời lượng, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành/thực tập. Việc bố trí qua 10 học kỳ trên bảng ma trận môn học thể hiện rõ các môn học điều kiện, tiên quyết, học phần học trước, học phần được học ở học kỳ tiếp theo, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho SV sắp xếp lịch học linh động, chủ động để tốt nghiệp trước hạn. Các học phần giữa các khối kiến thức của CTĐT có sự hỗ trợ lẫn nhau, có tính kế thừa, đảm bảo quá trình phát triển có tính hệ thống của sản phẩm đào tạo cả về kiến thức và kỹ năng.

Việc rà soát và cập nhật CTDH ngành Kế toán được tiến hành định kỳ hàng năm (với những thay đổi, cập nhật nhỏ) và định kỳ 2 năm một lần theo quy định chung của Trường qua các giai đoạn (2021, 2022, 2024) [H3.03.03.04]. Quá trình rà soát, điều chỉnh, Khoa TC-KT-NH dựa trên các mục tiêu cụ thể từ thực tiễn đặt ra, từ sự phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các CTDH của các trường ĐH uy tín quốc tế trong và ngoài nước, cập nhật những kiến thức mới nhất trong chuyên ngành nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhà sử dụng lao động. Trên cơ sở đó, ĐCHP cũng được điều chỉnh và cập nhật [H3.03.03.05], [H3.03.03.06], [H3.03.03.07], [H3.03.03.08].

CTDH được xây dựng theo hướng phân bổ hợp lý về thời lượng lý thuyết và thực hành. SV được kết hợp giữa việc học tập trên giảng đường với thực hiện các hoạt động thực hành, kiến tập, thực tập, nghiên cứu, rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp,...

* Kết quả khảo sát SV sắp tốt nghiệp năm học 2024-2025 cho thấy SV đánh giá tốt về cấu trúc CTĐT ngành Kế toán [H3.03.03.09], cụ thể:

Bảng 3.6. Đánh giá của SV cuối khóa về CTĐT ngành Kế toán

Mục tiêu và nội dung CTDH ngành Kế toán	Tỷ lệ SV tham gia khảo sát/SLSV cuối khóa (%)	Mức độ hài lòng (tỷ lệ %)				
		1-Hoàn toàn không đồng ý	2-Không đồng ý	3-Tương đối đồng ý	4-Đồng ý	5-Hoàn toàn đồng ý
Khóa 2016 - 2020	50.7	1.8	9.6	41.5	40.5	6.6
Khóa 2017 - 2021	54	0	1.95	26.56	57.03	14.45

Mục tiêu và nội dung CTDH ngành Kế toán	Tỷ lệ SV tham gia khảo sát/SLSV cuối khóa (%)	Mức độ hài lòng (tỷ lệ %)				
		1-Hoàn toàn không đồng ý	2-Không đồng ý	3-Tương đối đồng ý	4-Đồng ý	5-Hoàn toàn đồng ý
Khóa 2018 - 2022	89.06	0	3.95	45.61	43.42	7.02
Khóa 2019 - 2023	87.69	0.73	2.68	23.73	59.84	13.01
Khóa 2020 - 2024	69.81	0	1.35	31.08	58.56	9.01

Qua bảng số liệu cho thấy, đa số SV sắp tốt nghiệp của ngành Kế toán hài lòng với cấu trúc CTDH. Khoa sẽ tiếp phân tích nguyên nhân các ý kiến chưa hài lòng để có sự điều chỉnh cho phù hợp hơn nữa.

2. Điểm mạnh:

CTDH cử nhân ngành Kế toán có cấu trúc hợp lý, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. CTDH cử nhân ngành Kế toán cũng đảm bảo tính tích hợp và tính cập nhật của nội dung chương trình. Các học phần trong CTDH được cập nhật, được bố trí hợp lý, được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định kỳ 2 năm 1 lần.

3. Điểm tồn tại:

Việc điều chỉnh CTDH có tham khảo các CTĐT tiên tiến nhưng chưa có báo cáo và đối sánh cụ thể làm căn cứ cho việc sửa đổi, bổ sung.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lựa chọn các CTĐT để tham khảo tương đương, phù hợp với bối cảnh ngành Kế toán của Trường, phân tích, đối sánh cụ thể để đem lại hiệu quả hơn cho việc điều chỉnh CTDH.	K.TC-KT-NH	Từ năm học 2025 - 2026	
2.	Phát huy điểm	Tiếp tục rà soát định kỳ, cải tiến CTDH phù hợp với xu hướng, nguồn lực của Nhà trường nhằm đáp ứng	K.TC-KT-NH; P.QLĐT	Theo chu kỳ điều chỉnh	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	mạnh	ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học và các BLQ.		CTĐT (2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

CTDH cử nhân ngành Kế toán được thiết kế được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học. Đồng thời, để góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, giảng viên của Khoa TC-KT-NH đã lựa chọn tổ hợp các PPDH, học tập, phương pháp KTĐG kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT hợp lý, phù hợp.

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH và toàn bộ ĐCHP của ngành Kế toán được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các môn học, ma trận kỹ năng cũng như qua việc lựa chọn các PPDH, KTĐG của GV Khoa đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR của CTĐT cử nhân ngành Kế toán.

CTDH cử nhân ngành Kế toán có cấu trúc hợp lý, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. CTDH cử nhân ngành Kế toán cũng đảm bảo tính tích hợp và tính cập nhật của nội dung chương trình.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Quá trình khảo sát các BLQ ngoài trường (*Nhà tuyển dụng, cựu SV*) về CTDH chưa nhận được nhiều phản hồi và mức độ đóng góp chưa rõ nét. Việc điều chỉnh CTDH có tham khảo các CTĐT tiên tiến nhưng hiệu quả đem lại chưa cao.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 3:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 3 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu:

Quán triệt triết lý giáo dục “Thực học – Thực nghiệp” của Nhà trường, Khoa TC-KT-NH luôn đặt mục tiêu đào tạo gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp, chú trọng phát triển năng lực toàn diện cho người học. Với phương châm “Lấy người học làm trung tâm”, đội ngũ GV của Khoa đã áp dụng triệt để các PPDH theo hướng tiếp cận năng lực, giúp SV chủ động, sáng tạo và có khả năng vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn công việc. Đồng thời, Nhà trường và Khoa thường xuyên rà soát, cập nhật nội dung và phương pháp đào tạo để phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động, từ đó giúp SV sau khi tốt nghiệp có thể thích ứng nhanh chóng, làm việc hiệu quả và cạnh tranh tốt trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng:

UPT đã ban hành chính thức triết lý giáo dục “Thực học-Thực nghiệp” trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2040. Triết lý giáo dục của Trường được xác định rõ ràng và phù hợp với mục tiêu của GDĐH được ban hành trong Luật GDĐH, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Trường **[H4.04.01.01]**.

Mục tiêu của GDĐH: “Đào tạo SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”.

Mục tiêu của UPT: “Đào tạo định hướng ứng dụng nghề nghiệp theo phương châm “Thực học - Thực nghiệp - Học suốt đời (lifelong learning) để làm việc suốt đời” ở các lĩnh vực Công nghệ, Khoa học xã hội, Sức khỏe và Ngôn ngữ”.

Sứ mạng của UPT: “Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp, tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và khu vực. Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và quản lý khoa học công nghệ ứng dụng, phục vụ nhu cầu phát triển bền vững kinh tế-xã hội của tỉnh Bình Thuận và cả nước”.

Mục tiêu và sứ mạng của Trường được tất cả cán bộ, GV, người học của Trường hiểu rõ và thực hiện thông qua CDR các ngành đào tạo của Trường và được điều chỉnh theo định kỳ [H4.04.01.02]. CDR xác định rõ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ/tự chủ và tự chịu trách nhiệm, vị trí công việc, cơ hội học tập của SV sau khi tốt nghiệp và phù hợp với triết lý giáo dục. Thực học - Thực nghiệp là người dạy và người học hiểu đúng mục đích của việc dạy và học, dạy và học thực chất; kết quả thi, kiểm tra phản ánh đúng, thực chất chất lượng giáo dục; đồng thời, giáo dục gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động, lấy hiệu quả, chất lượng công việc của người học làm thước đo; sau khi tốt nghiệp SV có đủ năng lực và phẩm chất cần thiết để sống và làm việc.

Triết lý giáo dục “Thực học - Thực nghiệp” được công khai trên website UPT, trong các ấn phẩm giới thiệu về Trường (*brochure, kỷ yếu*), trưng bày tại các nơi trong phòng họp, giảng đường... để phổ biến rộng rãi đến các BLQ [H4.04.01.03]. Đồng thời, Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Trường còn được đưa vào hợp chuyên môn đào tạo định kỳ nhằm định hướng CDR và các hoạt động dạy, học theo đúng triết lý đã được đề ra [H4.04.01.04], [H4.04.01.05].

Đối với SV, ngay từ khi vào nhập học, Triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của SV trong quá trình học tập để đáp ứng được mục tiêu đào tạo [H4.04.01.06]. Ngoài ra, mỗi học kỳ các cố vấn học tập tổ chức sinh hoạt lớp với SV, giúp SV hiểu rõ lịch trình và mục tiêu đào tạo của Khoa, để SV có kế hoạch học tập phù hợp [H4.04.01.07]. Đối với nhà tuyển dụng lao động, các chuyên gia đầu ngành, cựu SV cũng được Khoa trao đổi các nội dung về chủ trương, chiến lược, mục tiêu giáo dục của Trường trong các buổi tọa đàm, lấy ý kiến về xây dựng CTĐT, họp mặt cựu SV,... [H4.04.01.08].

2. Điểm mạnh:

Trường có văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục và được phổ biến rộng rãi đến các BLQ qua nhiều kênh thông tin khác nhau, CBGVNV và SV nắm rõ.

3. Điểm tồn tại:

Một số GV thỉnh giảng chưa quan tâm lắm đến triết lý giáo dục của Trường để chuyển tải vào các hoạt động giảng dạy cho phù hợp.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện /hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục thực hiện công tác truyền thông về triết lý giáo dục của Trường cho các BLQ, đặc biệt là các GV thỉnh giảng một cách sâu sắc hơn qua các hội nghị, hội thảo, các buổi sinh hoạt gặp gỡ của Khoa với GV trước khi bắt đầu mỗi học kỳ...	Ban TTTT &QTM; K.TC-KT-NH	Thường xuyên (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện định kỳ công tác rà soát, cập nhật về Triết lý giáo dục của Trường, Khoa cho phù hợp với giai đoạn phát triển. Đồng thời tiếp tục thực hiện phổ biến rộng rãi đến CBGVNV và người học của Trường hiểu rõ và thực hiện.	BGH; P.QLĐT; Ban TTTT &QTM; K.TC-KT-NH	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng:

Để đảm bảo SV đạt được CDR theo đúng triết lý giáo dục của Nhà trường, các GV ngành Kế toán trong Khoa TC-KT-NH đã chủ động xác định và áp dụng tổ hợp các PPDH đa dạng, phù hợp với từng môn học. Các phương pháp được lựa chọn được thể hiện rõ trong CTĐT và ĐCHP [H4.04.02.01].

Trong quá trình giảng dạy, GV linh hoạt phối hợp nhiều phương pháp như thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm, bài tập tình huống, mô phỏng, trình chiếu kết hợp hỏi – đáp,... Việc giảm dần tỷ lệ thuyết giảng truyền thống và tăng cường các phương pháp

chủ động đã giúp nâng cao tính tích cực và khả năng tự học của SV. Các cải tiến về PPDH được cập nhật thường xuyên qua các lần rà soát CTĐT và ĐCHP.

Đội ngũ GV của Khoa luôn chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, từng bước chuyển đổi từ phương pháp truyền thống sang PPDH tích cực, lấy người học làm trung tâm. Các bài giảng không chỉ trình bày lý thuyết mà còn liên hệ thực tiễn, đặt vấn đề để SV suy nghĩ, thảo luận và đề xuất hướng giải quyết, từ đó hình thành kỹ năng tư duy phản biện, phân tích và ra quyết định. Đồng thời, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động học thuật, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm về đổi mới PPDH. Việc ứng dụng CNTT, phần mềm kế toán, ngoại ngữ chuyên ngành trong giảng dạy – học tập được triển khai rộng rãi [H4.04.02.02].

Đặc biệt, các học phần chuyên ngành Kế toán như Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Kiểm toán, Kế toán quốc tế... được tổ chức giảng dạy gắn liền với thực tiễn thông qua các bài tập tình huống và thực hành kỹ năng nghề nghiệp. SV được rèn luyện kỹ năng xử lý dữ liệu kế toán bằng phần mềm Excel trong học phần Tin học kế toán, làm quen với quy trình hạch toán kế toán trên phần mềm kế toán MISA trong học phần Kế toán mô phỏng. Ngoài ra, trong học phần Thuế ứng dụng, SV được thực hành kê khai thuế GTGT, TNCN, TNDN trên phần mềm hỗ trợ kê khai thuế HTKK của Tổng cục Thuế. Việc triển khai thực hành trên các phần mềm này giúp SV hình dung rõ quy trình tác nghiệp thực tế tại doanh nghiệp, phát triển kỹ năng phân tích số liệu và tư duy hệ thống trong lĩnh vực kế toán – thuế [H4.04.02.01].

Đầu mỗi năm học, SV ngành Kế toán được tham gia Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, trong đó có các nội dung định hướng phương pháp học tập ở bậc ĐH, kỹ năng tự học, NCKH và các hoạt động rèn luyện kỹ năng mềm. CTĐT được thiết kế kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tạo cơ hội cho SV tiếp cận thực tế nghề nghiệp thông qua hoạt động thực tập tại các công ty kế toán, kiểm toán, doanh nghiệp sản xuất – kinh doanh hoặc tổ chức tài chính – kế toán [H4.04.02.03], [H4.04.02.04].

Kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến SV về mức độ hài lòng đối với mỗi học phần, PPDH và phương pháp KTĐG. Tỷ lệ hài lòng của SV với PPDH luôn đạt trên 90% và có xu hướng tăng qua các học kỳ [H4.04.02.05].

Bảng 4.1 Tỷ lệ % hài lòng và không hài lòng của SV về PPGD của GV Khoa TC-KT-NH giai đoạn 2020-2024

Năm học	Tiêu chí PPDH & nội dung giảng dạy			Tiêu chí KTĐG			Tiêu chí tác phong sư phạm		
	Không hài lòng	Tương đối	Hài lòng	Không hài lòng	Tương đối	Hài lòng	Không hài lòng	Tương đối	Hài lòng
HK1 - NH 2020-2021	3,2	9,4	87,3	2,9	8,8	88,4	3,3	9,3	87,5
HK2 - NH 2020-2021	3,3	10,0	86,8	2,8	9,8	87,5	3,2	10,0	86,9
HK1 - NH 2021-2022	3,3	9,7	87,0	2,8	9,3	87,9	3,2	9,7	87,2
HK2 - NH 2021-2022	4,2	5,0	90,9	3,8	5,0	91,3	4,8	3,9	91,4
HK1 - NH 2022-2023	3,7	7,3	88,9	3,3	7,1	89,6	4,0	6,8	89,3
HK2 - NH 2022-2023	4,7	7,4	88,0	4,6	7,1	88,3	4,8	6,7	88,6
HK3 - NH 2022-2023	6,7	7,7	85,8	6,7	7,4	86,0	6,7	7,2	86,2
HK1 - NH 2023-2024	1,6	6,7	91,8	1,6	6,3	92,2	1,6	6,5	92,0
HK2 - NH 2023-2024	1,7	7,1	91,2	1,8	7,1	91,2	1,8	7,0	91,3
HK3 - NH 2023-2024	3,6	8,4	88,1	3,4	7,9	88,7	2,7	8,3	89,0

2. Điểm mạnh:

Khoa luôn duy trì và tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CDR mỗi môn học và CTĐT. Người học được khuyến khích, tạo điều kiện chủ động tiếp cận các hoạt động học tập phù hợp.

3. Điểm tồn tại:

Việc ứng dụng công nghệ số vào việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức thêm các tọa đàm về phương pháp học tập và NCKH cho SV. GV giảng dạy thường xuyên động viên SV phát huy tinh thần chủ động tham gia vào các hoạt động học tập; trang bị thêm nhiều kỹ năng mềm để SV có thể tự tin, thích nghi hơn với các hoạt động khi đi thực tế, thực tập.	K.TC-KT-NH	Thường xuyên (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Dựa trên các kết quả khảo sát các BLQ về CTĐT để có điều chỉnh phù hợp, khai thác tối đa thực hành trực tiếp tại doanh nghiệp và đa dạng hơn các hoạt động học tập khác để SV ra trường dễ thích nghi với công việc thực tế.	K.TC-KT-NH	Hàng năm (từ 2025-2026)	
		Tiếp tục cập nhật và hoàn thiện cổng thông tin học tập trực tuyến để người học có thể tiếp cận dễ dàng và toàn diện hơn.	K.TC-KT-NH; P.QLĐT	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT ngành Kế toán được thiết kế nhằm trang bị cho SV kiến thức chuyên môn nền tảng và chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính doanh nghiệp. SV được đào tạo các nội dung như kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán, phân tích kết quả hoạt động... giúp SV hoàn thiện kỹ năng chuyên môn và vận dụng tốt vào thực tiễn công việc. Đồng thời, chương trình còn chú trọng trang bị các kỹ năng mềm

như giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện, sử dụng CNTT và phương pháp nghiên cứu NCKH [H4.04.02.01].

Với mục tiêu đào tạo định hướng ứng dụng, Trường đã liên tục cập nhật và điều chỉnh CDR, CTĐT và ĐCHP định kỳ 2 năm 1 lần [H4.04.03.01], [H4.04.03.02]. Tất cả các ĐCHP có mô tả về các PPDH trên lớp phù hợp với từng môn học, rèn luyện kỹ năng thiết yếu là phân tích, đánh giá và ra quyết định nhằm kích thích tư duy, tính chủ động của SV trong học tập; đồng thời các môn kỹ năng mềm được thêm và CTĐT giúp rèn luyện thêm các kỹ năng mềm về giao tiếp, phân tích, tổng hợp vấn đề cho SV. Ngoài ra, trong các ĐCHP cũng mô tả đến việc tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV thông qua việc cung cấp các tài liệu tham khảo, yêu cầu SV tìm hiểu bài trước khi đến lớp, giao các bài tập về nhà, các chủ đề nghiên cứu thêm... Việc rèn luyện các kỹ năng phân tích, tổng hợp, thuyết trình và khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV còn thể hiện qua các yêu cầu của học phần thực tập và khóa luận tốt nghiệp [H4.04.03.03]. Cổng thông tin học tập trực tuyến của Khoa, Trường cũng đã hỗ trợ SV tích cực trong rèn luyện kỹ năng tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV [H4.04.03.04].

GV giảng dạy theo đúng mô tả trong ĐCHP và chủ động điều chỉnh phương pháp phù hợp với từng lớp học. Các phương pháp như dạy học theo tình huống thực tế, mô phỏng nghiệp vụ kế toán, tương tác trực tiếp để giải quyết vấn đề kế toán thường xuyên được áp dụng, giúp SV phát triển tư duy nghề nghiệp, so sánh giữa lý thuyết và thực tiễn. SV cũng được khuyến khích tham gia NCKH, các hoạt động ngoại khóa, thực tế tại doanh nghiệp để trải nghiệm và hiểu rõ các yêu cầu nghề nghiệp. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa TC-KT-NH tổ chức định kỳ các hội thảo khoa học, hội nghị đổi mới sáng tạo trong dạy và học, hội nghị dạy tốt - học tốt,... nhằm cập nhật và đổi mới PPDH cho GV [H4.04.03.05].

Định kỳ mỗi học kỳ, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy từng môn học, đồng thời lấy ý kiến từ nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng năng lực nghề nghiệp của SV tốt nghiệp ngành Kế toán. Các kết quả khảo sát này được tổng hợp và chuyển cho Khoa để làm căn cứ điều chỉnh, hoàn thiện PPDH phù hợp hơn với yêu cầu xã hội [H4.04.03.06].

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học được thể hiện trong ĐCHP. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết cho ngành Kế toán và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

3. Điểm tồn tại:

SV chưa thật sự chủ động và quyết tâm trong việc học tập của mình, nhất là việc tự học, tự nghiên cứu thêm theo hướng dẫn.

4. Kế hoạch hành động:

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường thực hiện công tác định hướng, hỗ trợ, khơi dậy tính chủ động học tập trong SV trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của Khoa với SV. GV giảng dạy tích cực động viên SV hơn nữa, tạo điều kiện để SV tham gia các hoạt động trong giờ học và việc tự học, tự nghiên cứu theo các chủ đề liên quan.	K.TC-KT-NH	Thường xuyên (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Đổi mới các hoạt động dạy và học cho phù hợp hơn với các yêu cầu thực tế của người học và nhà tuyển dụng. Mô tả rõ ràng các PPDH trong ĐCHP.	K.TC-KT-NH	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Văn bản về triết lý giáo dục của Trường được xây dựng và tuyên bố rõ ràng,

được phổ biến rộng rãi tới các BLQ trong và ngoài trường.

Khoa đã xây dựng một tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CDR môn học và CTĐT. Người học được tạo điều kiện chủ động tiếp cận các hoạt động học tập phù hợp.

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học được thể hiện trong ĐCHP. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết cho ngành Kế toán và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Một số GV thỉnh giảng chưa quan tâm lắm đến triết lý giáo dục của Trường để chuyển tải vào các hoạt động giảng dạy cho phù hợp. SV của Khoa chưa thật sự chủ động trong việc tham gia các hoạt động học tập tích cực trên lớp cũng như việc tự học, tự nghiên cứu thêm, chưa thích ứng tốt với các hoạt động tại nơi thực tập.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 4:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí, trong đó có 02 tiêu chí đạt 5/7 và 01 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu:

Khoa TC-KT-NH phối hợp với Phòng QLĐT định kỳ xây dựng kế hoạch KTĐG kết quả học tập của người học rõ ràng cho từng học kỳ. GV có trách nhiệm lựa chọn và áp dụng các phương pháp KTĐG phù hợp, đa dạng, bảo đảm độ giá trị, tin cậy, tính khách quan và công bằng. Người học được cung cấp đầy đủ, minh bạch các thông tin liên quan đến phương thức, tiêu chí đánh giá, quy trình công bố điểm cũng như quy trình khiếu nại, chủ động xây dựng và điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân một cách hiệu quả.

Trong những năm qua, Nhà trường đã triển khai quy trình tổ chức thi tập trung, với hệ thống văn bản quy định rõ ràng về việc chuẩn bị kỳ thi cuối kỳ, ra đề thi, phân công giám thị, coi thi, chấm thi, công bố điểm, phúc khảo và lưu trữ kết quả thi. Các hình thức và quy trình đánh giá hiện hành cho phép Khoa TC-KT-NH đo lường và

đánh giá được mức độ đạt được CĐR của SV một cách tin cậy, chính xác và toàn diện.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng:

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện dựa trên các quy định cụ thể theo Quy chế đào tạo của Nhà trường **[H5.05.01.01]**. Song song đó, bản mô tả CTĐT và ĐCHP luôn được điều chỉnh, cập nhật phù hợp với các thay đổi về quy chế và nhằm đảm bảo việc đánh giá phù hợp với CĐR của ngành Kế toán **[H5.05.01.02]**. Các Quy chế học vụ của Trường được công bố công khai cho các BLQ thông qua Sổ tay SV, website Trường/Khoa TC-KT-NH,... với các biểu mẫu hướng dẫn rõ ràng cho GV, người học hiểu rõ và thực hiện **[H5.05.01.03]**. Kế hoạch về đào tạo, thi cử, kiểm tra và đánh giá được thể hiện qua Kế hoạch đào tạo của Trường, Khoa, lịch thi mỗi học kỳ, được công bố trên website, SV tự truy cập vào hệ thống để theo dõi và thực hiện **[H5.05.01.04]**.

Để đảm bảo việc đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá và tương ứng với mức độ đạt được CĐR, trong từng giai đoạn đánh giá. Nhà trường đã ban hành quy trình lựa chọn, thiết kế các PPDH và phương pháp KTĐG người học theo CĐR và đánh giá sự phù hợp của các phương pháp KTĐG người học **[H5.05.01.05]**.

Trong bản mô tả CTĐT ngành Kế toán có xây dựng các phương pháp về KTĐG người học; Trong mỗi ĐCHP, GV phải xác định và thiết kế các phương pháp KTĐG cho điểm quá trình và điểm cuối kỳ của môn học. Các bài KTĐG giữa kỳ, thi cuối kỳ GV phải đảm bảo nội dung kiểm tra nhằm đo lường mức độ đạt CĐR nào của môn học, cách thức kiểm tra phải phù hợp với đặc điểm của môn học và được thể hiện trong ĐCHP **[H5.05.01.02]**.

(1) Đánh giá đầu vào (tuyển sinh): Theo đề án tuyển sinh, trường tổ chức xét tuyển theo 3 hình thức là dựa vào kết quả thi THPT và kết quả học tập ở bậc THPT và kết quả thi Đánh giá năng lực của ĐHQG Tp.HCM tổ chức **[H5.05.01.06]**.

- Đối với tiêu chí xét tuyển dựa vào kỳ thi THPT, người học phải tốt nghiệp THPT và đạt đủ điểm xét tuyển (tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy định).

- Đối với xét dựa trên kết quả học tập, người học phải tốt nghiệp THPT và đạt đủ điểm xét tuyển (điểm trung bình cả năm của lớp 12 hoặc điểm trung bình theo tổ hợp môn xét tuyển hoặc điểm trung bình chung theo tổ hợp môn của năm lớp 10, năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 cộng với điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy chế).

(2) Đánh giá quá trình/Đánh giá môn học: Đánh giá SV thông qua môn học là nhiệm vụ của GV từng môn học, GV chịu trách nhiệm về kết quả học tập của SV trước Bộ môn, Ngành, Khoa và Nhà trường. Nội dung này đã được cụ thể hóa trong Quy chế đào tạo theo tín chỉ do Trường ban hành **[H05.05.01.01]**.

- GV có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá quá trình khác nhau như: tự luận, trắc nghiệm, thực hành, thực tập, bài tập lớn, ... hoặc kết hợp các hình thức nói trên tùy theo tính đặc thù của từng môn học, nhằm đảm bảo đánh giá được kiến thức, kỹ năng và năng lực của người học.

- Đối với các học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính từ các điểm chuyên cần (10%), điểm thi giữa học phần (30%) và điểm thi kết thúc học phần (60%), có các tiêu chí đánh giá rõ ràng được thể hiện trong từng ĐCHP **[H5.05.01.02]**. Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân và chuyển sang thang điểm 4 và điểm chữ.

Căn cứ theo hình thức đánh giá của từng học phần đã được phê duyệt, GV ra đề thi theo biểu mẫu thống nhất được quy định, nộp về Khoa trước khi kết thúc môn học 2 tuần; trước khi đề thi và đáp án được chuyển về Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Trưởng khoa/Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm phê duyệt đề thi. Việc tổ chức thi kết thúc môn học được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phụ trách, đảm bảo tổ chức thi học kỳ diễn ra nghiêm túc, công bằng, khách quan **[H5.05.01.07]**.

(3) Đánh giá đầu ra khóa học: Việc đánh giá cuối khóa được thông qua khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập tốt nghiệp:

- Khóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ): Chỉ áp dụng đối với những SV thỏa mãn đồng thời 2 tiêu chuẩn là điểm trung bình chung học tập tích lũy đến hết học kỳ 8 phải trên 7.0 và không còn nợ môn. SV có thể tự đăng ký chọn đề tài và được GV hướng dẫn. Khóa luận tốt nghiệp của SV sẽ do 2 GV chấm theo sự phân công của Khoa chuyên môn (GV không chấm khóa luận tốt nghiệp do mình hướng dẫn), điểm khóa luận tốt nghiệp là điểm trung bình cộng của 2 GV chấm **[H5.05.01.08]**.

- Báo cáo thực tập tốt nghiệp (6 tín chỉ) và các môn học bổ sung (kỹ năng mềm): Thực tập tốt nghiệp cuối khóa được tiến hành theo hình thức thực tập tại doanh nghiệp nhằm giúp SV có điều kiện khảo sát thực tế, quan sát và ghi nhận thực tiễn của các kiến thức đã học tại giảng đường, tiếp cận các điều kiện kỹ thuật mà lý thuyết chưa đề cập đến do hạn chế thời gian. Các SV sẽ được GV của Khoa hướng dẫn tìm hiểu, phân tích và đánh giá các vấn đề thực tế. Tại cơ sở, SV cũng được hướng dẫn bởi cán bộ tại cơ sở. Cuối kỳ thực tập, SV có nhiệm vụ viết báo cáo thực tập tốt nghiệp có sự xác nhận, đánh giá của cơ sở thực tập và GV trực tiếp hướng dẫn. Ngoài thực tập tốt nghiệp, SV phải học thêm học phần kỹ năng mềm (3 tín chỉ) để đảm bảo đủ điều kiện tốt nghiệp **[H5.05.01.08]**.

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được thực hiện đánh giá theo học kỳ và thông qua 4 cấp đánh giá, bao gồm: cá nhân tự đánh giá, tập thể lớp đánh giá, hội đồng đánh giá cấp khoa và hội đồng đánh giá cấp trường **[H5.05.01.09]**. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá (ý thức tham gia học tập; ý thức chấp hành nội quy, quy định; ý thức tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng; và ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể của Đảng, Đoàn, Hội, các tổ chức hợp pháp khác trong Trường hoặc có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của SV) được quy định theo thang điểm 100 và xếp loại từ kém đến xuất sắc.

Để được công nhận tốt nghiệp ngoài việc hoàn thành đủ số tín chỉ theo quy định và điểm trung bình tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên, người học phải có chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học, chứng chỉ GDQP và GDTC **[H5.05.01.01]**.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC khảo sát ý kiến SV và các BLQ để đánh giá phù hợp trong quá trình học tập của người học trong CTĐT **[H5.05.01.10]**. Quy chế học vụ và các quy định về thi, kiểm tra, đánh giá người học của Trường được thường xuyên rà soát, điều chỉnh cho phù hợp. Trường còn lập kế hoạch thanh tra năm học, thành lập ban kiểm tra tình hình lên lớp và thi kết thúc học phần **[H5.05.01.11]**.

2. Điểm mạnh:

Các quy định về KTĐG người học được công bố công khai. Tổ hợp các phương

pháp KTĐG kết quả học tập của SV được Khoa TC-KT-NH thiết kế đa dạng và phù hợp theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của người học.

Việc đánh giá đề tài tốt nghiệp được thực hiện theo đúng quy định với các tiêu chí đánh giá và thang chấm điểm rõ ràng, cụ thể.

3. Điểm tồn tại:

Đa số các học phần chung, việc đánh giá phần nhiều dừng ở nhớ, hiểu, vận dụng; CĐR về thái độ hầu như chỉ được đánh giá thông qua 10% điểm chuyên cần.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát các phương pháp KTĐG được thiết kế trong ĐCHP, để đảm bảo việc đánh giá CĐR về thái độ đối với các học phần trực tiếp đề cập đến thái độ trong hoạt động thực hành, các học phần thi vấn đáp, được triển khai đánh giá phù hợp trong cả quá trình học tập; thông báo cho SV ngay từ khi bắt đầu học phần.	K.TC-KT-NH; GV bộ môn	Từ năm 2025 -2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ tổ chức tổng kết và rà soát mức độ bám sát CĐR trong nội dung các bài KTĐG kết quả của người học.	P.QLĐT; K.TC-KT-NH	Từ năm 2025- 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 5.2 Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường đã ban hành đầy đủ các tài liệu và hướng dẫn liên quan đến quy trình KTĐG trong đào tạo, bao gồm các nội dung cụ thể như: thời gian, hình thức, phương pháp đánh giá; tiêu chí và trọng số các thành phần đánh giá; cũng như cơ chế phản hồi của người học và GV. Các quy định này được áp dụng thống nhất trong các kỳ thi kết thúc học phần, cũng như trong các hình thức KTĐG thường xuyên khác **[H5.05.01.01], [H5.05.01.02]**. Cụ thể, trong Chương III - Quy chế đào tạo của Trường có nêu rõ về đánh giá kết quả học tập của SV như sau:

- Đánh giá kết quả của một học phần gồm có 3 phần chính là: (i) Điểm chuyên cần 10%: đánh giá về mức độ chuyên cần, thái độ học tập của người học; (ii) Điểm giữa kỳ 30%: có thể bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên trên lớp, đánh giá về thái độ và mức độ tham gia của người học vào bài học, tiểu luận, bài tập nhóm hay kiểm tra viết giữa kỳ,...; (iii) Điểm thi kết thúc học phần 60%. Điểm đánh giá thành phần và điểm trung bình của học phần theo thang điểm 10 và sẽ chuyển đổi sang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ của Bộ GDĐT.

- Trong ĐCHP cũng có nêu cụ thể hơn về các phương pháp KTĐG của môn học đó, thời điểm sẽ tiến hành các bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, trọng số và hình thức, tiêu chí của các bài kiểm tra,... nhằm đáp ứng mục tiêu của học phần và mức độ đạt được về CĐR của học phần. Về thời gian, bài kiểm tra giữa kỳ được thực hiện sau khi học xong 1/2 thời lượng môn học, bài kiểm tra cuối kỳ được thực hiện sau khi kết thúc học phần từ 1 đến 2 tuần. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá được ghi trong ĐCHP. Tất cả 100% ĐCHP của CTĐT có xác định rõ trọng số đánh giá từng điểm đánh giá bộ phận của học phần **[H5.05.02.01]**.

- Về cơ chế phản hồi: người học phản hồi về kết quả đánh giá quá trình trực tiếp trên lớp sau khi được GV giảng dạy công bố kết quả vào tuần học cuối của môn học; người học phản hồi nếu có thắc mắc về kết quả thi kết thúc học phần thông qua Khoa đến Phòng KT-ĐBCL-TT&PC theo quy trình phúc khảo **[H5.05.02.02]**.

Nhằm đảm bảo tính công khai và giúp người học có thể nắm rõ về phương pháp đánh giá kết quả học tập của mình từ việc đánh giá mỗi học phần, đến cách tính điểm cả quá trình tích lũy trong CTĐT, cũng như CĐR của ngành học... Quy chế đào tạo, quy định về tổ chức thi kết thúc học phần, các tài liệu hướng dẫn cụ thể về việc đánh

giá kết quả học tập của người học đều được công bố công khai cho SV trên website của Trường, Khoa TC-KT-NH, Sổ tay SV, hệ thống email cá nhân của SV để theo dõi **[H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]**.

Ngoài ra, vào đầu khóa học, SV được tham dự tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và các buổi họp đầu năm của Khoa TC-KT-NH, cũng như sinh hoạt với cố vấn học tập để phổ biến cụ thể hơn cho SV về các nội dung liên quan trong khóa học, trong đó có việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của SV. SV được hướng dẫn cách để theo dõi và tự tính được kết quả học tập của mình **[H5.05.02.03]**.

Thực hiện theo quy chế đào tạo của Trường, vào đầu mỗi môn học, GV có trách nhiệm công bố ĐCHP, yêu cầu của môn học, phương pháp KTĐG, thời điểm tiến hành các bài KTĐG,... cho SV được rõ ràng trước khi bắt đầu môn học, để SV chủ động học tập đáp ứng được CDR của môn học đó.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có quy định rõ ràng về KTĐG kết quả học tập của người học. Kế hoạch và những quy định về KTĐG được thông báo công khai với người học ngay từ khi bắt đầu khóa học, học kỳ, môn học bằng nhiều hình thức. Toàn bộ GV của Khoa TC-KT-NH đều thực hiện việc thông báo quy định về đánh giá đến SV ngay từ đầu tuần 1 của quá trình giảng dạy. Những yêu cầu cụ thể về kỳ thi cuối kỳ được nhấn mạnh lại ít nhất một lần nữa ngay trước khi kết thúc quá trình giảng dạy.

Bộ phận trợ lý của Khoa phối hợp với Phòng QLĐT, các đội ngũ cố vấn học tập hướng dẫn cụ thể về KTĐG kết quả học tập cho SV hiểu rõ và thực hiện.

3. Điểm tồn tại:

Còn nhiều SV chưa quan tâm đến các quy định về KTĐG khi được phổ biến vào đầu khóa, trước khi bắt đầu học phần, dẫn tới chưa nắm rõ các quy định và chủ động theo dõi kết quả học tập của mình.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
----	----------	----------	-------------------------	---------------------------------	---------

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cố vấn học tập từng lớp tổ chức sinh hoạt hàng tháng để phổ biến các quy định về đánh giá kết quả học tập. Hướng dẫn SV nếu có thắc mắc thì trước hết phải tự tìm hiểu trong Sổ tay SV/ hỏi bạn bè/ tham khảo trên website trường trước khi liên hệ với Khoa/Trường.	K.TC-KT-NH	Định kỳ đầu năm học và hàng tháng (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật các quy định mới, quy chế của Bộ GDĐT, các thay đổi của CTĐT để kịp thời xây dựng, cải tiến các Quy định về thi, kiểm tra đánh giá người học cho phù hợp, đáp ứng mục tiêu đo lường mức độ đạt CĐR. Đồng thời phổ biến rõ ràng, chi tiết để tất cả SV nắm rõ về quy chế, cách thức thi khi kết thúc học phần vào đầu khóa học, học kỳ, môn học.	P.QLĐT; K.TC-KT-NH	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng:

Trong quy chế đào tạo và các tài liệu hướng dẫn về KTĐG kết quả học tập do Trường ban hành, đã quy định cụ thể và đầy đủ các phương pháp KTĐG khác nhau. Các phương pháp này bao gồm kiểm tra thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và thi kết thúc học phần, tạo điều kiện để các khoa, GV lựa chọn áp dụng phù hợp với mục tiêu, đặc điểm của từng học phần và đối tượng người học [H5.05.01.01], [H5.05.01.02].

Đối với Khoa TC-KT-NH, GV linh hoạt lựa chọn tổ hợp các phương pháp

KTĐG phù hợp, đồng thời đảm bảo đúng quy định trong CTĐT và ĐCHP. GV có trách nhiệm phổ biến rõ ràng các hình thức KTĐG cho SV ngay từ đầu học phần; đồng thời, các phương pháp thi, kiểm tra cuối kỳ cũng phải được gửi về Phòng KT-ĐBCL-TT&PC vào đầu mỗi học kỳ **[H5.05.03.01]**.

Các phương pháp KTĐG được áp dụng đa dạng, bao gồm: kiểm tra viết tại lớp (tự luận, trắc nghiệm), bài tập cá nhân/nhóm, thuyết trình, tiểu luận, đồ án học phần, báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp... **[H5.05.03.02]**. Việc lựa chọn phương pháp KTĐG đều tuân thủ nguyên tắc đảm bảo đo lường được mức độ đạt CĐR của học phần, đồng thời đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. GV lập kế hoạch đánh giá cụ thể, công bố tiêu chí chấm điểm từ đầu học phần, theo dõi điểm quá trình và thông báo kết quả thành phần cho SV trước khi kết thúc học phần **[H5.05.03.03]**.

Thi kết thúc học phần được tổ chức theo đúng quy định của Nhà trường. Hình thức thi được phê duyệt và công khai trong ĐCHP. Trong trường hợp có điều chỉnh, GV phải đề xuất để được Bộ môn, Khoa và BGH phê duyệt ngay từ đầu học kỳ. Đề thi do GV phụ trách thiết kế hoặc lấy từ ngân hàng đề thi, kèm theo đáp án, thang điểm rõ ràng hoặc có bảng mô tả tiêu chí phương pháp đánh giá đối với các học phần thi theo hình thức vấn đáp, thực hành, tiểu luận,... và được duyệt, niêm phong trước khi bàn giao cho Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức thi **[H5.05.03.04]**.

Việc chấm bài thi được thực hiện nghiêm túc theo quy trình chuẩn hóa, mỗi học phần có ít nhất 2 GV chấm để tăng độ tin cậy và tính công bằng. Các trường hợp sai lệch điểm số được rà soát thông qua đối chiếu bài thi và điểm thi trước khi chuyển kết quả chính thức cho Phòng QLĐT **[H5.05.03.05]**.

Sau khi công bố điểm trên hệ thống, SV có quyền phản hồi, khiếu nại hoặc xin phúc khảo trong vòng 1 tuần. Việc phúc khảo được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng quy trình như lần chấm đầu tiên và có sự phối hợp giữa Phòng KT-ĐBCL-TT&PC và Khoa. Ghi nhận trong các năm gần đây cho thấy có rất ít trường hợp phúc khảo, phản ánh sự hài lòng cao của SV Khoa TC-KT-NH đối với tính chính xác, khách quan và minh bạch của công tác KTĐG **[H5.05.01.06]**.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ (SV, GV, cựu SV) về mức độ hài lòng với quy trình và phương pháp KTĐG. Kết quả khảo sát

cho thấy người học hài lòng với các tiêu chí liên quan đến độ tin cậy và tính công bằng của việc đánh giá [H5.05.01.10]. Sau mỗi học kỳ, Phòng QLĐT và Phòng KT-ĐBCL-TT&PC cũng thực hiện phân tích phổ điểm của tất cả các học phần, nhằm phát hiện những học phần có phân bố điểm lệch chuẩn (tỷ lệ điểm A quá cao, hoặc điểm D/F cao bất thường). Báo cáo được gửi về các Khoa để rà soát đề thi, phương pháp KTĐG và từ đó điều chỉnh nếu cần thiết thông qua các cuộc họp chuyên môn, sơ kết – tổng kết học kỳ [H5.05.03.07], [H5.05.03.08]. Từ năm 2021, Trường có ban hành quy trình hướng dẫn và yêu cầu các khoa/bộ môn/GV căn cứ quy trình hướng dẫn để rà soát lại phương pháp, nội dung kiểm tra đánh giá mỗi học phần và cả CTĐT và đưa vào Quy định tổ chức thi kết thúc học phần của Trường từ năm 2023 về trách nhiệm của khoa/bộ môn phải thực hiện đánh giá lại các hình thức thi, đề thi đã sử dụng cho năm học trước liền kề, căn cứ trên kết quả phân tích phổ điểm thi, điểm tổng kết học phần và dựa trên các ý kiến phản hồi của các bên liên quan (SV, GV chấm thi, đơn vị tổ chức thi,...) để đánh giá mức độ đáp ứng của đề thi, hình thức thi.

2. Điểm mạnh:

Khoa TC-KT-NH áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức KTĐG kết quả học tập của người học, thực hiện nghiêm túc theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với ngành Kế toán.

3. Điểm tồn tại:

Hiện tại ngành Kế toán mới chỉ có một học phần “Nguyên lý kế toán” được xây dựng ngân hàng đề thi chính thức. Việc thiếu ngân hàng đề thi đối với các học phần còn lại khiến cho đề thi chưa phong phú, dễ lặp lại và có thể ảnh hưởng đến độ bao phủ CDR cũng như khả năng phân hóa năng lực SV.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa tiến hành rà soát, cập nhật đề thi, xây dựng ngân hàng đề thi chuẩn hóa đối với từng học phần theo hướng đa	K.TC-KT-NH	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		dạng, phong phú về nội dung.			
2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hơn nữa các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV đối với từng học phần để đảm bảo kết quả đánh giá phản ánh được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của SV.	K.TC-KT-NH	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 5.4 Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có ban hành cụ thể các quy định về KTĐG người học, trong đó quy định về việc phản hồi kết quả KTĐG của người học đầy đủ, kịp thời. Thực hiện theo quy định của Trường, kết quả đánh giá người học được công bố kịp thời trong từng giai đoạn, trong đó, kết quả đánh giá quá trình được GV phản hồi cho SV trong suốt quá trình giảng dạy để SV kịp thời cải thiện việc học tập nhằm đáp ứng điều kiện thi cuối học kỳ và sau đó GV công bố kết quả đánh giá điểm thành phần trong buổi giảng cuối của học phần để SV biết, SV có quyền được yêu cầu xem xét lại điểm thành phần nếu thấy không thỏa mãn. Kết quả thi kết thúc học phần, báo cáo thực tập được công bố cho SV trên hệ thống quản lý đào tạo chậm nhất 10 ngày sau khi thi, các khoa nhắc nhở SV theo dõi kịp thời. Kết quả đánh giá thi học phần theo hình thức vấn đáp, thực hành trực tiếp, bảo vệ khóa luận, đồ án,... được công bố ngay sau khi kết thúc buổi thi/bảo vệ tại phòng thi, sau đó công bố trên thông quản lý đào tạo của Trường theo quy định [H5.05.04.01]. SV cuối khóa còn có kế hoạch, lịch trình cụ thể cho việc thực tập, hoặc làm khóa luận tốt nghiệp, trên đó cũng quy định rõ ràng về thời gian công bố các kết quả của SV [H5.05.04.02].

Các Quy chế, quy định, kế hoạch về việc phản hồi kết quả học tập cho người học được công bố công khai cho Khoa, GV, SV biết qua website của Trường, Khoa, Sổ tay

SV, sinh hoạt công dân đầu khóa học, năm học, hệ thống email nội bộ của Khoa, GV và SV... để các đối tượng nắm rõ và thực hiện **[H5.05.01.03]**, **[H5.05.02.03]**.

Kết quả học tập của người học được phản hồi kịp thời bằng nhiều hình thức khác nhau như là: đối với từng học phần, cả học kỳ, năm học, khóa học của SV được cập nhật thường xuyên trên website Trường nhưng chỉ có cá nhân SV được Trường cấp tài khoản truy cập mới có thể xem được; ngoài ra, Phòng QLĐT sẽ gửi kết quả tổng hợp cho từng Khoa để theo dõi chung tình hình học tập của SV Khoa, Khoa cũng có lưu 1 bảng điểm cứng có ký tên của GV, SV để khi cần có thể đối chiếu, kiểm tra; SV có thể tự in bảng kết quả học tập của mình trực tiếp trên website hoặc gửi yêu cầu cho Phòng QLĐT **[H5.05.04.01]**, **[H5.05.04.04]**.

Các thông tin phản hồi về kết quả học tập giúp cho người học kịp thời điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân hoặc nỗ lực phấn đấu hơn nữa để cải thiện kết quả học tập, hoàn thành khóa học kịp tiến độ. Khoa/GV cố vấn sẽ căn cứ trên kết quả tổng hợp để kịp thời có kế hoạch giúp đỡ SV yếu kém trong quá trình học tập.

Khoa TC-KT-NH/Cố vấn học tập của các lớp thường xuyên tổ chức buổi họp mặt với Ban cán sự các lớp, sinh hoạt lớp để nhắc lại các quy định có liên quan theo từng giai đoạn như cách tính điểm trung bình, điểm tích lũy hoặc các quy định về công tác KTĐG cũng như lắng nghe ý kiến phản hồi của đại diện SV về các hoạt động giảng dạy, học tập, thi cử, về khóa học, về CSVC, chất lượng GV và cán bộ Khoa.... trong đó có tiêu chí phản hồi kết quả học tập. Ngoài ra, căn cứ trên kết quả học tập, GV cố vấn thường xuyên nhắc, tư vấn SV đăng ký cải thiện điểm đối với các học phần chưa đạt **[H5.05.04.05]**. Ngoài ra, khi kết thúc học phần SV còn có thể phản hồi ý kiến về môn học trên hệ thống khảo sát online của Phòng KT-ĐBCL-TT&PC. Hằng năm, Nhà trường cũng sẽ khảo sát các BLQ như SV năm cuối, cựu SV và nhà tuyển dụng về CTĐT, chất lượng người học, KTĐG kết quả học tập của người học. Kết quả sẽ được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC gửi đến các Khoa, trên cơ sở đó, Khoa sẽ định hướng và hiệu chỉnh công tác giảng dạy và đánh giá, thi cử hoàn thiện hơn **[H5.05.01.10]**, **[H5.05.04.06]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống các văn bản, quy định, quy trình rõ ràng, chi tiết, chặt

chẽ về công bố kết quả KTĐG cho người học. Kết quả học tập của người học được công bố kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp người học cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo.

3. Điểm tồn tại:

Một bộ phận người học chưa có ý thức tự giác theo dõi kịp thời và cải thiện việc học tập thông qua kết quả kiểm tra đánh giá.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	GV cố vấn các lớp thường xuyên nhắc nhở SV kiểm tra kết quả học tập, theo dõi kế hoạch đào tạo, TKB các học kỳ, sắp xếp đăng ký học cải thiện/học lại các học phần có kết quả chưa đạt vào đầu mỗi kỳ.	K.TC-KT-NH	Thường xuyên (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát hệ thống các văn bản, quy định, quy trình về KTĐG người học. Công bố kết quả học tập của người học kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp người học cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo.	P.QLĐT; P.KT-ĐBCL-TT&PC; K.TC-KT-NH	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 5.5 Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng:

Để đảm bảo tính chính xác, công bằng về kết quả kiểm tra đánh giá và thi học kỳ của SV, các quy định, quy trình đối với khiếu nại về kết quả học tập của người học được quy định cụ thể và hướng dẫn có biểu mẫu rõ ràng trong Quy chế đào tạo, trong

Quy định thi kết thúc học phần, Quy trình thực hiện học phần cuối khóa, xét tốt nghiệp,... của Trường, quy định chặt chẽ hơn về trách nhiệm của GV, các đơn vị và cả người học trong việc rà soát kết quả kiểm tra đánh giá người học **[H5.05.01.01]**, **[H5.05.05.01]**.

Theo đó, kết quả đánh giá người học được công bố kịp thời trong từng giai đoạn, trong đó, kết quả đánh giá quá trình được GV phản hồi cho SV trong suốt quá trình giảng dạy để SV kịp thời cải thiện việc học tập; và sau đó GV công bố công khai kết quả đánh giá điểm thành phần (điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ) trong buổi giảng cuối của học phần để SV biết; SV có quyền khiếu nại về các điểm đánh giá quá trình trực tiếp với GV phụ trách học phần tại lớp hoặc tiếp tục khiếu nại đến Phòng KT-ĐBCL-TT&PC yêu cầu xem xét lại điểm thành phần nếu vẫn thấy không thỏa mãn, trước khi Phòng QLĐT xác nhận điểm trên hệ thống để công bố điều kiện dự thi cuối học kỳ.

Với điểm thi kết thúc học phần, trong vòng 7 ngày kể từ khi điểm thi kết thúc học phần được công bố (không tính ngày lễ và chủ nhật), nếu SV có khiếu nại, muốn xem lại bài thi hoặc muốn phúc khảo bài thi (kể cả bài thi hình thức tiểu luận, báo cáo kiến tập, thực tập) SV thực hiện theo quy trình như sau:

a. SV đến Khoa hoặc Phòng KT-ĐBCL-TT&PC để xin mẫu đơn xin phúc khảo hoặc tải mẫu đơn trên website Phòng <http://dbcl.upt.edu.vn/>, điền đầy đủ thông tin;

b. SV đóng lệ phí phúc khảo bài thi theo quy định tại Phòng KH-TC, nộp đơn phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCL-TT&PC hoặc qua email phongkhaothi@upt.edu.vn kèm hình ảnh biên lai đóng lệ phí;

c. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với Khoa tổ chức thực hiện việc chấm phúc khảo bài thi của SV theo quy trình như chấm thi lần 1 và có Biên bản chấm phúc khảo;

d. Trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận đơn phúc khảo, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC công bố kết quả phúc khảo bài thi cho SV, gửi đến Khoa liên quan và gửi biên bản đến Phòng QLĐT để cập nhật lại điểm thi nếu có thay đổi điểm;

Ngay từ năm thứ nhất, SV đã được Khoa, cố vấn học tập hướng dẫn về những quy định chung của Nhà trường, trong đó có quy định về thủ tục, quy trình khiếu nại về kết quả học tập và xem lại kết quả thi học phần bằng nhiều hình thức khác nhau

nhằm đảm bảo Khoa, GV và SV biết để thực hiện như: website của Trường, Khoa TC-KT-NH, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, cảm nang SV, vào các buổi sinh hoạt công dân đầu năm học... [H5.05.01.03], [H5.05.02.03]. Mặt khác, các phòng ban liên quan và cán bộ, GV Khoa TC-KT-NH luôn quan tâm hướng dẫn và giải quyết nhanh chóng, tốt nhất các khiếu nại hoặc thắc mắc của người học về kết quả học tập. Như vậy, người học hoàn toàn dễ dàng tiếp cận và thực hiện việc khiếu nại về kết quả học tập nếu có.

Tính đến nay, theo thống kê sơ bộ về công tác phúc khảo, các học phần do Khoa TC-KT-NH quản lý thuộc CTĐT ngành Kế toán có số đơn phúc khảo ít (trung bình ít hơn 5 trường hợp/1 năm học). Điều này đảm bảo chất lượng của công tác tổ chức thi kết thúc học phần, chấm thi và công bố kết quả đến người học.

2. Điểm mạnh:

SV Khoa TC-KT-NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình thông qua hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn của Trường, Khoa.

Nhà trường, Khoa TC-KT-NH luôn quan tâm giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập của người học trong suốt quá trình người học tham gia học tập tại Trường dưới nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại:

Một số SV chưa tập trung nên chưa hiểu rõ quy trình KTĐG cũng như khiếu nại khi được phổ biến, nên chưa biết cách chủ động theo dõi kết quả học tập của mình cũng như phản hồi các thắc mắc liên quan.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan phổ biến rộng rãi quy trình kiểm tra, đánh giá, khiếu nại cho SV vào đầu mỗi năm học, học kỳ cũng như trong quá trình học.	P.QLĐT; P.KT-ĐBCL-TT&PC; K.TC-KT-NH	Thường xuyên (từ 2025-2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật hệ thống văn bản, quy định về đánh giá, công bố kết quả học tập cho SV. Hướng dẫn và giải quyết sớm các vấn đề khiếu nại của SV về kết quả học tập (nếu có).	P.QLĐT; P.KT-ĐBCL-TT&PC; K.TC-KT-NH	Thường xuyên (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Nhà trường có quy định rõ ràng về KTĐG kết quả học tập của người học. Kế hoạch và những quy định về KTĐG được thông báo công khai với người học ngay từ khi bắt đầu khóa học, học kỳ, môn học.

Khoa TC-KT-NH áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức KTĐG kết quả học tập của người học phù hợp bám sát các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ; thực hiện đánh giá nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với ngành Kế toán.

Kết quả học tập của SV được công bố kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp SV cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo. SV Khoa TC-KT-NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình thông qua hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn của Trường, Khoa. Nhà trường và Khoa luôn quan tâm giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập của người học trong suốt quá trình người học tham gia học tập tại trường dưới nhiều hình thức.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần so với yêu cầu của các CĐR để có hướng điều chỉnh thích hợp hơn. Số lượng môn học được xây dựng ngân hàng đề

thì chung còn khá ít.

Còn nhiều SV chưa quan tâm đến các quy định về KTĐG khi được phổ biến vào đầu khóa, trước khi bắt đầu học phần, dẫn tới chưa nắm rõ các quy định và chủ động theo dõi kết quả học tập của mình cũng như phản hồi các thắc mắc liên quan.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 5:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 5 có 05 tiêu chí, trong đó 03 tiêu chí đạt 4/7 và 02 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu:

Để thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường, Nhà trường/Khoa TC-KT-NH chú trọng công tác quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ GV có trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, và luôn nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy cũng như NCKH. Đội ngũ GV hiện nay gồm GV cơ hữu và GV thỉnh giảng có học hàm, học vị cao, giàu kinh nghiệm thực tiễn và đến từ các CSGD ĐH uy tín khác. Công tác tuyển dụng và đề bạt GV, CBQL được triển khai công khai, minh bạch, đúng quy định, dựa trên các tiêu chí chuyên môn, kinh nghiệm. Việc phân công nhiệm vụ và xây dựng cơ chế phối hợp trong đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng làm việc của từng GV, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo và chất lượng đội ngũ giảng dạy.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường đã triển khai công tác quy hoạch nguồn nhân lực trên cơ sở đánh giá toàn diện nhu cầu của các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Trường được xác định trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2040 [H06.06.01.01] và trong Nghị quyết của HĐT [H06.06.01.02].

Để triển khai hiệu quả chiến lược phát triển nguồn nhân lực và phù hợp với điều

kiện thực tiễn, Trường đã xây dựng kế hoạch nhu cầu nhân lực gắn với hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD, được lồng ghép trong Đề án vị trí việc làm **[H6.06.01.03]**. Kế hoạch nêu rõ số lượng và tiêu chuẩn nhân sự cần có cho từng vị trí chức danh, từng đơn vị. Trong Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2019-2024, Trường đã xác định cụ thể định biên nhân sự, mô tả vị trí cần tuyển dụng, đồng thời chỉ rõ yêu cầu về số lượng và chất lượng đối với từng vị trí, làm căn cứ quan trọng cho công tác quy hoạch và tuyển dụng đội ngũ trong những năm tới.

Trên cơ sở định hướng chiến lược phát triển chung của Trường, Khoa TC-KT-NH đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa giai đoạn 2020-2025, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực. Mục tiêu trọng tâm là từng bước hoàn thiện cơ cấu đội ngũ, đồng thời nâng cao cả về số lượng lẫn chất lượng GV để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động đào tạo và NCKH trong bối cảnh hội nhập. Kế hoạch chiến lược của Khoa đã đề ra các chỉ tiêu cụ thể về trình độ chuyên môn, học hàm, học vị, năng lực ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp và kết quả NCKH của đội ngũ GV **[H06.06.01.04]**, đồng thời được cụ thể hóa hằng năm trong kế hoạch năm học của Khoa **[H06.06.01.05]**.

Hằng năm, căn cứ vào thông báo rà soát và đề xuất tuyển dụng nhân sự của Phòng TC-HC **[H06.06.01.06]**, Khoa tiến hành đánh giá thực trạng đội ngũ hiện có để xây dựng đề xuất tuyển dụng phù hợp. Việc đề xuất được thực hiện trên cơ sở xác định rõ nhu cầu về số lượng, tiêu chí tuyển dụng cụ thể cho từng vị trí, nhằm bảo đảm đội ngũ nhân sự đáp ứng yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD **[H06.06.01.07]**. Trên cơ sở đề xuất nhân sự của Khoa, Phòng TC-HC có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch tuyển dụng và tuyển dụng bổ sung nhân sự cho các vị trí còn thiếu, nhằm kịp thời củng cố và nâng cao hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và quản lý của Nhà trường **[H06.06.01.08]**.

Kế hoạch tuyển dụng của Trường quy định rõ các tiêu chuẩn về năng lực giảng dạy, năng lực NCKH, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và kinh nghiệm làm việc đối với từng vị trí. Quá trình tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình tuyển dụng CBGVNV, với các tiêu chí rõ ràng, công khai và minh bạch thông qua Website, Email, Fanpage của UPT, cũng như các kênh báo, đài tuyển dụng chính thức của Trường **[H06.06.01.09]**. Nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, Trường đã ban hành

một số chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo đội ngũ có trình độ cao **[H06.06.01.10]**. Đồng thời, công tác quy hoạch cán bộ quản lý cũng được thực hiện theo trình tự, thủ tục rõ ràng trong quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ và miễn nhiệm CBQL của Trường **[H06.06.01.11]**.

Trong giai đoạn 2020-2025, Trường đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến công tác quy hoạch nhân sự, gồm: Quyết định công bố danh sách nhân sự quy hoạch giai đoạn 2020-2025, Quyết định sửa đổi, bổ sung quy hoạch nhân sự giai đoạn 2020-2025 và Quyết định về việc công bố kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch giai đoạn 2020-2025 **[H6.06.01.12]**. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để đảm bảo tính liên tục, kế thừa và chủ động trong phát triển nguồn nhân lực của Trường.

Nhà trường cũng đã ban hành quy trình mời giảng và quản lý hoạt động giảng dạy của GV, kèm theo các hướng dẫn và biểu mẫu cụ thể, rõ ràng nhằm đảm bảo việc tuyển chọn đội ngũ GV có chuyên môn, đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy và tham gia hiệu quả vào các hoạt động NCKH **[H6.06.01.13]**. Trường đã ban hành các chính sách nhân sự cùng với chính sách thi đua, khen thưởng và đãi ngộ nhằm thu hút, giữ chân và tạo động lực phát triển đội ngũ CBGV **[H6.06.01.14]**.

Bên cạnh đó, Khoa/Nhà trường nói chung luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ toàn diện cho đội ngũ CBGVNV. Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng định kỳ, tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp, phương pháp giảng dạy và năng lực NCKH **[H6.06.01.15]**. Kế hoạch và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV được Khoa xây dựng cụ thể trong kế hoạch năm học, đảm bảo tính chủ động, phù hợp với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực và định hướng chiến lược đào tạo của Khoa trong từng giai đoạn **[H6.06.01.05]**.

Kết quả về cơ cấu độ tuổi, giới tính và trình độ chuyên môn của đội ngũ GV của Khoa giai đoạn 2020-2024 đã được thống kê đầy đủ, làm cơ sở đánh giá hiệu quả công tác quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực của Khoa **[H6.06.01.16]**. Đồng thời, Khoa cũng xây dựng bản mô tả vị trí việc làm cho GV nhằm xác định rõ nhiệm vụ, tiêu chuẩn và yêu cầu đối với từng vị trí, phục vụ hiệu quả công tác tuyển dụng, đánh giá và phát triển đội ngũ **[H6.06.01.17]**. Ngoài ra, quy định về chấm dứt hợp đồng lao

động được nêu rõ trong nội quy lao động, quy chế trả lương, chế độ chính sách đối với CBGVNV và được thể hiện cụ thể trong các hợp đồng lao động **[H6.06.01.18]**.

2. Điểm mạnh:

Trường đã xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực gắn với kế hoạch 2020-2025 và tầm nhìn 2040, với các chỉ tiêu cụ thể về trình độ, học hàm, ngoại ngữ và kỹ năng. Công tác quy hoạch, tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, minh bạch, góp phần thu hút nhân lực chất lượng cao. Đề án vị trí việc làm giúp xác định rõ nhu cầu và tiêu chuẩn từng vị trí. Nhà trường/Khoa rà soát, đề xuất nhân sự hằng năm, đồng thời chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và kỹ năng giảng dạy – nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại:

Công tác quy hoạch GV chưa chú trọng cân đối tỷ lệ nam/nữ. Năng lực NCKH của đội ngũ GV vẫn còn cần phát triển hơn, đặc biệt trong việc nâng cao số lượng và chất lượng công bố quốc tế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường tuyển dụng GV nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH. Đặc biệt, cân đối về tỷ lệ nam/nữ trong quá trình tuyển dụng; chú trọng năng lực NCKH nhằm nâng cao số lượng và chất lượng công bố khoa học quốc tế	P.TC-HC; K.TC-KT-NH	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục rà soát, cập nhật ban hành đầy đủ các quy định, trong đó có quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai và minh bạch về tuyển dụng, bổ nhiệm GV, có kế hoạch tuyển dụng và thực	P.TC-HC; K.TC-KT-NH	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		hiện tuyển dụng đúng quy định để đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy, NCKH và PVCD.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ vào kế hoạch phát triển chuyên môn nghiệp vụ và xây dựng đội ngũ kế thừa, cũng như nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng GV và yêu cầu tuyển dụng nhân sự theo từng giai đoạn, hàng năm Trường/Khoa luôn chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng, thu hút và phát triển đội ngũ GV nhằm đáp ứng hiệu quả các yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD của đơn vị. Công tác tuyển chọn GV được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo các tiêu chí theo quy định của Nhà nước, đồng thời phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, năng lực chuyên môn và định hướng phát triển chiến lược của Trường/Khoa [H6.06.02.01]. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành các chính sách thu hút và đãi ngộ nhân sự nhằm thu hút GV có trình độ chuyên môn cao [H6.06.02.02] và tính đến 12/2024, tổng số GV cơ hữu của Khoa TC-KT-NH là 27 người. Trong đó, ngành Kế toán có 16 GV có học hàm, học vị phù hợp, đảm bảo yêu cầu giảng dạy các học phần trong CTĐT cử nhân, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn và NCKH [H6.06.02.03].

Ngoài đội ngũ GV cơ hữu, hằng năm Khoa TC-KT-NH còn mời các GV thỉnh giảng giàu kinh nghiệm giảng dạy đến từ các trường ĐH có uy tín như Trường ĐH Nguyễn Tất Thành, Trường ĐH Ngoại Thương, Trường ĐH Tây Đô... giúp đảm bảo chất lượng đào tạo, cập nhật thực tiễn và đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của người học. Đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ GV/SV của CTĐT ngành Kế toán luôn đáp ứng tốt các yêu cầu theo quy định của Bộ GDĐT [H6.06.02.04].

Bảng 6.1. Thông kê số lượng GV cơ hữu Khoa TC-KT-NH 5 năm gần đây

Năm	Số lượng GV	Trình độ				
		GS	PGS	TS	ThS	ĐH
2020	24	0	2	0	17	5
2021	23	0	2	1	14	6
2022	29	0	2	1	21	5
2023	27	0	2	1	17	7
2024	26	0	0	2	17	7

Căn cứ vào nhu cầu tuyển sinh, kế hoạch đào tạo và tình hình cân đối nhân lực giảng dạy của Khoa, hằng năm Khoa xác định tỷ lệ SV/GV phù hợp, làm cơ sở để phân bổ khối lượng giảng dạy, NCKH, hướng dẫn thực tập và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Trường. Nhà trường duy trì tỷ lệ SV/GV đảm bảo đáp ứng các quy định của Bộ GDĐT, đồng thời phù hợp với định hướng phát triển CTĐT, tỷ lệ này được giám sát, cập nhật thường xuyên từng năm.

Khối lượng công việc của GV được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, bao gồm hướng dẫn chi tiết về cách thức quy đổi khối lượng giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác của đội ngũ GV sang tiết chuẩn, đồng thời đảm bảo việc đo lường được các hoạt động để phục vụ công tác giám sát, đánh giá và cải tiến chất lượng. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành các quy định cụ thể về khối lượng và thời gian làm việc theo từng đối tượng; nghĩa vụ tiết chuẩn; quy trình quy đổi tiết chuẩn và tiết miễn giảm; cũng như cơ chế thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn như giảng dạy, NCKH và hoạt động phục vụ khác của GV **[H6.06.02.05]**. Ngoài ra, Nhà trường còn ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại Trường **[H6.06.02.06]**. Quy định nêu rõ định mức chuẩn khối lượng công việc NCKH của GV, tương ứng với nhiều loại hình và sản phẩm khoa học khác nhau. Trên cơ sở các quy định chung của Trường, Khoa TC-KT-NH đã chủ động xây dựng và ban hành bảng mô tả công việc chi tiết đối với từng vị trí công tác, bao gồm các chức danh quản lý và GV trong Khoa. Ngoài 2 nhiệm vụ trọng tâm là giảng dạy và NCKH, GV còn được phân công thực hiện các nhiệm vụ học thuật và quản lý khác như: hướng dẫn SV thực tập tốt nghiệp, tham gia coi thi, chấm thi, ra đề thi, cố vấn học tập, xây dựng và cập nhật CTĐT, tổ chức hội thảo khoa học, cũng như tham gia các hoạt động đoàn thể và phong trào thi đua của Khoa/Trường **[H6.06.02.07]**. Đồng thời, hàng tháng Khoa tổ chức họp chuyên môn Khoa để triển khai một số công việc cụ thể, định kỳ và theo tình

hình thực tế của Trường/Khoa nhằm bảo đảm khối lượng công việc của GV được cân đối và triển khai thực hiện tốt **[H6.06.02.08]**.

Định mức công tác giảng dạy và NCKH của GV được quy định rõ ràng, tính theo giờ chuẩn giảng dạy và được vận dụng linh hoạt tùy theo chức danh, trình độ và nhiệm vụ chuyên môn của từng cá nhân. Theo quy định hiện hành, mỗi GV phải hoàn thành tối thiểu 350 giờ chuẩn giảng dạy và 100 giờ chuẩn NCKH trong năm học. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, GV còn đảm nhận nhiều công tác chuyên môn và học thuật khác như: biên soạn tài liệu giảng dạy, hướng dẫn SV NCKH, viết ĐCHP, tham gia xây dựng, cập nhật và điều chỉnh CTĐT, thực hiện vai trò cố vấn học tập, tham gia chấm thi, coi thi và các hoạt động đoàn thể, phong trào trong Trường. Hoạt động NCKH được triển khai thông qua nhiều hình thức đa dạng như: thực hiện đề tài nghiên cứu cấp trường, viết và công bố bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín, tham gia viết tham luận tại hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước; biên soạn giáo trình, tài liệu học tập, cũng như hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH. Việc triển khai NCKH được lồng ghép chặt chẽ trong kế hoạch chuyên môn của Khoa và là một tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả công tác của GV **[H6.06.02.09]**.

Khối lượng công việc của GV được Khoa triển khai giám sát và đánh giá định kỳ cả theo tháng và theo năm. Hằng tháng, từng cá nhân thực hiện tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, cũng như mức độ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu và phong trào; kết quả này được Trưởng Khoa xem xét và làm căn cứ để chi trả lương hàng tháng **[H6.06.02.10]**. Hằng năm, dựa trên thông báo đánh giá phân loại nhân sự từ Phòng TC-HC, Khoa tổ chức đánh giá phân loại từng GV. Sau khi cá nhân GV tự đánh giá, Khoa sẽ tổ chức họp toàn thể để thảo luận, đánh giá trình độ chuyên môn, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, cũng như mức độ tham gia các hoạt động chuyên môn, NCKH và PVCĐ. Tiêu chí đánh giá chủ yếu dựa trên khối lượng công việc mà GV đã thực hiện trong năm học. Khối lượng NCKH được Phòng QLKH&HTQT thống kê, khối lượng giảng dạy do Phòng QLĐT thống kê **[H6.06.02.11]**, **[H6.06.02.12]**. Phòng KH-TC làm cơ sở thanh toán lương vượt giờ cho GV. Đồng thời, vào mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV; đây là cơ sở để đánh giá mức độ chuyên môn và mức độ hoàn thành khối lượng công việc được giao. Kết quả đánh giá phân loại nhân sự là căn cứ để Khoa xem

xét, đề xuất và bình chọn danh hiệu thi đua, khen thưởng theo đúng tiêu chuẩn và quy định của Trường **[H6.06.02.13]**. Sau khi Khoa hoàn tất việc đánh giá và đề xuất, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường sẽ tiến hành họp để thẩm định, xét duyệt và xếp loại thi đua chính thức cho toàn thể CBGVNV **[H6.06.02.14]**.

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn phù hợp, tỷ lệ SV/GV đáp ứng quy định, khối lượng công việc được phân bổ rõ ràng và giám sát chặt chẽ. Công tác đánh giá GV được thực hiện định kỳ, minh bạch, kết hợp nhiều nguồn thông tin.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên vẫn còn ít. Việc quản lý khối lượng công việc còn thủ công, chưa ứng dụng công nghệ hiệu quả. Hoạt động NCKH chưa đồng đều, số lượng công bố quốc tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và có các chính sách thu hút GV có trình độ tiến sĩ. Từng bước ứng dụng CNTT trong quản lý khối lượng công việc nhằm nâng cao hiệu quả giám sát và điều hành. Đẩy mạnh hoạt động NCKH, khuyến khích công bố quốc tế và tạo cơ chế hỗ trợ phù hợp để nâng cao chất lượng và số lượng sản phẩm nghiên cứu.	P.TC-HC; K.TC-KT-NH	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và phát triển đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao. Duy trì tỷ lệ SV/GV hợp lý, đồng thời tăng cường công tác giám sát và đánh giá khối lượng công việc theo hướng minh bạch, đa	P.TC-HC; K.TC-KT-NH	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		chiều. Nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá GV bằng cách gắn kết chặt chẽ hơn giữa phản hồi của người học và kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường đã xác định việc phát triển đội ngũ GV là một yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2040, thể hiện qua các chỉ tiêu cụ thể [H6.06.03.01] và được cụ thể hóa trong các Nghị quyết của Hội đồng Trường [H6.06.03.02]. Trường đã xây dựng kế hoạch nhu cầu nhân lực với yêu cầu về phẩm chất đạo đức, năng lực học thuật phù hợp với từng vị trí được tích hợp trong Đề án vị trí việc làm [H6.06.03.03].

Trường đã ban hành các văn bản quy định rõ ràng về quy trình và tiêu chí tuyển dụng đội ngũ GV [H6.06.03.04]. Quá trình tuyển chọn được thực hiện từ khâu rà soát và đề xuất nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, xây dựng kế hoạch tuyển dụng, công bố thông báo tuyển dụng cho đến bước thành lập Hội đồng tuyển chọn để đánh giá và lựa chọn ứng viên một cách khách quan, minh bạch [H6.06.03.05]. Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn đối với từng vị trí được quy định cụ thể như sau: Đối với GV, yêu cầu có trình độ ThS trở lên, chuyên ngành đúng hoặc gần đúng với vị trí cần tuyển. Bên cạnh các yêu cầu bắt buộc về trình độ và kỹ năng, Nhà trường ưu tiên các ứng viên có trình độ cao hơn, có kinh nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, từng được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế phù hợp. GV được tuyển dụng sẽ phải qua thời gian tập sự theo quy định và được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách hiện hành của Trường [H6.06.03.06]. Sau khi kết thúc thời gian tập sự, GV sẽ được người hướng dẫn

trực tiếp trong giai đoạn này thực hiện việc nhận xét, đánh giá toàn diện về chuyên môn, kỹ năng, thái độ làm việc và các tiêu chí liên quan khác. Đồng thời, GV phải thực hiện giảng cấp Khoa, sau khi được Khoa thông qua, GV phải hoàn thành giảng dạy trước Hội đồng đánh giá giảng dạy cấp để được công nhận giảng dạy chính thức trước khi kết thúc tập sự và ký hợp đồng lao động chính thức **[H6.06.03.07]**.

Căn cứ vào chiến lược phát triển theo từng giai đoạn và yêu cầu thực hiện công tác quy hoạch, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo ở các cấp thuộc Trường. Trên cơ sở đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý được triển khai theo định hướng phát triển chung và phù hợp với nhu cầu hoạt động thực tiễn của Trường từng giai đoạn cụ thể **[H6.06.03.08]**. Việc bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý trong Nhà trường được thực hiện trên cơ sở xem xét trình độ chuyên môn, năng lực công tác và thành tích NCKH, nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Đối với một số vị trí cán bộ quản lý, tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm đã được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường **[H6.06.03.09]**. Quy chế về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức và miễn nhiệm cán bộ quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường được thực hiện một cách công khai, minh bạch, với các tiêu chí bổ nhiệm được quy định rõ ràng. Toàn bộ quy trình đều tuân thủ đúng các quy định hiện hành, bảo đảm tính khách quan và phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường **[H6.06.03.10]**. Quy chế bổ nhiệm CBQL của Nhà trường quy định rõ ràng và thống nhất các tiêu chí liên quan đến phẩm chất đạo đức, độ tuổi, trình độ chuyên môn, bằng cấp cũng như yêu cầu về kinh nghiệm công tác. Ví dụ, đối với vị trí Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng, yêu cầu có trình độ tiến sĩ; trong trường hợp bằng tiến sĩ do CSGD nước ngoài cấp, phải có bản dịch sang tiếng Việt và giấy công nhận của Cục Quản lý chất lượng, đồng thời phải có uy tín khoa học và kinh nghiệm quản lý giáo dục. Riêng Phó Hiệu trưởng, trong trường hợp đặc biệt không đủ nguồn nhân sự có trình độ tiến sĩ, có thể bổ nhiệm người có trình độ ThS nhưng không giao phụ trách hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ. Đối với vị trí Trưởng khoa và Trưởng bộ môn, yêu cầu có trình độ tiến sĩ và kinh nghiệm giảng dạy. Các vị trí Trưởng phòng như Phòng QLĐT, Phòng QLKH&HTQT phải có trình độ tiến sĩ. Đối với các vị trí quản lý còn lại, cán bộ phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên, trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng Trường quyết định.

Các văn bản quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp GV được Nhà trường phổ biến rộng rãi đến toàn thể GV, ứng viên thông qua nhiều hình thức khác nhau, bao gồm hệ thống Email nội bộ và Website chính thức của Trường **[H6.06.03.11]**. Các thông tin được công khai bao gồm điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng, yêu cầu về hồ sơ và mô tả công việc cụ thể đối với từng vị trí, nhằm tạo điều kiện để GV nắm bắt đầy đủ nội dung cần thiết trước khi nộp hồ sơ ứng tuyển.

Nhà trường thường xuyên tổ chức lấy ý kiến đóng góp của CBGVNV đối với các quy chế, quy định của Nhà trường, cũng như các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực, thông qua các thông báo góp ý, phiếu khảo sát và các buổi họp như Hội nghị người lao động hằng năm **[H6.06.03.12]**.

Đồng thời, nhằm đánh giá chất lượng của đội ngũ GV, định kỳ hàng tháng và hàng năm, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về công tác đánh giá và xếp loại thi đua đối với CBGVNV, hướng dẫn đã quy định rõ ràng về nội dung đánh giá, trình tự thực hiện, thẩm quyền đánh giá cũng như bộ tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá kết quả công việc của CBGVNV **[H6.06.03.13]**.

2. Điểm mạnh:

Trường có chiến lược phát triển đội ngũ GV rõ ràng, quy trình tuyển dụng minh bạch, tiêu chí cụ thể và ưu tiên ứng viên có kinh nghiệm, trình độ cao. Công tác bổ nhiệm, đánh giá, thi đua được thực hiện công khai, đúng quy định. Các thông tin được phổ biến rộng rãi, đảm bảo minh bạch.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù, các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai, tuy nhiên vẫn còn hạn chế như số lượng nhân sự trình độ tiến sĩ chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục	Khoa kiến nghị với Nhà trường đa dạng hơn các hình thức thông báo	K.TC-KT-NH;	Từ năm học 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	tồn tại	tuyển dụng để các ứng viên có thể tiếp cận được nhiều hơn: thông báo trên báo điện tử, truyền hình, mạng lưới liên hệ với cựu SV...	P.TC-HC; Ban TTTT & QTM		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy định, quy chế của Nhà trường và rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy định về bổ nhiệm, điều chuyển CBGV.	P.TC-HC; K.TC-KT-NH	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng:

Trong chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, Nhà trường xác định phát triển đội ngũ GV là nhiệm vụ then chốt với các tiêu chí cụ thể phấn đấu đạt cả về số lượng và năng lực chuyên môn, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo, NCKH và hội nhập quốc tế [H6.06.04.01]. Nghị quyết của Hội đồng Trường đã được ban hành để phê duyệt Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2040 [H6.06.04.02]. Kế hoạch nêu rõ tỷ lệ GV có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, học hàm giáo sư/phó giáo sư, kỹ năng sư phạm, năng lực NCKH, năng lực ngoại ngữ – tin học, kỹ năng mềm và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đạt được trong từng giai đoạn, làm cơ sở xây dựng lộ trình đào tạo bồi dưỡng đội ngũ GV.

Đối với Khoa TC-KT-NH, việc phát triển năng lực đội ngũ GV cũng được cụ thể hóa trong Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2040 [H6.06.04.03]. Kế hoạch đề ra mục tiêu nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ học thuật, kỹ năng sư phạm và NCKH của GV, đồng thời xác định các hoạt động cụ thể như đào tạo sau đại học, bồi dưỡng nghiệp vụ, tham gia đề tài khoa học và hội thảo chuyên ngành.

Căn cứ các quy định hiện hành và mục tiêu phát triển, Nhà trường đã xây dựng

khung tiêu chuẩn năng lực cho các chức danh, bao gồm phẩm chất, bằng cấp, kỹ năng, kinh nghiệm và đặc biệt chú trọng phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý. Các tiêu chuẩn này được cụ thể hóa trong Đề án vị trí việc làm [H6.06.04.04], quy định quản lý CBGVNV [H6.06.04.05] và các chính sách tuyển dụng [H6.06.04.06]. Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm với khung năng lực và tiêu chuẩn cho từng vị trí là cần thiết để mỗi cá nhân và đơn vị hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ, đồng thời sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực nâng cao hiệu quả hoạt động của Khoa/Trường [H6.06.04.07].

Tiêu chuẩn năng lực của GV được mô tả chi tiết trong Đề án vị trí việc làm [H6.06.04.04], Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.04.08], và Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại Trường [H6.06.04.09]. Đối với đội ngũ GV, Nhà trường quy định rõ định mức giờ chuẩn giảng dạy trong một năm học là 350 giờ, cùng với đó là định mức NCKH bắt buộc là 100 giờ/năm đối với GV chính thức và 175 giờ chuẩn đối với GV tập sự. Nhà trường còn xây dựng và triển khai chiến lược phát triển NCKH giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2040. Chiến lược này tập trung vào việc nâng cao chất lượng các sản phẩm NCKH, bao gồm quy định cụ thể về số lượng bài báo khoa học công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế, các báo cáo tại tọa đàm và hội thảo chuyên môn, đồng thời thúc đẩy số lượng đề tài NCKH các cấp. Trường cũng chú trọng đến việc bổ sung, hoàn thiện hệ thống học liệu như giáo trình, sách chuyên khảo nhằm phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập [H6.06.04.01].

Tiêu chuẩn năng lực đối với CBQL được quy định cụ thể, bao gồm các tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn riêng và các điều kiện để được bổ nhiệm thể hiện rõ trong Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm CBQL [H6.06.04.10]. Bên cạnh đó, một số tiêu chuẩn năng lực khác còn được đề cập trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H6.06.04.11], tạo cơ sở thống nhất trong công tác tổ chức, quản lý GV của Nhà trường.

Ngoài ra, các tiêu chí liên quan đến trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng cũng được Nhà trường công khai minh bạch trong các thông báo tuyển dụng, nhằm đảm bảo tính công bằng, rõ ràng và thu hút đội ngũ ứng viên để phát triển nguồn nhân lực của Trường [H6.06.04.12].

Trên cơ sở các quy định chung của Trường, Khoa TC-KT-NH đã xây dựng bảng mô tả công việc cụ thể cho từng vị trí quản lý và từng GV trong Khoa. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, GV còn được phân công thực hiện các nhiệm vụ khác như hướng dẫn thực tập, coi thi, tham gia xây dựng chương trình đào tạo,... Việc phân công nhiệm vụ được thực hiện một cách rõ ràng, minh bạch, dựa trên năng lực chuyên môn và khối lượng công việc, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao **[H6.06.04.13]**.

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể về phương thức và quy trình đánh giá năng lực đối với GV, làm cơ sở xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ GV để đánh giá và khen thưởng **[H6.06.04.14]**.

Việc đánh giá năng lực của GV được triển khai định kỳ hằng tháng và hằng năm. Hằng tháng, từng cá nhân thực hiện tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, mức độ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu và phong trào; kết quả này được Trường/Khoa xem xét và làm căn cứ để chi trả lương hằng tháng **[H6.06.04.15]**. Hằng năm, căn cứ thông báo đánh giá phân loại nhân sự từ Phòng TC-HC, Khoa tổ chức đánh giá phân loại từng GV, sau khi cá nhân tự đánh giá, Khoa tổ chức họp toàn thể để thảo luận, đánh giá trình độ chuyên môn, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, mức độ tham gia các hoạt động chuyên môn, NCKH và PVCĐ **[H6.06.04.16]**. Đồng thời, vào mỗi học kỳ Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV. Kết quả đánh giá là căn cứ để Khoa xem xét, đề xuất và bình chọn danh hiệu thi đua theo đúng tiêu chuẩn, quy định của Nhà trường **[H6.06.04.17]**. Sau khi Khoa hoàn tất việc đánh giá và đề xuất, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường tiến hành họp để thẩm định, xét duyệt và xếp loại thi đua chính thức cho CBGVNV **[H6.06.04.18]**.

2. Điểm mạnh:

Trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ GV rõ ràng, có lộ trình và tiêu chí cụ thể. Hệ thống văn bản quy định tiêu chuẩn năng lực, quy trình tuyển dụng, đánh giá và khen thưởng được ban hành đầy đủ. Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm giúp chuẩn hóa năng lực theo từng chức danh. Đánh giá năng lực được thực hiện thường xuyên, minh bạch và có sự tham gia của nhiều cấp. Đội ngũ GV được phân công công việc phù hợp với năng lực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại:

Tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ còn ở mức khiêm tốn; một số GV vẫn đang trong quá trình nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần triển khai các chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo hấp dẫn, bao gồm học bổng, tài trợ nghiên cứu, hoặc hỗ trợ chi phí học tập cho GV tham gia các CTĐT sau đại học. Việc hợp tác với các trường ĐH, viện nghiên cứu trong và ngoài nước sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho GV có thể theo học và hoàn thành chương trình tiến sĩ.	BGH; P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	
		Cần rà soát, bổ sung, điều chỉnh chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH, chẳng hạn như tăng cường hỗ trợ kinh phí và khuyến khích công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế. Bên cạnh đó, Khoa cần khuyến khích, động viên GV tích cực tham gia NCKH và có các chính sách hỗ trợ công việc tạo điều kiện thuận lợi cho GV trong quá trình nghiên cứu.	BGH; P.QLKH &HTQT; K.TC-KT-NH	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, có quy trình hướng dẫn cụ thể, rõ ràng để triển khai đánh giá. Đồng thời,	K.TC-KT-NH	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		khuyến khích GV tham gia hội thảo khoa học và công bố nghiên cứu để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng:

Xác định nhu cầu và triển khai các hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV là một trong những nhiệm vụ thường xuyên của Trường/Khoa TC-KT-NH. Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBGVNV, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo từng giai đoạn 5 năm, dựa trên định hướng chiến lược và mục tiêu phát triển chung của Trường [H6.06.05.01]. Dựa trên định hướng chiến lược phát triển của Trường, Khoa đã xây dựng Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020- 2025, trong đó xác định rõ đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ là nhiệm vụ trọng tâm, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH của Khoa [H6.06.05.02].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT, phù hợp với kế hoạch chiến lược của Nhà trường, và được triển khai thực hiện theo lộ trình cụ thể. Khoa TC-KT-NH căn cứ vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Trường và Khoa trong từng giai đoạn, hằng năm Khoa đều thực hiện rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ theo yêu cầu của CTĐT, nhu cầu về nguồn nhân lực của Khoa và nguyện vọng cá nhân của GV, và đưa vào kế hoạch hoạt động của năm học [H6.06.05.03]; Phòng TC-HC có trách nhiệm tổng hợp và tham mưu cho BGH để ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm [H6.06.05.04].

Nhà trường đã ban hành các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV, trong đó quy định rõ về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi cũng như các chính sách thu hút và giữ chân nhân sự có trình

độ cao **[H6.06.05.05]**.

Hàng tháng, Khoa căn cứ đề xuất được hỗ trợ về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV thông qua phiếu đánh giá xếp loại kết quả lao động **[H6.06.05.06]** và theo nhu cầu, nguyện vọng đột xuất được đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân; Khoa tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, lập kế hoạch và trình Nhà trường xem xét. Trên cơ sở đó, Nhà trường tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng hoặc ban hành Quyết định cử GV tham gia đào tạo, bồi dưỡng phù hợp **[H6.06.05.07]**.

Kết quả đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường và Khoa tổ chức rà soát, đánh giá hàng năm và được sử dụng làm tiêu chí trong công tác đánh giá, xếp loại danh hiệu thi đua năm học. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV được thực hiện một cách rõ ràng, công khai, minh bạch, kèm theo Quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân **[H6.06.05.08]**. Ngoài ra, hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV để đánh giá chuyên môn, nghiệp vụ của GV, từ đó xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho GV nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy **[H6.06.05.09]**.

Trong giai đoạn 2020- 2024, Nhà trường đã cử GV tham gia các khóa đào tạo trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, Văn bằng 2, cụ thể:

Bảng 6.1. Thống kê danh sách GV Khoa TC-KT-NH được cử đi đào tạo giai đoạn 2020-2024.

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo
1	Đỗ Thị Minh Quyền	Thạc sĩ	2018 - 2020
2	Đỗ Thị Hoàng Yên	Thạc sĩ	2018 - 2021
3	Nguyễn Thị Thảo	Thạc sĩ	2018 - 2020
4	Nguyễn Anh Thư	Văn bằng 2	2018 - 2021
5	Nguyễn Thị Toàn	Văn bằng 2	2018 - 2021
6	Lê Thị Bảo Như	Tiến sĩ	2017 - 2022
7	Đỗ Thị Minh Quyền	Văn bằng 2	2021 - 2023
8	Nguyễn Ngọc Diệu	Thạc sĩ	2019 - 2022
9	Nguyễn Thị Bích Thủy	Thạc sĩ	2019 - 2023
10	Huỳnh Thị Thanh Hậu	Thạc sĩ	2023 - 2025
11	Lê Bảo Quyên	Văn bằng 2	2023 - 2025
12	Võ Mỹ Duyên	Văn bằng 2	2023 - 2025
13	Nguyễn Thị Thảo	Thạc sĩ	2024 - 2025
14	Nguyễn Minh Thanh	Thạc sĩ	2024 - 2025
15	Lê Bảo Quyên	Tiến sĩ	Từ năm 2024

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo
16	Lê Thị Tú Trinh	Văn bằng 2	2024 - 2026

Số lượng GV được cử đi đào tạo giai đoạn 2020-2024, với nhiều trình độ khác và đều đặn qua các năm, thể hiện sự chú trọng của đơn vị trong nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ CBGVNV.

Theo Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng hằng năm, Nhà trường đã tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV. Các khóa học này thu hút được sự tham gia đông đảo của đội ngũ CBGVNV, cho thấy tinh thần học tập tích cực và sự quan tâm của Nhà trường đến việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao [H6.06.05.10].

Bảng 6.2. Thống kê số lượt tham gia bồi dưỡng, tập huấn Khoa TC-KT-NH giai đoạn 2020-2024

TT	Nội dung	Lượt người tham gia				
		2020	2021	2022	2023	2024
1	Tham gia Hội thảo, Hội nghị, làm việc với chuyên gia.....	2	32	12	18	8
2	Các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn...	19	39	38	83	10
Tổng		21	71	50	101	18

Số lượt tham gia các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn của Khoa TC-KT-NH trong giai đoạn 2020-2024 phản ánh sự quan tâm và đầu tư của Nhà trường trong việc nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ GV, góp phần đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác giảng dạy và NCKH.

Có trên 80% GV của Khoa được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn ít nhất 2 lần từ năm 2020 đến nay và có trên 75% GV được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường.

Việc triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng đã nhận được sự đồng thuận và tham gia tích cực của toàn thể cán bộ, GV trong Khoa. Thông qua các hình thức khảo sát, họp rút kinh nghiệm, Nhà trường đã kịp thời ghi nhận ý kiến đóng góp, từ đó có những điều chỉnh phù hợp và xây dựng kế hoạch triển khai hiệu quả cho các năm học tiếp theo. Chính điều này đã góp phần làm cho công tác phát triển đội ngũ nhân lực ngày càng đa dạng, thiết thực và đạt được hiệu quả cao hơn.

2. Điểm mạnh:

Công tác xác định nhu cầu và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa TC-KT-NH thực hiện bài bản, có định hướng chiến lược rõ ràng và phù hợp với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng được xây dựng theo chu kỳ, có lộ trình cụ thể, dựa trên nhu cầu thực tế và yêu cầu của CTĐT, qua đó đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

Nhà trường đã có những biện pháp và chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các GV của Khoa tham gia học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong giảng dạy, NCKH.

3. Điểm tồn tại:

Việc tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chưa đồng đều giữa các năm. Hoạt động đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn ở bậc Tiến sĩ còn hạn chế, số lượng GV được cử đi học chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích GV chủ động đăng ký các khóa học nâng cao, đặc biệt là trình độ Tiến sĩ.	K.TC-KT-NH	Từ năm 2025-2026	
		Đa dạng hóa hình thức đào tạo thông qua các chương trình trực tuyến, hợp tác quốc tế và liên kết với doanh nghiệp. Việc đánh giá hiệu quả sau đào tạo sẽ được thực hiện định kỳ và gắn với tiêu chí thi đua, xếp loại cuối năm nhằm nâng cao chất lượng và tính thực	K.TC-KT-NH; P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		chất của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy thế mạnh trong công tác xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng gắn với chiến lược phát triển đội ngũ, đồng thời duy trì tỷ lệ GV được đào tạo thường xuyên. Các chính sách hỗ trợ phát triển chuyên môn sẽ tiếp tục được hoàn thiện, gắn với cơ chế khuyến khích và đánh giá hiệu quả sau đào tạo.	P.TC-HC; K.TC-KT-NH	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

1. Mô tả hiện trạng:

Hệ thống quản trị theo kết quả công việc của GV được Nhà trường triển khai bao gồm các bước: xác định nội dung, mục tiêu công việc; tổ chức thực hiện; theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện nhằm đảm bảo hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của GV, góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược chung của Trường. Để đảm bảo tính minh bạch và công bằng, Nhà trường đã xây dựng các quy trình và tiêu chí đánh giá rõ ràng, làm cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả công việc, xếp loại thi đua, công nhận và khen thưởng. Các tiêu chí này được quy định cụ thể trong các văn bản nội bộ, bao gồm: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại Trường, Quy định về hoạt động kết nối và PVCD, Quy định về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, nghỉ việc riêng của CBGVNV, Quy chế làm việc của CBGVNV, Quy định đánh giá, phân loại CBGVNV, Quy chế thi đua, khen thưởng, Hướng dẫn về việc khen thưởng chuyên đề “Dạy tốt – Học tốt” [H6.06.06.01].

Trên cơ sở các quy chế, quy định của Trường, Khoa TC-KT-NH đã xây dựng bảng mô tả công việc cụ thể cho từng vị trí quản lý và từng GV trong Khoa. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, các GV còn được phân công thực hiện các nhiệm vụ khác như: hướng dẫn thực tập, coi thi, xây dựng CTĐT,... Việc phân công được thực hiện một cách rõ ràng, minh bạch, căn cứ vào năng lực chuyên môn và khối lượng công việc, nhằm đảm bảo hiệu quả và chất lượng trong thực hiện nhiệm vụ được giao **[H6.06.06.02]**.

Công tác đánh giá kết quả công việc của GV được thực hiện công khai, minh bạch và theo quy trình chặt chẽ từ cấp Khoa đến cấp Trường. Kết quả đánh giá được Nhà trường công khai thông qua hình thức gửi email đến toàn thể cá nhân và đơn vị trong Trường, đảm bảo sự minh bạch, đồng thuận và trách nhiệm giải trình.

Quy trình tổ chức đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV hằng năm được thực hiện theo các bước sau:

- *Tự đánh giá của GV*: Trường ban hành các quy định cụ thể về trách nhiệm và tiêu chí đánh giá đối với từng GV **[H6.06.06.03]**. Theo đó, vào cuối mỗi năm học (tháng 8), từng cá nhân thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xây dựng kế hoạch công tác cho năm học tiếp theo, đồng thời tự xếp loại và đề xuất danh hiệu thi đua tương ứng **[H6.06.06.04]**.

- *Đánh giá tại cấp Khoa*: Trên cơ sở bản tự đánh giá của GV, Khoa tiến hành họp toàn thể để thảo luận, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và tham gia các hoạt động của từng cá nhân. Kết quả cuộc họp là cơ sở để bình chọn danh hiệu thi đua theo đúng tiêu chuẩn, quy định của Trường **[H6.06.06.05]**.

- *Đánh giá tại cấp Trường – Hội đồng Thi đua, Khen thưởng*: Sau khi các đơn vị hoàn tất đánh giá và đề xuất danh hiệu thi đua, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường tiến hành họp để thẩm định, đánh giá và chính thức xét duyệt, xếp loại thi đua cho toàn thể CBGVNV **[H6.06.06.06]**.

Bên cạnh hình thức đánh giá nội bộ từ cấp Khoa và cấp Trường, hoạt động đánh giá hiệu quả công việc của GV còn được thực hiện thông qua kênh đánh giá từ người học ở tất cả các hệ đào tạo. Cụ thể, vào cuối mỗi học kỳ, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV thông qua phần mềm xem điểm thi. Trong những

năm gần đây, kết quả khảo sát từ SV cho thấy mức độ hài lòng cao đối với hoạt động giảng dạy của đội ngũ GV **[H6.06.06.07]**.

Từ năm 2022, Nhà trường đã triển khai thực hiện quy định đánh giá, phân loại GV theo từng tháng. Quy trình đánh giá được tiến hành trên cơ sở cá nhân tự đánh giá và lãnh đạo Khoa đánh giá. Phòng TC-HC là đơn vị chủ trì, có trách nhiệm tổng hợp và tham mưu cho BGH ra quyết định phân loại GV theo bốn mức: loại A (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ), loại B (Hoàn thành tốt nhiệm vụ), loại C (Hoàn thành nhiệm vụ) và loại D (Không hoàn thành nhiệm vụ). Kết quả phân loại này là căn cứ để chi trả lương hàng tháng, chi lương tháng 13, xét danh hiệu thi đua và nâng lương thường xuyên theo quy định **[H6.06.06.08]**. Đối với GV có kết quả xếp loại cuối năm từ loại B trở lên và đáp ứng các tiêu chí về định mức giảng dạy, NCKH, PVCĐ theo quy định, sẽ được xem xét tăng lương 5% trên mức lương bậc hiện tại. Đối với lãnh đạo Khoa, việc xem xét tăng lương được căn cứ vào kết quả đánh giá công việc hằng năm và thời gian xét nâng lương là 36 tháng làm việc với mức tăng 10% trên mức lương hiện tại.

Hằng năm, Khoa báo cáo về công tác thi đua và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân theo quy chế hiện hành, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của Trường sẽ tiến hành xem xét và quyết định hình thức khen thưởng. Phòng TC-HC có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ theo quy định, bao gồm Bản tự nhận xét của GV, biên bản họp đánh giá và biên bản xếp loại danh hiệu thi đua của Khoa trong từng năm học **[H6.06.06.09]**. Kết quả đánh giá, phân loại và thi đua khen thưởng của CBGVNV trong từng năm học được tổng hợp, thống kê và gửi đến toàn thể CBGVNV để nắm thông tin và thực hiện các quyền lợi liên quan **[H6.06.06.10]**.

Từ kết quả đánh giá hiệu quả công việc, Nhà trường triển khai chế độ khen thưởng tương ứng nhằm ghi nhận và động viên kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích **[H6.06.06.11]**, đồng thời đề xuất các danh hiệu, hình thức thi đua khen thưởng ở cấp cao hơn **[H6.06.06.12]**. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thực hiện hiệu quả công tác khen thưởng theo chuyên đề và khen thưởng đột xuất đối với những cá nhân có đóng góp nổi bật cho sự phát triển chung của Trường **[H6.06.06.13]**.

Kết quả đánh giá công việc của GV cũng được sử dụng làm căn cứ quan trọng trong việc xác định định hướng đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ hoạt

động giảng dạy, NCKH. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để Nhà trường xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, điều động đội ngũ GV một cách phù hợp. Trên nền tảng đó, Nhà trường đã xây dựng và triển khai các chính sách thiết thực nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ GV như hỗ trợ học phí cho cán bộ theo học các CTĐT tại Trường và tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn nhằm phát triển kỹ năng, chuyên môn nghề nghiệp [H6.06.06.14].

Tất cả CBNVGV của Trường đều được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả công việc. Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát sự hài lòng và lấy ý kiến của CBNVGV về các quy chế, quy trình đánh giá hiệu quả công việc, chính sách khen thưởng. Kết quả khảo sát sẽ là căn cứ để Nhà trường rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện quy trình, quy chế quản trị kết quả công việc của GV nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H6.06.06.15].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã triển khai hệ thống quản trị theo kết quả công việc một cách bài bản, minh bạch và có sự tham gia từ nhiều cấp. Quy trình đánh giá rõ ràng, kết hợp giữa tự đánh giá, đánh giá của đơn vị và phản hồi từ SV. Kết quả đánh giá được sử dụng hiệu quả trong thi đua, khen thưởng, nâng lương và phát triển đội ngũ. Nhà trường cũng có chính sách hỗ trợ chuyên môn, đồng thời thường xuyên lấy ý kiến đóng góp để cải tiến quy trình.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa lượng hóa rõ các tiêu chí cụ thể về hoạt động PVCD trong bảng đánh giá công tác năm học, dẫn đến khó khăn trong việc quản trị kết quả công việc cá nhân theo hướng toàn diện.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc	Nhà trường sẽ nghiên cứu, xây dựng và	P.TC-HC;	Từ năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	phục tồn tại	lượng hóa rõ ràng các tiêu chí đánh giá hoạt động PVCD trong bảng đánh giá công tác năm học, đảm bảo phản ánh đầy đủ và toàn diện kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cá nhân.	K.TC-KT-NH	2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống quản trị công việc theo hướng minh bạch, công bằng, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý, đánh giá và lưu trữ dữ liệu. Đẩy mạnh việc lấy ý kiến phản hồi từ người học và cán bộ GV nhằm hoàn thiện quy trình đánh giá.	P.TC-HC; K.TC-KT-NH	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã ban hành đầy đủ quy định cụ thể về các loại hình và số lượng hoạt động NCKH mà GV phải thực hiện, phù hợp với các quy định của Chính phủ và Bộ GDĐT [H6.06.07.01]. Một số quy định liên quan đến các chính sách về NCKH nhằm đảm bảo tính minh bạch, chuẩn mực và nâng cao chất lượng trong hoạt động NCKH, trong đó có các quy định về vấn đề sở hữu trí tuệ, Quy trình, hướng dẫn đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ; Quy trình chuyển giao công nghệ; quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức nhà giáo trong hoạt động NCKH; Quy định về trích dẫn và chống đạo văn,... [H6.06.07.02]. Sau năm 2019, trên cơ sở định hướng, mục tiêu và kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của địa phương, khu vực cũng như nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, Nhà trường đã cập nhật, sửa đổi, ban hành Quy chế quản lý hoạt

động khoa học và công nghệ và điều chỉnh, bổ sung Quy định về chế độ làm việc của GV [H6.06.07.03]. Theo đó, Nhà trường đã quy định mức chuẩn về thời gian làm việc và định mức chuẩn khối lượng công việc NCKH của GV, tương ứng với nhiều loại hình và sản phẩm khoa học khác nhau. Cụ thể, nghĩa vụ NCKH đối với GV được quy định là 100 giờ NCKH/năm học, tương đương với 586 giờ hành chính. Kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ cụ thể như: thực hiện đề tài NCKH, viết bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học trong và ngoài nước, các báo cáo tham luận tại hội nghị hội thảo các cấp, biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, xây dựng CTĐT, hướng dẫn SV NCKH, tham gia hội đồng xét duyệt đề tài NCKH các cấp,... [H6.06.07.04].

Căn cứ kế hoạch chiến lược phát triển, kế hoạch trung hạn và định hướng nhiệm vụ trọng tâm hàng năm công tác NCKH của Trường [H6.06.07.05], Phòng QLKH & HTQT xây dựng kế hoạch hàng năm với các loại hình và chỉ tiêu cụ thể cho hoạt động NCKH của GV và SV [H6.06.07.06]. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển công tác NCKH giai đoạn 2020-2025 [H6.06.07.07] và kế hoạch NCKH hàng năm của GV cụ thể trong kế hoạch năm học [H6.06.07.08]. Khoa cũng đã đề ra mục tiêu chất lượng hàng năm về hoạt động NCKH và được Nhà trường thông báo ban hành, thực hiện với các chỉ số phấn đấu cho từng đơn vị [H6.06.07.09], [H6.06.07.10].

Ở cấp Trường, Phòng QLKH&HTQT là đơn vị đầu mối, thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát, kiểm tra, giúp Hiệu trưởng quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường [H6.06.07.11] và việc giám sát, rà soát các hoạt động NCKH được tiến hành định kỳ hằng năm, đề ra phương hướng hoạt động NCKH của năm sau [H6.06.07.12]. Ở cấp Khoa, hoạt động khoa học và công nghệ đội ngũ GV luôn được giám sát chất lượng bởi HĐKH Khoa [H6.06.07.13] và được Khoa theo dõi, giám sát, đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu chất lượng định kỳ [H6.06.07.14], [H6.06.07.15].

Việc đăng ký nhiệm vụ khoa học của GV được xét chọn công khai, với tiêu chí rõ ràng được quy định cụ thể trong Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường [H6.06.07.03]. Các sản phẩm NCKH được tuyển chọn, đánh giá nghiệm thu theo đúng quy định (báo cáo hội thảo được thẩm định trước khi đưa vào kỷ yếu hội thảo, đề tài khoa học được nghiệm thu sơ bộ và nghiệm thu chính thức) [H6.06.07.16].

Trong giai đoạn 2020-2024, hoạt động NCKH của Khoa đã có những bước phát triển mạnh mẽ, thể hiện qua sự gia tăng đáng kể về cả số lượng lẫn chất lượng các sản phẩm khoa học. Các ấn phẩm được công bố đa dạng về loại hình, bao gồm: sách chuyên khảo, giáo trình giảng dạy, tài liệu học tập cho các học phần chuyên ngành TC-KT-NH do Khoa phụ trách, các đề tài NCKH các cấp, bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong và ngoài nước, báo cáo tham luận tại hội nghị, hội thảo học thuật các cấp, đặc san khoa học, cùng với việc tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm nghiên cứu khoa học dành cho SV và hoạt động hướng dẫn SV tham gia NCKH.

Số lượng công trình khoa học được công bố trong kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế có xu hướng tăng đều qua các năm. Những kết quả này cho thấy năng lực nghiên cứu của đội ngũ GV trong Khoa không ngừng được nâng cao. Trong thời gian tới, Khoa tiếp tục định hướng đẩy mạnh hơn nữa hoạt động NCKH, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của GDĐH trong bối cảnh hội nhập.

Bảng 6.1. Thống kê kết quả NCKH của GV Khoa TC-KT-NH trong 5 năm

Năm học	Loại hình nghiên cứu				
	Đề tài NCKH cấp trường đã nghiệm thu	Bài báo khoa học đăng Tạp chí trong nước và Quốc tế	Bài viết đăng Kỷ yếu Hội thảo trong nước và Quốc tế	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình
2019-2020	2	4	3		1
2020-2021	1	9	3		1
2021-2022	2	15	7		
2022-2023	1	17	3		1
2023-2024	1	11	8	1	

Hàng năm, căn cứ thống kê kết quả hoạt động NCKH của GV để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Đây là căn cứ để đối sánh, đánh giá hiệu quả, chất lượng hoạt động NCKH của từng GV và đánh giá phân loại GV hàng năm [H6.06.07.17], [H6.06.07.18].

Nhà trường cũng đã thông qua hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV, tiến hành đối sánh, thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ của GV, ví dụ thông qua Hội nghị người lao động của Trường hàng năm. Trường tổng hợp các ý kiến phản hồi liên quan đến chất lượng hoạt động NCKH của GV thông qua các ý kiến góp ý đối với Quy chế làm việc của GV, Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công

nghệ, báo cáo tổng kết hoạt động NCKH [H6.06.07.19].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản quy định, hướng dẫn liên quan đến hoạt động NCKH, phù hợp với quy định của Bộ GDĐT và pháp luật hiện hành để triển khai hoạt động NCKH. Quy trình đăng ký, xét chọn, nghiệm thu nhiệm vụ NCKH được tổ chức công khai với các tiêu chí cụ thể, đảm bảo công bằng, minh bạch và nâng cao chất lượng. Quy định rõ ràng về nghĩa vụ NCKH của GV, được quy đổi cụ thể, giúp đo lường hiệu quả và đánh giá xếp loại GV một cách khách quan. Hoạt động NCKH được giám sát, đối sánh định kỳ bởi Phòng QLKH&HTQT ở cấp Trường và HĐKH Khoa, góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn và tính trách nhiệm. Số lượng và loại hình công trình khoa học tăng trưởng tích cực qua các năm.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù số lượng bài báo tăng, nhưng tỷ trọng các bài được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín còn khiêm tốn. Một số GV còn gặp khó khăn về thời gian, kinh phí và công cụ hỗ trợ cho hoạt động NCKH, đặc biệt với các đề tài chuyên sâu hoặc mang tính liên ngành.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động NCKH của GV bằng nhiều hình thức như: khen thưởng xứng đáng đối với công bố khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín; chế tài các GV chưa hoàn thành nghĩa vụ NCKH, đặc biệt là những GV đang làm nghiên cứu sinh.	K.TC-KT-NH; P.QLKH & HTQT	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV và NCV.	K.TC-KT-NH	Từ năm 2025-2026	

5. *Tự đánh giá*: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường và Khoa đã có định hướng chiến lược rõ ràng trong công tác phát triển đội ngũ GV, có kế hoạch và triển khai tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ có cơ sở khoa học, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Việc tuyển dụng được thực hiện công khai, minh bạch, dựa trên các tiêu chí rõ ràng về học hàm, học vị, năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu đào tạo và định hướng phát triển của Trường/Khoa.

Đội ngũ GV cơ hữu và thỉnh giảng của Khoa được đánh giá có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm thực tiễn và được trẻ hóa, bảo đảm sự kế thừa và phát triển lâu dài giúp nâng cao chất lượng đào tạo.

Tỷ lệ GV/SV được xác định phù hợp, đáp ứng quy định của Bộ GDĐT, là cơ sở để phân bổ khối lượng công việc, đảm bảo chất lượng đào tạo và giám sát hiệu quả hoạt động giảng dạy. Khối lượng công việc của GV cũng được phân định rõ ràng, có quy chế quy đổi giờ chuẩn giảng dạy và NCKH theo từng vị trí, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, đánh giá và xét thi đua, khen thưởng.

Nhà trường cũng ban hành đầy đủ các văn bản quy định về công tác đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ CBGVNV với các tiêu chí định lượng rõ ràng, minh bạch, có sự tham gia của nhiều cấp quản lý từ cá nhân, Khoa đến các đơn vị chức năng. Việc đánh giá diễn ra định kỳ hàng tháng, học kỳ và năm học, kết hợp giữa tự đánh giá, đánh giá từ cấp trên và lấy ý kiến SV, tạo sự khách quan, toàn diện và góp phần thúc đẩy động lực làm việc trong đội ngũ GV.

Hoạt động NCKH được triển khai đồng bộ, có quy trình giám sát hàng năm, với nhiều GV đạt được thành tích tốt, được công nhận bằng các danh hiệu thi đua, khen thưởng từ cấp Trường đến cấp Bộ và Tỉnh.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Công tác quy hoạch GV của Khoa chưa chú trọng về tỷ lệ nam/nữ. Tỷ lệ GV có học hàm học vị GS, PGS, TS của Khoa vẫn còn ít. Đội ngũ GV thỉnh giảng đến từ các

tổ chức, doanh nghiệp còn chưa nhiều, phần nào hạn chế việc tiếp cận với kiến thức thực tiễn.

Năng lực NCKH, trình độ ngoại ngữ của các GV chưa đồng đều. Một số khóa đào tạo bồi dưỡng Nhà trường tổ chức có hỗ trợ kinh phí như Tiếng Anh, số lượng GV tham gia chưa nhiều.

Chưa lượng hóa các tiêu chí cụ thể về hoạt động PVCD để quản trị kết quả công việc của CBGVNV.

Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế chưa nhiều, chưa có các đề tài NCKH cấp Bộ và cấp Nhà nước.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 6:

Căn cứ kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn 6 có 07 tiêu chí, trong đó có 05 tiêu chí đạt mức 5/7 và 02 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu:

Đội ngũ nhân viên của Trường/Khoa TC-KT-NH đảm bảo về số lượng, được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phục vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có hệ thống quản lý hiệu quả công việc cũng như có kế hoạch đào tạo phát triển chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

1. Mô tả hiện trạng:

Khoa đã thực hiện phân tích và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên dựa trên định hướng phát triển của Trường và yêu cầu thực tiễn của CTĐT. Khoa đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển của Khoa TC-KT-NH giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2040, tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nguồn nhân lực, nâng cao số lượng và chất lượng chuyên môn của đội ngũ CBGVNV theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa, 100% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và năng

lực quản lý theo các tiêu chuẩn quản trị đại học tiên tiến, 100% CBGV sử dụng tốt tiếng Anh và CNTT trong công việc và 100% GV cơ hữu tham gia NCKH. Hằng năm, dựa trên Kế hoạch tuyển dụng và thông báo rà soát nhân sự và đề xuất tuyển dụng của Phòng TC-HC, Khoa cũng tiến hành rà soát nhân sự và trình lên đề xuất tuyển dụng để báo cáo kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH, đảm bảo công tác quản lý Khoa được tiếp tục thực hiện tốt và đúng tiến độ **[H7.07.01.01]**.

Trường đã triển khai các chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên, cán bộ quản lý căn cứ vào Đề án vị trí việc làm và bảng mô tả công việc cụ thể cho từng vị trí. Ví dụ mức lương theo trình độ, cùng với các phúc lợi như tiền ăn trưa, trợ cấp ốm đau, tai nạn, hiếu hỉ, lương tháng 13 và thưởng hiệu quả công việc, giúp cải thiện đời sống vật chất và tăng cường sự ổn định trong công tác. Chính sách thi đua – khen thưởng, hằng năm, CBGVNV đều có cơ hội được xét tặng các danh hiệu như “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc các hình thức khen thưởng đột xuất dựa trên thành tích giảng dạy, NCKH, hoạt động cộng đồng và đổi mới sáng tạo... tạo nên một môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, khuyến khích đội ngũ CBGVNV không ngừng nâng cao chất lượng chuyên môn, đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của Nhà trường/Khoa TC-KT-NH **[H7.07.01.02]**

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên tại bộ môn được thực hiện dựa theo kế hoạch quy hoạch đội ngũ nhân sự được Trường chính thức ban hành và công bố qua các quyết định về việc công bố nhân sự quy hoạch và dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2040. Các kế hoạch này được xây dựng dựa trên kết quả phân tích, dự báo nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ, từ đó giúp phân bổ hợp lý nguồn lực, bố trí nhân sự phù hợp chuyên môn và đảm bảo tính kế thừa. Công tác nâng cao chất lượng đội ngũ được triển khai thông qua các Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng các năm học. Đội ngũ nhân viên và GV được khuyến khích tham gia các lớp bồi dưỡng và các khóa đào tạo chuyên môn nhằm để đáp ứng nhu cầu phát triển theo mục tiêu chiến lược đã đề ra **[H7.07.01.03]**.

Hiện nay, đội ngũ nhân viên của Trường và của Khoa TC-KT-NH đáp ứng đầy đủ cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ. Tính đến tháng 12/2024, CBGV ngành Kế toán có tổng cộng 16 nhân sự với thời gian hợp đồng làm việc từ 1 năm trở lên. Hồ sơ lý lịch của đội ngũ nhân viên,

cùng với danh sách nhân sự hỗ trợ, cho thấy phần lớn đều đạt trình độ sau đại học, có kinh nghiệm chuyên môn và tích cực tham gia các hoạt động NCKH. Trong đó, 100% cán bộ có kỹ năng tin học và sử dụng trên 80% thời gian làm việc. Kết quả khảo sát đánh giá từ SV và các BLQ cũng phản ánh mức độ hài lòng cao đối với chất lượng dịch vụ hỗ trợ và chất lượng giảng dạy của đội ngũ hiện nay. Cụ thể là tỷ lệ hài lòng của SV đối với đội ngũ cán bộ quản lý, hỗ trợ của các phòng ban, đội ngũ trợ lý khoa và cố vấn học tập các năm là: 67.63% (năm học 2020-2021); 77.29% (năm học 2021-2022); 77.98% (năm học 2022-2023); và 70.61% (năm học 2023-2024) [H7.07.01.04].

2. Điểm mạnh:

Trường/Khoa có kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên dựa trên việc phân tích và dự báo nhu cầu nhân sự căn cứ từ chiến lược phát triển Trường và nhu cầu từ đơn vị.

Các chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên được Trường ban hành rõ ràng, đầy đủ, bao gồm các chế độ khen thưởng. Khoa TC-KT-NH đã chủ động rà soát, đề xuất tuyển dụng nhân sự hằng năm theo kế hoạch của Trường đảm bảo công tác quản lý vận hành hiệu quả.

Việc quy hoạch nhân sự gắn với các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng định kỳ đã giúp nâng cao chất lượng đội ngũ. Thực tế, đội ngũ hiện tại có đủ về số lượng, đảm bảo về trình độ chuyên môn, có năng lực sử dụng CNTT tốt trong công tác. SV hài lòng cao đối với chất lượng hỗ trợ từ đội ngũ nhân sự của Khoa/Trường.

3. Điểm tồn tại:

Một số CBNV hỗ trợ của các phòng, ban còn thay đổi vị trí công việc nên việc quy hoạch đội ngũ nhân viên còn chưa đảm bảo tính ổn định, lâu dài.

Khả năng ngoại ngữ của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục	Nhà trường tăng cường chính sách động viên nhân viên, quy hoạch đội	BGH; P.TC-HC	Từ năm học 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	tồn tại	ngũ nhân viên phù hợp giữa vị trí việc làm với trình độ chuyên môn, năng lực để đảm bảo tính ổn định lâu dài của đội ngũ CBNV hỗ trợ. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, khuyến khích nhân viên tự nghiên cứu, tự học để hoàn thiện khả năng đáp ứng các nhu cầu đổi mới ngày càng đa dạng và phát triển trong những giai đoạn tiếp theo.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên, từ đó có các chính sách thu hút, tuyển dụng, quy hoạch đội ngũ nhân viên đảm bảo nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD.	BGH; P.TC-HC; Khoa TC-KT-NH	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường có ban hành Quy trình tuyển dụng và quản lý nhân viên.. Việc tuyển dụng phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ thực tế, phù hợp với vị trí việc làm được phê duyệt và đảm bảo các tiêu chí về trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, sức khỏe và nguyện vọng gắn bó lâu dài với Trường. Quy trình tuyển dụng được thực hiện theo các bước quy định, trong đó có sự phối hợp giữa đơn vị đề xuất (như Bộ môn/Khoa) và Phòng TC-HC từ khâu lập kế hoạch, thông báo tuyển dụng, đến tổ chức xét tuyển

và ký hợp đồng lao động. Đồng thời, công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và điều động nhân sự giữ chức vụ quản lý, bao gồm cả Trưởng/Phó Khoa/Bộ môn cũng phải tuân thủ quy trình cụ thể, từ xác định nhu cầu, lấy ý kiến giới thiệu, đánh giá tín nhiệm, đến quyết định bổ nhiệm chính thức bởi Hiệu trưởng trên cơ sở ý kiến của Hội đồng trường. Các quy trình này nhằm đảm bảo tính khách quan, minh bạch và phát huy trách nhiệm của đơn vị sử dụng nhân sự trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, GV phù hợp với định hướng và yêu cầu phát triển chung của Trường. Các đơn vị trong trường chịu trách nhiệm toàn diện trong việc thực hiện đúng quy trình này. Mỗi quyết định được lưu đầy đủ trong hồ sơ nhân sự và hợp đồng lao động của từng cá nhân [H7.07.02.01].

Bảng 7.1. Một số quyết định bổ nhiệm, điều chuyển nhân sự tại Khoa TC-KT-NH trong giai đoạn 2022-2024

Năm	Quyết định bổ nhiệm, điều chuyển nhân sự
2022	Bổ nhiệm ThS Nguyễn Thị Toàn, GV Khoa TC-KT-NH giữ chức vụ Phó Trưởng Khoa từ ngày 01/03/2022.
	Bổ nhiệm ThS Bùi Thị Nhân, GV Khoa TC-KT-NH giữ chức Phó trưởng bộ môn Kế toán kể từ ngày 15/09/2022.
	Bổ nhiệm Tiến sĩ Nguyễn Hữu Quyền giữ chức vụ Trưởng Khoa TC-KT-NH kể từ ngày 01/11/2022.
	Chuyển chức danh đối với ThS Đỗ Thị Minh Quyền từ Trợ lý Khoa TC-KT-NH sang chức danh GV từ ngày 15/10/2022.
2023	Điều chuyển Thạc sĩ Nguyễn Thị Thảo – Nhân viên Phòng Kế hoạch – Tài chính sang công tác tại Khoa TC-KT-NH với chức danh Trợ lý khoa kể từ ngày 27/02/2023.

Trong Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức đối với cán bộ quản lý tại Trường có nội dung yêu cầu Khoa phải khảo sát nhu cầu giảng dạy và NCKH khi đề xuất bổ nhiệm nhân sự, cụ thể, tại Mục II Quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý, phần 1. Khảo sát nhu cầu và xây dựng kế hoạch nhân sự. Do đó, việc khảo sát nhu cầu giảng dạy và NCKH là một bước bắt buộc trong quy trình đề xuất bổ nhiệm các chức danh quản lý như Trưởng Bộ môn, Trưởng Khoa, cùng với các kết quả khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ về vị trí việc làm. Mặc dù không có kết quả khảo sát cụ thể của Khoa, hằng năm Khoa vẫn tiến hành rà soát nhu cầu bổ sung nhân sự để bổ sung, điều chuyển và bổ nhiệm cho phù hợp [H7.07.02.02].

Các tiêu chí đánh giá nhân sự này được cụ thể hóa thông qua bản mô tả công việc của từng vị trí, kế hoạch nhân sự hằng năm và yêu cầu thực tiễn từ chương trình đào tạo. Ví dụ, khi bổ nhiệm Tổ trưởng Bộ môn hoặc đề xuất nhân sự phụ trách học vụ, Bộ môn căn cứ vào tiêu chuẩn chuyên môn, kỹ năng quản lý, kinh nghiệm thực tiễn cũng như mức độ phù hợp với định hướng phát triển của Khoa. Điều này bảo đảm tính minh bạch, khách quan và hiệu quả trong sử dụng nhân lực, đồng thời tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp công bằng cho các thành viên trong Khoa/Bộ môn. Cơ sở cho việc đánh giá và phân công nhân sự này còn được thể hiện rõ qua báo cáo phân công công việc của Khoa, trong đó mỗi vị trí từ Trưởng/Phó Khoa, Trưởng/Phó Bộ môn cho đến GV, nhân viên đều có nhiệm vụ rõ ràng gắn liền với công tác giảng dạy, NCKH, kiểm định chất lượng, xây dựng CTĐT, phát triển đội ngũ, và các hoạt động hỗ trợ SV. Đặc biệt, các cán bộ quản lý như Trưởng Bộ môn còn có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ, đánh giá hoạt động chuyên môn trong Bộ môn, từ đó làm cơ sở đề xuất nhân sự phù hợp với mục tiêu chiến lược của đơn vị và Nhà trường **[H7.07.02.03]**.

Các thông tin liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân sự của Bộ môn được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBGVNV qua nhiều kênh, bao gồm: thông báo qua email nội bộ, bảng tin của Khoa, và đặc biệt là đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và Khoa. Ngoài ra, CBGVNV có thể theo dõi hoạt động tuyển dụng của nhà trường thông qua trang lịch công tác UPT. Tất cả các tiêu chí và quy trình đều được công khai minh bạch nhằm bảo đảm tính khách quan và tạo điều kiện để các cá nhân nắm bắt cơ hội phát triển **[H7.07.02.04]**.

2. Điểm mạnh:

Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân sự tại Trường/Khoa được triển khai bài bản, minh bạch và tuân thủ đầy đủ các quy định của Trường. Quy trình bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng và công khai rộng rãi trên nhiều kênh, tạo điều kiện tiếp cận công bằng cho mọi thành viên và sự đồng thuận trong nội bộ đơn vị.

3. Điểm tồn tại:

Các thông báo tuyển dụng đã được công khai qua email nội bộ, bảng tin và cổng thông tin điện tử, tuy nhiên mức độ tiếp cận bên ngoài còn hạn chế, làm giảm cơ hội mở rộng nguồn ứng viên chất lượng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục rà soát, đổi mới các phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng đội ngũ CBNVGV.	P.TC-HC	Thường niên (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đúng các quy định, tiêu chí của Trường về bổ nhiệm, điều chuyển nhân sự.	P.TC-HC		

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng:

Quy trình đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên tại Trường được quy định rõ trong các văn bản chính thức về công tác thi đua, khen thưởng và Quy chế chi tiêu nội bộ. Việc đánh giá được thực hiện định kỳ, gắn liền với hoạt động xét thi đua – khen thưởng và các chính sách chi trả thu nhập, phụ cấp, nâng lương cho CBGVNV và người lao động. Quy trình đánh giá bao gồm các bước: tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của cấp quản lý trực tiếp (Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn hoặc Trưởng đơn vị), và họp tập thể tại đơn vị công tác để thống nhất mức xếp loại. Phương pháp đánh giá kết hợp giữa định tính (nhận xét, góp ý) và định lượng (thang điểm, mức phân loại), nhằm đảm bảo tính khách quan, toàn diện và phù hợp với đặc thù từng vị trí việc làm. Các tiêu chí đánh giá được xác định, bao gồm: mức độ hoàn thành công việc theo phân công, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ, ý thức kỷ luật, khả năng phối hợp, và mức độ đóng góp cho tập thể. Đối với nhân sự có tham gia NCKH hoặc công tác chuyên môn đặc thù, các chỉ số như khối lượng công việc thực hiện, kết quả nghiên cứu, sáng kiến cải tiến, cũng được tính đến trong quá trình đánh giá. Các biểu mẫu như phiếu đánh giá, biên bản họp, và bảng phân loại hằng tháng hoặc hằng năm được thống nhất và lưu trữ tại các đơn vị, góp phần đảm bảo tính hệ thống, minh bạch và liên tục trong việc theo dõi, phát triển năng lực đội ngũ. Kết

quả đánh giá còn là căn cứ để xét thưởng hiệu suất, tăng lương định kỳ và phân bổ thu nhập tăng thêm, từ đó tạo động lực thúc đẩy chất lượng và hiệu quả làm việc của nhân viên **[H7.07.03.01]**.

Công tác thi đua – khen thưởng tại Trường được triển khai có hệ thống thông qua việc thành lập Hội đồng Thi đua – Khen thưởng với Quy chế thi đua – khen thưởng, tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc triển khai, xét chọn và đề xuất danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể và cá nhân. Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu, tổng hợp và chuẩn bị hồ sơ, biểu mẫu, biên bản cần thiết. Cụ thể, sau khi các đơn vị (như Khoa) thực hiện tự đánh giá, tổ chức họp bình xét, lập biên bản phân loại CBGVNV, hồ sơ được gửi về Phòng TC-HC để tổng hợp trình Hội đồng Thi đua – Khen thưởng. Hội đồng sẽ xem xét đầy đủ hồ sơ, biên bản, bảng xếp loại, thành tích, sáng kiến, và kết quả công tác chuyên môn để đưa ra đánh giá cuối cùng. Việc này nhằm đảm bảo việc khen thưởng không chỉ dựa trên thành tích cá nhân, mà còn phản ánh mức độ đóng góp vào sự phát triển chung của Nhà trường. Sau khi Hội đồng họp và biểu quyết, danh sách được trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành quyết định khen thưởng, xếp loại, hoặc đề xuất lên cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu xét khen thưởng cấp Bộ hoặc Tỉnh). CBGVNV Khoa TC-KT-NH hằng năm đều nhận được các danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, Lao động tiên tiến và Tập thể lao động tiên tiến của Trường **[H7.07.03.02]**.

Hằng năm, công tác đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên tại các đơn vị được tổ chức theo đúng quy trình của Nhà trường. Việc đánh giá bao gồm tự nhận xét của cá nhân, bản đánh giá của cấp trên trực tiếp, và thảo luận tại các cuộc họp tập thể để thống nhất mức xếp loại. Nội dung đánh giá tập trung vào năng lực thực hiện chuyên môn, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao, thái độ làm việc, tinh thần hợp tác trong đơn vị, và khả năng phục vụ người học cũng như phối hợp với các đơn vị khác. Bên cạnh đó, sự hài lòng của các BLQ cũng được ghi nhận thông qua các phản hồi không chính thức từ SV, GV, cán bộ và các đơn vị phối hợp, được xem là yếu tố tham chiếu bổ sung cho kết quả đánh giá nhân sự. Các kết quả đánh giá được lưu trữ đầy đủ trong hồ sơ cá nhân của nhân viên, đồng thời là căn cứ để xem xét thi đua – khen thưởng, điều chuyển, hoặc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các vị trí còn hạn chế. Việc triển khai đánh giá thường xuyên và có hệ thống đã góp phần

nâng cao nhận thức nghề nghiệp, trách nhiệm và hiệu quả làm việc của đội ngũ nhân viên trong toàn trường **[H7.07.03.03]**.

2. Điểm mạnh:

Công tác đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện định kỳ hằng năm theo đúng quy trình của Trường, đảm bảo tính khách quan, minh bạch và phù hợp với yêu cầu chuyên môn. Việc đánh giá được thực hiện theo tiêu chí toàn diện, bao gồm mức độ hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và công tác chuyên môn, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ người học, khả năng phối hợp trong đơn vị, và mức độ đóng góp vào hoạt động chung, làm căn cứ xét thi đua, khen thưởng và đề xuất đào tạo, bồi dưỡng, hoặc bổ nhiệm. Trong 2 năm học gần đây, các CBGVNV Khoa TC-KT-NH đều được công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến hoặc Chiến sĩ thi đua cơ sở.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù các ý kiến góp ý vẫn được ghi nhận trong quá trình giảng dạy, làm việc và phản hồi nội bộ, nhưng chưa có cơ chế rõ ràng để tích hợp các phản hồi này vào hồ sơ đánh giá năng lực hằng năm, đồng thời làm cơ sở tham chiếu hữu ích cho các quyết định đào tạo, bồi dưỡng hoặc điều chỉnh công việc cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cải tiến các chính sách cũng như các quy định nhằm động viên khuyến khích đội ngũ CBNV hoàn thành nhiệm vụ, làm tốt vai trò hỗ trợ cho công tác đào tạo, tham gia PVCD và NCKH nếu có thể.	BGH; P.TC-HC; P KH-TC	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm	Duy trì hoạt động đánh giá, phân loại năng lực đội ngũ NV một cách công bằng, công khai thông qua các bước	P.TC-HC; K.TC-KT-NH;	Hằng năm (từ 2025-2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	mạnh	đánh giá nhiều cấp và qua ý kiến đánh giá của người học và GV về đội ngũ nhân viên.	P.KT- ĐBCL- TT&PC		

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo từng giai đoạn 5 năm, bảo đảm công tác đào tạo, bồi dưỡng CBGVNV được thực hiện phù hợp với thực tiễn, dựa trên mục tiêu và chiến lược phát triển chung. Trên cơ sở quy hoạch này, các đơn vị trực thuộc tiến hành xác định nhu cầu cụ thể; Phòng TC-HC tổng hợp, tham mưu BGH để cụ thể hóa thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm [H7.07.04.01].

Bảng 7.2. Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng các năm học trong giai đoạn 2020-2024

Năm học	Nội dung kế hoạch đào tạo bồi dưỡng
2020-2021	- Bồi dưỡng kỹ năng Soạn thảo văn bản; công tác thư ký văn phòng cho trợ lý khoa và chuyên viên các phòng; - Bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng – An ninh; - Cập nhật kiến thức, kỹ năng lãnh đạo trường ĐH trong điều kiện từ chủ và hội nhập; - Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho nhân viên; - Các lớp bồi dưỡng khác (theo nhu cầu và tình hình thực tế)
2021-2022	- Lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng – An ninh; - Lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV; - Các lớp bồi dưỡng, tập huấn khác tùy theo tình hình thực tế
2022-2023	- Tập huấn An toàn, vệ sinh lao động cho CBGVNV; - Lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng – An ninh; - Tập huấn công tác kiểm định chất lượng cấp CSGD và CTĐT; - Lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV; - Tập huấn phương pháp NCKH cho cán bộ trẻ và SV; - Tập huấn quản trị văn phòng cho nhân viên; - Tập huấn về cách thiết kế bảng khảo sát và xử lý kết quả khảo sát, viết báo cáo; - Bồi dưỡng nâng cao trình độ Tiếng Anh giao tiếp (dài hạn);

Năm học	Nội dung kế hoạch đào tạo bồi dưỡng
	- Các lớp bồi dưỡng khác tùy theo nhu cầu và tình hình thực tế
2023-2024	- Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng thực hiện đề tài NCKH các cấp; - Bồi dưỡng kiến thức về bài báo khoa học, công bố khoa học, hồ sơ khoa học, các thông số đánh giá công trình khoa học; - Bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng – An ninh; - Bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV; - Tập huấn phương pháp NCKH cho cán bộ trẻ và SV; - Tập huấn kỹ năng soạn thảo văn bản và quản lý hồ sơ; - Tập huấn về cách thiết kế bảng khảo sát và xử lý kết quả khảo sát, viết báo cáo; - Bồi dưỡng nâng cao trình độ Tiếng Anh giao tiếp (dài hạn); - Các lớp bồi dưỡng khác tùy vào nhu cầu và tình hình thực tế

Công tác đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBGVNV được tổ chức thường xuyên, linh hoạt và đa dạng theo kế hoạch của Nhà trường và các quy định về đào tạo, bồi dưỡng CBGVNV, về đào tạo ngắn hạn. Các CTĐT được xây dựng bám sát tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tập trung vào các nội dung thiết thực như nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm, tin học, ngoại ngữ và các kiến thức phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH **[H7.07.04.02]**.

Bên cạnh kế hoạch đào tạo, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường thể hiện rõ chính sách hỗ trợ tài chính cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Cụ thể, đối với các trường hợp được cử đi học sau đại học như thạc sĩ, tiến sĩ, Nhà trường hỗ trợ 50% học phí; phần còn lại do cá nhân tự chi trả hoặc có thể được xem xét hỗ trợ thêm theo quyết định của Hiệu trưởng, nhằm khuyến khích CBGVNV nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần phát triển chất lượng đội ngũ nhân sự của Nhà trường. Việc phối hợp chặt chẽ giữa đào tạo dài hạn và các khóa bồi dưỡng ngắn hạn không chỉ đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại mà còn góp phần xây dựng nền tảng nhân sự vững chắc, hướng tới phát triển bền vững trong toàn Trường/Khoa **[H7.07.04.03]**.

Khoa đã tổ chức khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ không chỉ dành cho đội ngũ GV mà còn cho các cán bộ chuyên trách và nhân viên hành chính. Việc khảo sát được triển khai định kỳ, lồng ghép trong Phiếu đánh giá, xếp loại kết quả lao động hàng năm, thông qua phần "Đề xuất hỗ trợ phát triển chuyên môn" của từng cá nhân. Đồng thời, kết quả khảo sát còn được đối chiếu với bản mô tả công việc, yêu cầu năng lực và định hướng phát triển của từng vị trí, nhằm xác định đúng và sát nhu cầu thực tiễn của người lao động. Kết quả tổng hợp từ

các phiếu đánh giá được phân tích và sử dụng làm căn cứ xây dựng cơ chế đào tạo phù hợp cho từng nhóm vị trí công việc. Đây là bước đầu quan trọng, đảm bảo tính thực tế và sát nhu cầu trong việc lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Bộ môn và Khoa. Bên cạnh đó, hoạt động đào tạo và bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên hành chính và chuyên trách tại Khoa được thực hiện theo kế hoạch tổng thể của Nhà trường. Hằng năm, Phòng TC-HC căn cứ vào định hướng chiến lược và nhu cầu từ các đơn vị để xây dựng kế hoạch đào tạo chung, sau đó thông báo đến các khoa, phòng, ban trực thuộc. Trên cơ sở đó, Khoa tiến hành rà soát đội ngũ nhân sự, xác định các cá nhân phù hợp với từng CTĐT được triển khai, từ đó lập danh sách cử tham gia. Các nội dung đào tạo tập trung vào bồi dưỡng nghiệp vụ hành chính, kỹ năng sử dụng phần mềm nội bộ (quản lý đào tạo, kế toán, văn thư lưu trữ), cập nhật chính sách và quy định mới của ngành giáo dục, cũng như các kiến thức pháp luật lao động có liên quan. Việc đào tạo được tổ chức định kỳ, có quy trình xét duyệt rõ ràng và lưu trữ kết quả làm căn cứ cho đánh giá năng lực cũng như quy hoạch, bổ nhiệm, điều động nhân sự trong tương lai. Sau khi hoàn thành chương trình, nhân viên có trách nhiệm nộp chứng chỉ hoặc xác nhận hoàn thành khóa học, báo cáo kết quả [H7.07.04.04], [H7.07.02.03].

Bảng 7.3. Danh sách CBGVNV Khoa TC-KT-NH được cử đi đào tạo

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo
1	Đỗ Thị Minh Quyền	Thạc sĩ	2018-2020
2	Đỗ Thị Hoàng Yến	Thạc sĩ	2018-2021
3	Nguyễn Thị Thảo	Thạc sĩ	2018-2020
4	Nguyễn Anh Thư	Văn bằng 2	2018-2021
5	Nguyễn Thị Toàn	Văn bằng 2	2018-2021
6	Lê Thị Bảo Như	Tiến sĩ	2017-2022
7	Đỗ Thị Minh Quyền	Văn bằng 2	2021-2023
8	Nguyễn Ngọc Diệu	Thạc sĩ	2019-2022
9	Nguyễn Thị Bích Thủy	Thạc sĩ	2019-2023
10	Huỳnh Thị Thanh Hậu	Thạc sĩ	2023-2025
11	Lê Bảo Quyên	Văn bằng 2	2023-2025
12	Võ Mỹ Duyên	Văn bằng 2	2023-2025
13	Nguyễn Thị Thảo	Thạc sĩ	2024-2025
14	Nguyễn Minh Thanh	Thạc sĩ	2024-2025
15	Lê Bảo Quyên	Tiến sĩ	Từ năm 2024
16	Lê Thị Tú Trinh	Văn bằng 2	2024-2026

Bảng 7.4. Số lượt tham gia bồi dưỡng, tập huấn của Khoa TC-KT-NH

TT	Nội dung	Lượt người tham gia				
		2020	2021	2022	2023	2024
1	Tham gia Hội thảo, Hội nghị, làm việc với chuyên gia.....	2	32	12	18	8
2	Các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn...	19	39	38	83	10
Tổng		21	71	50	101	18

Bảng 7.5. Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Trường

TT	Năm	Kinh phí (đồng)
1	2019	183.075.000
2	2020	71.400.000
3	2021	96.440.000
4	2022	41.000.000
5	2023	550.955.000
6	2024	298.100.000
Tổng cộng		1.240.970.000

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có chiến lược phát triển nguồn nhân lực được cụ thể hóa qua kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo chu kỳ 5 năm, được rà soát và triển khai hằng năm. Việc khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng CBGVNV được thực hiện định kỳ. Hoạt động đào tạo và bồi dưỡng được tổ chức đa dạng, linh hoạt, bao gồm cả các CTĐT dài hạn (thạc sĩ, tiến sĩ), các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, tập huấn chuyên môn, kỹ năng mềm, ngoại ngữ, NCKH, sử dụng phần mềm quản lý... Các chương trình này được triển khai qua nhiều hình thức như tổ chức nội bộ, liên kết với các đơn vị bên ngoài, hay tham gia các hội thảo chuyên đề. Khoa thực hiện tốt việc phối hợp cử cán bộ tham gia, theo dõi kết quả, tổng hợp thời lượng và cập nhật hồ sơ đào tạo.

Nhà trường cũng có chính sách hỗ trợ tài chính thiết thực cho các cán bộ được cử đi học sau đại học, đồng thời có thể xem xét hỗ trợ thêm tùy theo trường hợp cụ thể. Các hoạt động này được theo dõi minh bạch qua các minh chứng như thống kê danh sách cử đi học, số lượt tham gia, báo cáo kết quả và kinh phí đào tạo hằng năm.

3. Điểm tồn tại:

Nguồn kinh phí hỗ trợ cho đào tạo, bồi dưỡng nhân sự hiện nay còn ở mức hạn chế, phần lớn vẫn phụ thuộc vào sự chủ động và tự túc của cá nhân, khiến mức độ tham gia chưa thực sự đồng đều. Đội ngũ CBGVNV tại Khoa hiện vẫn chưa có nhiều

cơ hội tham gia các hội thảo khoa học hay khóa học chuyên môn ở nước ngoài, một phần do hạn chế về kinh phí hỗ trợ cũng như điều kiện tiếp cận.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và tổ chức thêm nhiều hoạt động, khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ CBNV. Đồng thời có cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện hơn nữa để đội ngũ nhân viên hỗ trợ có thể tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	BGH; P.TC-HC; K.TC-KT-NH; P.KH-TC	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa tiếp tục rà soát và xác định rõ ràng những nhu cầu về việc nâng cao chuyên môn của đội ngũ CBNV hỗ trợ và đẩy mạnh triển khai các hoạt động đáp ứng nhu cầu này.	K.TC-KT-NH	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

1. Mô tả hiện trạng:

Khoa TC-KT-NH công tác quản trị theo kết quả công việc của CBGVNV được triển khai tuân thủ theo Quy định đánh giá, phân loại CBGVNV của Trường. Theo đó, từng nhân viên có bản mô tả công việc rõ ràng, được phân công nhiệm vụ cụ thể theo từng học kỳ và năm học. Việc đánh giá kết quả công việc được thực hiện định kỳ hàng tháng thông qua Phiếu đánh giá (Mẫu 01 dành cho CBGV; Mẫu 02 dành cho nhân

viên), trong đó thể hiện rõ mức độ hoàn thành công việc, tinh thần trách nhiệm, phối hợp và mức độ đóng góp cho hoạt động chuyên môn, NCKH và PVCĐ. Kết quả đánh giá hàng tháng là cơ sở để tổng hợp, phân loại cuối năm, chia theo các mức A, B, C và D với các tiêu chí định lượng và định tính rõ ràng.

Cơ chế đánh giá này được gắn kết chặt chẽ với chính sách khen thưởng và chế tài nhằm tạo động lực thực chất cho đội ngũ. Theo quy định, các cá nhân đạt loại A hoặc B được hưởng 100% lương tháng 13; cá nhân loại C chỉ nhận 85%, trong khi loại D không được nhận và có thể bị xem xét chấm dứt hợp đồng. Kết quả phân loại còn được sử dụng làm căn cứ xét tiếp tục hợp đồng lao động, quy hoạch vị trí và công nhận các danh hiệu thi đua hằng năm. Trong quá trình triển khai, Bộ môn phối hợp với Khoa và Phòng TC-HC trong việc rà soát, đối chiếu và thu thập minh chứng, nhằm đảm bảo tính khách quan và minh bạch trong đánh giá. Với cơ chế đánh giá rõ ràng, có liên kết trực tiếp với khen thưởng và chế độ đãi ngộ góp phần thúc đẩy tinh thần tự chủ, nâng cao hiệu quả công việc và phát triển năng lực của đội ngũ nhân sự **[H7.07.05.01]**.

Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó quy định rõ các mức chi cho khen thưởng và công nhận thành tích cá nhân, tập thể, làm cơ sở để thực hiện công bằng và minh bạch. Việc xét thi đua – khen thưởng được thực hiện định kỳ tại cấp Khoa và Trường, thể hiện qua các biên bản họp đánh giá xếp loại thi đua các năm học và quyết định công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân có thành tích nổi bật **[H7.07.05.02]**.

Khoa TC-KT-NH việc xây dựng kế hoạch và phân công công việc cho CBGV và nhân viên được triển khai trên cơ sở kết hợp giữa quy định của Nhà trường và thực tiễn điều hành của đơn vị. CBGVNV được yêu cầu xây dựng kế hoạch công tác cá nhân vào đầu mỗi năm học. Nội dung kế hoạch bao gồm các hoạt động giảng dạy, NCKH, học tập nâng cao trình độ, và tham gia các phong trào, hoạt động PVCĐ. Đối với nhân viên hành chính và chuyên trách, kế hoạch được lập theo tháng và theo năm, thể hiện rõ khối lượng công việc, tiến độ, mốc thời gian, yêu cầu phối hợp và kết quả đầu ra, giúp đơn vị chủ động theo dõi và hỗ trợ triển khai công việc hiệu quả. Bên cạnh đó, mỗi nhân viên trong Khoa còn được phân công nhiệm vụ cụ thể thông qua biên bản phân công nhiệm vụ nội bộ, được lập theo từng giai đoạn hoặc từng học kỳ. Dù các biên bản này chưa chuẩn hóa thành kế hoạch cá nhân cho từng năm, nhưng vẫn

thể hiện rõ nội dung công việc, thời gian thực hiện và nguồn lực phối hợp cần thiết, qua đó đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong công việc. Quá trình thực hiện được theo dõi thông qua các buổi giao ban định kỳ, kết hợp với báo cáo tiến độ công việc hàng tháng/quý và được đối chiếu khi đánh giá kết quả cuối năm. Ngoài ra, CBGVNV thực hiện Phiếu đánh giá xếp loại kết quả lao động hàng tháng và hàng năm theo mẫu thống nhất của Trường để Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường xem xét, công nhận kết quả công việc, đồng thời xét đề xuất khen thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích. Hiện nay, Khoa đang hoàn thiện việc tích hợp các nội dung phân công vào hệ thống kế hoạch cá nhân chuẩn hóa nhằm nâng cao tính hệ thống và phù hợp với yêu cầu kiểm định chất lượng. Khoa TC-KT-NH đã được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến năm học 2021-2022 và 2022-2023; đội ngũ CBGVNV nhiều năm liền được khen tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua, Lao động tiên tiến của Trường [H7.07.05.02], [H7.07.05.03].

Trong quá trình xây dựng các biểu mẫu, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc và các quy định liên quan đến thi đua – khen thưởng, nhân viên được tạo điều kiện tham gia góp ý thông qua các cuộc họp góp ý cấp Khoa hoặc ý kiến trực tiếp bằng văn bản. Những góp ý này được tổng hợp và chuyển đến lãnh đạo Khoa, Trường để xem xét, điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với đặc thù và thực tế công việc của từng đơn vị. Nhà trường định kỳ tổ chức rà soát và lấy ý kiến góp ý từ toàn thể CBGVNV đối với các quy chế, quy định nội bộ nhằm cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp [H7.07.05.04].

Theo phản hồi từ các buổi họp tổng kết cuối năm và khảo sát nội bộ, phần lớn nhân viên Khoa TC-KT-NH đánh giá cao tính minh bạch, công bằng trong quản trị theo kết quả công việc. Cơ chế thi đua-khen thưởng được triển khai công khai, có tiêu chí rõ ràng và phù hợp với khối lượng công việc thực hiện. Các cá nhân có thành tích nổi bật đều được khen thưởng kịp thời, đồng thời được ghi nhận trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm và phát triển nghề nghiệp. Điều này góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, sự chủ động và gắn bó lâu dài với đơn vị [H7.07.05.05].

2. Điểm mạnh

Khoa TC-KT-NH đã triển khai hiệu quả cơ chế quản trị theo kết quả công việc, dựa trên hệ thống văn bản và quy định rõ ràng về đánh giá, phân loại CBGVNV. Mỗi

nhân viên xây dựng kế hoạch công tác cá nhân định kỳ, thể hiện rõ khối lượng công việc, tiến độ, thời gian thực hiện và yêu cầu phối hợp. Việc đánh giá hiệu quả công việc được thực hiện đều đặn hàng tháng và tổng hợp cuối năm, làm căn cứ cho xét phân loại và thi đua – khen thưởng. Cơ chế đánh giá được gắn chặt với chế độ đãi ngộ, khen thưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo công bằng, minh bạch. Nhân viên được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các quy định và biểu mẫu đánh giá. Phản hồi nội bộ cho thấy đội ngũ CBGVNV đánh giá cao sự minh bạch, công khai và phù hợp trong cơ chế đánh giá – khen thưởng.

3. Điểm tồn tại:

Việc ứng dụng công nghệ trong quản lý kết quả công việc và lưu trữ hồ sơ minh chứng cũng còn hạn chế, chủ yếu thực hiện bằng hình thức thủ công, khó khăn trong tra cứu và tổng hợp dữ liệu phục vụ cho công tác đánh giá và kiểm định chất lượng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu ứng dụng phần mềm quản lý công việc hoặc nền tảng số hóa để lưu trữ hồ sơ đánh giá, theo dõi tiến độ, minh chứng kết quả và hỗ trợ báo cáo tự động.	BGH; P.TC-HC; P.KH-TC	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.	P.TC-HC; P.KH-TC; Các đơn vị	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định, quy chế liên quan đến phát triển nguồn nhân lực là nhân viên, đánh giá hiệu quả công việc và thi đua – khen thưởng. Trường/Khoa có cơ chế khảo sát nhu cầu đào tạo, phân công công việc rõ ràng, xây dựng kế hoạch cá nhân hằng năm, kết hợp với các hình thức theo dõi, đánh giá định kỳ thông qua biểu mẫu thống nhất toàn trường. Kết quả đánh giá cá nhân được sử dụng làm cơ sở cho xét thi đua, khen thưởng, tiếp tục hợp đồng và quy hoạch nhân sự. Đội ngũ nhân viên có cơ hội tham gia góp ý vào quá trình xây dựng các biểu mẫu, tiêu chí đánh giá, góp phần nâng cao tính minh bạch và phù hợp với thực tiễn. Nhiều cá nhân, tập thể đạt thành tích nổi bật được công nhận và khen thưởng, thể hiện hiệu quả của hệ thống quản trị nguồn nhân lực theo kết quả công việc.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Việc theo dõi, phản hồi và cập nhật nhiệm vụ giữa kỳ bước đầu đã được triển khai nhưng cần tiếp tục được củng cố thường xuyên hơn nhằm gia tăng hiệu quả giám sát. Bên cạnh đó, công tác phân công nhiệm vụ vẫn đang từng bước tích hợp vào hệ thống kế hoạch cá nhân chuẩn hóa theo định hướng của Nhà trường. Một số hoạt động nghiệp vụ hiện còn vận hành theo hình thức bán thủ công, do đó Trường/Khoa cần tăng cường ứng dụng CNTT để hỗ trợ tốt hơn cho công tác lưu trữ, tổng hợp dữ liệu và tra cứu minh chứng phục vụ đánh giá, kiểm định chất lượng trong thời gian tới.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí, trong đó có 03 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm và 02 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

Trường/Khoa tạo điều kiện tốt nhất cho SV ngành Kế toán được học tập và rèn luyện trong môi trường GDDH định hướng gắn liền ngành đào tạo với thực tiễn. Chính sách tuyển sinh được được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. SV được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ Khoa phối hợp với các đơn vị trong Trường. Khoa/Trường thường xuyên tổ chức

các buổi gặp gỡ học tập, giao lưu với doanh nghiệp, tổ chức các học phần thực hành tại doanh nghiệp, tăng sự cọ xát với thực tế cho SV; giám sát và hỗ trợ kịp thời, giúp SV cải thiện việc học tập và khả năng tìm kiếm việc làm nhanh chóng sau khi ra trường. Bên cạnh đó, yếu tố tâm lý học đường luôn được Trường quan tâm. Cảnh quan sư phạm được đảm bảo xanh – sạch – đẹp, an toàn, văn hóa ứng xử văn minh và thân thiện thành môi trường học đường tích cực cho tất cả các đối tượng trong Trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm, dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và kết quả tuyển sinh các năm trước, Trường xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh riêng rõ ràng, đầy đủ và chi tiết cho từng ngành tuyển [H8.08.01.01]. Những chính sách, đề án này được điều chỉnh qua các năm cho phù hợp với tình hình thực tế. Mỗi năm, trước khi xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh, Nhà trường tổ chức các cuộc họp phân tích kết quả tuyển sinh năm trước, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực năm tới (phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương) để xây dựng đề án tuyển sinh một cách phù hợp và hiệu quả [H8.08.01.02].

Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến đóng góp của CBGVNV và các thành viên trong ban tuyển sinh để xây dựng phương thức tuyển sinh phù hợp [H8.08.01.03]. Sau khi kết thúc kỳ tuyển sinh, Ban tuyển sinh, Phòng QLĐT sẽ lập báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho năm học kế tiếp [H8.08.01.04]. Từ năm 2020, bên cạnh 2 phương thức tuyển sinh thường áp dụng là: Xét tuyển kết quả thi THPT (*chiếm 25% tổng chỉ tiêu*) và Xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT (*chiếm 70% tổng chỉ tiêu*) thì Nhà trường xét tuyển thêm theo phương thức thứ 3: Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức (*chiếm 5% tổng chỉ tiêu*).

Phương thức xét tuyển của người học ngành Kế toán cũng áp dụng 3 phương thức trên. Đặc biệt, đối với người học ngành Kế toán, tổ hợp môn xét tuyển vào ngành được Khoa và Nhà trường xác định kỹ lưỡng.

Bảng 8.1. Các tổ hợp môn xét tuyển vào ngành Kế toán

STT	Tổ hợp môn	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	A00	Toán	Vật lý	Hóa học
2	A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh
3	D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
4	C04	Toán	Ngữ văn	Địa lý

Bảng 8.2. Tổng kết công tác tuyển sinh – Nhập học ngành Kế toán

Năm	Số lượng tuyển được	Chỉ tiêu	Tỷ lệ số lượng tuyển được/ Chỉ tiêu
2020	92	180	51,11%
2021	120	180	66,66%
2022	113	180	62,77%
2023	98	180	54,44%
2024	64	180	35,56%

Các chính sách tuyển sinh (*đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên,...*) được Nhà trường công bố công khai để thí sinh cả nước có thể tiếp cận được thông tin tuyển sinh. Phòng QLĐT là đơn vị chủ trì trong việc lập kế hoạch, tổ chức triển khai và giám sát công tác truyền thông tuyển sinh của Trường. Hằng năm, đội ngũ tư vấn tuyển sinh sẽ đến các trường THPT tư vấn tại chỗ cho học sinh, một số CBGV của Khoa cũng tham gia hỗ trợ công tác tư vấn tuyển sinh. Công tác này được Nhà trường triển khai rộng rãi, không chỉ các trường ở tỉnh Bình Thuận mà còn ở các tỉnh lân cận [H8.08.01.05]. Mỗi mùa tuyển sinh, Trường tham gia Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh tại tỉnh Bình Thuận; cử cán bộ tham gia, tư vấn và giải đáp thắc mắc cho học sinh [H8.08.01.06].

Ngoài các hoạt động trực tiếp, Nhà trường còn đẩy mạnh truyền thông qua website tuyển sinh riêng, các phương tiện truyền thông đại chúng (báo giấy, báo điện tử, đài truyền hình), các ấn phẩm quảng bá (brochure, sổ tay tuyển sinh), và nền tảng trực tuyến như fanpage, chat trực tuyến, Zalo, hộp thư tuyển sinh và tổng đài tư vấn. Hệ thống này hỗ trợ thí sinh tiếp cận thông tin đầy đủ, chính xác, đồng thời định hướng lựa chọn ngành học phù hợp với sở thích và năng lực [H8.08.01.07].

Nhà trường không ngừng cập nhật cải tiến chính sách tuyển sinh, quy trình tuyển sinh và nhập học, cải tiến phương thức tuyển, tiêu chí tuyển, cải tiến công tác truyền thông,... Quy trình nhận hồ sơ xét tuyển được cải tiến tiện lợi nhất cho các thí sinh như: nộp hồ sơ online, xét tuyển trực tuyến, tư vấn trực tuyến... Dựa trên các kết quả tổng kết về công tác tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học hằng năm, Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường sẽ tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Nhà

trường cũng như trên cả nước, cơ hội, thách thức và xu hướng, để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra. Từ đó, Hội đồng tuyển sinh rút kinh nghiệm trong việc đặt ra các tiêu chí tuyển sinh, vùng tuyển, công tác truyền thông... để xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho khóa mới hoàn chỉnh hơn [H8.08.01.08]. Cách thức truyền thông trong tuyển sinh của Trường đã có những sự thay đổi qua từng năm, đã bổ sung nhiều phương thức tiếp cận với các SV tiềm năng thông qua mạng xã hội và các công cụ trực tuyến. Trường cũng mở rộng phạm vi truyền thông trực tiếp từ Bình Thuận đến các tỉnh khác như Lâm Đồng, Ninh Thuận, Đồng Nai. Bên cạnh đó, nhằm thu hút người học, Nhà trường tiếp tục chính sách trao những học bổng khuyến khích như: Học sinh tốt nghiệp THPT và có kết quả học tập lớp 12 xếp loại Giỏi sẽ được nhận học bổng giảm 100% học phí học kỳ I; kết quả học tập lớp 12 xếp loại Khá sẽ được nhận học bổng giảm 50% học phí học kỳ I.

Các chính sách tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ GDĐT, có tham khảo ý kiến của các BLQ và dựa vào kết quả phân tích dữ liệu tuyển sinh, nhập học của năm trước cũng như xu hướng nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã tổ chức ngày hội việc làm, gặp mặt các cựu SV, nhà tuyển dụng để lắng nghe ý kiến đóng góp về CTĐT, về các kỹ năng SV cần phải có, về nhu cầu nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp hiện nay [H8.08.01.09]. Mặc dù, việc cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường nói chung và ngành Kế toán nói riêng luôn được chú trọng. Tuy nhiên, số lượng SV nhập học từ năm 2021 đến nay có xu hướng giảm.

2. Điểm mạnh:

Công tác tuyển sinh của Nhà trường nói chung và ngành Kế toán nói riêng được xác định rất rõ ràng, thực hiện theo đúng quy định của Bộ GDĐT.

Nhà trường đã tổ chức các cuộc họp phân tích kết quả tuyển sinh năm trước. Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện lấy ý kiến các BLQ nhằm tiến hành phân tích nhu cầu nguồn nhân lực hàng năm để cải tiến chính sách tuyển sinh phù hợp.

Trường có phương thức tuyển sinh đa dạng, được công khai, quảng bá rộng rãi trên các phương tiện truyền thông, cùng với nhiều hình thức ưu đãi học phí đặc biệt để thu hút được những học sinh THPT khá và giỏi.

3. Điểm tồn tại:

Thực tế công tác tuyển sinh còn gặp nhiều khó khăn từ cạnh tranh, số lượng SV tuyển được của ngành Kế toán đang có xu hướng giảm.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tiếp tục cải thiện các chính sách phát triển của Trường để thu hút tuyển sinh; Tiếp tục cải thiện CTĐT và tăng cường truyền thông về ngành Kế toán để thu hút thêm nhiều SV;	P.QLĐT; Ban TTTT & QTM; K.TC-KT-NH	Hàng năm (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	- Cập nhật những quy định về công tác tuyển sinh để thực hiện đúng. - Duy trì các cuộc họp đánh giá sau kỳ tuyển sinh và đồng thời lấy ý kiến các BLQ để xây dựng kế hoạch tuyển sinh hiệu quả. - Tiếp tục hoàn thiện chính sách tuyển sinh, cập nhật, chủ động công bố thông tin và hình ảnh trên website của Trường/Khoa nhằm thu hút người học.	P.QLĐT; Ban TTTT & QTM; K.TC-KT-NH	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm, BGH sẽ tổ chức họp Hội đồng Tuyển sinh xác định tiêu chí lựa chọn người học, hình thức thi/xét tuyển và phương pháp tuyển chọn người học cho từng CTĐT trên cơ sở góp ý của các BLQ. Dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT, các

dữ liệu báo cáo của Phòng QLĐT, Nhà trường tổ chức các cuộc họp phân tích kết quả tuyển sinh năm trước, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực năm tới. Giai đoạn 2020-2024, Trường thực hiện tuyển sinh theo 3 phương thức, tỷ lệ xét tuyển được chia theo các phương thức cụ thể: xét theo học bạ THPT (70%), xét theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (25%); xét theo kết quả kỳ thi ĐGNL do Đại học quốc gia TP. HCM tổ chức (5%). Dựa vào cơ sở góp ý của các BLQ để xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh riêng, trong mỗi phương thức tuyển sinh, Nhà trường đưa ra các tiêu chí để lựa chọn và phương pháp tuyển chọn đầu vào phù hợp yêu cầu của từng CTĐT **[H8.08.02.01]**.

Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh, quy định cách thức xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GDĐT và nhu cầu xã hội, Nhà trường xác định và công bố chỉ tiêu, tiêu chí tuyển sinh **[H8.08.02.01]**.

Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành Kế toán và của Trường rõ ràng, được xác định và ghi rõ trong CTĐT, chính sách tuyển sinh, trong đó áp dụng đồng thời cả 3 phương thức xét tuyển, cụ thể:

Phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia (25%): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; và thí sinh có điểm đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của Trường.

- Phương thức xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT (70%): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; và thí sinh đạt được 1 trong số các tiêu chí sau:

- + Điểm trung bình của cả năm học lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên;
- + Điểm trung bình 3 môn thuộc nhóm môn (khối) xét tuyển của cả năm học lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên;
- + Điểm trung bình của cả năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt ≥ 6.0 ;
- + Điểm trung bình 3 môn thuộc nhóm môn (khối) xét tuyển của năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt ≥ 6.0 ;
- + Điểm trung bình học kỳ 1 lớp 11, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt ≥ 6.0 ;
- + Điểm trung bình 3 môn thuộc nhóm môn (khối) xét tuyển của học kỳ 1 lớp 11, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt ≥ 6.0 .

- Phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi ĐGNL do Đại học quốc gia TP.

HCM tổ chức (5%): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; thí sinh đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức và có kết quả đạt từ mức điểm xét tuyển do Trường quy định.

Với sự đa dạng về phương thức xét tuyển và điều kiện xét tuyển tạo điều kiện để thí sinh có cơ hội trúng tuyển vào Trường và ngành. Khi chưa tuyển đủ chỉ tiêu, Nhà trường sẽ ban hành thông báo tuyển sinh cho các đợt tiếp theo thông qua tất cả các kênh thông tin. Điểm chuẩn của từng đợt xét tuyển bổ sung có thể thay đổi để phù hợp với tình hình số lượng và chất lượng thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển **[H8.08.02.01]**, **[H8.08.02.02]**. Nhằm thu hút những học sinh THPT khá, giỏi tham gia học tập tại trường, Nhà trường đưa ra chính sách học bổng:

- Học sinh khá: được giảm 50% học phí học kỳ I năm nhất.
- Học sinh giỏi: được miễn học phí học kỳ I năm nhất.

Đây là ưu điểm lớn trong công tác tuyển sinh và thu hút học sinh của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường không ngừng rà soát, đánh giá và cải tiến tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học để đảm bảo tuyển đúng và đủ chỉ tiêu đề ra, tuyển được người học có chất lượng, phù hợp với ngành đào tạo. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Hội đồng Tuyển sinh tổ chức họp phân tích tình hình tuyển sinh của Trường và trên cả nước dựa trên các kết quả tổng kết về công tác tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học. Đồng thời, Hội đồng Tuyển sinh cũng phân tích xu hướng, cơ hội và thách thức để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, rút kinh nghiệm để cải tiến các tiêu chí tuyển (các tổ hợp môn xét tuyển), phương pháp tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông... Từ đó, Hội đồng Tuyển sinh xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho khóa mới hiệu quả hơn, nhằm đạt kết quả tác tuyển sinh tốt nhất **[H8.08.02.03]**, **[H8.08.02.04]**.

Theo quy trình xét tuyển trong công tác tuyển sinh hàng năm **[H8.08.02.05]**, trước khi công bố mức điểm chuẩn cho từng ngành, Hội đồng tuyển sinh sẽ họp thống nhất và thông báo mức điểm chuẩn trên tất cả các kênh thông tin của Nhà trường **[H8.08.02.06]**. Căn cứ vào đề án tuyển sinh và chỉ tiêu được giao hàng năm, đối với các ngành chưa tuyển đủ chỉ tiêu, thông qua tất cả các kênh thông tin, Trường sẽ ban hành thông báo tuyển sinh cho các đợt tiếp theo **[H8.08.02.07]**.

Hàng năm, Nhà trường không ngừng rà soát, đánh giá, cải tiến tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học dựa trên các kết quả tổng kết, số lượng thí sinh nhập học, tình hình của Nhà trường [H8.08.02.08]. Ngoài ra, sau khi trúng tuyển, tất cả SV sẽ có buổi gặp mặt đầu năm với Lãnh đạo Khoa, Trợ lý và GV trong Khoa. Tại buổi gặp mặt, tân SV được nghe giới thiệu về Khoa, về ngành nghề, định hướng nghề nghiệp, CTĐT, phương pháp học ĐH cũng như yêu cầu CĐR khi SV tốt nghiệp, phát biểu cảm nghĩ của tân SV về Khoa, về Trường. Đồng thời, thông qua buổi gặp mặt của cựu SV và các doanh nghiệp tại ngày hội việc làm được tổ chức hàng năm, Khoa đã nhận được những góp ý chân thành về các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV đầu vào để Khoa/Trường có kế hoạch tuyển sinh, đào tạo hàng năm sát với nhu cầu của xã hội, thu hút được nhiều SV theo học [H8.08.02.09].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường, Khoa có các chính sách tuyển chọn người học phù hợp, đảm bảo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT, tích cực để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát.

Nhà trường đã tiến hành tổng kết công tác tuyển sinh sau mỗi kỳ tuyển sinh, dựa trên kết quả số lượng thí sinh nhập học, thực trạng tuyển sinh của Nhà trường nhằm rút kinh nghiệm, cải tiến các tiêu chí tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông cho tuyển sinh năm sau.

3. Điểm tồn tại:

Trường chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh một cách bài bản.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc	Nhà trường và Khoa TC-KT-NH sẽ	P.QLĐT;	Từ năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	phục tồn tại	tổ chức khảo sát thêm ý kiến các BLQ khác là phụ huynh học sinh về công tác tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh hàng năm.	Ban TTTT & QTM; K.TC-KT-NH	2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công tác tuyển sinh hằng năm theo đúng quy chế với tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học và phù hợp với ngành đào tạo. Công khai tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học trên các kênh thông tin truyền thông.	P.QLĐT; Ban TTTT & QTM; K.TC-KT-NH	Hằng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ... được Nhà trường giao cho các đơn vị chuyên trách bao gồm: Khoa TC-KT-NH, Phòng CTCTSV&HTDN và Phòng QLĐT. Tại Khoa, lãnh đạo Khoa, Cố vấn học tập, thư ký Khoa, Ban Cán sự lớp là những lực lượng chủ chốt đảm nhiệm vai trò kết nối giữa Nhà trường với SV. Việc tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực hoạt động, chất lượng nghiệp vụ cho lực lượng này đã và đang được Nhà trường triển khai thực hiện qua các năm học [H8.08.03.01]. Cụ thể, Ban Cán sự lớp hỗ trợ việc tổ chức thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện và các hoạt động sinh hoạt khác của lớp theo kế hoạch của Trường/Khoa; theo dõi, nắm bắt tình hình SV thường xuyên, liên lạc và báo cáo với Cố vấn học tập. Cố vấn học tập định kỳ hàng tháng tổ chức họp lớp nhằm nắm bắt tình hình lớp học và phổ biến những hoạt động, quy định mới liên quan

đến SV (nếu có). Việc này giúp các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện được giải quyết kịp thời **[H8.08.03.02]**.

Nhà trường còn xây dựng một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV một cách chặt chẽ, bao gồm: Giám sát hoạt động đào tạo; giám sát học tập, xử lý học vụ; giám sát rèn luyện, ngoại trú SV **[H8.08.03.03]**.

Ngoài hệ thống phần mềm quản lý, Nhà trường còn sử dụng nhiều kênh thông tin khác nhau để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV như:

Mỗi học kỳ, Phòng QLĐT thống kê kết quả học tập của SV, tỷ lệ SV bị điểm F theo từng môn học/học kỳ, trao đổi với các khoa để lấy ý kiến, tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề học tập của SV. Phòng QLĐT cũng thống kê tình hình bỏ học để báo cáo cho BGH, tổ chức các cuộc họp nhằm lấy ý kiến góp ý của các BLQ về giải pháp hạn chế tình trạng nghỉ học, cảnh báo học vụ, thông qua các cuộc họp giao ban Trường/Khoa để phân tích và tìm ra nguyên nhân. Về tình trạng nghỉ học do hoàn cảnh gia đình khó khăn, Phòng CTCTSV&HTDN tìm kiếm thêm các nguồn học bổng cho SV nghèo vượt khó; cấp giấy chứng nhận SV nhằm hỗ trợ SV trong các thủ vay vốn ngân hàng chính sách. Nhà trường/Khoa đã thiết kế CTĐT ĐH là 3,5 năm để SV yên tâm học ra trường sớm tránh tình trạng bỏ học vì thời gian đào tạo dài; Giúp người học nhận thức rằng việc học là vô cùng cần thiết để làm và để sống... từ đó sẽ học một cách tích cực hơn **[H8.08.03.04]**.

Cuối mỗi học kỳ, Phòng CTCTSV&HTDN phối hợp với các khoa triển khai công tác đánh giá kết quả rèn luyện SV theo 5 tiêu chí: học tập, chấp hành nội quy, tham gia hoạt động, ý thức cộng đồng và đóng góp tập thể. Có vấn học tập tổ chức họp lớp để SV tự đánh giá, sau đó Khoa tổng hợp và gửi về Phòng CTCTSV&HTDN. Kết quả được thống kê và báo cáo tại các buổi họp giao ban Trường, giúp các đơn vị kịp thời nắm bắt tình hình SV. Nhờ đó, Khoa/GV kịp thời nắm bắt được tiến độ học của người học, rèn luyện để kịp thời điều chỉnh, bổ sung TKB và các hoạt động khác cho SV **[H8.08.03.05]**.

Thêm vào đó, việc điểm danh SV được thể hiện trong Sổ theo dõi tình hình lên

lớp của GV, kết quả đánh giá điểm chuyên cần, kết quả xử lý học vụ từng học kỳ là những phương thức truyền thống để theo dõi việc học tập SV.

Hàng năm, Nhà trường/Khoa tổ chức các buổi gặp gỡ SV để trao đổi về những vấn đề, kinh nghiệm trong quá trình học tập, lắng nghe những đề xuất, ý kiến đóng góp của SV [H8.08.03.06]. Kết thúc mỗi học phần, SV truy cập vào website Trường theo link: <http://pdt.upt.edu.vn/sinhvien/> đăng nhập vào tài khoản Trường đã cấp để hoàn thành phiếu khảo sát đánh giá môn học và xem điểm thi. Dựa trên những đánh giá của SV, Trường/Khoa xây dựng những kế hoạch để cải tiến chất lượng đào tạo trong những học kỳ sau. Ngoài ra, SV còn có thể gửi ý kiến thông qua Facebook/Fanpage Trường <https://www.facebook.com/upt.edu.vn/>, qua Zalo, Email Trường. Trường luôn luôn chú trọng về chất lượng đầu ra của SV, cũng như tích cực tổ chức các hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV thông qua website liên kết với doanh nghiệp, tổ chức ngày hội việc làm cho SV năm cuối.

Đặc điểm là trường ĐH tư thục và ở địa phương nên UPT có số lượng và chất lượng SV đầu vào không cao. Vì vậy, HDT, BGH và Khoa thường xuyên quan tâm chăm sóc SV, theo dõi kết quả học tập, rèn luyện, theo dõi tỷ lệ bỏ học, và xem đây là một nhiệm vụ quan trọng. Nhà trường/Khoa đề ra nhiều biện pháp khắc phục nhằm hạn chế tối đa tỷ lệ bỏ học, cải thiện kết quả học tập và rèn luyện. Cụ thể: (1) Cảnh báo học vụ sớm cho SV và phụ huynh qua việc: gặp mặt trực tiếp, gọi điện thoại,...; (2) tăng cường nhân sự tại mỗi khoa hỗ trợ về công tác SV để theo dõi tỷ lệ lên lớp của SV, nếu SV nào vắng nhiều sẽ gọi điện thoại trực tiếp cho SV hoặc phụ huynh để tìm hiểu lý do; (3) phân bổ hợp lý khối lượng học tập đảm bảo người có học lực trung bình cũng có thể hoàn thành CTĐT đúng thời hạn [H8.08.03.07].

BGH yêu cầu các Khoa và các phòng/ban có liên quan, có biện pháp giúp những SV năm đầu còn gặp khó khăn trong việc thích nghi với môi trường học tập cũng như cách học tập ở bậc ĐH; áp dụng nhiều biện pháp để những SV có kết quả học tập, rèn luyện yếu kém có thể nâng cao kết quả. Ngoài ra, Khoa còn có trách nhiệm theo dõi, nhắc nhở SV trong sinh hoạt lớp, họp cán bộ lớp phân công giúp đỡ; phối hợp với GV theo dõi tình hình đến lớp của SV và có những biện pháp xử lý, hỗ trợ kịp thời; tổ chức hội thảo tư vấn phương pháp học tập [H8.08.03.08]. Bên cạnh đó, trợ lý Khoa sẽ gọi điện thoại cho phụ huynh và SV về vấn đề cảnh báo học vụ. Về phía GV, chủ động

tăng tiết dạy thêm và tăng giao tiếp qua Email, qua mạng xã hội, qua gặp ngoài giờ cho những đối tượng này để hỗ trợ tối đa cho SV còn gặp khó khăn trong học tập... Khoa cũng phân công GV hướng dẫn tư vấn cho SV về việc chọn nơi thực tập, làm báo cáo thực tập tốt nghiệp, làm khóa luận tốt nghiệp; hỗ trợ thêm các kênh thông tin tìm kiếm chỗ thực tập/thực hành và tìm kiếm việc làm bán thời gian cho SV đang học hoặc toàn thời gian cho SV tốt nghiệp ra trường **[H8.08.03.09]**.

Hàng năm, những SV đạt thành tích học tập tốt được Nhà trường khen thưởng. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tìm kiếm các nguồn học bổng để hỗ trợ SV, đặc biệt là những SV nghèo vượt khó. Năm 2025, SV ngành Kế toán đạt được học bổng chương trình “Chắp Cánh Ước Mơ” của Anantara Muine Resort; học bổng Ươm Mầm (Giảm 40 triệu toàn khóa học). Bên cạnh các kết quả đạt được, tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học của SV ngành Kế toán vẫn còn cao đối với SV năm nhất. Cố vấn học tập thường xuyên tổ chức họp lớp nhằm nắm bắt tình hình, tư vấn cho SV. Khoa cũng phối hợp theo dõi SV và hướng dẫn các thủ tục hành chính liên quan, thông tin đến SV về lịch học, để SV có thể sắp xếp lịch học cải thiện,... Khoa TC-KT-NH có tỷ lệ SV ngành Kế toán có việc làm ngay sau khi ra trường hàng năm rất cao **[H8.08.03.10]**.

2. Điểm mạnh:

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp Khoa nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học ngành Kế toán.

3. Điểm tồn tại:

SV cung cấp các kênh thông tin liên lạc nhiều trường hợp chưa chính xác gây khó khăn cho Khoa trong việc liên lạc với SV và phụ huynh trong quá trình hỗ trợ SV trong suốt khóa học. Các kênh giám sát, hỗ trợ SV vẫn còn truyền thống, thủ công.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật thêm các thông tin liên lạc của SV và phụ huynh về địa chỉ nơi ở; facebook và một số trang mạng xã hội khác,... để phục vụ cho quá trình hỗ trợ người học. Nâng cao hệ thống quản lý giám sát và hỗ trợ người học thông qua số hóa.	P.QLĐT; P.CTCTSV &HTDN; K.TC-KT-NH	Hàng năm (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường hệ thống giám sát, hỗ trợ người học cấp Trường và cấp Khoa bằng việc bổ sung thêm nhân sự và biện pháp giám sát hiệu quả hơn.	P.QLĐT; K.TC-KT-NH; Các đơn vị	Thường xuyên (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được Nhà trường giao cho một số đơn vị chuyên trách thực hiện. Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN và các Khoa chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học cũng như các hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ,... Khoa TC-KT-NH phân công một số GV làm cố vấn học tập, Thư ký Khoa chịu trách nhiệm trực tiếp các hoạt động này. Thêm vào đó, Khoa TC-KT-NH đã lên kế hoạch và thực hiện tổ chức các chương trình giúp SV có thêm kiến thức, kỹ năng về nghề nghiệp, nghiệp vụ và kinh nghiệm chuyên ngành làm việc thông qua công tác trao đổi với GV có kinh nghiệm làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp. Cụ thể, Khoa có mời GV có kinh

nghiệm làm việc tại Cơ quan thuế để giảng dạy học phần thuế; GV có kinh nghiệm về công tác kế toán; và buổi học thực hành phần mềm do Khoa phối hợp với công ty phần mềm nhằm hỗ trợ và chia sẻ những kinh nghiệm thực tế cho SV **[H8.08.04.01]**. Phối hợp với Khoa, Ban Cán sự lớp là lực lượng nòng cốt hỗ trợ Khoa tổ chức thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện và các hoạt động sinh hoạt khác. Ban Cán sự lớp chủ động theo dõi, nắm bắt tình hình SV, thường xuyên liên lạc với Cố vấn học tập nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh của SV **[H8.08.04.02]**.

Phòng CTCTSV&HTDN và các Khoa chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho SV, mở rộng các mối quan hệ với các doanh nghiệp, tăng cường phối hợp thực tiễn để nâng cao công tác giảng dạy học tập của Nhà trường, giới thiệu SV cho các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, giới thiệu việc làm thực tập cho SV năm cuối. Ngoài ra, Phòng CTCTSV&HTDN còn thường xuyên ký kết hợp tác với các doanh nghiệp, mời các cơ quan, doanh nghiệp tham dự các buổi hội thảo, các buổi tư vấn phổ biến kinh nghiệm chinh phục nhà tuyển dụng, tổ chức Ngày hội việc làm... **[H8.08.04.03]**.

Thông qua một số quy trình và kế hoạch công tác của các đơn vị, các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập được xây dựng và triển khai một cách chặt chẽ.

+ *Về công tác đào tạo, NCKH SV*: Triển khai và giám sát công tác đào tạo qua Quy chế đào tạo của Trường; hệ thống các quy trình nghiệp vụ như: Quy trình hướng dẫn và chấm khóa luận tốt nghiệp, báo cáo thực tập; Quy trình xét tốt nghiệp; Quy trình tổ chức thi học kỳ **[H8.08.04.04]**. Đầu năm học, Trường thành lập Ban thường trực tuyển sinh và xây dựng kế hoạch tuần sinh hoạt công dân rất chi tiết, tân SV và SV sẽ được phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, CTĐT và các văn bản hướng dẫn của Nhà trường; các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của SV trong quá trình tuyển sinh, hỗ trợ đăng ký nhập học và tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học. Khi vào Website của Phòng QLĐT, Khoa, Phòng CTCTSV&HTDN hoặc xem Sổ tay SV,... SV sẽ được hỗ trợ các thông tin liên quan đến công tác đào tạo. Ngoài ra, để hỗ trợ tối đa cho người học, và chắc chắn mọi thông tin đều đến được với từng SV, Trường còn cung cấp cho mỗi SV một tài khoản email cá nhân, thông qua đó, SV sẽ biết được CTĐT, các thông báo và hướng dẫn đóng học phí, TKB, lịch thi, kết quả thi, cảnh báo học vụ, phúc khảo, thực tập, tốt nghiệp, việc làm...

[H8.08.04.05], [H8.08.04.06]. Khoa, Cố vấn học tập được giao nhiệm vụ tham gia sinh hoạt lớp, tổ chức cuộc gặp SV đầu năm để giới thiệu về định hướng phát triển của Trường hiện nay, CTĐT, phương thức đào tạo, phương pháp học tập, các quy định, biểu mẫu hướng dẫn các hoạt động tại Trường và giải đáp một số thắc mắc của tân SV và SV các khóa. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức đối thoại với SV hằng năm nhằm thu thập thông tin phản hồi của SV về tất cả các phương diện [H8.08.04.07].

NCKH của SV là hoạt động luôn được Nhà trường và Khoa TC-KT-NH quan tâm, khuyến khích. SV được tạo điều kiện tham gia các đề tài, chương trình nghiên cứu và trao đổi học tập cùng các GV của Trường. Các chương trình Hội thảo Khoa học của Trường và các Khoa tăng dần về số lượng và chất lượng hằng năm nên đã thu hút hàng nhiều SV tham gia. SV viết bài nội san và đến năm 2025 SV đã có bài viết đăng tạp chí nhờ sự hướng dẫn của GV Khoa [H8.08.04.08].

Để hỗ trợ cho việc học tập và NCKH của SV, Thư viện Nhà trường ngày càng được trang bị, cập nhật đủ giáo trình, tài liệu học tập sát với từng CTĐT. Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động Thư viện cũng được Nhà trường chú trọng. Cơ sở dữ liệu trực tuyến được cập nhật liên tục nhằm hỗ trợ tối đa cho SV về nguồn tài liệu học tập và NCKH [H8.08.04.08].

+ *Về các hoạt động ngoại khóa, các dịch vụ hỗ trợ khác:* Phòng CTCTSV&HTDN giữ vai trò chính trong công tác quản lý, giáo dục về phẩm chất đạo đức, nhân cách của SV. Nội dung trọng tâm của công tác này bao gồm: giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong SV; Thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, chăm lo và hỗ trợ SV; Đánh giá rèn luyện SV toàn Trường; Phát động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, câu lạc bộ; Giữ liên lạc với Cựu SV; Tổ chức các chương trình sự kiện cấp trường. Để thực hiện tốt các động phục vụ và hỗ trợ người học, Phòng CTCTSV&QHDN đã xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể [H8.08.04.09].

Trường đã thiết lập hệ thống nhiều kênh thông tin đa dạng, phong phú nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV được tiếp cận, nắm bắt những chủ trương, chính sách của Nhà trường, hiểu biết những quy trình, thủ tục, các quy định, quy chế cũng như những chương trình, sự kiện cấp Khoa, cấp Trường. Đặc biệt, cổng thông tin điện tử Trường là trang ngôn luận chính thống của Nhà trường, mọi thông tin liên quan đều được thể

hiện cụ thể, rõ ràng thông qua chuyên mục SV **[H8.08.04.10]**.

Trường xây dựng Quỹ học bổng dành cho SV với nhiều chương trình học bổng phong phú để động viên, khích lệ SV đạt thành tích cao trong học tập, hoạt động phong trào, đồng thời hỗ trợ SV gặp hoàn cảnh khó khăn về tài chính. Ngoài ra, SV cũng có thể nhận được các học bổng được tài trợ bởi chính các đối tác, doanh nghiệp ký kết hợp tác với Trường. Nhà trường đảm bảo SV được tiếp cận đầy đủ các thông tin về chương trình học bổng trong và ngoài Trường qua chuyên mục Học bổng hỗ trợ SV, thống kê nguồn học bổng, tổng hợp theo dõi tình hình SV nhận học bổng **[H8.08.04.11]**, **[H8.08.04.12]**.

Ngoài các dịch vụ hỗ trợ trên, tất cả SV thuộc diện chính sách đều được Trường hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách xã hội đúng theo quy định Nhà nước như hoạt động cấp giấy xác nhận SV, giới thiệu về địa phương để vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội tạo điều kiện cho SV học tập và sinh hoạt.

+ *Về hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao*: Đầu năm học, Đoàn Trường sẽ lên kế hoạch hoạt động trong năm, đưa ra các thông tin cụ thể về mục tiêu, nội dung hoạt động, dự trù kinh phí và thời gian thực hiện. Nhờ đó, các phòng/khoa có thể tiếp cận thông tin, lên kế hoạch thực hiện cho phòng/khoa và có những góp ý phù hợp nhằm hỗ trợ các hoạt động được tốt hơn. Một số kế hoạch triển khai các hoạt động chính trong năm học: chương trình chào đón tân SV, các giải bóng đá cho SV nam/nữ và các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn. Hiện nay, Trường có 4 câu lạc bộ do Đoàn Trường và Hội SV trực tiếp quản lý tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao để thu hút đông đảo SV tham gia. Khoa TC-KT-NH đã chỉ đạo Ban chấp hành đoàn Khoa, GV phụ trách các mảng hoạt động phong trào tổ chức các hoạt động ngoại khóa trong suốt năm học; tham gia cuộc thi Khúc hát tri ân, các giải bóng đá mini, cuộc thi cắm hoa, hội chợ ẩm thực và trò chơi, hội thao Trường. Đặc biệt, Khoa TC-KT-NH chủ trì tổ chức giải bóng đá mini nữ hàng năm **[H8.08.04.13]**.

+ *Về sức khỏe SV*: Hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe (sơ cứu khi có tai nạn, khám sức khỏe, bảo hiểm y tế), tư vấn tâm lý cho SV. Việc khám sức khỏe cho SV được tổ chức khi SV nhập học. SV được Nhà trường hỗ trợ đăng ký bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn cho SV. Bên cạnh đó, SV được còn được tư vấn tâm lý miễn phí khi có nhu

cầu. Trung bình mỗi năm học Phòng Y tế Trường đã khám và cấp phát thuốc cho hơn 1.000 lượt người, cấp cứu tại chỗ trên 50 trường hợp **[H8.08.04.14]**.

Định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho SV: Hằng năm, Trường đều tổ chức ngày Hội việc làm cho SV với sự tham gia của hơn 30 doanh nghiệp mỗi năm và với nhiều vị trí việc làm cho các bạn ứng tuyển **[H8.08.04.02]**.

Tỷ lệ SV tốt nghiệp và có việc làm: Tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của SV Trường trong các năm vừa qua khoảng 80% và tỷ lệ có việc làm đạt trên 90% **[H8.08.04.15]**.

Dịch vụ tiện ích: Hiện nay KTX Trường đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu chỗ ở nội trú của SV, có căn tin phục vụ nhu cầu của SV. Thư viện đã tăng thời gian mở cửa các phòng tự học cho SV, nhất là vào các đợt thi học kỳ. Đa số các phòng học đã được lắp điều hòa và các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho học tập **[H8.08.04.16]**.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV về khóa học và về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ **[H8.08.04.17]**. Các kết quả khảo sát sẽ được báo cáo cho BGH và cho các đơn vị liên quan để cải tiến chất lượng công tác hỗ trợ người học. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được Nhà trường triển khai theo một nguyên tắc nhất quán xuyên suốt trong mọi hoạt động, có kế hoạch, triển khai, rà soát và cải tiến các kết quả hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các BLQ. Kết quả khảo sát cho thấy SV Khoa TC-KT-NH khá hài lòng về hiệu quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học **[H8.08.04.18]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống tổ chức công tác hỗ trợ SV trong học tập và rèn luyện, NCKH, hoạt động ngoại khóa,... được phân công, phân nhiệm rõ ràng, liên kết tạo nên sự đa dạng và phong phú, giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV.

Đội ngũ cố vấn học tập, trợ lý giáo vụ của Khoa TC-KT-NH nhiệt huyết và nhiều kinh nghiệm trong công tác, luôn sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho SV.

3. Điểm tồn tại:

Các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa của SV ngành Kế toán còn chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa phối hợp với các đơn vị sẽ tổ chức thêm các hoạt động phong trào, học thuật, ngoại khóa hấp dẫn hơn và tích cực phổ biến rộng rãi thông tin về các hoạt động cho SV kịp thời thông qua tất cả các kênh, trang mạng xã hội khác.	K.TC-KT-NH; P.CTCTSV &HTDN; Các đơn vị	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giám sát, hỗ trợ người học đồng bộ, gắn kết ở từ cấp Trường đến Khoa. Khích lệ và động viên đội ngũ CBNV hỗ trợ để phát huy tinh thần nhiệt huyết trong công tác giám sát hỗ trợ SV.	P.QLĐT; P.CTCTSV &HTDN; K.TC-KT-NH; Các đơn vị.	Thường niên (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường có đủ số phòng học, giảng đường, phòng thực hành phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và NCKH đáp ứng yêu cầu học tập và NCKH của SV và GV ngành Kế toán. Phan Thiết là một trong các thành phố du lịch, nơi tập trung rất nhiều khu nghỉ dưỡng bậc nhất của Việt Nam, hệ thống các ngân hàng cũng có mặt khá đông đủ ở đây, rất thuận lợi cho đào tạo ngành Kế toán theo định hướng đào tạo kết hợp với thực tiễn. Với khuôn viên rộng 12 ha, Trường định hướng đến sự kết hợp giữa xanh, sạch, đẹp và hiện đại. Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ công tác dạy và học. Khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa, KTX,... được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CBGV, SV. Cảnh

quan sự phạm của Trường và Khoa TC-KT-NH luôn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các SV. Trường trang bị máy điều hòa cho một số phòng học, phòng làm việc, phòng nghỉ cho các GV từ xa đến công tác. Nhà trường có bộ phận xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCD **[H8.08.05.01]**.

Nhà trường có ban hành nội quy/quy tắc ứng xử trong Trường cho tất cả SV, CBGVNV **[H8.08.05.02]**.

Khoa luôn tạo dựng môi trường học tập và sinh hoạt cho SV ngành Kế toán được thuận lợi, thoải mái nhất. SV dễ dàng liên hệ với Khoa thông qua Trợ lý Khoa, GV một cách dễ dàng, thân thiện. Tất cả các vấn đề có liên quan đến học tập, chính sách hỗ trợ cho SV, hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, Khoa luôn cố gắng thông tin đến SV kịp thời, rõ ràng nhất. Nếu SV cần sự hỗ trợ về các vấn đề khác ngoài học tập, tất cả thành viên của Khoa TC-KT-NH kể cả Trưởng Khoa đều luôn sẵn lòng. Với các trường hợp gia cảnh khó khăn hoặc gặp trở ngại về tâm lý làm ảnh hưởng đến việc học tập, Trợ lý khoa sẽ kết hợp với cố vấn học tập trao đổi, tư vấn giúp đỡ SV. Hàng năm, Nhà trường, Khoa TC-KT-NH có khảo sát, lấy ý kiến người học và các BLQ về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan khuôn viên Trường **[H8.08.05.03]**.

Vấn đề an toàn phòng chống cháy nổ được Trường rất quan tâm. Hằng năm, Trường đều nghiêm túc cử người tham gia tập huấn **[H8.08.05.04]**. Để đảm bảo vấn đề sức khỏe cho SV, CBGVNV; Trường chú trọng nguồn nước sạch và chất lượng thực phẩm phục vụ trong Nhà trường **[H8.08.05.05]**.

Số lượng SV lưu trú tại KTX khá nhiều nên Nhà trường cũng chú trọng về công tác đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm như: báo cáo kết quả triển khai về việc thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm; kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại căn tin, các giấy chứng nhận liên quan; Lập tờ trình gửi Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Thuận về xin ký cam kết đảm bảo ATTP cho bếp ăn tập thể **[H8.08.05.05]**.

SV Khoa TC-KT-NH được tham gia BHYT, BHTN đồng thời đều được Khoa thông báo tham dự các buổi tư vấn sức khỏe học đường, tâm lý do các đơn vị trong

Trường tổ chức đầy đủ **[H8.08.05.06]**. Nhà trường đã lập phương án giúp hỗ trợ việc di chuyển của SV là người có nhu cầu đặc biệt. Cụ thể, Nhà trường đã lắp ráp, chế tạo xe điện hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ xe lăn cho SV khuyết tật **[H8.08.05.07]**.

Ngoài ra, SV Khoa TC-KT-NH còn tham gia hoạt động thường niên là Tổ chức giải bóng đá và các hoạt động văn nghệ sôi nổi và nhiều hoạt động khác của Đoàn Thanh niên để rèn luyện sức khỏe, tinh thần và kỹ năng mềm **[H8.08.05.08]** .

2. Điểm mạnh:

Môi trường sinh thái, môi trường học tập, và môi trường thực hành lý tưởng, công tác y tế học đường, phòng cháy chữa cháy và các yếu tố an toàn khác luôn được Nhà Trường quan tâm, đầu tư, đánh giá và cải tiến. Văn hóa ứng xử trong Nhà trường văn minh và thân thiện.

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tiến hành khảo sát/lấy ý kiến phản hồi từ người học, CBGVNV và các BLQ để xem xét mức độ hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan Nhà trường và Khoa.

3. Điểm tồn tại:

CSVC, hạ tầng chưa được thiết kế phù hợp để phục vụ riêng cho những người có nhu cầu đặc biệt (dị tật cơ thể).

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát số SV có nhu cầu đặc biệt cần hỗ trợ hằng năm để có kế hoạch trang bị CSVC phù hợp, cũng như các hoạt động hỗ trợ khác để tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập tại Trường.	K.TC-KT-NH; P.QLĐT; P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy	Tiếp tục khảo sát lấy ý kiến các BLQ, nâng cấp về CSVC, môi	P.TC-HC; P.CTCTSV	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	trường cảnh quan phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động ngoại khóa của SV, đảm bảo an toàn và tạo tâm lý thoải mái cho SV, CBGVNV.	&HTDN		

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Công tác tuyển sinh của Trường/Khoa thực hiện theo đúng quy định của Bộ GDĐT và đề án tuyển sinh của Trường với các phương thức tuyển sinh đa dạng, tiêu chí rõ ràng và được quảng bá rộng rãi trên khắp các phương tiện truyền thông. Đồng thời được liên tục rà soát, đánh giá và cải tiến hằng năm để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào học tại Trường cũng như vào ngành Kế toán.

Hệ thống giám sát cấp Trường/Khoa trong học tập và rèn luyện của người học được xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp Khoa nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến việc phát triển và nâng cao giá trị không gian kiến trúc, cải thiện CSVC, cảnh quan, đáp ứng được các yêu cầu về môi trường tâm lý, xã hội, khơi nguồn cảm hứng tư duy sáng tạo cho người học.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Số lượng học sinh tham gia đăng ký nhập học tại Trường và ngành Kế toán chưa đạt chỉ tiêu hằng năm. Trường và Khoa TC-KT-NH chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh. Một số kênh giám sát người học còn thủ công, truyền thống. Số lượng và loại hình các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khoá của SV ngành Kế toán chưa phong phú lắm.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 8:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 8 gồm có 05 tiêu chí, trong đó cả 05 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu:

Trường có hệ thống CSVC và các trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung và ngành Kế toán. Trong những năm gần đây, Nhà trường tăng cường mở rộng, đầu tư về CSVC, cải thiện và xây dựng mới các hệ thống phòng học, phòng thực hành với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, cần thiết phục vụ cho nhu cầu dạy và học của GV và SV. Hiện nay, Nhà trường vẫn đang tiếp tục triển khai công tác quy hoạch, giải tỏa mặt bằng, mở rộng hơn nữa diện tích đất, nhằm phục vụ cho các kế hoạch, xây dựng và mở rộng về thư viện, hệ thống phòng học, phòng thực hành, khuôn viên cho toàn trường nói chung và cho ngành Kế toán nói riêng.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

UPT được giao tổng diện tích đất 119.875,9 m², trong đó 11.494,82 m² là diện tích sản phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH. Với tỷ lệ diện tích đất bình quân đạt 47,42 m²/SV và diện tích sàn đạt 4,55 m²/SV. Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Trường. Cụ thể, toàn trường hiện có 30 phòng học lý thuyết, được bố trí khoa học, đảm bảo thông thoáng, ánh sáng tự nhiên và trang bị đầy đủ hệ thống trình chiếu, âm thanh, bảng điện tử và các công cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại. Ngoài ra, Nhà trường còn có 7 phòng thí nghiệm, 7 phòng thực hành chuyên ngành, 1 xưởng thực hành ô tô (phục vụ các ngành kỹ thuật), 6 phòng học đa phương tiện với hệ thống máy chiếu, máy tính đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập tích hợp công nghệ số cho SV ngành Kế toán và các ngành khác. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng được bố trí phù hợp, thuận tiện, an toàn, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, bao gồm: bàn, ghế, tủ hồ sơ, máy tính, máy in, hệ thống chiếu sáng, hệ thống thông gió,... và các trang thiết bị khác, đảm bảo tỷ lệ, diện tích phù hợp theo quy định để hỗ

trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT hiện hành [H9.09.01.01]. Văn phòng Khoa được trang bị đầy đủ trang thiết bị, bàn ghế, kệ sách, tủ hồ sơ, hệ thống máy tính có kết nối mạng Internet, mạng Wifi,... Nhà trường có 01 hội trường có sức chứa 500 người với đầy đủ hệ thống âm thanh, ánh sáng. Các phòng học đều được đầu tư đầy đủ các trang thiết bị phòng học như hệ thống máy chiếu, bàn ghế, bàn GV, hệ thống wifi được phủ sóng trên toàn trường, hỗ trợ cho việc dạy và học [H9.09.01.02].

Nhà trường đầu tư phòng thực hành máy tính sử dụng cho Khoa TC-KT-NH và các Khoa, giúp SV tiếp cận với thực tế và nắm bắt CNTT sử dụng trong công việc khi tham gia học tập tại Trường và tại các doanh nghiệp/cơ quan khi thực tập. Nhà trường hiện có 04 phòng máy tính, PM1: số lượng 72 máy tính; PM2: 70 máy tính; PM3: 60 máy tính; PM4: 65 máy tính. Ngành kế toán được nhà trường ưu tiên thường sắp xếp giảng dạy và học tập tại PM3. Điều này giúp việc giảng dạy và học tập đối với ngành kế toán rất thích hợp vì dữ liệu được cập nhật và lưu trữ sau mỗi buổi học tại phòng máy. Đầu mỗi năm học Khoa đưa ra kế hoạch hoạt động, trong đó có đề xuất về cơ sở vật chất: trang thiết bị tại văn phòng khoa (bàn ghế tại văn phòng khoa), thiết bị phục vụ một số môn thực hành (thiết lập, thay mới thiết bị phòng máy, cài đặt phần mềm) [H9.09.01.03]. Trong các cuộc họp SV đầu khóa, Khoa cũng tập hợp ý kiến phản hồi của SV về CSVC và trang thiết bị hỗ trợ học tập. Ví dụ, về máy chiếu một số phòng còn mờ, phòng học còn nóng,... Khoa đã ghi nhận những ý kiến của SV vào biên bản họp và gửi thông tin đến phòng ban liên quan để hỗ trợ và điều chỉnh phù hợp [H9.09.01.04].

2. Điểm mạnh:

Các phòng làm việc và phòng học đều được trang bị đầy đủ các thiết bị, công cụ phù hợp với nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH. Có hệ thống phòng thực hành được trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ cho giảng dạy và học tập.

3. Điểm tồn tại:

Diện tích phòng làm việc của Khoa còn nhỏ, chưa có phòng sinh hoạt cho từng bộ môn Khoa..

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường đẩy nhanh tiến độ giải tỏa đền bù, quy hoạch để xây dựng thêm cơ sở hạ tầng, bổ sung thêm một phòng làm việc nhằm tổ chức sinh hoạt bộ môn; xây dựng hệ thống các phòng làm việc, phòng khoa có diện tích đáp ứng hơn.	BGH; P.TC-HC; P.KH-TC	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát nhu cầu để nâng cấp hệ thống trang thiết bị, công cụ dạy học, thực hành phù hợp với nhu cầu học tập, giảng dạy.	P.TC-HC	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Thư viện UPT được thành lập, tổ chức và hoạt động từ khi trường thành lập, có chức năng phục vụ việc học tập và nghiên cứu của tập thể GV và SV học tập, nghiên cứu và làm việc tại trường với tổng diện tích sàn hiện nay là 600m² gồm các phòng đọc dành cho SV, CBGVNV, phòng thư viện điện tử, kho sách, báo, tạp chí, phòng tự học phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu và làm việc theo nhóm hoặc cá nhân. Thư viện UPT đã chú trọng kết nối với các thư viện của các CSGD ĐH khác để mở rộng khả năng tiếp cận tài nguyên phong phú hơn. Thư viện UPT là thành viên của Hiệp hội Thư viện miền nam, kết nối thư viện điện tử với Thư viện Trường ĐH Tây Đô, Trường ĐH Ngoại Thương; vào tháng 08/2023, Thư viện UPT chính thức kết nối vào thư viện số dùng chung của Trung tâm Tri Thức Số thuộc Viện Nghiên cứu và Phát triển Tri thức số Việt Nam [H9.09.02.01], [H9.09.02.02].

Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, bao gồm chỗ ngồi,

bàn ghế, máy tính, thiết bị, hệ thống máy tính được trang bị cho Thư viện điện tử [H9.09.02.03]. Thư viện có nội quy, quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; Thư viện mở cửa từ 7h30 sáng đến 17h00 chiều, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và người học khai thác tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu. Thư viện được quản lý và vận hành có quy trình, đảm bảo tất cả các hoạt động mượn trả giáo trình, tài liệu của người học và các hoạt động khác đều được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo nguồn học liệu luôn được đầy đủ [H9.09.02.04]. Để đảm bảo nhân sự có chuyên môn cho Thư viện, Trường đã cử cán bộ thư viện đi học nghiệp vụ và quyết định bổ nhiệm nhân sự, sau đó tập huấn lại cho các cán bộ thư viện mới [H9.09.02.05].

Thư viện Trường cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Khoa [H9.09.02.06]. Trong những năm gần đây, nguồn học liệu của thư viện không ngừng được bổ sung và đa dạng hóa. Hiện tại, thư viện đang phục vụ 9466 đầu sách; 213 tài liệu nội sinh; 304 đề tài NCKH, ebook; 275 luận văn, các loại, đầu báo và tạp chí trong nước và nước ngoài.... Số lượng đầu sách ngành kế toán đến năm 2024 là 1.162. Công tác bổ sung tài liệu để tăng nguồn tài liệu tham khảo cho người học và bổ sung giáo trình cho những môn học mới được thực hiện đúng quy trình. Hiện tại, Thư viện có một cổng thông tin <https://lib.upt.edu.vn/>, thư viện điện tử của Trường liên kết với thư viện của một số trường ĐH phía nam như Trường ĐH Tây Đô, Trường ĐH Ngoại Thương,... để cung cấp, mở rộng thêm nguồn tài liệu học tập, tham khảo cho SV [H9.09.02.07]. Số lượng sách, tài liệu và tạp chí thường xuyên được thống kê và cập nhật định kỳ. Hàng năm, Trường dành một nguồn kinh phí cho công tác bổ sung nguồn tài liệu, nguồn tài liệu của thư viện bao gồm hai nguồn chính: Nguồn mua bổ sung hàng năm bằng ngân sách do BGH duyệt; Nguồn cho tặng. Phần lớn giáo trình và các loại sách sử dụng trong trường được mua bằng nguồn kinh phí thường xuyên [H9.09.02.08].

Thư viện có báo cáo kế hoạch tổng kết định kỳ hàng năm và có các văn bản đề xuất nhu cầu đầu tư nguồn liệu phục vụ người học [H9.09.02.09]. Hàng năm, Thư viện tiến hành khảo sát ý kiến nhằm đánh giá mức độ hài lòng của bạn đọc. Nội dung khảo sát tập trung vào việc đánh giá mức độ đầy đủ, phong phú của nguồn sách báo, tài liệu; về thái độ, tinh thần phục vụ của các nhân viên; về mức độ đáp ứng CSVC, trang thiết bị tại Thư viện. Kết quả khảo sát giúp Thư viện khắc phục những hạn chế, góp phần

nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ [H9.09.02.10].

2. Điểm mạnh:

Thư viện của Nhà trường có không gian thoáng mát với đầy đủ trang thiết bị cần thiết, các đầu sách được cập nhật hằng năm để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường và Khoa. Thư viện xây dựng đầy đủ các quy trình sử dụng thư viện và hướng dẫn cho toàn thể SV và CBGVNV biết và thực hiện. Các hoạt động của Thư viện được theo dõi và đánh giá định kỳ hằng năm.

3. Điểm tồn tại:

Diện tích dành cho Thư viện còn khá nhỏ. Các tài liệu, sách tại Thư viện vẫn còn hạn chế, nhất là tài liệu của nước ngoài. Cách thức quản lý của Thư viện chưa được hiện đại hóa.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường đang triển khai dự án mở rộng đầu tư CSVC, hạ tầng, trong đó có việc xây dựng khu thư viện mới, mở rộng hơn về diện tích. - Tiếp tục đẩy mạnh phát triển đầu sách, tài liệu in và tài liệu điện tử đáp ứng cho việc học tập và nghiên cứu. - Đổi mới phần mềm quản lý và công tác quản lý thư viện.	BGH; P.TC-HC; Thư viện; Bộ phận IT	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục cập nhật đầu sách mới cho các ngành học. - Xây dựng các hoạt động nâng cao văn hóa đọc sách cho SV nhằm nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu thông qua việc đọc sách.	Thư viện; Các khoa, đơn vị.	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		- Định kỳ tham khảo ý kiến các BLQ để tiếp tục cải tiến hoạt động phục vụ của thư viện.			

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Ngành Kế toán hiện nay sử dụng phòng thực hành máy tính là chủ yếu. Cụ thể: học phần Kế toán mô phỏng (Misa); Tin học kế toán; Thuế ứng dụng được giảng dạy tại phòng máy tính nhằm giúp SV có thể thao tác, thực hành theo hướng dẫn của GV giảng dạy và có thêm kỹ năng sử dụng Excel để mô hình hoá các tình huống nghiệp vụ thường gặp trong lĩnh vực kế toán. Từ đó, giải quyết các tình huống này một cách khoa học, bài bản, chuyên nghiệp và nhanh chóng. Trường hiện có các phòng thực hành máy tính được sử dụng chung với một số chuyên ngành khác của Trường. Các phòng thí nghiệm, thực hành được Nhà trường đầu tư trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu gắn liền với thực tế thiết kế và bố trí khoa học, có sơ đồ hệ thống đáp ứng được các tiêu chuẩn về thực hành [H9.09.03.01]. Nhà trường ban hành quy chế sử dụng phòng thực hành chuyên ngành và phòng thực hành máy tính. Đồng thời, Nhà trường có các bảng nội quy, quy định sử dụng phòng thực hành được dán ngay tại phòng thực hành để SV, GV dễ dàng thực hiện [H9.09.03.02].

Nhà trường luôn quan tâm đến hiệu quả công tác quản lý, sử dụng các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị nhằm phục vụ tốt nhất công tác học tập, giảng dạy và NCKH. Phòng TC-HC và Ban TTTT&QTM thường xuyên hỗ trợ kiểm tra máy tính, theo dõi tần suất sử dụng và thiết bị thực hành được quản lý chặt chẽ [H9.09.03.03]. Định kỳ, căn cứ vào phản hồi của GV và SV, Phòng TC-HC tiến hành kiểm kê, rà soát chất lượng và bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị thực hành. Nhà

trường bố trí một khoản kinh phí để sửa chữa, đầu tư, nâng cấp các phòng thực hành cho phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch, quy mô đào tạo **[H9.09.03.04]**.

Định kỳ, Nhà trường và các bộ môn của Khoa tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của CBGV, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. GV và SV đều đánh giá đáp ứng khá với tỷ lệ trên 70%. Đồng thời trên cơ sở đánh giá đó, Khoa đề xuất Nhà trường bổ sung, cải tiến, nâng cấp hệ thống CSVC cho phòng thực hành **[H9.09.03.05]**. Nhà trường cũng đang có dự án mở rộng đầu tư CSVC, hạ tầng, xây dựng thêm hệ thống phòng học, phòng thực hành chuyên ngành cho các Khoa trong thời gian sớm để đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có quan tâm đầu tư, nâng cấp các phòng thí nghiệm, thực hành với các trang thiết bị mới, hiện đại, đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo và NCKH. Phòng TC-HC và Khoa đã ban hành các quy định về quản lý và sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành đảm bảo an toàn và hiệu quả.

3. Điểm tồn tại:

Vẫn còn một số thiết bị cũ chưa được bổ sung và thay thế kịp thời. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đôi lúc chưa được kịp thời.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, đánh giá toàn bộ các thiết bị thí nghiệm, thực hành, xây dựng kế hoạch đề xuất Nhà trường thay thế kịp thời các thiết bị đã cũ để đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo, NCKH.	P.TC-HC; Khoa; Các đơn vị	Hàng năm (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm	Sớm triển khai việc đầu tư mở rộng, nâng cấp hạ tầng, CSVC, trong đó có các phòng thực hành chuyên ngành cho	BGH; P.TC-HC; Khoa	Hàng năm (từ 2025-2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	mạnh	khoa để tăng cường tổ chức cho SV học thực hành, nâng cao khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn cho SV.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Hệ thống CNTT của Nhà trường đã được tập trung đầu tư và có khả năng đáp ứng khá tốt nhu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH của Khoa cũng như Nhà trường, bao gồm hệ thống máy tính có cài đặt phần mềm và được nối mạng với khoảng 369 máy tính để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Về hạ tầng mạng, hệ thống CNTT của Trường sử dụng 5 đường truyền: FPT 1: 400MB, FPT 2: 800Mb, FPT 3: 400Mb, VNPT1: 100MB, VNPT2:100Mb và hệ thống mạng wifi Aruba và Unifi để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH; có các biện pháp bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu như 1 Router có tính năng Firewall, 2 Server, 12 Switch layer 2 [H9.09.04.01].

Trường hiện có khoảng 369 máy vi tính sử dụng cho quản lý, học tập, trong đó có 4 phòng thực hành máy tính dùng chung (PM1 72 máy, PM2 70 máy, PM3 60 máy và PM4 65 máy) phục vụ hoạt động thực hành tin học căn bản, chứng chỉ tin học, tin học chuyên ngành và các học phần thực hành khác cho nhiều ngành, cùng với 1 phòng máy tính tại Thư viện đáp ứng yêu cầu khai thác tư liệu của SV [H9.09.04.02]. Các ngành, các lớp có lịch thực hành được sắp xếp rõ ràng, đảm bảo 100% SV được sử dụng máy tính cho hoạt động học tập. Nhà trường sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và NCKH. Trường đã có các biện pháp bảo vệ an toàn, an ninh cho toàn bộ hệ thống mạng và các máy tính trong Trường. Cụ thể, Trường trang bị 1 Router có tính năng Firewall, 2 Server, 12 Switch layer 2; Các máy tính có phần mềm diệt virút. Toàn bộ các công thông tin, hệ thống

email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên, đồng thời có hệ thống an ninh mạng tốt để đảm bảo hoạt động thông suốt của Nhà trường cũng như Khoa TC-KT-NH [H9.09.04.02].

Toàn thể CBGVNV của Nhà trường đều được trang bị email công vụ, toàn thể SV cũng có email riêng, được hỗ trợ kỹ thuật về CNTT [H9.09.04.03]. Nhà trường đã thành lập Ban TTTT&QTM thuộc Phòng QLĐT, có trách nhiệm quản lý hoạt động website Trường/Khoa/đơn vị, quản lý các trang mạng xã hội của Trường, là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật, về đường truyền, mạng máy tính, hỗ trợ ứng dụng CNTT trong Trường. Nhà trường đã bố trí chuyên viên phụ trách hệ thống mạng, phụ trách hệ thống máy tính, phụ trách phần mềm với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả [H9.09.04.02]. Đồng thời quá trình sử dụng các thiết bị CNTT đều được ghi chép trong các sổ theo dõi. Các bộ phận chuyên trách thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế kịp thời thiết bị cho hệ thống CNTT [H9.09.04.02]. Hàng năm, Trường có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, đầu tư hệ thống máy chủ, máy trạm và mua thêm một số phần mềm mới [H9.09.04.03].

Trường cũng tổ chức khảo sát online mức độ hài lòng của CBGVNV và SV về hệ thống CNTT và CSVC hằng năm. Kết quả khảo sát cho thấy hơn 70% ý kiến hài lòng và tương đối hài lòng về các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu (máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, máy photo, scan, thiết bị trong phòng thực hành...) tốt, đáp ứng công tác chuyên môn; hệ thống CNTT (máy tính, wifi, tốc độ đường truyền, các phần mềm, trang thông tin điện tử...) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu [H9.09.04.04]. Qua đó, Trường đã có kế hoạch kịp thời khắc phục các thiếu sót để công tác hỗ trợ CNTT cho giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Trường ngày càng hiện đại hơn. Cụ thể, Trường đã chỉ đạo rà soát, sửa chữa hoặc thay mới hệ thống mạng, máy chiếu thay bằng tivi màn hình led lớn, cải thiện hệ thống âm thanh tại các giảng đường nhằm hỗ trợ tốt nhất cho công tác giảng dạy; trang bị hệ thống máy tính đồng bộ, nối mạng Internet cho thư viện điện tử để phục vụ SV miễn phí truy cập tra cứu tài liệu học tập... Từ năm học 2020-2021 và năm học 2021-2022, giai đoạn dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Nhà trường liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng MS TEAM để được hỗ trợ tạo tài khoản, cung cấp dịch vụ và đã triển khai giảng dạy, học tập trực tuyến trên MS TEAM [H9.09.04.05]. Các GV có nhu cầu đến

Trường giảng dạy trực tuyến được bố trí phòng giảng dạy riêng, đảm bảo thích ứng an toàn trong đợt dịch Covid-19 và đảm bảo hệ thống mạng để việc giảng dạy không bị gián đoạn. Kế hoạch sắp tới Trường sẽ triển khai đầu tư trang bị phần mềm LMS để thực hiện đào tạo trực tuyến một số học phần theo quy định cho phép của Bộ GDĐT.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tăng cường đầu tư hiện đại hóa hạ tầng cho CNTT, bảo trì, sửa chữa định kỳ trên cơ sở ý kiến hỏi của SV và các BLQ đảm bảo hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Toàn trường đã được phủ sóng Wifi, tạo điều kiện rất thuận lợi cho CBGVNV trong việc cập nhật, chia sẻ thông tin.

3. Điểm tồn tại:

Máy tính tại một vài phòng làm việc đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu sắp tới là quản lý và dạy trực tuyến một số học phần.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tiếp tục triển khai đề đầu tư CSVN, hạ tầng để thực hiện dạy học trực tuyến; tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế số máy tính cấu hình thấp.	Ban TTTT & QTM; P.TC-HC, P.KH-TC	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các biện pháp khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống CNTT hiện tại của Trường để phục vụ công tác đào tạo và NCKH.	Ban TTTT & QTM; P.QLĐT; Khoa	Thường xuyên (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng:

UPT có môi trường xanh-sạch-đẹp và an toàn. Nhà trường đã ban hành các quy định về an ninh, trật tự, an toàn; về bảo vệ môi trường, rèn luyện sức khỏe; về phòng cháy, chữa cháy; về vệ sinh an toàn thực phẩm... Nhà trường có khu luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho CBGVNV và SV rèn luyện sức khỏe. Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các chương trình tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ về phòng cháy chữa cháy cho CBGVNV và SV. Các khu nhà làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành, thể dục thể thao, KTX, căn tin... đều có công khai các bảng nội quy, quy định. Những văn bản quy định của Nhà trường và Khoa phù hợp với các quy định của Nhà nước có liên quan **[H9.09.05.01]**.

Nhà trường đã phối hợp với cảnh sát PCCC của tỉnh, thành phố tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ. Thực hiện đề án môi trường chi tiết, trong khuôn viên của Nhà trường, hệ thống cây xanh, thảm cỏ được trồng và chăm sóc tỉ mỉ, tạo không gian thoáng mát cho CBGVNV và người học. Nhà trường đã ký hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường tỉnh Bình Thuận để thu gom rác thải hằng ngày, đảm bảo vệ sinh môi trường. Nhà trường đã đầu tư hệ thống xử lý và lọc nước RO theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đảm bảo nguồn nước sạch phục vụ cho việc cung cấp nước uống và nước sinh hoạt cho CBGVNV và SV. Hệ thống nước thải sinh hoạt và các khu thí nghiệm đều được xử lý trước khi thải ra môi trường. Về vấn đề an toàn thực phẩm, tại Trường có 1 căn tin phục vụ ăn uống cho toàn thể CBGVNV và SV trong toàn trường nên vấn đề an toàn thực phẩm luôn luôn được đảm bảo. Nhà trường đã ký cam kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm **[H9.09.05.02]**, **[H9.09.05.03]**.

Hàng năm, định kỳ khám sức khỏe cho CBGVNV và SV tại cơ sở khám chữa bệnh đã đăng ký. Nhà trường cũng thường xuyên kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại căn tin, phun thuốc diệt muỗi, phòng chống mối, mọt...; triển khai và thực hiện “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm”; tổ chức tọa đàm dinh dưỡng và an toàn thực phẩm tại Trường,... **[H9.09.05.02]**, **[H9.09.05.03]**.

Lực lượng bảo vệ đủ để đảm trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, có trách nhiệm trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hàng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Trong các dịp nghỉ lễ, nghỉ Tết, Nhà trường đều có thông báo kế

hoạch bảo vệ, trực chỉ huy, trực lãnh đạo đến các đơn vị và CBGVNV. Nhà trường đã phối hợp tốt với Công an thành phố Phan Thiết trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự, giải quyết kịp thời những sự vụ, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Trường [H9.09.05.02], [H9.09.05.03].

Số lượng SV là người khuyết tật, người có nhu cầu đặc biệt của Trường rất ít, chỉ có một vài trường hợp trong mấy năm gần đây. Nhà trường có những hỗ trợ cho người khuyết tật như: có xe điện sẵn sàng hỗ trợ di chuyển trong khuôn viên Trường, có xe lăn; các khoa, lớp liên quan phân công, cử người hỗ trợ, giúp bạn trong suốt quá trình học tập, sinh hoạt tại Trường.

Hàng năm, Trường tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của CBGVNV và SV về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự. Trên cơ sở đó, tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp và vận dụng những biện pháp quản lý mới nhằm gìn giữ, phát triển môi trường thiên nhiên sạch đẹp và môi trường văn hóa an toàn, thân thiện trong Nhà trường, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu và làm việc tại Trường [H9.09.05.04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường rất quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CBGVNV và SV; khuôn viên Nhà trường luôn xanh-sạch-đẹp, tạo môi trường tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Định kỳ Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho CBGVNV và SV.

3. Điểm tồn tại:

CSVN hiện chưa được thiết kế để đảm bảo khả năng tiếp cận thuận tiện cho người khuyết tật. Việc hỗ trợ còn mang tính tình huống, chưa có quy trình cụ thể.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục	Nhà trường đầu tư sửa chữa, nâng cấp KTX, có biện pháp đổi mới cách	P.TC-HC; Ban Quản lý	Hàng năm (từ 2025-	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	tồn tại	quản lý KTX, tạo điều kiện tốt nhất về nơi ăn ở cho SV. Triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật, có quy trình cụ thể.	KTX; P.CTCTSV &HTDN; Khoa	2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục quan tâm, hoàn thiện hơn nữa về công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CBGVNV và SV. Tổ chức thêm các lớp tập huấn cho CBGVNV, SV về các biện pháp phòng chống dịch bệnh, giữ gìn vệ sinh môi trường.	P.Y tế; P.TC-HC; P.CTCTSV &HTDN	Hằng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường/Khoa TC-KT-NH có đầy đủ CSVN và trang thiết bị đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của ngành Kế toán. Phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp; phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị các thiết bị hiện đại; Thư viện có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; Hệ thống CNTT hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH. Nhà trường có khu luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho CBGVNV và SV rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho CBGVNV và SV làm việc và học tập, nghiên cứu.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Công tác quản lý, khai thác sử dụng CSVN, CNTT và các trang thiết bị của Nhà trường và Khoa vẫn còn một số hạn chế so với yêu cầu ứng dụng CNTT ngày càng

cao. Quy mô thư viện chưa thực sự đáp ứng tốt cho nhu cầu của CBGV và SV.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 9:

Căn cứ kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn 9 có 05 tiêu chí, trong đó có 02 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm và 03 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.

Mở đầu:

Công tác nâng cao chất lượng được Khoa TC-KT-NH thực hiện định kỳ và có hệ thống từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ, thiết kế và phát triển CTDH, PPDH, đánh giá kết quả học tập của người học, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đến cơ chế phản hồi các BLQ. Khoa TC-KT-NH thường xuyên rà soát, cập nhật và phát triển CTDH dựa trên các quy trình do Bộ GDĐT và Trường ban hành; áp dụng kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. Trong quá trình triển khai giảng dạy, học tập, các kết quả từ việc dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp của PPDH, KTĐG với CĐR. Bên cạnh đó, Trường/Khoa TC-KT-NH cũng thường xuyên rà soát, cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ, tiện ích và cơ chế phản hồi các BLQ.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH ngành Kế toán được thiết kế và liên tục cập nhật, điều chỉnh vào các năm 2021, 2022 và 2024 để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế - xã hội, theo Quy định của Bộ GDĐT và của Trường [H10.10.01.01]. Quá trình điều chỉnh CTDH ngành Kế toán được Khoa TC-KT-NH thực hiện dựa trên các quy định, quy trình và kế hoạch của Trường, đặc biệt chú trọng đến việc tham khảo ý kiến các BLQ (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nhân viên, người học, nhà tuyển dụng/tổ chức nghề nghiệp và cựu SV) [H10.10.01.02], [H10.10.01.03], [H10.10.01.04].

Việc thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ được triển khai thực hiện một cách hệ thống với nhiều hình thức khác nhau. Định kỳ, căn cứ kế hoạch cập nhật và điều chỉnh CTĐT hệ ĐH chính quy tại Trường, Khoa TC-KT-NH tiến hành khảo sát ý kiến phản

hỏi các BLQ (người học, GV, nhà tuyển dụng/tổ chức nghề nghiệp, ...) thông qua việc gửi phiếu khảo sát trực tiếp, đồng thời tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia thông qua các cuộc họp rà soát, đánh giá CTDH [H10.10.01.05]. Bên cạnh đó, hàng năm, Trường tiến hành khảo sát các đối tượng: SV cuối khóa, GV và CBNV, cựu SV và nhà tuyển dụng, trong đó có tiêu chí về CTĐT của Trường thông qua các hình thức: khảo sát trực tuyến trên google forms của Phòng KT-ĐBCL-TT&PC (đối với SV cuối khóa, GV và CBNV); gửi link khảo sát qua email và khảo sát qua facebook, zalo, gọi điện thoại trực tiếp, hỏi người thân, bạn bè,... (đối với SV đã tốt nghiệp); phát phiếu khảo sát trong “Ngày hội việc làm”, gửi link phiếu khảo sát qua email doanh nghiệp/người quản lý bộ phận, liên hệ trực tiếp doanh nghiệp qua các đợt dẫn SV đi thực tế/thực tập,... (đối với các đơn vị tuyển dụng) [H10.10.01.06].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được Trường và Khoa TC-KT-NH thu thập có hệ thống, đảm bảo đầy đủ các dữ liệu cần thiết, có tính khoa học, độ tin cậy, từ đó Khoa TC-KT-NH tiến hành tổng hợp, phân tích và chọn lọc những ý kiến phù hợp để làm căn cứ phát triển CTDH ngành Kế toán [H10.10.01.07]. Cụ thể, căn cứ phản hồi của các BLQ, CTDH năm 2024 đã được bổ sung thêm học phần “Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp” nhằm đáp ứng quy định hiện hành của Bộ GDĐT, bổ sung thêm các học phần “Chuyên đề kế toán”, “Thực hành kiểm toán”/“Kế toán mô phỏng 2”, “Kế toán quản trị 2”,... nhằm tăng cường, nâng cao kiến thức và năng lực chuyên môn cho SV; đồng thời tiến hành một số điều chỉnh như: giảm khối lượng học tập, rà soát lại tên các học phần, điều chỉnh, sắp xếp lại các học phần,... nhằm đáp ứng yêu cầu chung của Nhà trường, góp phần nâng cao hiệu quả tuyển sinh, tăng tính đồng bộ trong CTĐT, đáp ứng nhu cầu của ngành, tạo điều kiện thuận tiện cho SV khi theo học,...

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ với hình thức đa dạng, hệ thống văn bản quy định hướng dẫn việc thu thập xử lý và sử dụng thông tin phản hồi các BLQ đầy đủ.

Việc thu thập thông tin phản hồi của các BLQ được thực hiện thường xuyên, đặc biệt duy trì kênh liên lạc với các cơ sở thực tập, doanh nghiệp và mạng lưới cựu SV.

Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao và được sử dụng để phát triển CTDH ngành Kế toán.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng và mức độ quan tâm của các tổ chức nghề nghiệp lĩnh vực Kế toán tham gia đánh giá CTDH ngành Kế toán chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa/Trường tăng cường mối liên hệ với các tổ chức nghề nghiệp để tăng cường vai trò của các đơn vị trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, cập nhật CTDH.	K.TC-KT-NH; P.CTCTSV &QHDN	Thường xuyên, từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và phát triển hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ, hệ thống văn bản quy định hướng dẫn việc thu thập xử lý và sử dụng thông tin phản hồi các BLQ.	P.QLĐT; K.TC-KT-NH; P.KT-ĐBCL-TT&PC	Hàng năm (từ 2025-2026)	
		Tiếp tục thực hiện khảo sát các BLQ về CTDH theo kế hoạch định kỳ của Trường, Khoa.			
		Khoa tiếp tục sử dụng phản hồi của các BLQ làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và xu hướng của xã hội.	K.TC-KT-NH	Định kỳ 2 năm 1 lần/ theo kế hoạch của Trường	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT của ngành Kế toán được rà soát, điều chỉnh dựa trên quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CTĐT và CĐR của Trường. Theo đó, CTDH ngành Kế toán phải được đánh giá, cập nhật, sửa đổi bổ sung ít nhất 2 năm 1 lần dựa trên các thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT như những thay đổi trong quy định của Nhà nước, của Bộ GDĐT, của Nhà trường về CTĐT; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế - xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến CTDH; phản hồi của SV, GV, đơn vị sử dụng lao động; những thay đổi học phần hoặc nội dung chuyên môn;... **[H10.10.02.01]**.

Năm 2021, Khoa TC-KT-NH đã thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến CTDH ngành Kế toán trình độ ĐH theo kế hoạch của Trường dựa trên quy trình xây dựng và thẩm định CTĐT và CĐR được ban hành năm 2018 và sửa đổi, bổ sung vào đầu năm 2021 theo ý kiến của các chuyên gia đoàn đánh giá ngoài các CTĐT của Trường **[H10.10.02.02]**. Đến cuối năm 2021, Trường tiếp tục tiến hành đánh giá, sửa đổi, cập nhật quy trình xây dựng và thẩm định CTĐT và CĐR chung của Trường với các quy trình xây dựng CTDH, quy trình rà soát, đánh giá, cải tiến CTDH,... được sơ đồ hóa chi tiết hơn; các quy định về hồ sơ được cập nhật và bổ sung; các phụ lục hướng dẫn cụ thể hơn; các biểu mẫu đầy đủ và thống nhất hơn, đặc biệt là các biểu mẫu về ĐCHP, CTDH và bản mô tả CTĐT;... để đáp ứng quy định về chuẩn CTĐT theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT **[H10.10.02.03]**. Theo đó, Khoa TC-KT-NH đã thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến CTDH ngành Kế toán năm 2022 và năm 2024 và xây dựng bản thảo CTDH cập nhật dựa trên kết quả khảo sát thực tế các BLQ, báo cáo kết quả về thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải sửa đổi, cập nhật CTĐT, báo cáo về việc rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT, ý kiến chuyên gia trong hội thảo lấy ý kiến về CTĐT và CĐR,... CTDH bản dự thảo phải được HĐKH cấp Khoa và HĐKH-ĐT cấp trường xem xét thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật, đồng thời được tiến hành điều chỉnh theo kết luận của các hội đồng và được trình BGH ký ban hành.

2. Điểm mạnh:

Trường có thiết lập quy định về việc thiết kế và phát triển CTDH đáp ứng các Quy định hiện hành của Bộ GDĐT, bao gồm đầy đủ các quy trình cần thiết, đồng thời

có tổ chức rà soát, đánh giá, cải tiến quy trình xây dựng, thẩm định CTĐT và CDR.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng ý kiến phản hồi của các BLQ về quy trình xây dựng, thẩm định CTĐT và CDR chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Gia tăng tương tác với các BLQ và ban hành quy định về việc phản hồi thông tin trong nội bộ nhà Trường để thu thập được nhiều ý kiến phản hồi hơn khi tiến hành đánh giá, rà soát và cập nhật quy trình xây dựng, thẩm định CTĐT và CDR.	P.QLĐT; K.TC-KT-NH	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thường xuyên rà soát, đánh giá, cải tiến quy trình về xây dựng, thẩm định CTĐT và CDR đáp ứng các Quy định hiện hành.	P.QLĐT; K.TC-KT-NH	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng:

Việc rà soát và đánh giá quá trình dạy và học cũng như việc đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR được Trường quy định đầy đủ, cụ thể, bao gồm các quy định về đào tạo, quy định về thi kết thúc học phần, các quy trình về quản lý GV, các quy định về hoạt động thanh tra, kiểm tra thường xuyên hoạt động giảng dạy - học tập, dự giờ GV, khảo sát các BLQ, quy định

về ngân hàng đề thi,... **[H10.10.03.01]**. Ngoài ra, nhằm hỗ trợ các khoa, GV, các đơn vị quản lý đào tạo trong việc tổ chức xây dựng, cập nhật điều chỉnh ĐCHP và cải tiến thường xuyên hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá học phần của tất cả các CTĐT, các hệ đào tạo, Trường đã ban hành các quy trình để hướng dẫn cụ thể việc lựa chọn, thiết kế và đánh giá sự phù hợp của các PPDH và phương pháp KTĐG người học đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và phù hợp để giúp người học đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT, làm cơ sở rà soát và cải tiến các PPDH và phương pháp KTĐG người học định kỳ **[H10.10.03.02]**.

Khoa TC-KT-NH đã xây dựng CTDH cử nhân ngành Kế toán và thực hiện chương trình kết hợp đa dạng các PPDH, phương pháp KTĐG người học; xây dựng ĐCHP cho từng học phần thể hiện rõ PPDH, phương pháp KTĐG người học thông qua kế hoạch giảng dạy học phần, Rubric đánh giá học phần và ma trận mối quan hệ giữa CĐR của học phần với các phương pháp, hình thức KTĐG; tiến hành đánh giá kết quả học tập của người học thông qua việc sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG phù hợp với đặc thù và CĐR của từng học phần như kiểm tra viết đối với các học phần lý thuyết, thi thực hành trên máy tính hoặc trên các sổ sách kế toán đối với các học phần thực hành chuyên ngành kế toán,... trong đó, đề thi kết thúc học phần được lấy từ ngân hàng đề thi đã được duyệt hoặc do Bộ môn cung cấp;... **[H10.10.03.03]**. Ngoài ra, Khoa TC-KT-NH thường xuyên phối hợp cùng với Phòng QLĐT và Phòng KT-ĐBCL-TT&PC quản lý, rà soát, đánh giá các hoạt động dạy học, đánh giá kết quả học tập của người học thuộc Khoa. Cụ thể:

Phòng QLĐT ghi nhận ý kiến của GV để bố trí lịch giảng dạy phù hợp, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC có trách nhiệm theo dõi lịch giảng dạy, giờ giấc ra vào lớp của GV và Khoa TC-KT-NH tiến hành theo dõi tình hình lên lớp của GV **[H10.10.03.04]**. Bên cạnh đó, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC chủ trì phối hợp với Phòng QLĐT và Khoa tổ chức hoạt động dự giờ GV để đưa ra ý kiến đóng góp và làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV; đồng thời thường xuyên thực hiện khảo sát SV về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV, thống kê phân tích phổ điểm thi từng học kỳ,... nhằm có thông tin phản hồi cho việc dạy và học của GV và SV **[H10.10.03.05]**. Ngoài ra, Khoa TC-KT-NH cũng thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng công tác giảng dạy thông qua các cuộc họp chuyên môn với GV, các báo

cáo kết quả khảo sát, hội thảo đổi mới PPDH, việc rà soát hình thức thi kết thúc học phần,... [H10.10.03.06].

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với Phòng QLĐT triển khai cho các Khoa rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của đề thi và kết quả thi các học kỳ để phân tích mức độ đáp ứng của đề thi theo CĐR học phần,... từ đó có khuyến nghị đề GV, Khoa nâng cao chất lượng công tác ra đề thi, xét duyệt đề thi, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.07].

2. Điểm mạnh:

Trường có hệ thống đầy đủ các văn bản quy định và hướng dẫn liên quan đến việc rà soát, đánh giá và cải tiến quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học.

Trường triển khai rà soát, đánh giá và cải tiến quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc,... hướng tới việc tương thích và phù hợp với CĐR.

3. Điểm tồn tại:

Khoa TC-KT-NH chưa tiến hành phân tích sâu về kết quả học tập của SV, các kết quả đánh giá quá trình của từng học phần.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành phân tích sâu về kết quả học tập của SV, các kết quả đánh giá quá trình để làm cơ sở cho rà soát quá trình dạy học, KTĐG người học.	K.TC-KT-NH	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và cải tiến, hoàn thiện các quy định và hướng dẫn liên quan đến việc rà soát, đánh giá và cải tiến PPDH, KTĐG kết quả học tập của	P.KT-ĐBCL-TT&PC; P.QLĐT	Hàng năm, từ năm học 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		người học theo CĐR.			
		Tiếp tục triển khai rà soát, đánh giá và cải tiến quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR theo các quy định hiện hành.	K.TC-KT-NH	Hàng năm, từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường có chính sách và quy định rõ ràng về hoạt động NCKH [H10.10.04.01]. Theo đó, Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho GV chủ trì đề tài các cấp, tham gia hợp tác NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ NCKH, chính sách hỗ trợ kinh phí thực hiện NCKH, quy đổi giờ lao động tham gia hoạt động NCKH,... Ngoài ra, SV cũng được đăng ký đề tài NCKH, được hỗ trợ kinh phí và được quy đổi điểm học tập. Công tác NCKH tại Trường/Khoa TC-KT-NH được triển khai một cách có hệ thống theo đúng kế hoạch và mục tiêu chất lượng được ban hành [H10.10.04.02]. Phần lớn các đề tài NCKH cấp Trường, các công trình NCKH của GV và SV Khoa được triển khai nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của Khoa và Nhà trường. Nội dung các đề tài nghiên cứu đa phần bám sát với CTĐT của ngành Kế toán, những vấn đề liên quan của ngành và được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo cho GV và SV trong Khoa [H10.10.04.03]. Cụ thể:

Kết quả NCKH năm 2019 của Khoa về việc xây dựng CTĐT ngành Kế toán năm 2019 đã chuyển tải nội dung vào CTDH ngành Kế toán từ khung CTĐT, các CĐR đến các ĐCHP,... giúp cho CTDH giảm thời gian đào tạo từ 4 năm xuống 3,5 năm, đáp ứng được nhu cầu nhân lực tại địa phương, đồng thời có nhiều học phần mới được bổ sung theo hướng tăng cường kỹ năng nghiệp vụ và kỹ năng ngoại ngữ cho SV. Kết quả

các đề tài của GV như giáo trình “Nguyên lý kế toán”, “Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành kế toán tại Khoa TC-KT-NH, UPT: Thực trạng và giải pháp”, “Đào tạo nguồn nhân lực kế toán tại UPT đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số”, “Nâng cao chất lượng giảng dạy thực hành ngành kế toán ở Trường trong kỷ nguyên công nghệ số”, “Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận tri thức của SV UPT”, “Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Kế toán Thuế tại UPT”,... cũng được chuyển tải nội dung vào CTDH, nội dung giảng dạy, thiết kế giảng dạy của GV như hoạt động giảng dạy và học tập đối với các học phần thực hành chuyên ngành kế toán có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành xuyên suốt, không tách biệt giữa lý thuyết và thực hành; giới hạn sĩ số đối với một số lớp học phần tiếng anh và học phần thực hành kế toán; kết hợp học phần “Thuế” và học phần “Kế toán thuế” thành học phần “Thuế và Kế toán thuế” bắt đầu áp dụng từ CTDH ngành Kế toán đối với khóa tuyển sinh 16;....

Thông qua kết quả của các hội thảo “Dạy, học trực tuyến: thuận lợi, khó khăn và tăng cường hiệu quả trong dạy và học”, “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học tại UPT”, hội nghị “Dạy tốt – Học tốt”,... cũng như kết quả các đề tài của GV như “Ứng dụng mô hình dạy học kết hợp để thiết kế khóa học”, “Thuận lợi và khó khăn của SV UPT khi học trực tuyến trong bối cảnh đại dịch Covid-19”, “Năng lực dạy học trực tuyến cần thiết cho nhà giáo nhằm đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”, “Định hướng đổi mới phương pháp dạy học tại UPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”, “Ứng dụng lớp học đảo ngược trong bộ môn nghiệp vụ ngân hàng thương mại tại UPT”, “Ứng dụng đa phương tiện trong giảng dạy tại UPT”, “Đổi mới phương pháp giảng dạy trong môn học giáo dục thể chất tại UPT”... Các PPDH của GV tại Khoa đã có nhiều đổi mới, ứng dụng nhiều PPDH tích cực và ngày càng tiếp cận với kỹ thuật số.

Dưới sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà trường, GV và SV ngành Kế toán rất chủ động trong hoạt động NCKH [H10.10.04.04]. Khoa cũng rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho SV, thường phổ biến vấn đề NCKH của SV trong những buổi tọa đàm, buổi sinh hoạt đầu năm học, các đợt triển khai nội san khoa học Khoa hoặc thông qua các biên bản sinh hoạt lớp nhằm khuyến khích SV tham gia nhiều hơn vào hoạt động NCKH [H10.10.04.05].

2. Điểm mạnh:

Khoa TC-KT-NH đã có phong trào NCKH huy động được sự tham gia của GV và SV. Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ đào tạo, cộng đồng, được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng đề tài NCKH của SV ứng dụng vào thực tiễn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các hoạt động khuyến khích SV tham gia NCKH, đặc biệt là các đề tài liên quan đến dạy và học. Thành lập các đội nhóm NCKH trong SV.	P.QLKH &HTQT; K.TC-KT-NH	Thường xuyên, từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thực hiện NCKH trong GV và SV Khoa. Tiếp tục phát huy các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ đào tạo, cộng đồng, giúp cải tiến việc dạy và học.	P.QLKH &HTQT; P.QLĐT; K.TC-KT-NH	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng:

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) tại Trường được đánh giá và cải tiến theo các

quy định hiện hành của Trường [H10.10.05.01]. Theo đó, công tác thực hiện rà soát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được chủ trì bởi Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, công tác cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được thực hiện bởi Phòng TC-HC, Thư viện, Phòng CTCTSV&QHDN cùng sự phối hợp của tất cả các đơn vị.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC triển khai khảo sát ý kiến SV đang học về hoạt động giảng dạy của GV theo từng học kỳ. Trên cơ sở số liệu thu thập được, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC và Khoa TC-KT-NH tiến hành so sánh mức độ hài lòng của SV về các tiêu chí đánh giá (thông tin chung học phần, phương pháp giảng dạy, nội dung giảng dạy, KTĐG môn học, tác phong sư phạm, cảm nhận chung) so với các học kỳ trước, ở tất cả các ngành, tất cả GV thuộc Khoa TC-KT-NH. Bên cạnh đó, hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC thực hiện khảo sát ý kiến của SV về CSVC, các hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động NCKH và PVCD của Trường với đối tượng SV năm 1, 2, 3; khảo sát ý kiến của SV năm cuối về CTĐT và các hoạt động đào tạo, hỗ trợ của Nhà trường trong toàn khóa học; và khảo sát ý kiến của GV và CBNV về môi trường làm việc của Nhà trường, trong đó có tiêu chí về CSVC, các chính sách đào tạo, NCKH, PVCD [H10.10.05.02]. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng liên quan đến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của SV, CBNV và GV có sự cải thiện tích cực [H10.10.05.03]. Ngoài khảo sát chung của Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, các đơn vị như Thư viện, Phòng QLKH&HTQT hàng năm cũng tiến hành khảo sát ý kiến người học để cải thiện cụ thể hơn dịch vụ của Thư viện và về NCKH.

Bảng 10.1. Đối sánh mức độ hài lòng của SV, CBNV, GV liên quan đến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024

Đối tượng	Mức độ hài lòng/năm học (%)				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
SV năm 1, 2, 3	59,24	59,63	70,89	74,33	61,78
SV năm cuối	87,92	93,91	91,08	87,84	69,86
GV và CBNV	74,69	-	85,43	88,66	85,57

Định kỳ, Trường tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với người học nhằm tiếp thu ý kiến phản hồi của người học, cung cấp, giải thích các thông tin và chia sẻ với người học các vấn đề được quan tâm; thực hiện rà soát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học, kiểm tra CSVC phục vụ dạy và học, tiếp nhận thông tin phản hồi thông qua các kênh trực tuyến

(email, hộp thư trên website/fanpage của Nhà Trường,...). Bên cạnh đó, thông qua việc tổ chức các buổi sinh hoạt khoa định kỳ, các kênh cố vấn học tập với các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, các kênh tiếp nhận thông tin trực tiếp (lớp trưởng, trợ lý khoa, GV giảng dạy, lãnh đạo khoa) và các kênh tiếp nhận thông tin trực tuyến từ hệ thống email khoa, website khoa, trang facebook đoàn khoa,... **[H10.10.05.04]**, các phản hồi của người học về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được nắm bắt kịp thời và có những cải tiến phù hợp. Cụ thể:

Về công tác hỗ trợ học tập: Trường đã áp dụng phần mềm quản lý đào tạo EduManUni với nhiều tính năng thiết thực giám sát kết quả học tập của SV, tiếp tục bổ sung tính năng song ngữ đối với bảng điểm năm học/học kỳ, bảng điểm tốt nghiệp từ năm 2024; cải tiến, chuyển đổi hình thức thi kết thúc học phần một số học phần đại cương từ hình thức thi trắc nghiệm trên giấy sang hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính để tăng tính khách quan, công bằng trong việc đánh giá năng lực của người học; thường xuyên rà soát, cải tiến CSVN, tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp cung cấp giải pháp phần mềm kế toán, tăng cường đầu tư thêm trang thiết bị, đặc biệt là hệ thống phòng máy vi tính nhằm phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập các học phần kế toán; tăng cường kết nối với các thư viện của các CSGD ĐH khác để mở rộng nguồn tài nguyên học liệu phong phú cho người học; xây dựng, hướng dẫn và triển khai các hoạt động dạy và học online trên MS Team và quản lý trên LMS sắp tới;... **[H10.10.05.05]**. Khoa TC-KT-NH đã cập nhật, điều chỉnh CTDH ngành Kế toán vào năm 2021, 2022 và 2024 nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần đáp ứng nhu cầu của người học, của các đơn vị tuyển dụng và của các BLQ; xây dựng ngân hàng đề thi Nguyên lý kế toán bắt đầu áp dụng từ năm học 2023-2024 để tăng tính khách quan, công bằng và đồng bộ trong việc đánh giá năng lực người học; tổ chức tập huấn “Ứng dụng Phần mềm FAST trong Công tác kế toán” kể từ năm 2023 nhằm tập trung củng cố các kiến thức về kế toán cho SV năm cuối, đa dạng khả năng ứng dụng phần mềm kế toán cũng như góp phần nâng cao cơ hội nghề nghiệp cho SV;... **[H10.10.05.06]**.

Về công tác hỗ trợ kỹ năng: Nhiều câu lạc bộ được thành lập và kiện toàn để hỗ trợ người học như câu lạc bộ lý luận trẻ, câu lạc bộ sáng tạo trẻ, câu lạc bộ tài chính - kế toán,... Trường/Khoa rất chú trọng đến việc trang bị các kỹ năng cần thiết cho SV

nghệ năng giao tiếp, nghệ năng làm việc nhóm, nghệ năng thuyết trình, nghệ năng xin việc,... thông qua thiết kế giảng dạy các học phần, đặc biệt là học phần nghệ năng mềm ở học kỳ cuối khóa, các hoạt động ngoại khóa như giải bóng đá mini nữ truyền thống, giải bóng chuyền nữ, chương trình tọa đàm NCKH trong SV,... [H10.10.05.07].

Về công tác hỗ trợ tài chính: Trường tăng cường nguồn học bổng cho SV, tạo điều kiện cho SV gia hạn thời gian đóng học phí, có các chính sách miễn giảm học phí, miễn phí toàn bộ chi phí ở KTX cho SV trong giai đoạn đại dịch COVID-19. Ngoài ra, hàng năm, Trường tài trợ 5 loại học bổng hỗ trợ SV, gồm; Học bổng Tinh hoa, học bổng Đồng hành, học bổng Ươm mầm, học bổng Tài năng và học bổng Điểm thi tốt nghiệp THPT, trị giá học bổng lên đến 50 triệu đồng, đồng thời khen thưởng cho các SV có thành tích tốt trong học tập, hoạt động phong trào [H10.10.05.08].

Về công tác hỗ trợ việc làm, các hoạt động phục vụ và hỗ trợ khác: Trường tăng cường hỗ trợ việc làm cho SV đang theo học, SV sắp tốt nghiệp và cựu SV thông qua đa dạng các kênh thông tin như chương trình ngày hội kết nối doanh nghiệp và việc làm SV hằng năm, chuyên mục việc làm SV trên trang thông tin của Trường, các kênh thông tin trực tuyến,... Trường cũng chú trọng đến việc hỗ trợ đời sống cho SV thông qua việc hỗ trợ SV trong các dịp tết nguyên đán, trong đại dịch COVID-19,... [H10.10.05.09].

2. Điểm mạnh:

Trường có văn bản hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, đồng thời tiến hành đánh giá định kỳ thông qua việc khảo sát ý kiến các BLQ. Trường/Khoa có cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV hằng năm dựa trên kết quả đánh giá định kỳ.

3. Điểm tồn tại:

Một số phản hồi của các BLQ về CSVC, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực trong Nhà trường còn yếu.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tạo điều kiện đáp ứng kịp thời các phản hồi của BLQ về CSVC, tiện ích nếu phù hợp; Nâng cấp hệ thống wifi đủ mạnh để tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV trong học tập và nghiên cứu.	P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ nhằm đánh giá và cải tiến liên tục chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho CBGVNV và SV.	P.KT-ĐBCL-TT&PC; K.TC-KT-NH;	Từ năm 2025-2026	
		Tiếp tục thực hiện đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập hàng năm.	P.TC-HC; Các đơn vị	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng:

Cơ chế phản hồi của các BLQ được Trường xây dựng có tính hệ thống thông qua các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, quy định về quy trình lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ trong và ngoài trường; được đánh giá và cải tiến liên tục, thường xuyên. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC là đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua hệ thống phản hồi của các BLQ, thông tin phản hồi được cung cấp cho các đơn vị có liên quan xử lý và báo cáo để có biện pháp cải tiến ngày càng nâng cao chất lượng các mặt hoạt động. Đầu mỗi năm học, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC lập kế hoạch khảo sát cho cả năm học, bao gồm khảo sát ý kiến của SV đang theo học, khảo sát ý kiến của SV cuối khóa, khảo sát ý kiến của GV và

CBNV, khảo sát ý kiến của SV đã tốt nghiệp, khảo sát đơn vị tuyển dụng, khảo sát ý kiến cá nhân/đơn vị đã hợp tác hoặc thụ hưởng các kết quả từ hoạt động NCKH, PVCD của Trường **[H10.10.06.01]**. Mỗi loại hình khảo sát được quy định cụ thể về đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời gian thực hiện, biểu mẫu và việc tổ chức khảo sát, việc tích hợp dữ liệu, viết báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát. Chẳng hạn, đối với khảo sát ý kiến của SV đối với nội dung học phần và hoạt động giảng dạy của GV trong các học phần, phải tiến hành khảo sát 100% học phần giảng dạy trong học kỳ thông qua việc tổ chức lấy ý kiến SV mỗi học kỳ 1 lần thông qua Phần mềm quản lý đào tạo do Phòng QLĐT phụ trách, kết quả khảo sát cần tách biệt riêng dữ liệu cho từng Khoa, từng GV.

Bên cạnh đó, định kỳ khi tiến hành rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT ngành Kế toán, Khoa TC-KT-NH thực hiện khảo sát các BLQ theo quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CTĐT và CDR của Trường; Trường/Khoa TC-KT-NH thường lấy ý kiến phản hồi của SV thông qua hội nghị đối thoại giữa SV và Lãnh đạo Trường, các buổi họp Khoa với SV, các buổi sinh hoạt lớp với cố vấn học tập. Ngoài ra, khi SV có nhu cầu phản hồi thông tin cần thiết có thể thông tin trực tiếp đến BGH, quản lý khoa, GV, trợ lý khoa,... theo địa chỉ email/số điện thoại đã được công khai, hoặc liên hệ gặp trực tiếp **[H10.10.06.02]**.

Cơ chế phản hồi của các BLQ được tổ chức đánh giá, rà soát vào năm 2019 và năm 2023. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tiến hành rà soát hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các BLQ của Trường, về các loại hình khảo sát, quy trình phân công, mẫu phiếu khảo sát với các tiêu chí đánh giá, nội dung so với các yêu cầu trong KĐCL CSGD, CTĐT và trong Thông tư quy định Chuẩn CSGD ĐH của Bộ GDĐT (dự thảo năm 2023),... Kết quả đánh giá cho thấy các quy trình khảo sát ý kiến các BLQ của Trường đã có hoặc đã điều chỉnh cơ bản vẫn đáp ứng yêu cầu, tuy nhiên cần một số bổ sung cho đầy đủ và điều chỉnh cho thống nhất hơn **[H10.10.06.03]**.

Trên cơ sở đánh giá cơ chế phản hồi, Trường đã có những điều chỉnh, cải tiến hệ thống quy định liên quan. Theo đó, cuối năm 2019, Trường đã ban hành 2 quy trình khảo sát ý kiến các BLQ trong trường (SV, CBGVNV) và ngoài trường (Cựu SV, nhà tuyển dụng) với các biểu mẫu chi tiết hơn các năm học trước, bao gồm đầy đủ các nội dung đáp ứng yêu cầu của khuyến nghị sau kiểm định cấp Trường năm 2019; thực

hiện thêm một số khảo sát kể từ năm học 2021-2022; điều chỉnh các biểu mẫu khảo sát ý kiến các BLQ của Trường vào cuối năm 2023 áp dụng từ năm học 2023-2024; kết quả khảo sát được lưu trữ dữ liệu online 100% trên các link nội bộ Trường, hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng kết quả khảo sát vào hoạt động cải tiến chất lượng cho từng nhóm đối tượng **[H10.10.06.04]**.

2. Điểm mạnh:

Cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ của Trường có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến thường xuyên, liên tục về quy trình khảo sát, loại hình khảo sát, nội dung các Phiếu khảo sát, phương thức tổ chức hoạt động khảo sát và việc lưu trữ, sử dụng kết quả, dữ liệu khảo sát hỗ trợ các đơn vị cải tiến chất lượng hằng năm và điều chỉnh CTĐT định kỳ.

3. Điểm tồn tại:

Cơ chế phản hồi qua kênh lấy ý kiến trực tiếp còn chưa được rà soát. Việc chủ động nghiên cứu, sử dụng các kết quả khảo sát các BLQ để cải tiến chất lượng trong các mặt hoạt động của Trường/Khoa còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức đánh giá, cải tiến cơ chế phản hồi của các BLQ thông qua kết kênh đối thoại trực tiếp với lãnh đạo Trường, khoa, cố vấn học tập, ...;	P.CTCTSV &HTDN; K.TC-KT-NH	Từ năm học 2025-2026	
		Các khoa, đơn vị tích cực theo dõi, nghiên cứu kỹ các dữ liệu báo khảo sát, báo cáo khảo sát do Phòng KT-ĐBCL-TT&PC cung cấp để có đề xuất và cải tiến cho hiệu quả hơn.	K.TC-KT-NH; Các khoa, đơn vị	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy	Tiếp tục giám sát thực hiện cơ chế, quy trình lấy ý kiến phản hồi của các	P.KT-ĐBCL-	Từ năm học 2025-	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	BLQ và việc sử dụng kết quả khảo sát. Tiếp tục điều chỉnh, cập nhật thường xuyên về nội dung các Phiếu khảo sát. Phân tích dữ liệu khảo sát và tổng hợp riêng cho mỗi đơn vị, khoa cụ thể, đầy đủ hơn nữa.	TT&PC; Các đơn vị	2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Định kỳ 2 năm có điều tra khảo sát ý kiến các BLQ để thiết kế và phát triển CTĐT, việc thiết kế và phát triển CTDH được triển khai theo quy trình và hướng dẫn. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ hoạt động tích cực, thường xuyên thu thập thông tin phản hồi về hoạt động dạy học, KTĐG và tất cả các mặt hoạt động của Trường như các hoạt động hỗ trợ,... thường xuyên rà soát, đánh giá và có những biện pháp từng bước cải tiến chất lượng.

Khoa TC-KT-NH đã có phong trào NCKH huy động được sự tham gia của GV và SV. Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ đào tạo, cộng đồng, sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Số lượng ý kiến phản hồi của các BLQ về quy trình xây dựng, thẩm định CTĐT và CDR chưa nhiều. Số lượng và mức độ quan tâm của các tổ chức nghề nghiệp lĩnh vực Kế toán tham gia đánh giá CTDH ngành Kế toán chưa nhiều. Số lượng đề tài NCKH của SV ứng dụng vào dạy và học còn hạn chế. Khoa TC-KT-NH chưa tiến hành phân tích sâu về kết quả học tập của SV. Một số phản hồi của các BLQ về CSVC, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 10:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí, trong đó có 03 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm và 03 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu:

Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành kế toán được xác định một cách rõ ràng, tương thích với yêu cầu của thị trường lao động và được đánh giá bởi các BLQ và được công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. SV tốt nghiệp ngành kế toán đáp ứng được yêu cầu của các BLQ. Công tác NCKH của SV được Nhà trường và Khoa chú trọng, khuyến khích và đẩy mạnh triển khai thực hiện. Việc khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng dịch vụ giáo dục, CTDH, kết quả đào tạo được xác lập và giám sát. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm của SV ngành kế toán được xác lập và được đối sánh qua các năm để từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

UPT tổ chức đào tạo theo tín chỉ, CTĐT được thiết kế bố trí các học phần một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian để SV hoàn thành chương trình học. Từ năm 2019, đối với các CTĐT Đại học hệ chính quy, các ngành có thời gian thiết kế chuẩn là 3,5 năm [H11.11.01.01]. Đầu năm học mới, Phòng QLĐT và các Khoa lập kế hoạch đào tạo trong đó có xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của tất cả các CTĐT. Số lượng SV thôi học được Khoa TC-KT-NH cập nhật thường xuyên ngay khi có trường hợp SV thôi học. Số lượng, danh sách SV tốt nghiệp được cập nhật 2 lần trong 1 năm, sau mỗi đợt tổ chức xét công nhận tốt nghiệp của Trường. Đồng thời, căn cứ vào việc đánh giá kết quả học tập, kết quả rèn luyện và tỷ lệ thôi học các năm trước đây để làm cơ sở dự báo tỷ lệ trên. Qua đó, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn của SV ngành Kế toán được xác lập và đánh giá, phân tích, đối sánh qua các năm và báo cáo BGH trong các Kế hoạch năm học và Báo cáo tổng kết năm học của Khoa TC-KT-NH và Phòng QLĐT [H11.11.01.02]. Nhà trường có hệ thống quản lý, theo

đổi giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của SV thông qua các hoạt động như cảnh báo học vụ (Phòng QLĐT phối hợp các Khoa), phần mềm quản lý điểm (Phòng QLĐT), đánh giá kết quả rèn luyện của SV (Phòng CTCTSV&HTDN phối hợp với các Khoa). Trong quá trình học tập, người học phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được đề ra trong CTĐT, trong ĐCHP [H11.11.01.03].

Trường đã ban hành quy chế đào tạo để theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả học tập, tỷ lệ tốt nghiệp của SV hàng năm [H11.11.01.04]; ban hành chức năng nhiệm vụ của Phòng QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, các Khoa để các cán bộ chuyên trách theo dõi và hỗ trợ SV cải thiện kết quả học tập. Trong đó, Phòng QLĐT phụ trách quản lý điểm của người học trên phần mềm quản lý điểm, công bố kịp thời, đầy đủ về kết quả học tập cho người học qua hệ thống quản lý trên website của trường và gửi về cho Khoa theo học kỳ/năm học [H11.11.01.05]. Đồng thời, căn cứ trên kết quả học tập để thông báo cảnh báo học vụ theo quy chế học vụ của Trường. Các trợ lý khoa, cố vấn học tập các Khoa căn cứ trên kết quả học tập để nhắc nhở và đôn đốc người học có kế hoạch học tập nhằm cải thiện kết quả học tập. Trường cũng ban hành quy chế đánh giá rèn luyện để Phòng CTCTSV&HTDN phối hợp với các Khoa chuyên môn đánh giá và theo dõi kết quả rèn luyện của SV từng học kỳ/năm học [H11.11.01.06].

Hàng năm, tỷ lệ SV ngành Kế toán tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ đồng thời đối sánh với các ngành khác của Trường và các CSGD khác; phân tích nguyên nhân, kết quả và xu hướng để đề ra biện pháp cải tiến.

Bảng 11.1. Tỷ lệ thôi học của SV ngành kế toán các khóa gần đây

Khóa học	SLSV nhập học	SL/tỷ lệ SV thôi học qua các năm				
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Tổng
2020-2024	92	0	30	0	1	31
			32,6%		1,9%	33,7%
2021-2025	120	27	5	1	1	34
		22,5%	4,2%	0,8%	0,8%	28,3%
2022-2026	113	21	6	1	-	28
		18,6%	5,3%	0,9%	-	24,8%
2023-2027	98	15	6	-	-	21
		15,3%	6,1%	-	-	21,4%
2024-2028	79	8	-	-	-	8
		10,1%	-	-	-	10,1%

SV ngành Kế toán nghỉ học nhiều vào năm nhất và năm hai. Tỷ lệ thôi học nói

chung còn cao, Phòng QLĐT và Khoa cũng đã có những báo cáo thống kê, phân tích, đánh giá nguyên nhân thôi học và đề xuất các giải pháp khắc phục tình trạng SV thôi học [H11.11.01.07].

Bảng 11.2. Tỷ lệ người học ngành kế toán tốt nghiệp đúng thời hạn

STT	Khóa học	Số số cuối khóa	Đúng hạn		Quá hạn năm		Tốt nghiệp
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	2017-2021	59	44	74,58%	11	18,64%	93,22%
2	2018-2022	63	47	74,60%	13	20,64%	95,24%
3	2019-2023	65	54	83,08%	10	15,38%	98,46%
4	2020-2024	53	40	75,47%	5	9,44%	84,91%
5	2021-2025	83	65	78,31%	4	4,82%	83,13%

Tỷ lệ SV ngành Kế toán tốt nghiệp quá hạn còn cao, tuy nhiên tỷ lệ SV tốt nghiệp cả khóa là tương đối cao. Nguyên nhân chủ yếu do các bạn còn nợ các chứng chỉ về tin học, ngoại ngữ đầu ra. Phòng QLĐT và Khoa cũng đã có những báo cáo phân tích, tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất giải pháp cải tiến [H11.11.01.08].

Bảng 11.3. Tỷ lệ SV thôi học ngành Kế toán so với các ngành của Trường

Ngành	Tỷ lệ (%) SV thôi học các năm học gần đây				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Kế toán	2,31%	17,68%	10,38%	7,01%	6,69%
Tài chính - Ngân hàng	0%	12,50%	6,77%	5,15%	5,77%
Công nghệ thông tin	6,17%	11,58%	9,73%	6,57%	4,27%
Quản trị kinh doanh	6,67%	9,79%	13,08%	9,09%	8,52%
Quản trị khách sạn	12,17%	10,42%	14,43%	15,98%	8,04%
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6,82%	22,31%	10,10%	6,82%	9,41%
Ngôn ngữ Anh	5,72%	4,86%	9,54%	7,42%	6,18%
Luật kinh tế	3,47%	4,79%	7,69%	3,67%	6,41%
Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	0%	8,33%	5,08%	3,75%	0%
Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12,5%	28,21%	5,41%	15,38%	7,81%
Luật	-	4,76%	8,70%	13,51%	3,49%
Kỹ thuật ô tô	-	9,68%	18,25%	14,80%	9,88%
Kỹ thuật xây dựng	-	6,67%	2,94%	0%	7,41%
Kỹ thuật xét nghiệm y học	-	-	7,14%	0%	0%

Tỷ lệ SV ngành Kế toán thôi học các khóa thấp so với các ngành khác, tuy nhiên, vẫn còn khá cao nên Nhà trường và Khoa còn cần tích cực tìm ra biện pháp khắc phục.

Bảng 11.4. Tỷ lệ tốt nghiệp ngành Kế toán so với các ngành khác trong Trường

TT	Ngành	Khóa học				
		2017-2021	2018-2022	2019-2023	2020-2024	2021-2025
1	Kế toán	93,22%	95,24%	98,46%	84,91%	83,13%
2	TCNH	88,89%	100%	96%	91,89%	75,76%
3	CNTT	91,67%	97,22%	79,17%	88,00%	52,94%
4	QTKD	92%	93,33%	84,00%	81,33%	74,04%
5	QTKS	95,24%	95%	81,3%	82,46%	44,44%
6	QTDVDL & LH	92%	96,43%	88%	75%	52,17%
7	NN Anh	90,24%	93,02%	90,91%	83,78%	69,51%
8	LKT	98,08%	91,67%	100%	93,18%	89,47%
9	Log&QLC CU	-	-	-	77,27%	72,22%
10	QTNH&D VAU	-	-	-	90,91%	50%
11	Luật	-	-	-	-	88,24%
12	KT Ô tô	-	-	-	-	65,22%
13	KTXD	-	-	-	-	33,33%

Kế toán là một trong những ngành có tỷ lệ SV tốt nghiệp cao. Qua thống kê cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn ngành Kế toán trong các năm gần đây đang có xu hướng tăng lên. Sau khi có kết quả tổng hợp, đối sánh, phân tích tỷ lệ tốt nghiệp, thời học từ Phòng QLĐT gửi về, BGH sẽ có những chỉ đạo kịp thời để các đơn vị liên quan có biện pháp cải tiến nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học. Về phía Khoa cũng đưa ra một số biện pháp cải tiến như: đổi mới PPDH [H11.11.01.09]; theo dõi nhắc nhở SV, tổ chức họp lớp giúp đỡ các SV yếu kém [H11.11.01.10]; phối hợp với GV theo dõi tình hình đến lớp của SV để can thiệp kịp thời. Và để giảm thiểu tỷ lệ SV vắng học, các Khoa đã có các biện pháp ngay từ trong quá trình học tập như lập danh sách điểm danh các buổi học, những SV nghỉ học từ 2 buổi trở lên/môn học, Khoa liên hệ SV và gia đình thông báo tình trạng vắng học của SV, trao đổi tìm hiểu lý do và động viên, yêu cầu SV đi học đầy đủ [H11.11.01.11]; thông báo cho SV về vấn đề cảnh báo học vụ [H11.11.01.12]. Đối với trường hợp SV đạt kết quả thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, Khoa lập danh sách, tìm hiểu nguyên nhân, tư vấn và hỗ trợ SV [H11.11.01.13]. Trường/Khoa đã tổ chức xây dựng, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp hơn, tăng cường hướng nghiệp cho SV năm đầu.

Ngoài ra, Trường cũng luôn quan tâm đến việc nghỉ học của SV. Mỗi học kỳ

ngoài những SV bị xử lý cảnh báo học vụ, buộc thôi học còn có những SV tự thôi học vì nhiều lý do khác nhau như đi du học; chuyển trường; bản thân SV và gia đình chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc hoàn thành chương trình học; một số khác do không có khả năng chi trả học phí, có những SV do đi làm ngoài nhiều bị ảnh hưởng đến kết quả học tập, bị cảnh báo học vụ, buộc thôi học,... BGH đã chỉ đạo Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN, Khoa TC-KT-NH và Đoàn Thanh niên phối hợp triển khai tìm hiểu nguyên nhân, đề ra hướng khắc phục nhằm nâng cao tỷ lệ SV đạt yêu cầu và hạn chế tối đa tỷ lệ SV nghỉ học [H11.11.01.14]. Qua đó, Trường/Khoa TC-KT-NH tăng cường các hoạt động hỗ trợ SV trong học tập, hỗ trợ vay vốn, gia hạn thời gian đóng học phí, xét học bổng “Tiếp bước cho em đến trường”...

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có các quy chế, quy định cụ thể về đào tạo, phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và có bộ phận chuyên trách, phân công cá nhân phụ trách giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV. Tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp ngành kế toán được giám sát và có đối sánh qua các năm để phân tích tìm hiểu nguyên nhân và có giải pháp tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp và giảm tỷ lệ SV thôi học.

3. Điểm tồn tại:

Tỷ lệ SV thôi học vẫn còn cao do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Vẫn còn một tỷ lệ SV chưa tốt nghiệp đúng hạn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát kết quả học tập của SV và tích cực hỗ trợ kịp thời các vấn đề SV còn khó khăn trong quá trình đào tạo để giảm thiểu tối đa tỷ lệ thôi học và tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn.	K.TC-KT-NH; P.QLĐT; P.CTCTSV &HTDN	Thường xuyên (Từ năm 2025-2026)	
2	Phát	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống, cơ chế	P.QLĐT;	Từ năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	huy điểm mạnh	giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV để đưa ra các nhận định phù hợp và có các giải pháp cải thiện hiệu quả hơn.	K.TC-KT-NH	2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Vào đầu khóa học, SV sẽ được phổ biến về thời gian đào tạo của khóa học, điều kiện được tốt nghiệp trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Sổ tay SV và website Trường [H11.11.02.01]. Trong thời gian đào tạo, bộ phận chuyên trách của Phòng QLĐT tổng hợp các thông tin về kết quả học tập của SV theo từng học kỳ, năm học gửi về cho Khoa TC-KT-NH cũng như cập nhật lên hệ thống điểm để SV vào tài khoản cá nhân xem kết quả học tập và điểm số tích lũy đã hoàn thành hay chưa hoàn thành. Qua đó, SV có thể sắp xếp thời gian để bố trí lịch học cá nhân cụ thể từng học kỳ, chủ động kế hoạch học tập nhằm tốt nghiệp đúng hạn hoặc sớm [H11.11.02.02].

Hàng năm, Trường ra thông báo và tổ chức xét tốt nghiệp 2 lần để cho SV khi đủ điều kiện tốt nghiệp có thể nộp đơn đề nghị xét tốt nghiệp [H11.11.02.03]. Hàng năm, sau mỗi đợt xét tốt nghiệp, Phòng QLĐT sẽ thống kê số lượng SV tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp gửi đến các khoa nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV và báo cáo BGH. Qua đó, Khoa TC-KT-NH có thể đối chiếu lại thời lượng thiết kế CTĐT có phù hợp với thực tế triển khai không [H11.11.02.04]. CTĐT ngành kế toán được thiết kế với thời lượng chuẩn là 3,5 năm, thời gian tối đa là 7 năm, đủ để trang bị đầy đủ kiến thức cần thiết và phù hợp với sức học của SV cũng như đảm bảo thời gian tốt nghiệp đúng tiến độ. Ngoài ra, để được công nhận tốt nghiệp thì SV phải hoàn thành các điều kiện của CDR như các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học cơ bản, nâng cao, GDQP, GDTC.

Bảng 11.5. Thời gian tốt nghiệp trung bình 5 khóa gần đây các ngành của Trường

STT	Ngành	Khóa học				
		2017-2021	2018-2022	2019-2023	2020-2024	2021-2025
1	Kế toán	4,26	$\geq 4,18$	$\geq 3,62$	$\geq 3,59$	$\geq 3,53$
2	TCNH	4,44	4,46	$\geq 3,63$	$\geq 3,72$	$\geq 3,56$
3	CNTT	4,23	$\geq 4,24$	$\geq 3,73$	$\geq 3,69$	$\geq 3,6$
4	QTKD	4,24	$\geq 4,19$	$\geq 3,71$	$\geq 3,7$	$\geq 3,55$
5	QTKS	4,29	$\geq 4,14$	$\geq 4,02$	$\geq 3,9$	$\geq 3,67$
6	QTDVDL & LH	4,39	$\geq 4,07$	$\geq 3,82$	$\geq 3,73$	$\geq 3,58$
7	NN Anh	4,32	$\geq 4,28$	$\geq 3,66$	$\geq 3,65$	$\geq 3,56$
8	LKT	4,21	$\geq 4,15$	3,68	$\geq 3,73$	$\geq 3,53$
9	Log&QL CCU'	-	-	-	$\geq 3,71$	$\geq 3,5$
10	QTNH&D VAU	-	-	-	$\geq 3,5$	$\geq 3,56$
11	Luật	-	-	-	-	$\geq 3,5$
12	KT Ô tô	-	-	-	-	≥ 4
13	KTXD	-	-	-	-	≥ 4

Thời gian tốt nghiệp trung bình SV ngành Kế toán vẫn còn cao so với thời gian đào tạo chuẩn của khóa học, nguyên nhân là do còn nhiều SV nợ các điều kiện đầu ra. Mặc dù đã áp dụng nhiều biện pháp hỗ trợ SV học tập, rèn luyện, nhưng thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Kế toán vẫn còn tương đối cao so với các ngành khác, tuy nhiên đã có xu hướng giảm.

Bên cạnh việc tư vấn, hỗ trợ SV hoàn thành khóa học đúng tiến độ, Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện để những SV có học lực tốt có thể đăng ký học vượt để có thể tốt nghiệp sớm tiến độ **[H11.11.02.05]**. Những SV có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có các kết quả thi của mỗi học kỳ, Khoa TC-KT-NH phối hợp cùng Phòng QLĐT tiến hành xét học vụ, và gửi kết quả đến những SV bị cảnh báo kết quả học tập. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ nhằm giúp cho SV có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình, hạn chế SV bỏ học ở mức thấp nhất **[H11.11.02.06]**. Đồng thời, Khoa tiến hành họp mặt SV đầu mỗi năm học, theo dõi tình hình học của SV thông qua cố vấn học tập và Ban Cán sự lớp. Đối với SV năm cuối, cố vấn học tập họp với lớp, động viên, khuyến khích và hướng dẫn SV thực hiện tốt các học phần, chương trình thực tập cũng như khóa luận tốt nghiệp **[H11.11.02.07]**. Những SV không tốt nghiệp đúng tiến độ đa số do SV chưa tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT theo quy định; hoặc do điểm trung bình

chung tích lũy của toàn khóa học đạt dưới 2,00 điểm; hoặc thiếu các môn điều kiện (các môn kỹ năng mềm bắt buộc, tin học, ngoại ngữ, chứng chỉ GDTC, GDQP). Khoa TC-KT-NH luôn quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ cho SV mở các lớp học vụ theo yêu cầu, tạo điều kiện cho SV trả nợ học phần và xét tốt nghiệp sớm nhất có thể trong thời gian đào tạo cho phép [H11.11.02.08].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường và Khoa TC-KT-NH có giao trách nhiệm cho bộ phận, cá nhân để theo dõi/thông kê thời gian tốt nghiệp trung bình của SV theo từng khóa học. Phòng QLĐT và Khoa TC-KT-NH thường xuyên tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và thực hiện đa dạng các biện pháp hỗ trợ SV nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng SV tốt nghiệp chậm tiến độ còn cao, một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. Khoa chưa tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của SV.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa phối hợp Phòng QLĐT thường xuyên rà soát, nhắc nhở SV về kế hoạch học tập, kịp thời hoàn thành các điều kiện CĐR, để xét tốt nghiệp đúng tiến độ; xây dựng kế hoạch cho các SV còn nợ học phần và nợ chứng chỉ CĐR học tập để đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp. Tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các trường	K.TC-KT-NH; P.QLĐT; Trung tâm PTNNL	Thường xuyên mỗi học kỳ, năm học (từ 2025-2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		trong và ngoài nước.			
2	Phát huy điểm mạnh	Trường/Khoa tiếp tục duy trì và phát huy tính hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ SV giúp tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn và rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.	K.TC- KT-NH; P.QLĐT	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường rất quan tâm đến khả năng có việc làm của SV sau tốt nghiệp. Tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp được theo dõi, giám sát, thống kê, báo cáo. Việc theo dõi thống kê tỷ lệ có việc làm và chất lượng việc làm, thu nhập trung bình của SV sau tốt nghiệp được giao cho Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phụ trách chính phối hợp với Phòng CTCTSV&HTDN và các Khoa thông qua quy trình hướng dẫn cụ thể và kế hoạch về hoạt động khảo sát hàng năm [H11.11.03.01].

Phòng CTCTSV&HTDN là đơn vị cầu nối nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động hỗ trợ việc làm, thực tập cho SV [H11.11.03.02]. Hàng năm, đơn vị này phối hợp với các Khoa, Phòng tổ chức ngày hội việc làm để đưa SV đến gần hơn với nhà tuyển dụng, tăng cơ hội tìm được việc làm phù hợp. Qua đó, 100% SV (đang học tập, kể cả SV đã ra trường) có nhu cầu việc làm đều được tư vấn, giới thiệu chỗ thực tập, tham quan thực tế, việc làm bán thời gian và việc làm chuyên môn cho SV [H11.11.03.03]. Bên cạnh đó trên Website của Trường <http://www.upt.edu.vn/> có chuyên mục “Việc làm sinh viên” nhằm giúp SV có thể tìm kiếm việc làm theo chuyên môn hay bán thời gian với các vị trí tuyển dụng phù hợp, thông tin tuyển dụng cũng được bộ phận chuyên trách gửi đến các Khoa và SV thông qua các kênh thông tin truyền thông của Trường nhằm thông báo rộng rãi cho

SV có cơ hội tìm việc làm. Song song với các hoạt động trên còn có lãnh đạo, GV các Khoa, Phòng giúp SV tìm kiếm nơi thực tập tốt nghiệp và giới thiệu việc làm cho SV thông qua các mối quan hệ với các doanh nghiệp.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với Khoa TC-KT-NH và các đơn vị triển khai việc khảo sát để tìm hiểu, giám sát tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp [H11.11.03.04]. Theo đó, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC gửi đường link khảo sát online đến email của tất cả SV đã tốt nghiệp 1 năm do Phòng QLĐT cung cấp danh sách và thông tin. Sau một thời gian nhất định, những cựu SV không phản hồi qua email Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ yêu cầu các Khoa hỗ trợ gọi điện thoại trực tiếp cho cựu SV hoặc liên hệ qua facebook, zalo, người thân,... đảm bảo thu được dữ liệu tin cậy và đáp ứng yêu cầu quy định. Đây là một trong những kênh thông tin để Nhà trường nhận được những phản hồi của cựu SV, người sử dụng lao động về sự đáp ứng của CTĐT đối với nhu cầu lao động thực tế. Kết quả khảo sát sẽ được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổng hợp, đối sánh, đánh giá và gửi cho BGH và các Khoa để theo dõi và có những giải pháp, kế hoạch hàng năm như điều chỉnh CTĐT, tổ chức ngày hội việc làm, giới thiệu sinh viên đến các doanh nghiệp có thỏa thuận cộng tác,... nhằm đảm bảo và tăng tỷ lệ SV có việc làm của Khoa và Trường.

Bảng 11.7. Tỷ lệ có việc làm của SV ngành Kế toán và các ngành khác

Stt	Ngành học	Tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp (%) theo năm khảo sát				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Kế toán	76,79	98,08	94,12	91,30	95,74
2	TCNH	91,67	80	100	91,67	83,87
3	CNTT	95	88	84	90,5	79,07
4	QTKD	88,89	100	86,36	94,92	91,80
5	QTKS	76,09	100	95,50	98,61	90,77
6	QTDVDL&LH	93,33	85,71	96,43	95,00	94,44
7	NN Anh	82,61	97,01	91,57	93,68	97,18
8	LKT	76,7	97,7	74,4	87,5	72,22
9	Log&QLCCU'					100
10	QTNH&DVAU					80
11	Luật					66,67
12	KT Ô tô					93,33
13	KTXD					100

Kết quả cho thấy tỷ lệ có việc làm của SV ngành Kế toán đạt trên 90%, với mức thu nhập bình quân 7,9 triệu đồng/ tháng. Trường thực hiện đối sánh và rà soát tỷ lệ có

việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp, đối sánh tỷ lệ của khóa trước, khóa sau của cùng CTĐT hằng năm **[H11.11.03.04]**.

Khoa, Nhà trường tiếp tục hỗ trợ cho SV, nâng cao mức độ đáp ứng yêu cầu công việc và chất lượng công việc của SV sau tốt nghiệp như: Tăng cường sự phối hợp giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động nhằm hỗ trợ việc làm, thực tập cho SV **[H11.11.03.05]**. Tổ chức các ngày hội việc làm, tăng các kênh thông tin việc làm trên website Trường, tăng cường đào tạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ cho SV. Ngoài ra, Nhà trường cũng tổ chức Hội cựu SV, thông qua họp mặt cựu SV hàng năm, các Khoa có thể nắm được tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp, nhu cầu và yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp khi tuyển dụng, từ đó có các kế hoạch nhằm cải tiến chất lượng đào tạo phù hợp hơn với nhu cầu xã hội, đồng thời, khi tiếp nhận các thông tin tuyển dụng từ các doanh nghiệp **[H11.11.03.06]**. Bên cạnh đó, Khoa phối hợp với phòng CTCTSV&HTDN, chủ động liên hệ, cung cấp thông tin tuyển dụng đến các SV sau tốt nghiệp chưa có việc làm, làm cầu nối để SV dễ dàng tiếp cận đến các thông tin tuyển dụng và ngược lại. Website Khoa thường xuyên đăng tải các tin tức tuyển dụng để các SV chưa có việc làm có thể tiếp cận nhanh chóng với các thông tin tuyển dụng, đồng thời các kênh liên hệ như điện thoại, email, facebook, zalo,... cũng được sử dụng thường xuyên để giới thiệu việc làm cho SV **[H11.11.03.07]**.

2. Điểm mạnh:

Tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp được xác lập và giao cho các đơn vị và Khoa thực hiện việc khảo sát và đối sánh, từ đó đưa ra các giải pháp để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo. Tỷ lệ có việc làm của SV ngành kế toán sau khi tốt nghiệp là cao và đa số có việc làm phù hợp với ngành học sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường và Khoa TC-KT-NH có xây dựng mối quan hệ thường xuyên và tốt đẹp với các doanh nghiệp, cơ quan để hỗ trợ SV tìm được việc làm phù hợp nhất.

3. Điểm tồn tại:

Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Do đó, SV gặp chút khó khăn trong quá trình tìm việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp với thu nhập ổn định.

Chưa đối sánh tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp với nhiều trường đại học khác.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đối sánh và phân tích tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong và ngoài nước để đề ra giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm của SV trường.	K.TC-KT-NH; P.KT-ĐBCL-TT&PC	Hàng năm, từ năm 2025-2026	
		Tăng cường đào tạo định hướng nghề nghiệp cho SV thông qua các hoạt động Đoàn-Hội; thường xuyên theo dõi, đôn đốc SV có kế hoạch học tập và định hướng việc làm sau tốt nghiệp phù hợp với cá nhân.	K.TC-KT-NH; P.CTCTSV &HTDN; P.QLĐT;	Hàng năm, từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức nhằm giới thiệu việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. Phát huy vai trò của cựu SV trong việc hỗ trợ thực tập và giới thiệu việc làm cho SV khóa sau.	K.TC-KT-NH; P.CTCTSV &HTDN; P.QLĐT	Thường xuyên, từ năm 2025-2026	
		Tiếp tục định kỳ thực hiện khảo sát tình hình việc làm của SV, nhu cầu của doanh nghiệp để dự đoán xu hướng kịp thời và có các giải pháp hiệu quả ổn định tỷ lệ có việc làm cho SV sau tốt nghiệp.	K.TC-KT-NH; P.KT-ĐBCL-TT&PC; P.QLĐT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Từ năm 2015, Trường đã thành lập Phòng QLKH&HTQT nhằm tham mưu xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển NCKH phù hợp với điều kiện của Nhà trường [H11.11.04.01]. Năm 2023, Trường đã nhận được giấy phép xuất bản tạp chí khoa học do Bộ Thông tin và truyền thông cấp [H11.11.04.02]. Bên cạnh Kế hoạch của Phòng QLKH&HTQT, Khoa cũng xây dựng kế hoạch về hoạt động NCKH hằng năm của đơn vị mình, trong đó xác lập được loại hình nghiên cứu đặc thù đối với khối ngành kinh tế là nghiên cứu xã hội cũng như số lượng các hoạt động NCKH cho người học là tương thích với mục tiêu, sứ mạng - tầm nhìn của Nhà trường và CDR của CTĐT [H11.11.04.03]. Ngoài ra, Phòng CTCTSV&HTDN còn xây dựng các chỉ tiêu về NCKH cho SV đạt chuẩn SV 5 tốt [H11.11.04.04]. Căn cứ vào kế hoạch NCKH trong năm của Trường, Khoa sẽ lập danh mục các đề tài NCKH của CBGV và SV Khoa mình. Sau đó, Khoa sẽ hướng dẫn SV đăng ký đề tài. Ngoài ra, hằng năm, Phòng QLKH&HTQT sẽ tổng kết thống kê hoạt động NCKH của SV trong năm và gửi lại thông tin để Khoa theo dõi, giám sát [H11.11.04.05].

Hàng năm, Trường/Khoa thường tổ chức hội nghị, hội thảo về khoa học công nghệ dành cho SV [H11.11.04.06]. SV có tham gia hoạt động để tiếp cận với hoạt động NCKH dưới nhiều hình thức khác nhau như: viết tiểu luận, làm khóa luận (theo quy định trong CTĐT, trong ĐCHP), hoặc tham gia viết nội san, viết bài trong các hội thảo, hội nghị, học hỏi các đề tài NCKH ở các cấp, các Hội thảo khoa học. Khóa luận cũng là một học phần cuối khoá dành cho các SV có thành tích học tập đạt điểm trung bình tích lũy của 7 học kỳ đạt từ 7.0 trở lên, được SV lựa chọn thực hiện thay thế cho báo cáo thực tập và thực hiện theo kế hoạch của Khoa/Trường. Bên cạnh đó, nội san khoa học Khoa cũng nhận được sự quan tâm và tham gia của SV. Các đề tài NCKH ở các cấp, các Hội thảo khoa học, Tạp chí khoa học cũng đang dần được nhiều SV quan tâm và tham gia thực hiện [H11.11.04.07]. Phạm vi nghiên cứu của đề tài thường chủ yếu trong lĩnh vực kế toán, tài chính. Đề tài NCKH của SV có thể được thực hiện theo cá nhân hoặc nhóm nghiên cứu, đề tài đăng ký sẽ được các tác giả trình bày, trao đổi trong cuộc họp chung của Khoa tổ chức nhằm mục đích giúp SV xác định rõ hơn tên đề tài, mục tiêu, phương pháp và trình tự tiến hành nghiên cứu.

Việc tổ chức hoạt động NCKH cho SV tuân theo Thông tư 26/2021/TT-BGDĐT

quy định về hoạt động NCKH của SV trong các CSGD ĐH của Bộ GDĐT và theo Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường. Phòng QLKH&HTQT chịu trách nhiệm về các đề tài NCKH từ cấp Trường trở lên, hướng dẫn SV lập hồ sơ, theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả. Khoa cũng thường xuyên quan tâm, thực hiện thống kê, đối sánh về hoạt động NCKH SV, từ đó có thể đưa ra các giải pháp giúp nâng cao NCKH cho SV Khoa **[H11.11.04.08]**. SV được hỗ trợ bởi GV như chọn đề tài, lập đề cương nghiên cứu, làm thực nghiệm, sửa bài, đánh giá... **[H11.11.04.09]**. Khoa thực hiện phân công danh sách GV hướng dẫn SV thực hiện nghiên cứu. Chất lượng hoạt động nghiên cứu của SV được đánh giá bởi các hội đồng nghiệm thu trong Trường và được báo cáo cụ thể trong báo cáo tổng kết hàng năm **[H11.11.04.10]**.

Chính sách về NCKH của SV cũng được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường **[H11.11.04.11]**. Hằng năm, Nhà trường lập dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH trong đó có hoạt động NCKH của SV. Nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV, Trường đã tăng cường hỗ trợ về tài chính: tăng định mức NCKH, tăng định mức khen thưởng cho những SV đạt thành tích cao trong NCKH và các cuộc thi học thuật các cấp.

Việc rà soát tiến độ, chỉ tiêu các hoạt động NCKH của SV được thực hiện hằng năm do Phòng QLKH&HTQT tổng kết, thống kê từ các Khoa/đơn vị và gửi lại thông tin để Khoa theo dõi, giám sát. Bên cạnh đó, Khoa thực hiện thống kê, đối sánh hoạt động NCKH Khoa **[H11.11.04.12]**. Việc rà soát kết quả SV thực hiện các đề tài NCKH do GV/Khoa và Phòng QLKH&HTQT thực hiện theo quy chế, SV thực hiện gặp gỡ GV hướng dẫn thường xuyên để trao đổi về tiến độ thực hiện và nội dung liên quan. Kết quả của các dạng hoạt động này thể hiện qua kết quả các bài viết, công trình NCKH của SV **[H11.11.04.13]**. Đối với đề tài NCKH cấp trường của SV luôn được GV hướng dẫn/Khoa quan tâm, thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình thực hiện. Loại hình các hoạt động NCKH của SV được Khoa phân công theo dõi, giám sát chặt chẽ, cố vấn học tập thường xuyên tổ chức các buổi họp lớp, nhắc nhở SV trong các hoạt động NCKH, mỗi học kỳ sẽ báo cáo về Khoa để Khoa kịp thời nắm bắt tình hình, và đưa ra các giải pháp khuyến khích SV thực hiện NCKH. Bên cạnh đó, các loại hình NCKH như khoá luận tốt nghiệp, SV khi thực hiện đề tài phải có phiếu đăng ký đề tài, thông qua sự đồng ý của GV hướng dẫn và nộp về Khoa. Qua đó, Khoa tổng kết về số

lượng và tình hình thực hiện đề tài NCKH của SV, đồng thời báo về các đơn vị, phòng, ban có liên quan. Việc theo dõi, giám sát về số lượng, nội dung đối với các đề tài NCKH của SV ở các cấp cũng được thực hiện tuần tự và xuyên suốt, SV khi thực hiện đề tài, cần trao đổi và được thông qua bởi GV hướng dẫn, Khoa và cuối cùng là hội đồng NCKH cấp Trường. Cuối mỗi năm học, Khoa tổng kết hoạt động NCKH của CBGV và của SV trong Khoa, thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu để đưa ra giải pháp khắc phục những tồn tại, phát huy thế mạnh và đa dạng hoá hơn nữa các loại hình NCKH, từ đó xây dựng kế hoạch KHCN cho năm học mới hoàn thiện hơn về cả số lượng và chất lượng [H11.11.04.14].

Bảng 11.8 Tổng hợp kết quả NCKH của SV khoa TC-KT-NH

Loại hình	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	Tổng
Đề tài NCKH cấp Trường	5	0	0	0	0	5
Bài báo	0	0	0	0	2	2
Bài viết Hội thảo/ Hội nghị	0	0	4	7	4	15
Nội san Khoa học Khoa	13	8	11	9	-	41

Bảng 11.9 Thống kê số lượng bài báo, báo cáo khoa học của SV các khoa được công bố trong các năm gần đây

Khoa	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
TC-KT-NH	0	0	4	7	6
Du lịch	0	0	0	5	6
QTKD	0	1	1	2	4
CNTT	0	0	1	1	2
Ngoại ngữ	0	0	1	2	2
LKT	0	0	0	2	3
Kỹ thuật công nghệ	-	0	0	2	1
Khoa học sức khỏe	-	-	0	1	1

Hoạt động NCKH của SV Khoa TC-KT-NH chưa thật sự nổi bật, tuy nhiên đã có sự biến động theo chiều hướng tốt, đặc biệt trong năm học 2024-2025, số lượng đề tài NCKH có sự chuyển biến tích cực về cả số lượng và sự đa dạng về loại hình NCKH.

Nguyên nhân hoạt động NCKH chưa thực sự phát triển mạnh: SV tập trung cho việc học chính khóa, tham gia các hoạt động đoàn hội và một phần lớn các em làm

việc bán thời gian. Thêm nữa, vẫn còn nhiều SV chưa thấy được vai trò, hứng thú của việc tham gia hoạt động NCKH. SV chưa lựa chọn đúng đề tài nên chưa đủ khả năng nghiên cứu, một số đề tài thuộc lĩnh vực kinh tế kết quả nghiên cứu không có sản phẩm cụ thể khó thuyết phục, việc triển khai nghiên cứu thực tế của một số đề tài gặp khó khăn, kinh phí cho nghiên cứu còn hạn chế... Khoa đề xuất một số các hoạt động NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học như tổ chức các hội nghị khoa học của SV, tổ chức các Workshop về NCKH, đẩy mạnh hoạt động NCKH, câu lạc bộ học thuật của Khoa thường xuyên tổ chức những buổi sinh hoạt về học thuật phù hợp với từng chuyên ngành của SV, tổ chức buổi seminar NCKH, hội thảo giúp SV định hình hướng nghiên cứu và triển khai nghiên cứu [H11.11.04.15]. Về tài chính, để động viên SV làm NCKH, Nhà trường nên tăng định mức khen thưởng cho những SV đạt thành tích cao trong NCKH và các cuộc thi học thuật các cấp.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học, thực hiện đối sánh và có những đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế, phù hợp với khả năng của người học.

Nhà trường đã ban hành các văn bản chi tiết về NCKH của SV và triển khai sâu rộng đến tất cả đối tượng SV. Hoạt động SV NCKH, hoạt động khởi nghiệp được Khoa ngày càng chú trọng, quan tâm, điều chỉnh trong những năm gần đây..

3. Điểm tồn tại:

Hiện nay, các loại hình NCKH của SV Khoa TC-KT-NH còn chưa đa dạng; chưa có nhiều hoạt động, chính sách hấp dẫn thu hút SV tham gia NCKH, do đó, số lượng đề tài NCKH do SV thực hiện còn rất khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc	Khoa đề xuất Nhà trường tiếp tục có	K.TC-KT-	Từ năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	phục tồn tại	thêm nhiều chính sách và hoạt động khuyến khích NCKH trong đó có tăng kinh phí dành cho NCKH của SV, tính điểm rèn luyện, điều kiện xét học bổng, nâng cao kỹ năng NCKH cho SV, phát triển các hoạt động Khởi nghiệp...	NH; P.QLKH &HTQT; P.CTCTSV &HTDN	2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải thiện các quy định chi tiết về NCKH của SV, hệ thống theo dõi giám sát NCKH SV. Đẩy mạnh và truyền thông tốt hơn vai trò của câu lạc bộ NCKH nhằm khơi gợi SV niềm đam mê NCKH cho SV.	K.TC-KT-NH; P.QLKH &HTQT; P.CTCTSV &HTDN	Thường xuyên, từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có ban hành quy trình khảo sát lấy ý các BLQ về các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường; qua đó có phân công cho các đơn vị, bộ phận phụ trách hằng năm tổng hợp, theo dõi giám sát, đối sánh mức độ hài lòng của các BLQ là Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN và các khoa, đơn vị [H11.11.05.01].

Trường đã xác lập và duy trì hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ từ sau khi có khóa học tốt nghiệp, cập nhật và cải tiến hệ thống khảo sát các BLQ vào năm 2019, 2023. Hiện nay, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phụ trách 6 hoạt động khảo sát là: (1) Khảo sát SV/HV về hoạt động giảng dạy của GV; (2) Khảo sát SV/HV về CSVC, trang thiết bị, môi trường học tập, các hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động NCKH,

hoạt động PVCD và về đội ngũ cán bộ quản lý/hỗ trợ người học; (3) Khảo sát SV sắp tốt nghiệp về khóa học; (4) Khảo sát GV/CBNV về môi trường làm việc gồm TN-SM, GTCL, chiến lược phát triển, CTĐT, chất lượng người học, CSVC, các chính sách và chất lượng đội ngũ của Trường; (5) Khảo sát SV/HV tốt nghiệp về tình hình việc làm và đánh giá mức độ đáp ứng thực tế của CTĐT; (6) Khảo sát đơn vị tuyển dụng về chất lượng SV/HV tốt nghiệp, TN-SM và Chiến lược phát triển của Trường, CTĐT mà doanh nghiệp quan tâm và nhu cầu tuyển dụng SV/HV. Ngoài ra, 2 hoạt động khảo sát tùy theo chương trình thực hiện là: (7) Khảo sát đối tượng tham gia/thụ hưởng trong NCKH do Phòng QLKH&HTQT phụ trách và (8) Khảo sát đối tượng tham gia/thụ hưởng trong các chương trình PVCD do Phòng CTCTSV&HTDN phụ trách [H11.11.05.02].

Mức độ hài lòng của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV được xác lập, giám sát và theo dõi định kỳ mỗi học kỳ qua kết quả khảo sát online ý kiến SV sau khi kết thúc môn học qua phần mềm xem điểm của SV về các nội dung: (TC1) Thông tin chung học phần; (TC2) Phương pháp nội dung giảng dạy; (TC3) Kiểm tra đánh giá; (TC4) Tác phong sư phạm; (TC5) Đánh giá chung.

Bảng 11.10. Tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy của GV

Stt	GV thuộc Khoa	Tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy các môn học (%)									
		2020-2021		2021-2022		2022-2023		2023-2024		2024-2025	
		HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
1	TC-KT-NH	96.8	96.82	97.4	95.8	97.2	95.2	91.5	90.8	87.6	-
2	Du lịch	95.8	93.13	96.9	91.8	93.9	95.1	86.3	89.7	91.9	-
3	Ngoại ngữ	95.1	93.27	94.8	93.5	93.3	96	84.2	83.1	85.2	-
4	QTKD	94.6	95.12	96	97.2	93.9	96.5	84.9	84.6	83.6	-
5	CNTT	96.4	93.98	92.5	98	92	93.6	84.7	85.1	81.8	-
6	LKT	93.9	83.72	93.8	93.6	96.2	97.6	83	85.5	82.6	-
7	KTCN	92.5	96.4	90	97.1	90.4	97.2	91.8	91.8	89.6	-
8	Cơ bản	97.3	91.55	99.4	93.8	93.4	93.4	84.9	84.2	84.9	-
9	KHSK					100	92.5	94.4	92.6	94.9	-
Toàn trường		95.3	92.98	95.1	95.1	94.5	95.2	87.3	87.5	86.9	-

Kết quả bảng trên cho thấy tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy các môn học thuộc Khoa TC-KT-NH đều trên 85% qua các học kỳ [H11.11.05.03].

Mức độ hài lòng của SV ngành Kế toán đối với khóa học được theo dõi thông

qua khảo sát ý kiến SV năm cuối với các nội dung: (1) CTĐT; (2) Hoạt động giảng dạy trong khóa học; (3) Tổ chức đào tạo và đánh giá SV; (4) Tài liệu và CSVC phục vụ học tập; (5) Tư vấn; hỗ trợ SV; (6) Cảm nhận về kết quả đạt được từ khóa học.

Bảng 11.11. Tỷ lệ hài lòng của SV các ngành của Trường về khóa học

Stt	Ngành học	Tỷ lệ hài lòng của SV các khóa học (%)				
		2017-2021	2018-2022	2019-2023	2020-2024	2021-2025
1	Kế toán	98.78	82.05	96.59	65,26	71,27
2	TCNH	100	91.67	97.09	79,57	73,98
3	CNTT	97.05	90.79	84.21	81,35	84,51
4	QTKD	93	91.74	92.61	90,1	74,06
5	QTKS	96.03	95.06	95.64	70,64	66,05
6	QTDV DL&LH	91,94	94,45	92,36	56,93	69,19
7	NNA	93.25	90.92	91.18	98.28	60,81
8	LKT	95,78	82,05	88,77	79,57	75,85
9	Log&QLCCU				58,82	61,58
10	QTNH&DVAU				75,67	84,19
11	Luật					68,17
12	KT Ô tô					81,25
13	KTXD					79,17

Tỷ lệ hài lòng của SV đối với ngành Kế toán có sự biến động qua các khóa học, tuy nhiên hầu hết mức độ hài lòng của SV về khóa học đạt ở mức khá cao và phần còn lại chủ yếu là SV chọn tương đối hài lòng, chỉ một phần nhỏ SV chưa hài lòng trong tất cả các ngành của Trường (từ 0-6%) **[H11.11.05.04]**.

Khảo sát ý kiến cựu SV còn giúp Trường/Khoa tìm hiểu những thông tin cơ bản về CTĐT của khóa học, những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung giúp SV sau khi ra trường tìm được việc làm và sớm thích nghi với công việc, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát cho thấy cựu SV hài lòng về CTĐT cũng kiến thức, kỹ năng cung cấp là hữu ích áp dụng cho công việc hiện nay **[H11.11.05.05]**.

Khảo sát ý kiến GV và CBQL: các ý kiến đánh giá được thu thập thông qua các cuộc họp của Khoa TC-KT-NH hàng năm cho thấy đa số hài lòng về chất lượng SV tốt nghiệp **[H11.11.05.06]**.

Hàng năm, Trường khảo sát mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với chất lượng SV tốt nghiệp. Đối với ngành Kế toán, lựa chọn khảo sát chủ yếu là các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, công ty tài chính,... có SV ngành Kế toán của Trường tham gia làm việc. Mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với SV tốt nghiệp trên 80%, đa

số đáp ứng được các yêu cầu công việc và được đánh giá cao về kiến thức ngành và thái độ làm việc. Về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm thì có sự không đồng đều ở các cựu SV, một số được đánh giá khá tốt nhưng một số lại không như mong đợi, cần được đào tạo thêm về các kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc. Về khả năng ngoại ngữ thì hầu như tất cả SV các ngành đều cần được tăng cường đào tạo và tự rèn luyện thêm mới có thể đáp ứng sự hài lòng từ các nhà sử dụng lao động. Hầu hết các đơn vị đều chọn tương đối đồng ý và đồng ý với mục tiêu, nội dung của CĐR và CTĐT (>80%). Ít có ý kiến chuyên môn gì thêm. Có thể do các đơn vị không có nhiều thời gian để xem xét kỹ các CTĐT của Trường. Thông qua tỷ lệ SV tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc của đơn vị sử dụng lao động cho thấy mức độ phù hợp của kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo trong Nhà trường so với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp [H11.11.05.07].

Ngoài các hoạt động khảo sát ý kiến thì SV còn có thể phản hồi ý kiến trực tiếp và được giải đáp các thắc mắc, được cung cấp các thông tin cần thiết qua các hội nghị đối thoại với lãnh đạo các đơn vị của Trường hằng năm [H11.11.05.08].

Thông qua việc xác lập, giám sát và đối sánh định kỳ mức độ hài lòng và ý kiến đóng góp của các BLQ như SV, cựu SV, CBGVNV, nhà tuyển dụng... Nhà trường và Khoa TC-KT-NH đã có những cải tiến để nâng cao chất lượng như điều chỉnh CTĐT, đổi mới PPDH, tăng cường hoạt động hỗ trợ người học, nâng cao kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên ngành, tăng cường tiếng Anh giao tiếp cho SV.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có xây dựng các quy định, quy trình về việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ đối với các hoạt động của Trường. Thực hiện khảo sát định kỳ và xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các BLQ làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại:

Khoa chưa thực hiện việc phân tích, đối sánh mức độ hài lòng của các BLQ với các trường ĐH khác để cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ định kỳ và đối sánh với các CSGD khác để phân tích xu thế, nhận định và giải pháp hiệu quả để ngày càng nâng cao mức độ hài lòng của các BLQ.	K.TC-KT-NH	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện nội dung, quy trình, biểu mẫu và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ định kỳ về hoạt động của Trường/Khoa.	P.KT-ĐBCL-TT&PC	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường/Khoa đã giám sát việc đạt được các tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp. Phòng QLĐT và Khoa có thường xuyên tìm hiểu phân tích nguyên nhân SV thôi học, tốt nghiệp muộn và thực hiện các biện pháp hỗ trợ SV. Hoạt động NCKH của SV cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư hơn. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Còn một tỷ lệ SV ngành Kế toán thôi học. Các loại hình, hoạt động và chính sách thu hút SV tham gia NCKH chưa hấp dẫn.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 11:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí, trong đó có 03 tiêu chí đạt điểm 4/7, 02 tiêu chí đạt điểm 5/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy của CTĐT ngành Kế toán

1.1 Mục tiêu và CDR của CTĐT

Mục tiêu CTĐT ngành Kế toán xác định rõ ràng theo hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực Kế toán; được xây dựng phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của GDDH. CDR ngành Kế toán được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT; được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện định kỳ theo quy định của Trường, trong đó có tiếp thu các ý kiến phản hồi các BLQ và có tham khảo, đối sánh với các CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn lực của ngành Kế toán.

1.2 Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT được bố cục rõ ràng, đầy đủ thông tin, và thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CDR rất rõ ràng. Bản mô tả CTĐT luôn được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo định kỳ đáp ứng tốt nhất nhu cầu người học và xu hướng phát triển của xã hội. ĐCHP được chuẩn hóa, liên tục được cập nhật và điều chỉnh theo quy định của Trường và cung cấp đầy đủ thông tin cho người học và các BLQ. Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành Kế toán được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các BLQ dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

1.3 Cấu trúc và nội dung CTDH

CTDH cử nhân ngành Kế toán được thiết kế được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học. Đồng thời, để góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CDR, GV của Khoa TC-KT-NH đã lựa chọn tổ hợp các PPDH, học tập, phương pháp KTĐG kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT hợp lý, phù hợp. Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH và toàn bộ ĐCHP được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CDR. Qua ma trận các môn học, ma trận kỹ năng cũng như qua việc lựa chọn các PPDH, phương

pháp KTĐG đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CDR của CTĐT. CTDH cử nhân ngành Kế toán có cấu trúc hợp lý, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo tính tích hợp và tính cập nhật của nội dung CTDH.

1.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Văn bản về triết lý giáo dục của Trường được xây dựng và tuyên bố rõ ràng, được phổ biến rộng rãi tới các BLQ trong và ngoài trường. Khoa đã xây dựng một tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CDR môn học và CTĐT. Người học được tạo điều kiện chủ động tiếp cận các hoạt động học tập phù hợp, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học được thể hiện trong ĐCHP. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết cho ngành Kế toán và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường có quy định rõ ràng về KTĐG kết quả học tập của người học. Kế hoạch và những quy định về KTĐG được thông báo công khai với người học ngay từ khi bắt đầu khóa học, học kỳ, môn học. Khoa TC-KT-NH áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức KTĐG kết quả học tập của người học phù hợp bám sát các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ; thực hiện đánh giá nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với ngành Kế toán. Kết quả học tập của người học được công bố kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp người học cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo. SV Khoa TC-KT-NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập thông qua các quy định, hướng dẫn của Trường, Khoa. Nhà trường và Khoa luôn quan tâm giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập của người học trong suốt quá trình người học tham gia học tập tại trường dưới nhiều hình thức.

1.6 Đội ngũ GV, NCV

Trường và Khoa đã có định hướng chiến lược rõ ràng trong công tác phát triển đội ngũ GV, có kế hoạch và triển khai tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ phù hợp với yêu cầu thực tiễn của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Việc tuyển dụng được thực hiện công khai, minh bạch, dựa trên các tiêu chí rõ ràng phù hợp với mục

tiêu đào tạo và định hướng phát triển của Trường/Khoa. Đội ngũ GV cơ hữu và thỉnh giảng của có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm thực tiễn và được trẻ hóa, bảo đảm sự kế thừa và phát triển lâu dài giúp nâng cao chất lượng đào tạo. Tỷ lệ GV/SV được xác định phù hợp, đáp ứng quy định của Bộ GDĐT, là cơ sở để phân bổ khối lượng công việc, đảm bảo chất lượng đào tạo và giám sát hiệu quả hoạt động giảng dạy. Khối lượng công việc của GV cũng được phân định rõ ràng, có quy chế quy đổi giờ chuẩn giảng dạy và NCKH theo từng vị trí, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, đánh giá và xét thi đua, khen thưởng. Nhà trường cũng ban hành đầy đủ các văn bản quy định về công tác đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ CBGVNV với các tiêu chí định lượng rõ ràng, minh bạch, có sự tham gia của nhiều cấp quản lý từ cá nhân, Khoa đến các đơn vị chức năng. Việc đánh giá diễn ra định kỳ hàng tháng, học kỳ và năm học, kết hợp giữa tự đánh giá, đánh giá từ cấp trên và lấy ý kiến SV, tạo sự khách quan, toàn diện và góp phần thúc đẩy động lực làm việc trong đội ngũ GV. Hoạt động NCKH được triển khai đồng bộ, có quy trình giám sát hàng năm, với nhiều GV đạt được thành tích tốt, được công nhận bằng các danh hiệu thi đua, khen thưởng.

1.7 Đội ngũ nhân viên

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định, quy chế liên quan đến phát triển nguồn nhân lực là nhân viên, đánh giá hiệu quả công việc và thi đua – khen thưởng. Trường/Khoa có cơ chế khảo sát nhu cầu đào tạo, phân công công việc rõ ràng, xây dựng kế hoạch cá nhân hằng năm, kết hợp với các hình thức theo dõi, đánh giá định kỳ thông qua biểu mẫu thống nhất toàn trường. Kết quả đánh giá cá nhân được sử dụng làm cơ sở cho xét thi đua, khen thưởng, tiếp tục hợp đồng và quy hoạch nhân sự. Đội ngũ nhân viên có cơ hội tham gia góp ý vào quá trình xây dựng các biểu mẫu, tiêu chí đánh giá, góp phần nâng cao tính minh bạch và phù hợp với thực tiễn. Nhiều cá nhân, tập thể đạt thành tích nổi bật được công nhận và khen thưởng, thể hiện hiệu quả của hệ thống quản trị nguồn nhân lực theo kết quả công việc.

1.8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Công tác tuyển sinh của Trường/Khoa thực hiện theo đúng quy định của Bộ GDĐT và đề án tuyển sinh của Trường với các phương thức tuyển sinh đa dạng, tiêu chí rõ ràng và được quảng bá rộng rãi trên khắp các phương tiện truyền thông. Đồng

thời được liên tục rà soát, đánh giá và cải tiến hằng năm để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào học tại Trường cũng như vào ngành Kế toán. Hệ thống giám sát cấp Trường/Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp Khoa nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Nhà trường đặc biệt quan tâm đến việc phát triển và nâng cao giá trị không gian kiến trúc, cải thiện CSVC, cảnh quan, đáp ứng được các yêu cầu về môi trường tâm lý, xã hội, khơi nguồn cảm hứng tư duy sáng tạo cho người học.

1.9 CSVC và trang thiết bị

Trường/Khoa TC-KT-NH có đầy đủ CSVC và trang thiết bị đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của ngành Kế toán. Phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp; phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị các thiết bị hiện đại; Thư viện có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; Hệ thống CNTT hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH. Nhà trường có khu luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho CBGVNV và SV rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho CBGVNV và SV làm việc và học tập, nghiên cứu.

1.10 Nâng cao chất lượng

Định kỳ 2 năm 1 lần có điều tra khảo sát ý kiến các BLQ để thiết kế và phát triển CTĐT, việc thiết kế và phát triển CTDH được triển khai theo quy trình và hướng dẫn. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ hoạt động tích cực, thường xuyên thu thập thông tin phản hồi về hoạt động dạy học, KTĐG và tất cả các mặt hoạt động của Trường như các hoạt động hỗ trợ,... thường xuyên rà soát, đánh giá và có những biện pháp từng bước cải tiến chất lượng. Khoa TC-KT-NH đã có phong trào NCKH huy động được sự tham gia của GV và SV. Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ đào tạo, cộng đồng, sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1.11 Kết quả đầu ra

Trường/Khoa đã giám sát việc đạt được các tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Phòng QLĐT và Khoa có thường xuyên tìm hiểu phân tích nguyên nhân SV tốt nghiệp muộn và thực hiện các biện pháp hỗ trợ người học nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn. Hoạt động NCKH của SV cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư hơn. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại cần cải tiến của CTĐT ngành Kế toán

2.1 Mục tiêu và CDR của CTĐT

CDR chưa phản ánh kịp thời, đầy đủ các yêu cầu từ các nhà tuyển dụng do sự tham gia của cựu người học và các nhà tuyển dụng trong việc xây dựng CDR còn hạn chế. Khoa TC-KT-NH đã tiến hành hoạt động tìm hiểu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhưng hiệu quả còn hạn chế.

2.2 Bản mô tả CTĐT

Tiến trình đào tạo được mô tả trong bản mô tả CTĐT chưa được linh động, vì vậy chưa đáp ứng nhu cầu học vượt của người học. Các thông tin chi tiết về CTĐT và ĐCHP chưa được công bố hết trên các tài liệu quảng bá về tuyển sinh và trong Sổ tay SV. Các ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng và cựu SV cho việc cải tiến cập nhật chỉ mới tập trung cho CTĐT và CDR, việc góp ý cải tiến, cập nhật ĐCHP còn hạn chế.

2.3 Cấu trúc và nội dung CTDH

Quá trình khảo sát các BLQ ngoài trường (*Nhà tuyển dụng, cựu SV*) về CTDH chưa nhận được nhiều phản hồi và mức độ đóng góp chưa rõ nét. Việc điều chỉnh CTDH có tham khảo các CTĐT tiên tiến nhưng hiệu quả đem lại chưa cao.

2.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Một số GV thỉnh giảng chưa quan tâm lắm đến triết lý giáo dục của Trường để chuyển tải vào các hoạt động giảng dạy cho phù hợp. SV của Khoa chưa thật sự chủ động trong việc tham gia các hoạt động học tập tích cực trên lớp cũng như việc tự học, tự nghiên cứu thêm, chưa thích ứng tốt với các hoạt động tại nơi thực tập.

2.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần so với yêu cầu của các CĐR để có hướng điều chỉnh thích hợp hơn. Số lượng môn học được xây dựng ngân hàng đề thi chung còn khá ít. Còn nhiều SV chưa quan tâm đến các quy định về KTĐG khi được phổ biến, dẫn tới chưa nắm rõ các quy định và chủ động theo dõi kết quả học tập của mình cũng như phản hồi các thắc mắc liên quan.

2.6 Đội ngũ GV, NCV

Tỷ lệ GV có học hàm học vị GS, PGS, TS của Khoa vẫn còn ít. Đội ngũ GV thỉnh giảng đến từ các tổ chức, doanh nghiệp còn chưa nhiều, phần nào hạn chế việc tiếp cận với kiến thức thực tiễn. Năng lực NCKH, trình độ ngoại ngữ của các GV chưa đồng đều. Một số khóa đào tạo bồi dưỡng Nhà trường tổ chức có hỗ trợ kinh phí như Tiếng Anh, số lượng GV tham gia chưa nhiều. Chưa lượng hóa các tiêu chí cụ thể về hoạt động PVCD để quản trị kết quả công việc của CBGVNV. Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế chưa nhiều, chưa có các đề tài NCKH cấp Bộ và cấp Nhà nước.

2.7 Đội ngũ nhân viên

Việc theo dõi, phản hồi và cập nhật nhiệm vụ giữa kỳ bước đầu đã được triển khai nhưng cần tiếp tục được củng cố thường xuyên hơn nhằm gia tăng hiệu quả giám sát. Bên cạnh đó, công tác phân công nhiệm vụ vẫn đang từng bước tích hợp vào hệ thống kế hoạch cá nhân chuẩn hóa theo định hướng của Nhà trường. Một số hoạt động nghiệp vụ hiện còn vận hành theo hình thức bán thủ công, do đó Trường/Khoa cần tăng cường ứng dụng CNTT để hỗ trợ tốt hơn cho công tác lưu trữ, tổng hợp dữ liệu và tra cứu minh chứng phục vụ đánh giá, kiểm định chất lượng trong thời gian tới.

2.8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Số lượng học sinh tham gia đăng ký nhập học tại Trường và ngành Kế toán chưa đạt chỉ tiêu hằng năm. Trường/Khoa TC-KT-NH chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh. Số lượng và loại hình các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa của SV Kế toán chưa phong phú.

2.9 CSVC và trang thiết bị

Công tác quản lý, khai thác sử dụng CSVC, CNTT và các trang thiết bị của Nhà trường và Khoa vẫn còn một số hạn chế. Quy mô thư viện chưa thực sự đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và NCKH của CBGV và SV.

2.10 Nâng cao chất lượng

Số lượng ý kiến phản hồi của các BLQ về quy trình xây dựng, thẩm định CTĐT và CDR chưa nhiều. Số lượng và mức độ quan tâm của các tổ chức nghề nghiệp lĩnh vực Kế toán tham gia đánh giá CTDH ngành Kế toán chưa nhiều. Số lượng đề tài NCKH của SV ứng dụng vào cải tiến việc dạy và học còn hạn chế. Khoa TC-KT-NH chưa tiến hành phân tích sâu về kết quả học tập của SV. Một số phản hồi của các BLQ về CSVC, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

2.11 Kết quả đầu ra

Các loại hình để thu hút và khuyến khích SV NCKH còn chưa đa dạng; chưa có các hoạt động và chính sách hấp dẫn thu hút SV tham gia NCKH.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành Kế toán

3.1 Mục tiêu và CDR của CTĐT

Từ năm 2025-2026, khi rà soát CTĐT, Khoa thực hiện đối sánh với các CTĐT trong nước và nước ngoài để hoàn thiện hơn mục tiêu và CDR của CTĐT. Khoa tiếp tục hoàn thiện công tác nghiên cứu nhu cầu của thị trường lao động, lấy ý kiến của các BLQ khi thiết kế CTĐT, khảo sát về CDR định kỳ với quy mô toàn diện hơn để đảm bảo cho CTĐT của Khoa đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

3.2 Bản mô tả CTĐT

Từ năm học 2025-2026, Khoa tiếp tục công tác điều chỉnh định kỳ 2 năm 1 lần rà soát, điều chỉnh CTĐT, CDR. Trong đó, cập nhật thông tin của ngành vào bản mô tả CTĐT, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo các học phần thuộc các khối kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành, đặc biệt là chuyên ngành cho phù hợp hơn. Xây dựng thêm các kênh tiếp nhận ý kiến đóng góp từ các nhà tuyển dụng về ĐCHP để cập nhật, hiệu chỉnh ĐCHP học phần ngày càng hiệu quả hơn. Nâng cao chất lượng công khai thông tin bản mô tả CTĐT và ĐCHP.

3.3 Cấu trúc và nội dung CTDH

Từ năm học 2025-2026, Khoa sẽ phối hợp cùng Phòng QLĐT rà soát, hoàn thiện CTDH theo định kỳ, cập nhật bám sát CDR của CTĐT; rà soát ma trận CDR của CTĐT và các học phần để thể hiện xem xét sự phù hợp và phân bổ các học phần; hiệu chỉnh PPDH, tăng cường năng lực giao tiếp tiếng Anh cho SV; cập nhật đầy đủ hơn nữa sự phản hồi của các BLQ, trong đó chú trọng phản hồi của nhà sử dụng lao động; Lựa chọn các CTĐT để tham khảo tương đương, phù hợp với bối cảnh ngành Kế toán của Trường.

3.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Từ năm học 2025-2026, Khoa tiếp tục thực hiện công tác truyền thông về triết lý giáo dục của Trường cho các BLQ, đặc biệt là các GV thỉnh giảng một cách sâu sắc hơn qua các hội nghị, hội thảo, các buổi sinh hoạt gặp gỡ của Khoa mỗi học kỳ... Khoa đổi mới các hoạt động dạy và học cho phù hợp hơn với các yêu cầu thực tế; Khoa tổ chức thêm nhiều buổi tọa đàm về phương pháp học tập và NCKH đối cho SV; tăng cường công tác định hướng, hỗ trợ, khơi dậy tính chủ động học tập trong SV; trang bị thêm nhiều kỹ năng mềm để SV có thể tự tin, thích nghi hơn với các hoạt động khi đi thực tế, thực tập.

3.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Từ năm học 2025-2026, Khoa định kỳ tổ chức tổng kết và rà soát mức độ bám sát CDR trong nội dung các bài KTĐG kết quả của người học; tổ chức khảo sát và đánh giá mức độ phù hợp của các loại hình KTĐG từng học phần so với đặc thù ngành Kế toán; xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần của ngành Kế toán. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC kết hợp với P.QLĐT tiếp tục tổ chức tập huấn về công tác tổ chức thi; Có vấn học tập thường xuyên nhắc nhở thái độ, nề nếp thi cử của SV.

3.6 Đội ngũ GV, NCV

Từ năm 2025-2026, Khoa/Trường tăng cường tuyển dụng GV có trình độ chuyên môn cao, đúng chuyên ngành, ưu tiên thu hút các ứng viên là những GS, PGS, TS; đặc biệt chú trọng năng lực NCKH nhằm nâng cao số lượng và chất lượng công bố khoa học quốc tế của Khoa/Trường. Khoa tăng cường khuyến khích GV chủ động học nâng cao trình độ chuyên môn lên Tiến sĩ. Nhà trường sẽ nghiên cứu, xây dựng và lượng

hóa rõ ràng các tiêu chí đánh giá hoạt động PVCD trong bảng đánh giá công tác năm học, đảm bảo phản ánh đầy đủ kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cá nhân GV.

3.7 Đội ngũ nhân viên

Từ năm 2025-2026, Khoa đề xuất Nhà trường tiếp tục có kế hoạch quy hoạch đảm bảo ổn định đội ngũ CBNV; Nhà trường và các đơn vị chức năng tăng cường tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; xem xét lại quy định đánh giá đối với đội ngũ nhân viên nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ bằng cách tăng chỉ tiêu khen thưởng, đa dạng hình thức khen thưởng; tạo điều kiện hơn nữa để đội ngũ nhân viên có thể tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nghiên cứu ứng dụng phần mềm quản lý công việc hoặc nền tảng số hóa để lưu trữ hồ sơ đánh giá, theo dõi tiến độ, minh chứng kết quả và hỗ trợ báo cáo tự động.

3.8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Từ năm học 2025-2026, Khoa/Trường tiếp tục tăng cường công tác truyền thông về tuyển sinh; tổ chức khảo sát thêm ý kiến phụ huynh học sinh về công tác tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh hàng năm. Khoa sẽ phối hợp trong việc cập nhật thêm các thông tin liên lạc của SV và phụ huynh để phục vụ cho quá trình hỗ trợ người học. Khoa phối hợp với các đơn vị sẽ tổ chức thêm các hoạt động phong trào, học thuật, ngoại khóa hấp dẫn hơn và tích cực phổ biến cho SV kịp thời qua tất cả các kênh. Hằng năm, rà soát số SV có nhu cầu đặc biệt, có kế hoạch trang bị CSVC phù hợp và các hoạt động hỗ trợ khác để tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập tại Trường.

3.9 CSVC và trang thiết bị

Nhà trường đang triển khai dự án mở rộng đầu tư CSVC, hạ tầng, trong đó có việc xây dựng thư viện mới, mở rộng hơn về diện tích trong giai đoạn 2025-2030. Từ năm học 2025-2026, Thư viện tiếp tục phát triển đầu sách, tài liệu in và tài liệu điện tử đáp ứng cho việc học tập và nghiên cứu; đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống phần mềm thư viện, liên kết với thư viện điện tử của các CSGD khác, tạo nguồn tài liệu mở cho việc học tập, giảng dạy và NCKH; tăng tính tương tác cao hơn, giúp cho các CBGVNV và SV quan tâm đến có thói quen sử dụng hệ thống thư viện điện tử.

3.10 Nâng cao chất lượng

Từ năm học 2025-2026, Khoa/Trường tăng cường mối liên hệ với các tổ chức nghề nghiệp để tăng cường vai trò của các đơn vị trong việc đóng góp ý kiến xây dựng CTDH. Nghiên cứu ban hành quy định về việc phản hồi thông tin trong nội bộ Nhà Trường để thu thập được nhiều ý kiến phản hồi hơn khi tiến hành đánh giá, rà soát và cập nhật quy trình xây dựng, thẩm định CTĐT và CĐR. Tăng cường khuyến khích SV tham gia NCKH. Nhà trường tạo điều kiện đáp ứng kịp thời các phản hồi của các BLQ về CSVC, tiện ích nếu phù hợp. Tổ chức đánh giá, cải tiến cơ chế phản hồi thông qua kết kênh đối thoại trực tiếp, qua khoa và qua cố vấn học tập,...

3.11 Kết quả đầu ra

Từ năm học 2025-2026, Khoa/Trường tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát kết quả học tập của SV và tích cực hỗ trợ kịp thời các vấn đề SV còn khó khăn, xây dựng kế hoạch cho các SV nợ học phần và nợ chứng chỉ CĐR học tập kịp thời hoàn thành các điều kiện CĐR để giảm thiểu tối đa tỷ lệ thôi học và tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn. Tiếp tục có thêm nhiều chính sách và hoạt động khuyến khích NCKH trong đó có tăng kinh phí dành cho NCKH của SV, tính điểm rèn luyện, điều kiện xét học bổng, nâng cao kỹ năng NCKH cho SV, phát triển các hoạt động Khởi nghiệp... Thực hiện khảo sát các BLQ định kỳ và đối sánh các CSGD khác để phân tích xu thế, đưa ra các nhận định và giải pháp hiệu quả nâng cao mức độ hài lòng của các BLQ.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Phan Thiết.

Mã: DPT

Tên CTĐT: CTĐT trình độ đại học ngành Kế toán

Mã CTĐT: 7340301

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,00	3	100

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								4,00	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4				4,67	3	100
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2				4				4,40	5	100
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1				4				4,71	7	100
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4				4,60	5	100
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5			4,60	5	100
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4				5,00	5	100
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5			4,60	5	100
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5					5			4,60	5	100
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5			4,60	5	100
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5			4,60	5	100
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4				4,60	5	100
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4,50	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6					5					
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								4,40	5	100
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,56	50	100

Bình Thuận, ngày tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Cục Quản lý chất lượng - BGDDT;
- TTKĐCLGD Sài Gòn;
- HĐT, BGH Trường (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.

PGS. TS. Võ Khắc Thường

PHẦN IV. PHỤ LỤC**Phụ lục I****CƠ SỞ DỮ LIỆU****KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 25/6/2025)

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Tiếng Anh: University of Phan Thiet

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: Trường DHPT

Tiếng Anh: UPT

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Số 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Số 02 Đại lộ Võ Nguyên Giáp, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (0252) 2461372-2461373

E-mail: dhphanthiet@upt.edu.vnWebsite: www.upt.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2009

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2009

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2013

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☐ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☒

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Tài Chính - Kế Toán - Ngân Hàng

Tiếng Anh: Faculty of Finance - Accounting - Banking

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa TC-KT-NH

Tiếng Anh: FFAB

14. Tên trước đây (nếu có):

Tiếng Việt: Khoa Tài chính - Ngân hàng

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7340301

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Số 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

18. Số điện thoại liên hệ: (0252) 2461370

E-mail: khoa_tcktnh@upt.edu.vn Website: <http://fab.upt.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2009

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2009

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2013

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

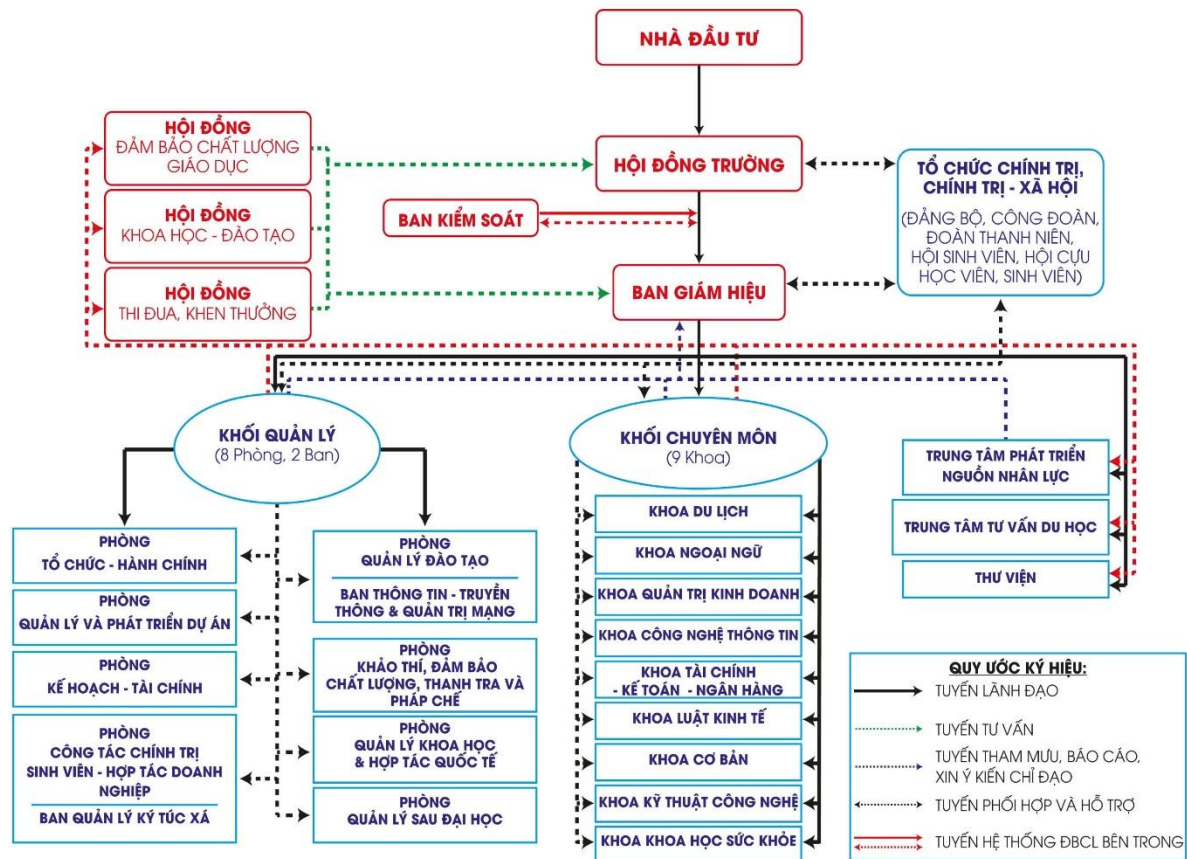
Được thành lập trên cơ sở sáp nhập giữa Khoa Kế toán và Khoa Tài chính - Ngân hàng theo quyết định số 162/QĐ-ĐHPT ngày 15/08/2018 của Chủ tịch HĐQT trường Đại học Phan Thiết. Khoa TC-KT-NH hiện đang đào tạo 02 ngành là Kế toán và Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học, và tiếp tục phát triển các CTĐT. Đội ngũ cán bộ

giảng dạy cơ hữu của Khoa tính đến tháng 6/2025 có 23 CBGV cơ hữu, trong đó có 2 Tiến sĩ, 21 ThS. Ngoài ra, Khoa còn có một số GV thỉnh giảng là các GS, PGS, Tiến sĩ, Thạc sĩ có kinh nghiệm và uy tín cao từ các Viện nghiên cứu, các trường ĐH trong nước và các doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán kiểm toán, tài chính, ngân hàng tại TP. HCM trực tiếp tham gia giảng dạy và NCKH góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa. Khoa đã có các ký kết hợp tác với các doanh nghiệp về phần mềm kế toán như MISA, FAST, AMOTE và các ngân hàng, các doanh nghiệp khác trong đào tạo và hỗ trợ việc làm SV sau tốt nghiệp.

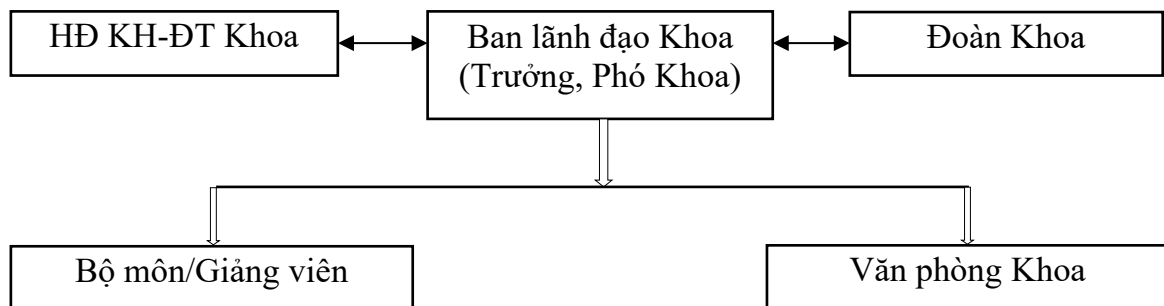
Khoa TC-KT-NH thường xuyên củng cố, phát triển Tổ ĐBCL của Khoa và thực hiện đầy đủ các hoạt động ĐBCL chung của Trường và các hoạt động ĐBCL của Khoa, bộ môn đối với các CTĐT của Khoa phụ trách. Khoa đã đạt kiểm định chất lượng 01 CTĐT đại học ngành Tài chính – Ngân hàng theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành vào năm 2022 do Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh công nhận.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (về sơ đồ riêng).

a) Cơ cấu tổ chức của Nhà trường bao gồm: Hội đồng trường, Ban Giám hiệu (gồm Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng); Hội đồng Khoa học – Đào tạo; Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục; Hội đồng thi đua khen thưởng; 09 Khoa đào tạo (Khoa Cơ bản, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Tài chính - Kế Toán - Ngân hàng, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Luật Kinh tế, Khoa Du Lịch, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Kỹ thuật công nghệ, Khoa Khoa học sức khỏe); 8 phòng và 2 ban thuộc phòng (Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Quản lý và Phát triển dự án, Phòng Quản lý đào tạo (bao gồm Ban Thông tin truyền thông và Quản trị mạng; và Bộ phận Sau đại học), Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng – Thanh tra và Pháp chế, Phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp (có Ban Quản lý Ký túc xá)); Thư viện; 2 trung tâm chức năng (Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực, Trung tâm tư vấn du học) và các tổ chức chính trị - xã hội (Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội cựu Sinh viên và Học viên).



b) Cơ cấu tổ chức Khoa TC-KT-NH



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
Ban giám hiệu						
1	BGH	Võ Khắc Thường	1957	NGUT.PGS.TS, Hiệu trưởng	0903703753	thuongvk@upt.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
2	BGH	Đinh Phi Hồ	1957	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0938170757	dpho @upt.edu.vn
3	BGH	Nguyễn Phước Quý Quang	1974	TS, Phó Hiệu trưởng	0772108899	npqquang @upt.edu.vn
4	BGH	Võ khắc Trường Thanh	1984	TS, Phó Hiệu trưởng	0767896999	thanhvkt @upt.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Khoa TC-KT-NH	Nguyễn Hữu Quyền	1966	TS, Trưởng khoa	0919632832	nhuyen @upt.edu.vn
2	Khoa TC-KT-NH	Nguyễn Thị Toàn	1991	ThS, Phó Trưởng Khoa	0356174097	nttoan @upt.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Đảng bộ	Đinh Phi Hồ	1957	PGS.TS, Bí Thư	0938170757	dpho @upt.edu.vn
2	Đoàn thanh niên	Lê Ngọc Duy	1996	ThS, Bí Thư	0793832868	lnduy @upt.edu.vn
3	Công đoàn trường	Lâm Ngọc Diệp	1958	ThS, Chủ tịch	0983899193	lndiep @upt.edu.vn
4	Hội SV	Lê Ngọc Duy	1996	ThS, Chủ tịch	0793832868	lnduy @upt.edu.vn
III	Các phòng, ban					
1	Phòng QLĐT	Võ Khắc Trường Thi	1983	TS, Trưởng phòng	0783938686	thivkt @upt.edu.vn
2	Phòng CTCTSV&HTDN	Nguyễn Như Trường	1988	ThS, Trưởng Phòng	0981963233	nntruong @upt.edu.vn
3	Phòng TC-HC	Lê Anh Linh	1987	ThS, Trưởng phòng	0938734350	lalin @upt.edu.vn
4	Phòng QLKH-HTQT	Trần Tình	1974	TS, Trưởng phòng	0913754312	ttinh @upt.edu.vn
5	Phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Nguyễn Thị Kiều Vi	1989	ThS, Trưởng Phòng	0388182785	nkvi @upt.edu.vn
6	Phòng KH-TC	Nguyễn Anh Đông	1968	ĐH, Trưởng phòng	0933166766	nadong @upt.edu.vn
7	Phòng QL&PTDA	Nguyễn Phước Quý Quang	1974	TS, Trưởng phòng	0913928990	npqquang @upt.edu.vn
8	Trung tâm	Phạm Thị	1965	TS,	0903823415	ptmhanh

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	PTNNL	Minh Hạnh		Giám đốc		@upt.edu.vn
9	Thư viện	Huỳnh Thị Thanh Hậu	1993	CN, Nhân viên	0902086206	htthau@upt.edu.vn
10	Ban TTTT & QTM	Lương Quốc Vũ	1991	ThS, Trưởng ban	0785253368	lqv@upt.edu.vn
IV	Các bộ môn					
1	BM Kế toán	Bùi Thị Nhân	1983	ThS, Phó Trưởng bộ môn	0972147888	btnhan@upt.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☒
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 02

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT (Khoa TC-KT-NH)

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu ¹ <i>Trong đó:</i>	7	16	23
I.1	Đội ngũ trong biên chế	0	0	0
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	7	16	23
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	-	-	-
	Tổng số	7	16	23

34. Thống kê, phân loại giảng viên (ngành Kế toán)

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	-	-
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	-	-
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	-	-
4	Tiến sĩ	1	0	1	0	-	-
5	Thạc sĩ	14	0	11	3	-	-
6	Đại học	0	0	0	0	-	-
7	Cao đẳng	0	0	0	0	-	-
8	Trình độ khác	0	0	0	0	-	-
	Tổng số	15	0	12	3	-	-

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 15 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

¹Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 34 nhân với hệ số quy đổi (*áp dụng Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	-	-	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	-	-	0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	-	-	0
4	Tiến sĩ	2,0	1	0	1	0	-	-	2
5	Thạc sĩ	1,0	14	0	11	3	-	-	11,9
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	-	-	0
	Tổng		15	0	13	0,9	-	-	13,9

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	1	6,7	0	0	0	0	0	0	1
5	Thạc sĩ	14	93,3	3	11	1	11	1	1	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	15	100	3	11	1	11	1	1	1

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37,6 tuổi.

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 6,7%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 93,3%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	50	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	50	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2020-2021	169	169	0	92	14	19,75	0
2021-2022	211	211	0	120	14	23,1	0
2022-2023	156	156	0	113	15	23,25	0
2023-2024	110	110	0	98	15	-	0
2024-2025	79	79	0	63	15	21,3	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học Trong đó:	303	345	359	328	329
Hệ chính quy	303	345	359	328	329
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: *Đơn vị: người*

	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	5.668,72	5.668,72	5.668,72	5.668,72	5.668,72
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	278	291	286	257	282
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	278	291	286	257	282
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	20.3	19.4	19.8	22	20

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Số lượng (người)	0	0	0	0	1
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	0,3

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	2021	2022	2023	2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	64	52	68	69	47
Hệ chính quy	64	52	68	69	47
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	1	1	0	0	0
Hệ chính quy	1	1	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	2021	2022	2023	2024
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	64	52	68	69	47
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	63,73	58,24	73,12	70,41	51,09
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	42,4	62,2	29,6	73,7	77,5
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	57,6	37,8	70,4	26,3	22,5
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:	76,79	98,08	94,12	91,3	95,74

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	2021	2022	2023	2024
A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	53,49	80,08	90,89	81,78	87,23
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	23,3	18,0	3,23	9,52	6,38
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ)	-	7,6	7,1	7,4	7,9
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	0	38,3	64,8	68,4	-
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	93,9	57,4	33,3	29,8	-
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	6,1	4,3	1,9	1,8	-

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	0	2	1	3	4
4	Tổng		1	0	1	0,5	1,5	4

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 4,0

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,17

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020-2025	0	0	0

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	18	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	18	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	1	0	2
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		0	0	0	2	0	2

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 2,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,09

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	2	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	0	0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	1	4	0	7,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	4	8	9	12	13	46
3	Tạp chí/ tập san của cấp trường	0,5	0	1	0	0	6	3,5
	Tổng		4	8,5	10,5	18	16	57

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 57

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,48

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí/ tạp san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	5	20	7
Từ 6 đến 10 bài báo	0	6	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	7	1
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	5	33	8

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	2	1	3	1	7
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	2	1	1	1	2,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	2	0	1	11	3,5
4	Tổng		0	3,5	1,5	3,75	4,25	13

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 13

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,57

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	4	9	17
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	9	17

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020-2025	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	0
Trên 6 đề tài	0	0	0	0
Tổng số người học tham gia	0	0	0	0

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	4	7	6

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 119.875,9

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²):
119.875,9

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 3.325 Nơi học: 9.717 Nơi vui chơi giải trí: 2.400

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

Tổng diện tích phòng học: 9.717

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,67

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 305

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

Dùng cho hệ thống văn phòng: 3

Dùng cho người học học tập: 271

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,09

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 15

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 6,7

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 93,3

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 329

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 21,9

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 51,09

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 77,5

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 22,5

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 95,74%

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 87,23

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 6,38

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 7,9

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 68,4

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 29,8

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,17

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,09

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,48

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,57

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,09

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,67

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 20 m²/người.

Phụ lục II

CÁC TƯ LIỆU, TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, nhóm chuyên trách; Kế hoạch TĐG (kèm theo file hình ảnh)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 70 /QĐ-ĐHPT

Bình Thuận, ngày 15 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học
chính quy ngành Kế toán

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 25/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phan Thiết;

Căn cứ quyết định số 134/QĐ-ĐHPT ngày 02/4/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Phan Thiết;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trường khoa Khoa Tài chính - Kế toán - Ngân hàng và Trường phòng Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Kế toán gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Kế toán theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.



PGS.TS. Võ Khắc Thường



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KẾ TOÁN**

*(Kèm theo Quyết định số 70 /QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Phan Thiết)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Võ Khắc Thường	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	PGS.TS. Đinh Phi Hồ	Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy Trường	Phó Chủ tịch
3	TS. Nguyễn Hữu Quyền	Trưởng Khoa Tài chính - Kế toán - Ngân hàng (TC-KT-NH)	Phó Chủ tịch
4	ThS. Nguyễn Thị Toàn	Phó Trưởng Khoa TC-KT-NH	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế (KT-ĐBCL-TT&PC)	Thành viên - Thư ký
6	ThS. Bùi Thị Nhân	Phó trưởng bộ môn, Khoa TC-KT- NH	Thành viên
7	ThS. Trần Thị Hồng Diễm	Giảng viên Khoa TC-KT-NH	Thành viên
8	ThS. Lê Thị Tú Trinh	Giảng viên Khoa TC-KT-NH	Thành viên
9	TS. Võ Khắc Trường Thi	Trưởng phòng Quản lý đào tạo (QLĐT)	Thành viên
10	ThS. Lê Anh Linh	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC)	Thành viên
11	TS. Trần Tinh	Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT)	Thành viên
12	ThS. Nguyễn Như Trường	Trưởng phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp (CTCTSV&HTDN)	Thành viên
13	Nguyễn Ngọc Trúc Vy	Đại diện Sinh viên ngành Kế toán	Thành viên

(Danh sách gồm có 13 người).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
 (Kèm theo Quyết định số 70/QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Trưởng Ban
2	Trần Phúc Ngón	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
3	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
4	Trần Minh Quân	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
5	Nguyễn Anh Thư	Phó trưởng bộ môn, Khoa TC-KT-NH	Thành viên
6	Đỗ Thị Minh Quyên	Giảng viên Khoa TC-KT-NH	Thành viên
7	Phan Thị Thanh Thúy	Giảng viên Khoa TC-KT-NH	Thành viên
8	Nguyễn Thị Thảo	Trợ lý Khoa TC-KT-NH	Thành viên
9	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
10	Võ Đức Nhân	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
11	Nguyễn Thị Minh Nga	Phó Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
12	Trần Mai Mỹ Hòa	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
13	Lương Hoài Trinh	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
14	Phạm Ngọc Linh Chi	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
15	Nguyễn Kim Long	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
16	Nguyễn Hữu Hà	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
17	Vũ Thụy Diễm Chi	Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT	Thành viên
18	Huỳnh Thị Thanh Hậu	Nhân viên Thư viện	Thành viên
19	Nguyễn Minh Thanh	Nhân viên phòng KH-TC	Thành viên

(Danh sách gồm có 19 người).



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số 40/QĐ-DHPT ngày 15 tháng 03 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, 3			
1	Bùi Thị Nhân	Phó trưởng bộ môn, Khoa TC-KT-NH	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Anh Thư	Phó trưởng bộ môn, Khoa TC-KT-NH	Thành viên
3	Nguyễn Thị Minh Nga	Phó Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
Nhóm 2: Phụ trách tiêu chuẩn 4, 5, 10			
1	Nguyễn Thị Toàn	Phó trưởng Khoa TC-KT-NH	Nhóm trưởng
2	Lê Thị Tú Trinh	Giảng viên Khoa TC-KT-NH	Thành viên
3	Trần Mai Mỹ Hòa	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
4	Lương Hoài Trinh	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
5	Trần Phúc Ngón	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
Nhóm 3: Phụ trách Tiêu chuẩn 6, 7, 9			
1	Trần Thị Hồng Diễm	Giảng viên Khoa TC-KT-NH	Nhóm trưởng
2	Phan Thị Thanh Thúy	Giảng viên Khoa TC-KT-NH	Thành viên
3	Nguyễn Thị Thảo	Trợ lý Khoa TC-KT-NH	Thành viên
4	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
5	Võ Đức Nhân	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
6	Vũ Thụy Diễm Chi	Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT	Thành viên
7	Huỳnh Thị Thanh Hậu	Nhân viên Thư viện	Thành viên
8	Nguyễn Minh Thanh	Nhân viên phòng KH-TC	Thành viên
Nhóm 4: Phụ trách Tiêu chuẩn 8, 11			
1	Trần Thị Hồng Diễm	Giảng viên Khoa TC-KT-NH	Nhóm trưởng
2	Đỗ Thị Minh Quyên	Giảng viên Khoa TC-KT-NH	Thành viên
3	Phạm Ngọc Linh Chi	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
4	Nguyễn Kim Long	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
5	Nguyễn Hữu Hà	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
6	Trần Minh Quân	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
Chịu trách nhiệm rà soát toàn bộ nội dung của BCTĐG và viết Phần mở đầu, Phần kết luận của BCTĐG:			
1	Nguyễn Hữu Quyên	Trưởng Khoa TC-KT-NH	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Thị Toàn	Phó Trưởng Khoa TC-KT-NH	Thành viên
Phụ trách kết nối Danh mục Minh chứng, tổng hợp các Phụ lục, theo dõi tiến độ để báo cáo HĐTĐG, lãnh đạo Nhà trường và các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá ngoài CTĐT:			
1	Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Trưởng Ban Thư ký
2	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên

(Danh sách gồm có 24 người)/.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 120 /KH-ĐHPT

Bình Thuận, ngày 17 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH KẾ TOÁN

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký KĐCLGD.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn TĐG và ĐGN CTĐT; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng ban hành Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học chính quy ngành Kế toán được thành lập theo Quyết định số 70/QĐ-ĐHPT ngày 15/02/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết, Hội đồng gồm có 13 thành viên (Danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký: Phụ trách kết nối giữa Hội đồng Tự đánh giá (TĐG) và các nhóm chuyên trách, tổng hợp các báo cáo và phân danh mục minh chứng các tiêu chuẩn/tiêu chí, tổng hợp các phụ lục, rà soát hình thức báo cáo và các hoạt động hỗ trợ khác phục vụ cho đánh giá ngoài CTĐT.

b) Các nhóm công tác, cá nhân

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Nhóm 1 (Bùi Thị Nhân – Phó trưởng bộ môn, Khoa TC-KT-NH –	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng từ tháng 02-06/2025;	- Các nhóm chuyên

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
		Nhóm trưởng)		
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 10	Nhóm 2 (Nguyễn Thị Toàn – Phó trưởng Khoa TC-KT-NH – Nhóm trưởng)	- Bổ sung minh chứng kết quả khảo sát SV sau tốt nghiệp, bổ sung minh chứng sau góp ý của Hội đồng TĐG từ tháng 06-07/2025.	trách đề xuất thêm khi cần.
3	Tiêu chuẩn 6, 7, 9	Nhóm 3 (Trần Thị Hồng Diễm – Giảng viên Khoa TC-KT-NH – Nhóm trưởng)		
4	Tiêu chuẩn 8, 11	Nhóm 4 (Trần Thị Hồng Diễm – Giảng viên Khoa TC-KT-NH – Nhóm trưởng)		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá (nếu có)

1. Thời gian: Đã tập huấn ngày 26/11/2024 theo kế hoạch số 650/KH-ĐHPT ngày 21/11/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết. Hội đồng Tự đánh giá, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ tiếp tục hướng dẫn lại quy trình, biểu mẫu, nghiệp vụ cho các nhóm chuyên trách trong quá trình TĐG theo kế hoạch này.

2. Thành phần: Ban Giám hiệu, các tổ ĐBCL các đơn vị, giảng viên, nhân viên các khoa, phòng, ban của Trường.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Phổ biến các quy định về ĐBCL, KĐCL CSGD và CTĐT; Giới thiệu các nội dung liên quan trên phần mềm Quản lý hệ thống bảo đảm và KĐCLGD của Bộ GDĐT; Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường; Quy trình TĐG CSGD và CTĐT, các biểu mẫu kèm theo; Hướng dẫn thực hiện phân tích tiêu chí, tìm thông tin minh chứng; việc số hóa minh chứng; thảo luận, chia sẻ các đơn vị.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	- Phân công nhiệm vụ cụ thể trong nội bộ mỗi nhóm;	- Nhân lực theo Hội đồng và các nhóm chuyên trách đã thành lập; - Tạo điều kiện về thời gian để các cán bộ được giao nhiệm vụ thực hiện; - Các máy in, máy scan, photo sử dụng tại các đơn vị cần được khắc phục sự cố kịp thời (nếu có) trong quá trình tăng cường sử dụng để chuẩn bị, sắp xếp minh chứng, in các báo cáo,...; - Hệ thống mạng nội bộ, dữ liệu trực tuyến nội bộ cần được khắc phục sự cố kịp	Tháng 02-7/2025 và theo đề xuất của các nhóm chuyên trách, Hội đồng TĐG khi cần.	Các nhóm chuyên trách đề xuất thêm trong quá trình thực hiện nếu cần.
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 10	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin minh chứng;			
3	Tiêu chuẩn 6, 7, 9	- Viết báo cáo TĐG tiêu chí, tiêu chuẩn;			
4	Tiêu chuẩn 8, 11	- Đóng góp ý kiến chỉnh sửa/cải tiến ngay những nội dung có thể khắc			

RÚC
ĐẠI
HẠNG

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
		phục được để bổ sung vào báo cáo TĐG; - Tổng hợp hoàn thiện báo cáo TĐG và chuẩn bị cho đánh giá ngoài.	thời (nếu có) để chia sẻ, lưu trữ minh chứng và tổ chức các hoạt động TĐG trực tuyến; - Kinh phí để đầu tư cải thiện cơ sở vật chất/ các cải tiến khác có thể cải tiến được ngay khi phát hiện sau TĐG (nếu có); - Kinh phí cho Hội đồng, các nhóm thực hiện (theo đề xuất của Hội đồng và chỉ đạo của BGH); - Kinh phí cho các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá ngoài.		

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu có)

Các nhóm chuyên trách tự xác định và đề xuất thông qua Phòng KT-ĐBCL-TT&PC đối tượng, thời gian thực hiện và các hoạt động hỗ trợ (nếu có).

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG (nếu có)

Theo chỉ đạo của Hội Đồng trường, Ban Giám hiệu (nếu có).

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí, phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng (để riêng ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 (từ ngày 10/02 đến ngày 15/02/2025)	1. Hội BGH và Trường/phó các Khoa thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Hội Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 2 – 3 (từ ngày 17/02 đến ngày 01/03/2025)	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Hội Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT;

4
NG
IQC
THIẾ

Thời gian	Nội dung hoạt động
	- Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của Khoa TC-KT-NH); - Trình Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch TĐG.
Tuần 4 – 8 (từ ngày 03/3 đến ngày 05/4/2025)	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 – 13 (từ ngày 07/4 đến ngày 10/5/2025)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 14 – 16 (từ ngày 12/5 đến ngày 31/5/2025)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét báo cáo của từng tiêu chuẩn do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 17 – 18 (từ ngày 02/6 đến ngày 14/6/2025)	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT thảo luận với các bộ môn, phòng, ban,... về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19 – 21 (từ ngày 16/6 đến ngày 06/7/2025)	1. Công bố bản dự thảo BCTĐG trong nội bộ Nhà trường và Khoa TC-KT-NH. 2. CBGVNV, người học,... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.
Tuần 22 – 23 (từ ngày 07/7 đến ngày 15/7/2025)	1. Hội đồng tự TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện (nếu có); 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét phê duyệt.
Tuần 23 – 25 (từ ngày 16/7 đến ngày 31/7/2025)	1. Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho Cục QLCL, Bộ GDĐT. 2. P.KT-ĐBCL-TT&PC, Khoa TC-KT-NH bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã MC đã ghi trong báo cáo TĐG; 3. Theo dõi kết quả phản hồi báo cáo TĐG từ Cục QLCL và đăng ký ĐGN.

Nơi nhận:

- HĐT, BGH (để báo cáo);
- Hội đồng TĐG (để thực hiện);
- Khoa TC-KT-NH (để thực hiện);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Võ Khắc Thường

- Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG (kèm theo)./.